

NAM PHONG

VĂN - HỌC KHOA - HỌC TẠP - CHÍ

QUAN CỔ-THỦ-TƯỚNG PHÁP CLEMENCEAU

Cái đời quan cổ-thủ-tướng Pháp GEORGES CLEMENCEAU là một đời rất đầy-dủ hoạt-động, vậy mà người đời sau nói đến tên ngài có lẽ chỉ nhớ đến cái công-nghiệp hiền-hách của ngài trong hồi Âu-chiến vừa rồi mà thôi. Ngài ra cầm quyền Thủ-tướng vào năm 1917, đến cuối năm 1918 thì quân Đức xin dinh-chiến, Đồng-minh được toàn-thắng, cử-quốc qui công cho ngài, đời sau chắc nhớ ơn mãi mãi. Trong một cuộc đời thắng-trầm cũng lắm, làm nhiều điều đáng cho lịch-sử khen mà cũng có việc đáng cho lịch-sử chê, tỏ ra một cái nhân-cách lối-lạc phi-thường, suốt đời hăng-hái, mà đến lúc vẫn-niên, tuổi đã ngót 80, lại còn phán-thân nỗ-lực ra cứu cho nước lúc gian-nguy nữa, nhân-vật như thế, cõi-kim phòng đã được bao !

GEORGES CLEMENCEAU sinh ngày 28 tháng 9 năm 1842 ở một làng nhỏ quận Vendée, là làng Mouilleron-en Pareds, vốn là một nhà cổ-cựu ở miền đó. Trong họ hàng naièu người chuyên nghè làm thuốc, cụ thân-sinh cũng làm thuốc. Vậy sau khi tốt-nghiệp ở trường Trung-học thành Nantes, ông cũng ra Paris để theo khoa y-học. Cái phong-trào tư-tưởng đời bấy giờ là trọng về khoa-học, thiên về vật-chất; ông hấp-thụ cái không-khi đó mà tự lấy những tư-tưởng đó làm triết-lý cho mình. Về sau tuy có tùy sự kinh-lịch mà thay đổi một đỗi chút, nhưng đại-khai cái triết-lý đó vẫn giữ cho đến giờ. Một nửa thế-kỷ về sau, năm

1926, ông xuất-bản một bộ sách vĩ-dai để là « Cảnh chiều của triết-lý » (*Au soir de la pensée*), khác nào như lời di-chúc về tư-tưởng của ông, trong sách đó vẫn còn phảng-phất những cái khuynh hướng lúc thiển-thời.

Chính trị của ông cũng phôi-that từ hồi mới ra học ở Paris đó. Bấy giờ là đời vua Nã phà-luân thứ ba, trong sứ-gọi là Đệ-nhị Đế-chinh. Ông cụ-thần-sinch thuở nhỏ được biết nhiều truyện về đời Cách-mệnh, khi ông ở nhà vẫn thường kể lại cho ông nghe, cho nên trong nhà ông đã sẵn có cái không-khi tự do bình-dâng vậy. Ông niềm-cái không-khi đó từ thuở nhỏ, nên lớn lên đã sẵn có cái khuynh-hướng phản-dối đế-chinh. Khi mới ra Paris năm 1860, công-nhiên vào đảng phản-dối. Năm 1862, làm báo công-kịch, bị một thằng tù. Sau đó đi du-lịch nước Anh, nước Mĩ, hồi trận Pháp-Phổ năm 1870 mới về nước. Giàu lòng yêu nước, không chịu để cho nước phải thất-bại, muốn chiến-tranh cho kỵ-cùng. Sau vi chiến-bại đế-chinh phải khuynh-dảo, vua Nã-phà-luân phải chạy trốn, trong nước liền tuyên-bố dân-quốc. Cái nguyện binh-sinh của ông đã thành, ông rất hăng hái cõi-võ, được dân bầu làm thị-trưởng chợ Montmartre. Bấy giờ quân Đức tiến vào Paris, chính-phủ phải thiêu ra Bordeaux, ông không chịu ở Bordeaux, nhất-quyết ra Paris, giữa khi kinh-thành nồi loạn, suýt nữa bị hại đến thân,

Xem một đoạn lịch-sử đó là hồi ông mới đem thân ra hiến với đời đã rõ cái tinh-cách của ông rồi. Hăng-hái, quả-quyết, tự-phu, cương-cường, nhiệt-thành giữ cái chủ-nghĩa cá-nhân, khi nào viết văn hay diễn-thuyết mới dùng đến lý-luận còn khi hành-dòng thi tùy-cơ ứng biến, trực-tiếp xù-sự, không quản gì lý-thuyết cả, vốn cũng có bụng bắc-âi thương người, nhưng đối với cái hư cái-dại của người đời thi nhất-quyết không dung, đã chiến đấu với ai thi chua-eay độc-địa, có cái tri phê-bình tinh-nhuệ, và có cái tinh-thảng-thích bất-cơ, dù gặp cơ-hội nào mặc lồng, mệt lồng một dạ yên nước thương nói; đó là cái bức ảnh tâm-lý của ông vào khoảng 30 tuổi, mà về sau này 80 tuổi ông cũng vẫn thế. Các việc xảy ra trong đời, sự-nghiệp công-danh của ông, chẳng qua cũng là do cái nhán-cách hùng-cường tiếp-xúc với thời-thế cơ-hội mà phát-sinh ra vậy. Cái đặc-sắc của đời ông, chính là ở cái nhán-cách phi-thường đó.

Từ năm 1875, đời ông là liền với cả cái đời chính-trị của nước Pháp. Làm hội-viên thành-phố tự năm 1871, đến năm 1875 thi làm chủ-tịch hội-dồng thành-phố Paris, sau được bầu làm nghị-viên tại quốc-hội. Ở Nghị-viện thường đứng vào phe cấp-tiến. Ông lập von ông nghị - viên CAMILLE PELLETAN một tờ báo đặt tên là « Công-ly » (*la Justice*), là báo cơ-quan cho đảng cực-tả hồi bấy giờ. Ở Nghị-viện ông hết sirs phản-dối chiến-dẫu với các Nối-các ôn-hoa. Một tay ông dành dò không biết bao nhiêu Nối-các. Đã có lần ông suýt được bầu làm nghị-trưởng, nghị-viên MÉLINE được thắng chỉ vì hơn tuổi mà thôi. Bấy giờ ông 50 tuổi. Các đảng đều ghê sợ vì ông có tài, có dởm, có nghị-lực và có mạo-hiềm. Kể dấy rỗi trong nước xảy ra mấy việc tai-tiếng về tài-chính, như việc cõi phản công-li *Panama*, vân-vân, nhì-

chinh-trị nhiều người bị cáo, dư-luận sôi-nổi lên một hồi. Ông vốn có nhiều kẻ thù, muốn thưa-cơ làm hại ông, nghị-viên DÉROUÈDE ra công-kích, ông bị thua kỵ-tông-tuyền cử năm 1893.

Nhưng ông không phải là người chau-tuần ở chốn nghị-trưởng mới trò được tài hoạt-bát. Tình ham du lịch, tra đọc sách và chơi dò ngoạn-vật, nhất là thích về văn-chương mĩ-thuật đời cổ-dai Hi-lạp, phàm các hiện-tượng trong trướng hoạt-dòng của loài người, là ông muốn tìm-tòi quan-sát, nên chịu năm ở ngoài Nghị - viện chuyên nghề làm báo cũng đủ hàn thi-giờ. Ông viết văn không bằng diễn-thuyết, nhưng lời văn của ông có lý-luận, có hoạt-bát, có giọng hùng hồn, có tài mẫn-tiệp. Nhiều bài ông viết trong báo « Rạng-dong » (*Aurore*) từ năm 1897, hồi dư luận đương nôn-nao về cái án Dreyfus, tỏ ra ông là một tay viết báo rất hăng-hái kịch-liệt, chủ-nghĩa có lẽ không được thống-nhất cho lắm, nhưng cảm-giác rất mạnh - bạo và nghị-luận rất dường-dot. Xem các bài báo của ông thi thấy chan-chứa những tư-tưởng cấp-tiến, lộ ra cái khuynh-hướng phản-dối giáo-hội, bài - bác quân-phiệt, công-kích giai-cấp, phảng-phất có cái ý-vị lãng-mạn dời Cách-mệnh. Vậy mà lại thường chế-nhạo đảng xã-hội, tỏ ra một người rất hanh-tự-do, không chịu cầu-thúc, nhưng thủy-chung vẫn một lòng ái-quốc, phàm điều gì quan-hệ đến việc quốc-phóng là thiêng-tha châm-chút lâm.

Một nhân-vật hăng-hái lối-lạc như vậy không ai có thể đoán trước được sự-nghiệp thế nào. Năm 1902 ra ứng-cử Thượng-nghị-viên được bầu làm nghị-viên quận Var. Bấy giờ lại xuất-tịch ở Nghị-viện, thiên-hạ cũng không biết cái chi ông định làm gi. Nhìn cơ-hội mà sự-nghiệp ông lại xoay ra một phương-diện mới. Tay nghị-viên về đảng phản-dối trước, nay sắp ra làm

quan Thượng-thứ. Năm 1906 ông lãnh chức Nội-các tông-trưởng trong Nội-các SARRE, rồi cách mấy tháng sau làm tông-ly Nội-các. Ông cầm quyền trong 30 tháng, thật là một thời-kỳ dài-sự, trong nước chỉ những việc thay đổi-công với những việc các đảng tranh-giành nhau về tôn-giáo. Hồi đó ông có công đệ-nhất, là giữ được quốc-thể cho nước Pháp Nhân việc Ma-lac-kha, Pháp với Đức vẫn đã găng nhau bấy lâu. Thủ-tướng Đức BULOW muốn gây sự rắc-rối về ngoại-giao. Ông lấy cái thái-dộ rất cương-quyết mà đối-phó, nhất-dịnh không chịu để cho tồn đến quốc-thể; sau Đức phải thôi.

Tự do về sau, ông vẫn lấy một cái lòng thờ nước, giữ danh-dự cho nước đó, làm tôn-chí cho đời ông. Năm 1909, Nội-các ông bị đồ, ông liền xoay ra làm bảo diên thiuyết, đem lời nói ngọn bút mà phụng-sự việc nước. Không đứng hẳn về đảng-phái nào, tùy cái thiên-kiến hay bụng yên ghét nhất-thời mà thay đổi luân, có khi đương phe nọ chạy sang phái kia là thường. Chỉ có một lòng trung-ái với nước, là thủy-chung như-nhất. Ông phản đối ông POINCARÉ, hồi ông này ra ứng-cử Giám-quốc hết sức công-kích, nhưng trong cuộc Âu-chiến sau này lại hiệp-tác với ông POINCARÉ. Ông vẫn chủ-trương cái luật bình-dịch hai năm, nhưng sau thấy nguy-hiểm cho việc quốc-phòng, liền xoay ra chủ-trương luật ba năm. Trước vẫn không có ác-cám gì với ông CAILLAUD, nhưng sau việc phản-tranh ở Ma-lac-kha, thấy ông này làm Ngoại-vụ-tông-trưởng có ý nhượng-bộ với Đức, lại muôn thương-thuyết để cắt đất cho Đức, ông liền phản đối rất kịch liệt, khiến cho ông CAILLAUD phải từ chức, rồi hôm sau cả Nội-các phải đồ.

Dến khi nỗi việc chiến-tranh năm 1914, trong ba năm đầu ông đứng ngoại-cục, chỉ viết báo để giám-dốc

Chính-phủ cùng dư-luân, giữ cái địa-vị như một chức "ngự sỹ" đứng dàn-hặc, mà dàn-hặc một cách rất nghiêm-khắc, các nhà cầm quyền đều lấy làm ghê sợ. Thấy lầm-lỗi điều gì, là liền đứng lên tố-cáo. Trong khoảng năm 1917, thấy cuộc chiến-tranh diễn-man ra mãi, trong dàn-gian đã có ý chán-nản, có kẻ thừa-cơ, có lẽ bị ngoại-quốc lợi-dụng, cõi-dộng gây ra cái «tâm-ly chiến - bại» (*désaltisme*), khiến cho quân-linh ngã lòng; ông biết nguy cho nước, liền hết sức hô-hào để cảnh-tỉnh quốc-dân, kích-thích dư-luân, Nhất-diện viết trong các báo, nhất-diện diễn-thuyết tại Nghị-viện, làm cho chấn-dong cả toàn-quốc. Kế đó Nội-các PAINLEVÉ đồ, Giám-quốc POINCARÉ quên cả nỗi tư hiềm, ngày 16 tháng 11 năm 1917 với ông lập Nội-các mới. Có mấy giờ đồng-hồ, ông lập Nội-các xong, liền ra cầm quyền chính-phủ, chủ-trương việc chiến-tranh.

Bấy giờ ông đã bảy-mươi-sáu tuổi. *Lão nhì lich trang*, chí-khi ông lại càng cương-cường hơn xưa. Ông quả-quyết cho được chiến-thắng mới nghe. Ông quyết rằng trả-ngai thế nào cũng đoạt cho được, hi-sinh đến đâu cũng sẵn lòng chịu, và sai-lầm điều gì sẽ thắng trị ngay. Ông quyết như vậy, và quốc dân cũng tin như vậy. Thấy ông ra cầm quyền là cái biếu-hiệu rằng cuộc chiến-dấu sẽ hết sức theo đuổi cho đến thành-công. Ông có oai-quyền, ông có nghị-lực, ông lại tiêu-biểu cái lịch-sử dời cách-mệnh là lịch-sử nước Pháp giữa hồi nội loạn mà gặp ngoại-hoạn cũng biết dùng những kế-hoạch rất cương-quyết để đối-phó, nên ông chấn-dong kích-thích cả quốc-dân, khiến cho một lòng một dạ mà đối với ngoại-dịch. Ông truyền cho các võ-tướng như Foch, như PÉTAIN, cứ việc mà đánh giặc cho kỳ được, không phải quản đến cái ảnh-hưởng việc chiến-tranh đối với Nghị-viện hay đối

với dư-luận thế nào cả. Bấy giờ thật là một tay tướng-quốc hoàn-toàn, cầm cân nảy mực cho quốc-gia, hết thảy ai ai cũng phải sợ phải phục. Sự-nghiệp ông hồi ấy trang-nghiêm vĩ-dại vô-cùng, đáng được quốc-dân đời đời sùng-bái.

Giữa lúc ông ra cầm quyền chính-phủ, thời-cục rất nguy. Nước Nga đã bị dồn-dìa. Nước Ý cũng bị xiêng-liềng. Pháp thi quân-dội đã hao mòn. Mĩ thi chưa thấy rực-rịch sang giúp. Khi-giờ, quân-lượng, tài-chinh, đều có vẻ quẫn-bách cả. Tình-thế thật là gian nan. Ông liền đem các vấn-dề lần lượt giải-quyết. Ông chủ-trương liên-lạc các cơ-quan, cù-tập các sức mạnh, nhất-thiết chính-dốn hết. Bấy giờ mới đến thời-kỳ nguy-cấp nhất, khốn-nạn nhất. Chiến-tuyến của quân Anh bị nung; trận *Chemin des Dames* chết hại nhiều, làm cho Nghị viện náo-dộng; thành Paris có cơ nguy đến nơi, đêm tầu bay Đức đến thăm, ngày đại bác Đức bắn « bom ». Nước Pháp có lẽ nguy-vong đến nơi. Ông quả-quyết phản-chấn, không để bung hoài nghi một giây phút. Nhất-thiết yên-ủi nhân-tâm, đốc-suất mọi việc, rất cẩn-mẫn, rất hoạt-dộng. Ông cố diều-dịnh thương-thuyết cho các nước đồng-minh công-nhan cái thuyết « tướng-lệnh duy-nhất » (*commandement unique*) mà cử thống-soái Foch làm tổng-soái cả các quân Đồng-minh. Ông cảnh-cáo cho Nghị-viện biết sự nguy-hiểm mà đừng ngần-trở cho chính-phủ khó làm việc. Ông trùng-trị một cách rất nghiêm-nhặt những kẻ can tội ám-mưu phản-quốc. Ông ngăn-cản cho các đảng cách-mệnh không quay rồi được, cùng những kẻ hoài-nghi không truyền-bá được những tin lầm cho người ta ngã lòng, hoặc xui-giục nên châm-chước giảng-hòa không đợi quyết-chiến. Ông thiết kế phòng-bị cả mọi đường rồi, bấy giờ chỉ khăng-khăng một mực, đánh cho kỳ được. Dành mãi cho đến tháng 6

năm 1918, bấy giờ tình-thế đã khá hơn, thống-soái Foch bèn đòi thế thủ ra thế công, đánh gián mای trận, khiến cho quân Đức phải lui, rồi phải chạy, đến phải chịu thua mà xin đình-chiến. Bấy giờ ông ra giữa quốc-hội tuyên-bố cho quốc-dân biết rằng : « Hai châu Alsace-Lorraine bị cắt-nhường năm nọ, nay sắp phục-hồi mẫu-quốc ! » Thế là cái mộng phục-thù bình-sinh của nhà lão-dại chí-sĩ, lúc thiêu-thời đã mục-kích cái cảnh rất đau lòng là cảnh cắt đất dâng giặc, nay thực-hành được trọn-vẹn vậy.

Thiên-hạ nghị-luận thường nói rằng giá ông CLEMENCEAU sau khi đình-chiến ngày 11 tháng 11 năm 1918 rồi thôi không cầm quyền chính phủ nữa, cáo lui để về nhà dưỡng-lão, thì thật là toàn danh-dự. Ông lại ở lại chủ-trương việc nghị-hòa nữa, để cho sau này có người phảm-binh dị-nghị được. Nói thế có lẽ không được đúng lắm. Nước Pháp có đáng tiếc là đáng tiếc rằng ngay sau khi đình-chiến không mở cuộc nghị-hòa mà ký hòa-ước ngay, lại để giùng-giằng ra mãi, Đồng-minh cãi - cọ nhau, đến không ai được hưởng toàn lợi chiến-thắng cả. Còn chính hòa-ước thi vẫn không được mẫn-nguyên cho nước Pháp, nhưng phải biết sự-thế đã đến thế, thi tung-sứ không phải tay ông mà tay người khác đứng chủ-trương nữa, cũng khó lòng hơn được, khó lòng theo được đúng như lời bàn của Thống-chế Foch mà cưỡng lại với lời yêu-cầu của Đồng-minh. Chắc ông cũng tự-phụ rằng ông đã có công làm được chiến-thắng thi ông có quyền thảo-luận được với nước Anh và nước Mĩ. Vả ý-kien ông cũng đại-khai giống với ý-kien Giám-quốc Mĩ Wilson về cái thuyết-giải phóng các dân-tộc. Không ngờ sau khi đình-chiến, trong cuộc nghị-hòa các Đồng-minh thảo-luận với nhau, nước nào lại giữ cái cỗ-thái của nước

ấy, Pháp thi đè cho việc nội-chinh can-thiệp vào, còn Anh Mĩ thì lại giờ những lối ngoại-giao cũ xưa nay, thành ra ý-kiến phân-vân, khó lòng cho hòa hợp được.

Trong cuộc nghị-hòa, chủ-y ông là ở hai điều : một là đóng quân ở hạt Rhénanie để làm cách dàn-áp cho Đức phải thi hành hòa-ước, đóng trong một hạn 15 năm, nếu có sự rắc-rối thi đóng quân thêm hạn nữa, hay dã triệt quân về rồi có thể lại đè quân sang nữa ; hai là ký với Anh Mĩ một bản hiệp-ước đảm-bảo cho Pháp để phòng-bị mặt sông Rhin, hiệp-ước này Giám-quốc Wilson hứa sẽ yêu-cầu cho Nghị-viện Mĩ duyệt-y. Thuộc về hai khoản đó, việc xảy ra về sau thành ra trái hẳn với ý-nguyên nước Pháp. Nghị-viện Mĩ bác hòa-ước Versailles và cũng không xét đến hiệp-ước đảm-bảo nữa. Đến năm 1924 lại xướng lên cái chính-sách « thanh-ly việc chiến-tranh » (*Liquidation de la guerre*), nghĩa là có điều-dịnh châm-chước cho kết-liệu hẳn cuộc chiến-tranh, không đè cho cái ánh-hưởng xấu còn rây-rưa lại nữa, thành ra quân đóng ở Rhénanie chưa hết hạn đã vội cho triệt-hồi về sớm. Thế là cả cái mưu-lược của CLEMENCEAU bị diến-dảo hết.

Trong tri-ông thi hòa-ước ký đó là gồm cả một cái chính-sách có thùy-có chung, phải chuyên-tâm mà theo đuổi cho đến cùng, không ngờ linh-thể lại xoay ra một cái chính-sách khác hẳn. Ông tưởng ông đã ký ước thi ông còn đứng vững đè đốc-snất việc thi-hành. Hốt-nhiên tinh-thể bắt-buộc ông phải lui về. Bấy giờ chức Giám-quốc vừa hết hạn, trong nước đương xôn-xao bầu quan Giám-quốc mới. Ông cũng có chí muốn ra ứng-cử, không phải tuổi già còn có hào-hắc chí, nhưng muốn thử lòng dân xem thế nào. Ngày 16 tháng giêng năm 1920, Thượng-nghị-viện

hop hôi-dòng dự-bị, lại đè-cử ông DESCHANEL là nghị-trưởng Hạ-nghị-viện mà không nói đến ông. Ông liền tuyên-bố không ứng-cử nữa và ngày 18 tháng giêng đem cả Nội-các từ-chức. Ông thấy quốc-dân bạc-bẽo, lòng người bất-trắc cũng chán thay ! Chiến-tranh đã xong rồi, hoạn-nạn đã qua rồi, cái tài lối-lạc của ông, trước kia thiên-hạ phục, bây giờ lầm kẽ ghen. Nói rằng quốc-dân bạc với ông có lẽ cũng không phải, vì không phải tội quốc-dân, chính là tội cái chính-thể dàn-chủ, trong nước lầm chủ, không ai chịu ai, lúc hoạn-nạn thì kẻ bất-tài phải nép một xó đè cho người can-dảm ra cán-dâng việc nước, nhưng trong lòng vẫn túc-tối, chỉ đợi đến lúc vô-sự là cái lòng dỗ-tật tung sinh lén. Lòng can-dảm, sự quả-quyết, cái oai-quyền của ông năm trước, bây giờ thiên-hạ cho là khinh suất, là tự-phụ, là chuyên-chế. Năm trước khen ông phục ông bao nhiêu, bây giờ bình-phàm chê-bại ông bấy nhiêu. Cái nghị-lực phi-thường của ông đã ciru được cho nước trong khi hoạn-nạn, thiên-hạ coi như một cái trồ-lực cho không phục-hồi được những cái thói cầu-thả trước khi chiến-tranh. Bấy giờ bao nhiêu những cái súc ngầm ông đã ra tay đe-nén nó nồi lên mà phản-dối ông. Giá ông hết sức quả-quyết mà tỏ cái chí ông cho quốc-dân biết, thì chắc ông cũng thắng được như chơi. Nhưng ông không phải là người chịu khuất-tắt mà cầu lấy danh-dụ. Ông tưởng rằng cái chức Giám-quốc đó là quốc-dân phải thành-tâm đem tặng ông mới là phải. Quốc-dân đã không biết thế thi ông đánh lui về. Lúc phong-ha ông đã vững tay cầm lái, đem hết nỗ-lực mà phung-sự quốc-gia, tỏa-chiết được một cái quân-dội hùng-cường nhất trong thế-giới, bây giờ sóng êm gió dịu, nước được thái-bin, thiên-hạ coi ông như cái bùi-bùi. Thời thi ông lui về cho họ dược tự-do

mà làm những lời chính-trị nhỏ-nhen với nhau.

Ông không nói một lời, không hề phản-nản một câu nào, từ-biệt trường chính-trị, ra làm một người dân thường, không can-thiếp đến việc nước nữa, không muốn đề cho ai nói đến mình nữa, sống theo cái đời một nhà lẩn-dật trong chín năm trời. Ông đi du-lịch các nơi, Ai-cập, Mĩ-châu, Án-dô. Ở Án-dô ông qua Nam-dương quǎn-dảo, gần với Đông-dương ta đây. Chính-phủ Đông-dương khâm-khoán mời ông sang chơi đây, ông nhất-dịnh từ chối. Bình-sinh ông vẫn phản-đối cái chủ-nghĩa lấy thuộc-địa, nên 50 năm trước Nghị-viện thảo-luân về việc đánh Bắc-kỳ, ông hết sức công-kích. Thủ-tướng JULES FERRY là người chủ-trương việc đó. Việc cũ xa-xôi, cách nay đến một nửa thế-kỷ rồi mà ông vẫn không quên. Ông vẫn trung-thành với chủ-nghĩa bình-sinh. Quản-tử thay!

Sau khi đi du-lịch về nước, thì khi ông về ở quê nhà quận Vendée, khi ở Paris có một cái phòng riêng ở đường Franklin. Ông làm việc luôn cho đến lúc cuối cùng, khi đọc sách mới, khi ôn sách cũ, khi tự mình soạn sách để thuật lại tư-tưởng hành-vi của mình. Ông soạn một pho sách hai quyển, tóm-tắt cái triết-lý bình-sinh của ông, đề là « Cảnh chiêu của triết-lý »; lại soạn một quyển sách về *Démosthène* là một nhà đại-hùng-biện Hi-lạp đời xưa, và một quyển sách nữa là sách cuối cùng của ông đề là « Lịch-sử thắng-trầm của một cuộc chiến-thắng » (*Grandeurs et misères d'une victoire*),

tuổi đã ngót 90 mà lời-lẽ vẫn còn hùng-hỗn hăng-hài, kịch-liệt chua-cay, dù biết cái nghị-lực sung-mẫn biết đường nào. Trong sách có bình-phẩm về Thống-tướng Foch, không khỏi có ý thiên-lệch một chút, vì hai người đã hiệp-tác với nhau trong khi chiến-tranh, đến khi chiến-hậu thì ý-kien khác nhau về việc nghị-hòa, nên không khỏi bất-bình nhau một chút. Nhưng cái lòng ái-quốc của ông thì bao giờ cũng nhiệt-thành như bao giờ. Trong quyền sách sau cùng đó, ông có ý ngầm-ngủi tiếc rằng cái công ông gây nên chiến-thắng mà người sau không biết lợi-dụng, lo rằng tinh-thể sau này có nỗi khó-khăn, nhưng vẫn chan-chứa một lòng hi-vọng, tin rằng vận nước không bao giờ suy được.

Đêm ngày 24 rạng ngày 25 tháng 11 năm 1929, vào hồi 1 giờ 45 phút, ông tạ thế. Theo ý muốn của ông, không có nghi-vệ, không có quốc-tang, không có dien-thuyet gi cả, linh cữu rước về quê nhà, chôn ở nơi vườn cũ của ông cha, chỉ có mấy người thân đi theo mà thôi. Trong khi tang-tang ở nhà quê một cách giản-dị mà trang-nghiêm đó, thì ở kinh thành Paris súng đại-bắc báo cho cả nước biết rằng người đại-anh-hùng, đại-chí-sĩ đã có công cứu nước lúc gian-nguy, mới lla trần mà vào cõi thiên-cõi vậy. Tiếng súng này hinh như vượt qua thời-gian mà đồng vọng với tiếng súng 10 năm trước báo cho dân Pháp biết là quân Đức đã thua vậy.

THƯỢNG-CHI bién-dich

DU-LỊCH XỨ LÀO⁽¹⁾

II

Ai-lao hiện nay là một xứ trong năm xứ hợp lại thành ra cõi Đông-dương thuộc Pháp. Bờ-cõi rất rộng mà dân số thì ít-ỏi lắm. Đông giáp giải Trường-sơn (*Chaîne auanamitiique*), tây giáp sông Cửu-long (*Mékong*), phần giữa thắt hẹp, còn hai phần trên và dưới thì nở rộng ra.

Khi-hầu tuy nơi thung-lũng háy nơi cao-nghuyên có khác nhau. Miền sơn-lâm về phía bắc, nhất là miền *Hua Pan* và *Trấn-ninh*, thì lạnh lắm. Nhưng cứ đại-khai mà nói thì từ tháng mười-một đến tháng hai-tay, trời hanh và mát, từ tháng sáu đến tháng mười, trời nóng và mưa nhiều, nước sông lênh to, thường khi ngập lụt cả; còn một khoảng giữa từ tháng ba đến tháng năm thì nóng-nực và khó chịu hơn cả. Song suốt năm hễ lặn mặt trời thì dịu mát ngay, thường đêm ngủ phải dắp cho khỏi lạnh.

Diện-tích xứ Ai-lao được 214.000 cây-lô-mét vuông. Miền bắc thì núi-non hiểm-trở lắm, ba mặt giáp *Tau* (tỉnh *Vân-nam*), *Diển-diện* và *Xiêm-la*, toàn những rừng rậm núi cao, mạch núi chạy tự cao-nghuyên Tây-tạng xuống, đến dãy đầm ngang ra bờ, rồi chạy tuột xuống phía Nam, thành giải Trường-sơn cách triền sông Cửu-long với các dòng băng duyên-hải Trung-kỳ. Miền Nam thì toàn cao-nghuyên cả, lớn nhất là cao-nghuyên *Boloven*.

Đường phân-giới với Cao-miên thi chỉ định trên địa-dồ mà thôi, chứ không có hình-thể tự-nhiên gì cả.

Suốt từ Nam chí Bắc xứ Ai-lao, có con sông Cửu-long chảy, sông tự Tây-tạng xuống đến Nam-hải, dài 4000 cây số, mà thuộc về địa-phận xứ Lào 1.300 cây. Con sông này cùng với các chi-lưu, như các sông *Nam-Ou*, *Nam-Ngum*, *Nam-kha-Dine*, *Sé-Bang-Fai*, *Sé-Bang-Hien*, *Sé Moun*, thật là cái nguồn sinh-hoạt cho xứ Lào, nhờ đó mà có đường giao-thông, có nước cày-cấy. Trong một khoảng 800 cây số, tàu-bè di lại được, còn ngoại-giả những ghềnh cùng thác, lên xuống rất khó-ktăn. Sông Cửu-long chảy suốt cõi Đông-dương, một phần dài làm phân-giới Đông-dương thuộc Pháp với Xiêm-la. Cả xứ Ai-lao là ở trong lưu-vực sông này, chỉ trừ có tỉnh *Hua-Pan* là thuộc lưu-vực Sông Mã, một con sông con về miền duyên-hải chảy qua phía bắc Trung-kỳ.

Dòng-số dân Ai-lao trước được 875.000 người thuộc về các giống như sau:

500.000 người Lào và Phu-Thai, cùng thuộc một giống, ở các nơi đất thấp;

230.000 người Khâ, ở các miền sơn-lâm, chia ra nhiều rợ khác nhau;

125.000 người thuộc các giống miền Nam nước *Tàu* và *Thượng-du Bắc-kỳ*, như *Mèo*, *Lô-lô*, *Dao*, *Lự*, *Mường*, v. v..

12.000 người An-Nam, phần nhiều ở các nơi tinh-thành, và cũng có một ít ở các làng-bạn về miền Trung-Lào.

Còn ngoại-giả chừng 8.000 người thuộc các giống: *Xiêm-la*, *Diển-diện*, *Cao-miên*, *Khách Quang-dông*, *Triệu-châu*, *Khách-lai*, v. v..

Người Lào và người Phu-Thai thi ở các nơi đồng-bằng thung-lũng; làm

(1) Xem tiếp *Nam-Phong* số 153.

nghề đánh cá, chở dò, cầy ruộng, cùng các công-nghệ nhỏ trong nhà, như dệt vải, dệt gấm, cũng có nuôi trâu, bò, lợn, gà nứa. Nhà ở lối nhà sàn như ở trên đê tả. Đàn ông thi mặc một thứ áo cánh bằng vải tay trắng, quần thi gọi là *sampot*, là một mảnh vải quấn ngang lưng và quanh chân. Nhiều người dùi và chân có vẽ hình, thường đê trần, lấy làm lich-sự lầm. Đàn bà thi mặc xiêm sặc-sỡ gọi là *sing*, trên vai quàng một cái khăn cũng có màu sắc gọi là *pha-phe*; đầu trần, tóc quấn thành bới tóc, thường có cài hoa.

Giống Khá trước cũng ở thung-lũng, nhưng bị người Thái trên sang phải lùi vào ở các rừng núi. Giống này hay săn bắn, và làm « rẫy », nghĩa là dốt một khu rừng cây lúa hay trồng rau, trồng chuối, v.v., trong mấy năm, rồi bê đất kiệt thi lại đi nơi khác. Nhà cũng là lối nhà sàn, thường to rộng lắm, cả một gia tộc ở được. Đò thực-dụng đem noi nọ ra nơi kia thời để vào cái rỗ dan rồi deo lên lưng. Giống này đi bộ trên núi khỏe lắm. Áo quần sơ-sài, thường nhuộm màu trầm. Đàn bà thi mặc xiêm, mặc yếm và đội khăn, có đinh thêm những hoa giày cùng miếng thêu ngũ-sắc; người lich-sự thi kiền khăn phiền-phức lắm.

Các giống Mường, Mèo, Lư, Dao, Lô-lô, thi chỉ có miền Bắc-Lào mới có. Phong-tục, cách ăn mặc, nhà cửa, tùy mỗi giống mỗi khác. Lối sinh-hoạt phần nhiều còn cỏ-lỗ lắm, đại-khai giống người Khá hơn người Lào.

Giống Lao và giống Phu-Thai là phần dân đông hơn và đã khai-thông hơn cả. Duyên-do là giống Nam-chieu ngày xưa, ở miền Tứ-xuyên Vạn-nam xuống, xét lich-sử thường thấy xung-dot luon với các nước lân-cận, như Cao-miên, An-Nam, Xiêm-la, Điện-diện. Đến đầu thế-kỷ thứ 19 thi xứ Ai-lao chia ra làm ba nước, có ba vua: Thượng-Lào tức là nước Lan-xang (Vạn tượng), kinh-do

là *Louang-Prabang*, hiện nay vẫn có vua; Trung-Lào, kinh-do là *Vientiane*, bị người Xiêm tàn-phá tự năm 1827; Hạ-Lào, kinh-do là *Bassac*, cũng cách mấy năm sau bị diệt.

Người Pháp đến thám-hiểm xứ Ai-lao trước nhất là chúa tàu DOUDART DE LAGRÉE và lãnh-sự PAVIE. Nước Xiêm thấy các nhà ấy đi lại đem bụng ngòi, sau thành ra xung-dot, Pháp phải đem tàu chiến sang tận cửa *Bangkok* để thị uy, nước Xiêm mới chịu. Bấy giờ thi nhân-dân xứ Lào thỉnh-cầu nước Pháp sang chiêm-lĩnh để cai-trị; hại *Louang-Prabang* còn có vua cũng tự-nguyễn xin nước Pháp bảo-liê. Pháp bèn tống-chức xứ Lào thành thuộc-dịa, bắt đầu đặt các cơ-quan hành chính tự năm 1893, trước định lấy *Khong* làm thủ-phủ, sau đến năm 1899 thi dịch lên *Vientiane*.

Vientiane là nguyên kinh-do đất Trung-Lào, trước bị tàn-phá, nay đã sửa-sang lại, quan Khâm-sứ Ai-lao đóng ở đấy, cùng cả các to-lão công-sở, như học-chính, công-chinh, y-te, bưu-chinh, thương-chinh, nông-chinh, vận-vận. Ở *Louang-Prabang* thi có đức vua SISAVANG-VONG với ba quan thương-thứ giúp việc, thành chính-thì một vương-quốc, địa-giới bằng một tỉnh lớn, ở trong phạm-vi xứ Ai-lao thuộc Pháp.

Địa-hạt Lào chia ra làm 10 tỉnh và một đạo quan binh. Đầu mỗi tỉnh có một quan cai-trị Pháp gọi là « Ủy-viên chinh-phủ » (*Commissaire du Gouvernement*), cũng như chức công-sứ ở bên ta, có quyền cai-trị cả hùng-tỉnh và đốc-suất các công-sở. Quản linh thi có linh khố xanh như bên ta, mỗi tỉnh có một cơ cung thuộc quyền quan cai-trị. Còn chinh-quán-doi thuộc quyền quan binh quản-suất thi đóng ở đạo thứ năm, sở tại là *Phong-Saly* và hạt thương-lưu sông *Cửu-long*, sỹ-tại là

Houei-Sai, hai hạt này cùng giáp-giới với tỉnh Vân-nâm nước Tàu.

Mỗi tỉnh chia ra từng hạt như phủ-huyện bên ta, mỗi hạt chia ra các tông các làng. Mỗi hạt có một chức quan gọi là *Chau-muong* hay là *Nay khouten*, mỗi tông có một viên *tasseng* tức là chánh-tông, mỗi một làng một viên *pho-ban* tức là lý-trưởng, do dân bầu. Ở những miền người Khă người Mèo người Mường ở, thi cách cai-trị tùy nơi thay đổi và tên các quan-chức cũng tòng-lý cũng không có nhất định.

Người Lào hay người *Phu-Thai* thì tính vui-vẻ, nhưng lười-biếng, không chịu khó làm ăn. Đối với khách lạ có bụng hoan-nghênh. Có tục hễ nhân dịp vui-vẻ gì liền mở hội, họp nhau lại mà hát đùm, tiếng Lào gọi là *lamb bun*.

Bữa ở *Vientiane*, chúng tôi có đến một làng cách đây hai cây số xem họ làm *bun*. Bấy giờ là buổi tối vào tầm chín giờ. Nơi ấy là một nơi chùa làng, chung quanh có sân rộng. Ngoài sân làm mấy dãy quán bằng tre bằng lá, trong quán giải chiết xuống đất, các *phu-sao* tức là con gái vùng ấy mặc siêm mặc yếm sặc-sỡ coi vui mắt lắm, đến ngồi cả từng dãy dài, ăn trầu nói chuyện với nhau. Bấy giờ những *phu-bao* là con trai đi lượn chung quanh, thấy người con gái nào vừa ý thì đến ngồi ngay trước mặt, đem cái kèn gọi là *khene*⁽¹⁾ đến thổi và hát, toàn những giọng phong-tinh như hát trống-quán hay hát quan-họ bên ta. Duy có khác là chỉ có con trai hát, còn con gái thì ngồi nghe không phải đáp lại. Ở giữa sân thì các nhà hàng dong đèn lên bán những quả bánh cho khách di xem. Trong đám hội đó kẽ có nghìn người mà không có cái cảnh ồn-ao náo-nhiệt như bên ta. Đó cũng là do

cái tính người Lào hiền-tĩnh, dù khi hội-hè cũng không có huyên náo.

Có một điều lạ, là ở trong quán có đặt giường để các vị sư ngồi hình như chứng-kien cho cuộc vui đó. Hồi ra thi lệ thường ở đây phảm khi mở hội như thế này, trước có hát đùm, rồi sau thi lễ Phật, cho nên các nhà sư đến đây là túc-trực để sớm mai tụng kinh làm lễ. Lễ này là lễ dâng hoa, con trai con gái trong làng đem hoa đến dâng sư và cúng Phật.

Hội-hè mà coi cảnh-tượng có vẻ êm-dềm tự-nhiên lắm. Đó chính là cái tâm-lý của người Lào, chỉ biết thủ-thường yên-phận, vui-vẻ tự-nhiên, không muốn khó-nhọc lo-lắng gì cả. Cái tình-cách đặc-biệt của người Lào đó, tiếng họ gọi là *sir-sir*. Sir-sir nghĩa là cứ tự-nhiên, gấp sao hay vây, sống ngày nào biết ngày ấy, cầu-thả qua thời, không lo xa nghĩ-ngợi gì cả. Vì cái tâm-lý đó mà người Lào xem ra khó lòng tự-lập được ở đời này, như trên kia đã nói sớm trưa tối bị đồng-hoa hoặc với người An-Nam, hoặc với người Xiêm-la.

Làng nào cũng có chùa, chung quanh chùa có tháp, tiếng Lào gọi là *that*. Người Lào theo đạo Phật thuộc về Nam-tôn Tiều-thừa, như Cao-miên, Xiêm-la vậy. Sir ở đây là hạng thương-lưu học-thức, nên được dân-gian tôn-trọng lắm. Nhà tử-tế ai cũng cho con di ở chùa để học chữ học đạo, người nào phật-nguyễn di tu thi ở luôn, còn thi ở một vài năm rồi lại về nhà.

Đó là phong-tục chính người Lào, còn người Khă thi cách ăn ở hãy còn mộc-mạc thô-lô lắm. Thờ cũng toàn thờ cúng các ma rìng, họ gọi là *phi*, cũng có những thầy mo thầy cúng như các dân mạn ngược ta. Có khi trong

(1) Cái *khene* giống như cái sáo, làm bằng tám cái ống saxe ghép lại với nhau. Tức như lối kèn Mán ở man ngược.

làng họ có cái hèm gì thi họ đóng cửa, nói bất xuất ngoại bất nhập, rồi họ làm lè ăn uống với nhau hàng mấy ngày. Họ có cái tục uống rượu cần cũng như người Tày hay người Mọi. Họ có khách lạ đi qua thi họ đem rượu ra thết, để trong cái hũ, bắc cần mà hút.

Tiếng Lào hơi na-ná với tiếng Xiêm, thuộc loại tiếng Thái, âm-vạn nhiều chõ giống với tiếng Nam ta. Các nhà bác-ngữ-học cho rằng tiếng An-Nam ta hô: xưa cũng là một chi trong dòng tiếng Thái, sau này chịu giáo-hóa bằng chữ Tàu mà càng ngày càng sai-biệt đi. Nghe người Lào nói hay hát xa xa có khi phảng-phất như tiếng An-Nam vậy.

Áy đại-khai tinh-tinh, phong-thò, tôn-giáo, ngữ ngón của các dân Ai-lao như vậy. Tóm lại thì là những dân còn bần-khai, sành với người An-Nam còn kém nhiều. Cho nên người An-Nam sang làm ăn bên Lào, lớn thi buôn-bán, nhỏ thi phu-phen, bao giờ cũng được phần-hơn người Lào. Người Lào thi cầu-thả tự-nhiên, mà người Nam thi siêng-năng hoạt-bát, đi đến đâu cũng cõ ý lấn-lấp. Đầu cõ người An-Nam thi người Lào tránh xa đi. Các nơi thành-phố lớn phần nhiều là người An-Nam ở, người Lào thi về ở những làng-bạn xa-xa.

Bởi cái tình-trạng đó nên hai giống đối với nhau không đến nỗi xung-dột gì, nhưng vẫn hơi có ác-cảm một chút. Tục-ngữ Lào đã có câu: *Ma kap meo, keo kap lao*, nghĩa là: chó với mèo, An-Nam với Lào; cõ ý nói không ưa nhau.

Người Pháp sang cai-trị xứ Lào, thấy người Lào hiền-lành dẽ bao, sẵn lòng thương. Thương thành ra có khi thiên, muốn bênh-vực cho người Lào mà nhiều khi tỏ ra không ưa người An-Nam. Thậm-chí có người nói: Đất Vạn-tượng là đất dân lành tục tốt,

dừng có dẽ cho giống * vi-trùng: ngoài truyen-nhiêm vào. * Vi-trùng * ấy là ai, ta cũng đoán biết vậy.

Nhưng nói cho phải, người Pháp dẫu những người quá thương dân Lào cũng phải công-nhận rằng xứ Lào cần phải mở-mang về đường kinh-tế, mà người Lào thi quyết không đủ nghị-lực đương được công-việc đó, tất phải dùng đến người An-Nam. Cho nên việc di-dân An-Nam sang Lào, là một việc cần cho xứ Lào.

Ông ROLAND MEYER là quan cai-trị Pháp ở Lào, hiện làm đốc-ly Vientiane, đã có lâm-sách về xứ Lào, tờ lòng rất thương yêu dân Lào, trong sách có nói rằng :

* Việc di-dân An-Nam vào Ai-lao, là cái vắn-dẽ lớn cho xứ Lào ngày nay. Dân Lào sẽ vì do mà li-tan, vì người An-Nam tràn vào miền Trung-Lào, từ khoảng Savannakhet đến Vientiane, thời người Lào tất phải lui dần sang bên kia sông Cửu-long là địa-phận nước Xiêm, thế là đoàn-thề dân Lào bị cắt đứt ra làm đôi, hai phần không liên-tiếp với nhau nữa: phía bắc theo về Louang-Prabong, phía nam theo về Bassac và Oubône.*

Tac-giả cho đó là một sự cực cho người Lào, nhưng cũng là sự « cực chẳng dã », thế tất-nhiều như thế, không thể sao được. Nên lại nói tiếp theo rằng :

* Sự cực do không thể sao bù-cứu được. Xứ Lào lâm đất bỏ hoang, cần phải có người đến dẽ thực-dân. Ngay cạnh nách có cái kho chứa người, là Trung-Bắc kỵ. Tất phải lấy người ở đây mà đem sang, không còn lấy đâu được nữa, dù hai giống do tính-cách trái nhau mặc-lòng, giống yếu tất bị giống khoé tiêu-diệt...

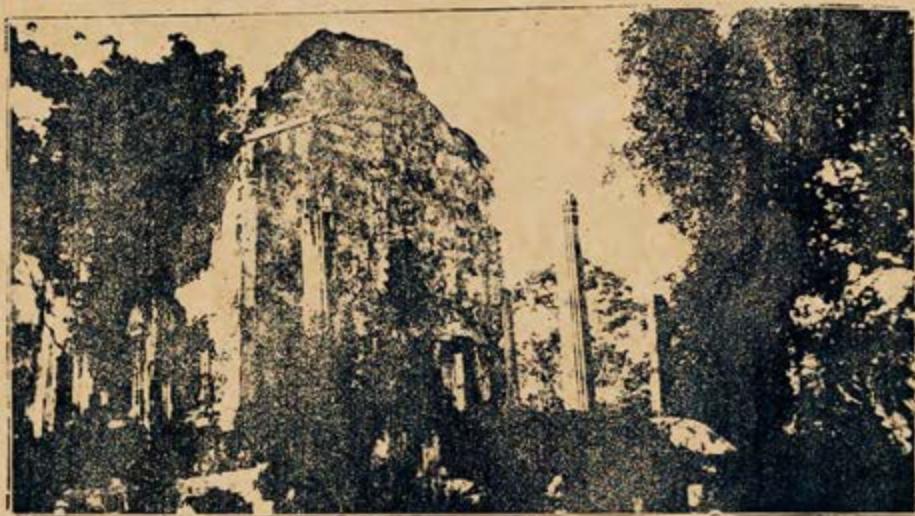
*Thôi-thê là mảnh xứ Lào! Thành Vientiane nay đã cơ-hồ biến ra một thành-phố An-Nam rồi. Người Lào cũng đánh-phận vậy, đem thân làm bi-sinh



Đồng-bào ở Vientiane nghênh-liệp quan Tông-dốc Hoàng Trọng-Phu và ông Phạm Quỳnh
(chụp ở sân hội Thể-thao Việt-Nam)

Ảnh hiện Dương Xuân-Quyết (Vientiane)

Chùa Pra keo ở Vientiane (đã đổ nát)



Tượng Phật đồng ден ở sân chùa Sisaket, Vientiane. (Đứng giữa là vị sư trưởng)

cho người, có chết không dam oán. Lủi-tuổi di, đè chõ cho kẻ khác đến, cõ-tích của ông cha, đều chưa tự đời trước, tướng xiêu đá dò, kẻ đến sau sẽ đánh đóng như gạch vụn mà đem bán từng thước đứng! . . .

Lời nói ảo-não thay! Ông MEYER thương xót cho người Lào mà nói ra những lời thiết-tha cảm-dòng như vậy. Tuy-nhiên ông vẫn tin rằng người Lào không đến nỗi phải cái số đảo-thái như thế. Ông còn hi-vọng cho tiền-dò xứ Lào sẽ được vê-vang như cuộc ký-vãng; ông mong rằng nhờ sự giáo-hóa của nước Pháp, dân Lào sẽ gầy thành một hàng thương-lưu xứng-dáng, làm hướng-dạo cho dân-chủng, nước Lào có cơ khôi-phục lại được, không đến nỗi nào.

Dù thế nào mặc lòng, hiện nay xứ Lào đã mất đầu mà phải lo. Nói rằng người An-Nam tràn sang tất người Lào phải tiêu-diệt, là phản-doán một cách bi-quan quá An-Nam di-dân sang Lào, không những không hại cho xứ Lào, mà lại vừa lợi cho xứ ấy, vừa lợi cho Trung-Bắc-kỳ nữa. Thiết-tưởng từ trước đến nay chưa hề có thiệt-hại cho người Lào bao giờ cả. Người An-Nam ở Lào thủy-chung vẫn là môt cái động-lực di-dẫn đầu làm cho sầm-uất thịnh-vượng đến đây. Không những mới mấy năm gần đây, kể từ khi nước Pháp mới đến chiếm-lĩnh xứ Lào, người An-Nam vẫn đã có công to giúp cho mờ-mang xứ này được nhiều lâm. Nhờ sự làm ăn khó-nhọc mà nay chiếm được địa-vị hơn người, địa-vị ấy không phải là tranh-cướp lấy của ai, vì có phải của ai mà cướp, chính tự mình cầu-lao nhẫn-nại mà làm nên vậy.

Đất Lào còn rộng nhiều; còn có thể mờ-mang ra to-tát hơn nữa. Còn chân chõ cho thiên-hạ đến làm ăn, đã chất đầu mà sợ. Đất rộng mênh-mông, có năm mươi vạn người Lào, dù có sinh-

sản ra gấp mấy di-nhà, có tinh-siêng-năng đến thế nào nữa, cũng không đủ sức mà khai-hắc cho hết được. Huống giỗng Lào lại là một giỗng lười-biếng cầu-thả, không chịu xuất lực làm ăn, ai ai cũng từng nhàn-thãy như vậy. Có người hi-vọng cho sau này sẽ khôi-phục thành nước, có thề-thống hân-hoi, dù sự hi-vọng đó có ngày thực-hiện được, bấy giờ cũng còn phải cần đến người An-Nam thì cái nước sẽ phôi-thai ra đó mới có thể sống được. Song sự hi-vọng đó có lẽ lâu ngày nữa cũng còn ở trong cõi mộng-tưởng mà thôi.

Nói tóm lại, dù xét về phương diện nào mặc lòng, sự di-dân An-Nam sang Ai-lao, cũng là không có hại gì cho xứ Lào cùng người Lào cả. Hiện nay thời là một sự rất cần. Nếu nhất-dân bao nhiêu người An-Nam sang làm ăn bên Lào, người làm việc nhà nước, kẻ làm việc công thương, cho đến kẻ làm thuê làm mướn, mà bỏ xứ Lào đi hết, thì sự sinh-hoạt trong xứ bị đình-dốn cả.

Cái vấn-dề phải xét ngày nay, không phải là xét nên khuếch-trương hay nên hạn-chẽ sr di-dân đó. Đó là lẽ tự-nhiên, và là sự yếu-cần, cần cho xứ Lào không đủ người, cần cho Trung-Bắc-kỳ nhiều người quá. Lẽ thường thì xứ nào đông người quá phải di ra ngoài kiêm ăn, tìm đến những xứ ít người ở mà sinh-cơ lập-nghiệp, đó là cái lẽ thừa-trù xuôi-xé tự-nhiên, đời nào nước nào cũng vậy. Có hại gì đến chủng tộc ng rời Lào sự có ngày tiêu-diệt, có hại gì đến quốc-gia Ai-lao chả biết bao giờ thành lập?

Có điều nên chú ý xem xét để chỉ-hđon cho được ôn-thoa, là việc di-dân đó hưởng-lai vẫn phó mặc tự-nhiên, không khỏi có điều bất-tin, nay nên tờ-chức thế nào cho vừa được lợi cho xứ Lào có người đến giúp đỡ mờ-mang về đường kinh-tế, vừa được lợi cho Trung-Bắc-kỳ có chõ mà di-dân

cho khôi cải nạn dân-mãnh ở mấy tỉnh đồng-bằng.

Từ trước đến nay không ai dè ý xem-xét mà giải-quyết việc đó một cách chu đáo. Ai cũng phải công-nhận việc di-dân là nên là cần, nhưng không hề nghĩ kế sắp đặt cho có phương-pháp, về phần xứ Lào cũng vậy, về phần Trung-Bắc kỳ cũng vậy. Việc là việc thực-tế, không phải là chuyện lý-thuyết, vậy mà nhiều khi không chịu lấy sự thực mà xét, lại lấy cảm-tinh mà phán-doán.

Chính ông MEYER, trong bộ tiêu-thuyết của ông tả về Cao-miên và Ai-lao, dè là Komlah, có một đoạn nói về vấn đề di-dân như sau này :

« Người An-Nam đưa nhau mà tràn sang xứ Lào, cách di-dân đó thật là hỗn-dộn. Chúng ta cứ đứng điêng-nhiên mà trông, không can-thiếp vào, khi cần đến nhân-công dè làm việc thi ước-ao cho họ sang nhiều, khi trông thấy người Lào bị lấn-lập thì lại động lòng thương, lấy lẽ cảm-tinh mà phán-nan là một sự không-nên.

« Trong khi ấy thi các đường các ngả tự Trung-kỳ sang Ai-lao, lũ-lượt những dân doid khát ở các miền Trung-Bắc-kỳ kéo nhau sang lưu-vực sông Cửu-long để kiếm ăn, mong được khị-hậu tốt, đất phi-nhiều, làm ăn dẽ.

« Người di-dân An-Nam đó sang Lào như di Tân-thế-giới kiếm mỏ vàng vậy ; lúc di không trình cho làng biết, giấy-má cẩn-cuộc không có, gấp lũ náo dương di liền di theo, vượt qua giải Trường-son, giữa đường vào làm công ở các xưởng đắp đường, ăn ở tạm bợ, gấp sao hay vậy, trộm cắp không nể, rồi lẩn-lùa đến một tỉnh nào có đông người ở trên bờ sông Cửu-long, ở liền dãy xoay kẽ sinh-nhai. Đấy dã sẵn có người đồng-loại họ ở

tử trước rồi, họ cũng ở lẩn-lộn vào, làm thuê làm mướn, làm cu-li, làm vòròn, làm ruộng, làm bồi, làm cai linh-trưng, làm lính « phú-lit », làm gì cũng được hết, không cần phải học-lập gì cả. Làm ăn có máu mặt, kéo đến lại càng đông, chô nào thiếu người liền đến xin việc, có khi nộp thuế, có khi thì không, khi đi khi lại bất-thường, người Tây tất phải cần đến, không có không được. Vì chẳng phải người Tây mờ dương cho họ sang đó dù ? Họ chẳng phải là kẻ hiệp-tác với người Tây ở đất chinh-phục này dù ? Đối với người Lào dút-dát sợ-hãi, họ lên mặt là dầy-tờ của quan thầy Đại-Pháp, mà quan thầy cũng phải chịu công-nhận là dầy-tờ mẫn-cán được việc... Bấy giờ chủ Việt-Nam ta mới lên mặt bành-bao ; công-việc ở các công-sở chiếm hết ; bồi béo cho người Tây cũng làm cả ; công thương các nghề mệt tay giữ ; nếu được chiếm ruộng đất nữa, thi họ nghiêm-nhiên là chủ-nhà-ông xứ Ai-lao rồi ! »

Tác-giả nói đến đây đã có giọng eay, căm cho người Lào mà tức với người Nam ; lại nói tiếp rằng :

« Chủ Việt-Nam ta lại càng lấn-lập, không còn sợ-hãi gì nữa ; đi đến đâu thi ôn-ao rộn-rip, cãi nhau chửi nhau, người Lào hiếu-linh không chịu được ; bấy giờ họ thura-cơ đánh lừa người Lào khờ-dại, bán ruộng, bán đất, bán nhà, bán con cho, dành chịu nhục-nhân thiệt-hại dè cho yên-thân. Sao-Văn-Đi (tên lão) vô-tâm đã bị lừa rồi, bấy giờ chỉ còn một nỗi làm nô-lệ cho người An-Nam, nấm đất chịu khổ, dè cho chủ Việt-Nam ta chèm-chẹn ngồi trên nhà san, như con cáo già ngồi trên chuồng gà vậy !... »

Dịch cả đoạn sách đó cho biết rõ tình-trạng việc di-dân An-Nam ở Ai-lao thế nào : nhất-diện thời có nhiều người Tây yêu-mến người Lào, không

muốn cho người An-Nam sang làm ăn bên Lào nhiều, sợ lấn-láp người Lào, nhưng cũng phải chịu rằng xứ Lào không có người An-Nam thì không sao mở mang về đường kinh-tế được; nhất diện thời việc di-dân An-Nam sang Lào hiện nay vẫn phó-mặc tự-nhiên, không ai xem xét, nên theo như lời ông MEYER nói có cái tinh-cách « hồn-don », người di-dân không phải toàn là người tốt cả, kẻ tạp cung-nhiều, nên tất có nhiều điều bất-tin.

Vậy Chính-phủ nên chủ-trương việc này, công-nhiên lấy sự di-dân An-Nam sang Lào là một việc trọng yếu trong chính-sách khai-thác xứ Lào, rồi định cách dốc-suất cho có phuong-phap.

Nhưng trước khi chủ-trương việc này thì cần phải sửa lại ý-kiến của nhiều người đối với vấn-dề di-dân An-Nam ở Lào. Những người ấy do cái bụng tốt thương người Lào, chỉ sợ người An-Nam tràn sang thi giỗng Lào đến lụn-bại, nên đối với việc di-dân vẫn không hoan-nghênh gì, lại nói ra những giọng bi-quan, khiến cho chính người Lào cũng nôn-nao mà gây ra một cái dư-luận không tốt.

Dân Lào gần đây cũng đã có ít-nhiều người học Tây-khoa, liền chủ-trương cái dư-luận đó, có ý muốn bài-xích người Việt-Nam và gây lấy một cái chủ-nghĩa quoc-gia của người Lào.

Tiêu-biểu cho cái dư-luận đó là ông PHETSARATH, một vị quan to người Lào, làm chức thanh-trai chính-trị ở Vientiane.

Mới đây đi qua Hà-nội ông có tờ ý-kiến cho một tờ báo Tây ở đây là báo France-Indochine.

Ông nói rằng ông không phải phản đối việc di-dân An-Nam sang Lao, nhưng việc này cần phải sắp đặt cho có phuong-phap. Điều đó thì phải lắm, ai cũng phải đồng-ý như vậy.

Nhưng ông lại nói rằng người Lào không cần gì đến người An-Nam; An-Nam di-din sang Lào chỉ làm phiền-lại cho người Lào, lấn-láp bít-nạt làm cho người ta phải bỏ cả chéđộ phong-tục; đáng lẽ đi tha-phuong cầu-thực, đến đâu phải theo phép-luật cùng, quyền cai-trị của quan sở-tại mới phải, vậy mà người An-Nam sang Lào cứ nghênh ngang, nghiêm-nhièn làm « một quoc-gia trong quoc-gia người ta » (*un Etat dans l'Etat*), được hưởng những đặc-quyền quá-dáng, người Lào không thể chịu được; tình-trạng ấy nếu cứ dẽ mãi thi sau này có sự nguy to, vì người Lào tất phải bỏ xứ Lào mà sang ở bên Xiêm, làm dân Xiêm hết cả.

Áy lời ông PHETSARATH nói với nhà báo Tây như vậy. Ông là người có quyền-thể ở bên Lào, ý-kiến ông không phải là không quan-trọng. Nhưng ý-kiến ấy rõ-ràng là thiên-lệch, không được chánh-dáng.

Hoặc-giả nói dò chính-là cái « chính-sách về chủng-tộc » (*politique des races*), của Chính-phủ định thi-hành ở Đông-dương này, muốn cho các giỗng ngoài giỗng An-Nam biết tự-trọng tự-cường dẽ cho người An-Nam là phần đông khỏi lấn-láp mất và cũng dẽ làm cách làm thời dàn-áp và hạn-chế giỗng An-Nam cho khỏi lồng-lẫy quá. Nếu chính-sách đó là vị nhân-dạo mà bênh-vực cho các giỗng yếu-hèn thi hay lắm, nhưng nếu vi quyền-mưu mà muốn gây ra sự ác-cám trong các chủng-tộc dẽ giỗng nọ ché lẩn giỗng kia thi thiết-tưởng không phải là thượng-sách. Dùng sự cạnh-tranh về chủng-tộc làm cái kế-hoạch về chính-trị, không có kết-quả tốt bao giờ.

Dù thế nào mặc lòng, lời phán-doan của ông PHETSARATH đó rõ là không ưa người An-Nam và thiên hẳn về cái chính-sách chủng-tộc đó.

Ông công-nhiên trách người An-Nam rằng mỗi khi nói về Đông-dương chỉ thấy nói một nước Nam mà thôi, hình như ngoài nước Nam không còn có nước nào khác nữa. Nhưng ông quên rằng người Lào không được một triệu mà người An-Nam chúng tôi những hơn mười lăm triệu, thi tất chúng tôi phải nói đến nước Nam chúng tôi trước đã, rồi mới nói đến các xứ láng giềng sau. Nhưng không phải là chúng tôi có ác-cảm gì với các xứ ấy đâu, cũng không phải là có cái mưa xâm-lấn gì đâu. Xưa kia Nam-triều chúng tôi có đặt quan đô-hộ ở Nam-vang, có bắt các vua Ai-lao phải tuế-cống thật, nhưng đó là chuyện cũ thuộc về lịch-sử rồi, nay còn đâu như thế nữa. Nay đã có nước Pháp làm chúa-tề cả các dân-tộc trong cõi Đông-dương, khi nào đế cho dân An-Nam lấn-lấp được các dân khác. Dưới quyền chúa-tề đó thì dân nào cũng lá bình-dâng nhau tất cả. Nghĩa-vụ nước Pháp là phải bênh-vực cho hết thảy.

Nhưng nghĩa-vụ nước Pháp cũng lại là phải khai-thác xứ Đông-dương này, không để cho chỗ nào có đất bỏ hoang, có sản-vật không khai-khẩn đến. Nghĩa-vụ của nước Pháp là một bên phải khai hóa cho các dân-tộc còn kén-hèn, khiến cho bước lên một trình-dộ cao hơn, một bên lại phải tim đường cho các dân-tộc cần-mẫn siêng-năng mà số người nhiều quá, ở đất nước nhà chật-hep không đủ kẽ sinh-nhai, có thể dời sang các xứ lân-cận mà làm ăn, bành-trướng phát-đạt ra các nơi đất nhiều người ít, để giúp cho cuộc thịnh-vượng chung.

Ông PHETSARATH nói rằng người Lào không cần đến di-dân An-Nam. Nhưng người Lào thì còn cần đến gì nữa. Người Lào không cần đến ai, không dùng đến gì cả, vô-lo vô-lỵ như người đời thiê - cõ, sung - sướng lắm rồi,

giá loài người khôn-ngoan ra thi nên bắt chước cả người Lào mới là phải! Nhưng loài người chưa bết khôn-ngoan, lại hay hiếu-sự, cho nên dù ở xứ Lào cũng có sự cần bắt-buộc phải làm khó-nhọc, cạnh-tranh đe mura lấy sinh-tồn. Mà trong cuộc sinh-tồn thi kẻ nào nhẫn-nại cần-cù, linh-lợi hoạt-bát, là kẻ ấy tất được phần hơn. Đó là cái luật tự-nhiên của trời đất, « tru-giả thẳng, thích-giả tồn », phản-đối lại với cái luật đó cũng là vô-lich mà thôi.

Và lại người Lào dẫu không cần đến người An-Nam, mà xứ Lào phải có người An-Nam mới được. Có người An-Nam thì mới mở-mang sinh-sả ra được, mới khôi bể tắc lại mà giao-thông được với các xứ ngoài, không thành một cái đứt-tịch-mịch xa-xôi đe cho mấy nhà du-lịch ngoại-quốc đến xem các cô « phu-sao » với các tưng bưng ốc, mà có thể sinh-hoạt theo cái đời kinh-tế ngày nay.

Còn như nói rằng người An-Nam ở Lào được biệt đãi hơn người Lào, không phải theo pháp-luat bản-xứ, nghiêm-nhiên thành một quốc-gia ở trong quốc-gia, như lời ông PHETSARATH nói đó, thi thiết-tưởng là lời nói quâng-đảng không thực. Người An-Nam ở Lào phải phục-tòng pháp-luat nước Pháp và do tòa án Pháp xử, cũng như người Lào ở nước Nam vậy. Ngay người Nam-kỳ cũng là người An-Nam mà ra ở Bắc-kỳ là thuộc quyền thầm-phản của các tòa án Tây chứ không phải các tòa án Nam.

Nay ông nói như vậy có lẽ muốn cho người An-Nam ở Lào cũng phải theo luật-lệ xứ Lào và thuộc quyền quan Lào xét-xử chăng? Nếu thế thi không được, vì hai dân tình-tình phong-tục, cách cư-xử, cách sinh-hoạt đều là khác nhau cả, không thể sao dung-hòa làm một được. Một người Lào ở Huế không thể coi là thàn-dàn vua Bảo-dai

được, vậy thì người An-Nam ở *Louang-Prabang* cũng không thể coi là thần-dân của vua SISAVANG được. Người Đông-dương ở ngoài xứ-sở mình chỉ có thể theo một pháp-luat, là pháp-luat của nước Pháp có chủ-quyền nhất-thống cả Đông-dương mà thôi.

Ông PHETSARATH lại tỏ bày một cái ý-khiến nữa, là dân Ai lao cần phải có quyền chủ-trương nhất-thống, quyền ấy phải thuộc quốc-vương ở *Louang-Prabang*, và phải có một đoàn-thể quan-lại nhất-thống giống như quan-trưởng bên An-Nam để cai-trị dân. Ý-khiến này tuy không quan hệ đến vấn-dề di-dân, nhưng cũng có giàn-liếp ảnh-hưởng, ta cũng nên biết phải trái thế nào. Ông là người Lào, vì lòng ái-chung ái-quốc mà xướng lên cái thuyết đó, vào địa-vị ông cũng là phải. Song xét kỹ ra, còn là lý-thuyết xá-xôi cả. Có một người Pháp, làm quan cai-trị bên Lào đã mấy chục năm, nay đã về hưu vẫn làm việc công-thương ở đấy, là ông MALPUECH, vị cai Ai lao ông rất am-hiệu, mới rồi có viết trong báo tây nói rằng xứ Ai - lao không phải là nước thống - nhất, đặt ra một chính-phủ trung-trong ở *Vientiane* cũng là thừa, vừa phi-lỗ cho nhà-nước, vừa phiền-nhiều cho người riêng, mệnh-lệnh truyền ra, giấy-má đi lại, hàng tuần mới tới nơi, không khỏi trả-ngại cho công-việc, bắt-nhược chia ngay xứ Lào làm ba phần, Thượng-Lào cho sáp nhập vào Bắc-kỳ, Trung-Lào vào Trung-kỳ, Nam - Lào vào Cao-miên, gần đâu trực-liếp với đó, về các phương-diện địa-ly kinh-tế đều là tiện-lợi cả.

Thế thi ra hai ý-khiến trái ngược hẳn nhau. Ông PHETSARATH thi muốn hợp một, ông MALPUECH thi muốn chia ba, chúng ta là người giữa, không dám phán-doán bên nào là phải bên nào là không. Nhưng xem như thế thi dù biết

xứ Ai-lao chưa thành một quốc-gia châo-chính, đã vội gì mà phải lo rằng người An-Nam tràn sang đến làm cho mất giỗng mít nước đi được?

Và lại xét cho kỹ, vấn-dề di-dân An-Nam ở Ai-lao, hiện nay đã lấy gì làm nguy-hiệu quan-trọng đến như thế.

Như trên kia đã nói, chẳng qua là một sự di-dịch tự-nhiên. Người An-Nam ở các đất đồng bằng chật-hẹp quá, đời nào cũng vẫn có cái khuynh-hướng di-cu ra ngoài để cho dễ kiếm ăn. Bởi thế nên tự thi-kỷ thứ 17, cả miền nam Trung-kỳ và đất Nam-kỳ ngày nay là do người ngoài Bắc vào thực-dân hết. Ngày nay chờ có đường giao - thông đi sang Lào dễ, nên nhiều người cũng thuận theo cái khuynh-hướng tự-nhiên đó, mà di sang làm ăn bên ấy, dần-dần chiếm được địa-vị khă ở trong trường kinh-tế bắc-xứ. Địa-vị ấy không phải là tranh-doạt của ai, vì trước kia đã có ai chiếm đầu. Kẻ buôn-bán, người làm nghề, sẵn có tinh siêng, có tài khéo, cũng kiếm được dù ăn, không ngăn-trở gì ai, vì có cạnh-tranh với ai đâu. Có thể mà thôi, chứ nói rằng xứ Lào ví như Tâ-i-thế-giới, thiên-hạ đua nhau mà sang xúi lấy vàng, thì là nói ngoa; lại nói rằng người An-Nam từng dân từng lũ, đời khát rách-rười kéo nhau sang Lào kiếm ăn, chẳng mấy nỗi được phong-lưu ngay, cũng là nói sai. Ai sang đấy làm ăn cũng là khó-nhọc, mồ-hôi nước mắt, có kiêm được cao công hơn ở nước nhà một đói chút, thì cũng là đáng, chứ chẳng phải quá chí.

Và lại hiện nay sự di-dâu cũng có hạn mà thôi, không phải như thiên-hạ tưởng lầm, kéo bao nhiêu người sang cũng dù việc làm đâu. Trước hết có các mỏ phải dùng đến nhau-công An-Nam, thi cái số cũn không nhất-dịnh. Hiện nay các việc mỏ lại đình-đốn cả,

thì số nhân-công ấy lại càng hạn-chẽ bót đi nhiều lắm. Vả lại làm công ở các mỏ cũng chẳng qui-hóa gì, mà người Lào phải ghen với người An-Nam. Còn các công-trình làm đường-lộ và đường-sắt, thì nay mai nhở có tiền công-thái bên Pháp sẽ làm gấp hơn trước, tất phải cần đến nhân-công nhiều. Nhưng mà cái số eu-ly mỏ ở các nơi đến để làm cho các chủ-thầu, thì thất-thường lâm, nay đây mai đó, chẳng có cản-cước gì, không thể gọi là di-dân được.

Thật là người di-dân dời xứ-sở mà sang sinh-cơ lập-nghiệp ở bên Lào, thì chỉ có một vạn đến một vạn hai nghìn người ở Thakhék, ở Vientiane, ở Savannakhet và mấy nơi lính nhô nứa, người thi buôn-bán, người thi làm nghề, người thi làm việc nhà nước, người thi làm công cho các chủ-tây. Chỗ nào có người An-Nam đến ở đóng là chỗ ấy có vẻ đồng-gúc thịnh-vượng. Người An-Nam đến làm ăn đó có ngần-trở gì, người Lào đâu, vì những nghề người Nam làm, thì người Lào không biết làm cả. Ráng phải uớc-ao cho người Nam đến đóng mới là phải, vì đó là cái triết-rằng trong xứ đã mở-mang phát-đạt.

Nhưng chính thuộc về phương-diện đó, cái số di-dân lại là có hạn-lâm. Người An-Nam ở bên Lào, buôn-bán hay làm nghề, chỉ giao-dịch lẫn với nhau hay với người Tày mà thôi, chứ ít có giao-dịch với chính người Lào. Người Lào họ có cần gì đến may-thay, giầy, thợ mộc, thợ rèn, thợ lầu-ban ghế đồ-dạc An-Nam đâu, vì họ không có ăn mặc hảy-biện như ta. Muốn cho di-dân ta mò rộng được mỗi hàng với người Lào, thì người Lào phải bỏ cái phong-tục cù-lõi di mà lập ẩn ở theo lối văn-minh mới được. Nhưng cải-hoa một dân-tộc như tì-ế, cũng còn phải lâu năm nữa.

Xem như vậy thì ngoài cái số nhân-công làm đường làm mỏ,

là số thất-thường không nhất-định, không coi là di-dân được, còn thì chính số di-dân An-Nam sang Lào kè cũng không nhiều gì, và xem ra không có cơ-tăng lên được lắm. Cái dư-luận bi-quan như trên kia, thật là không có bằng-cứ gì.

Muốn cho số di-dân An-Nam thêm lên được nhiều, thì phải làm thế nào cho người ta sang Lào cũng làm ruộng được như bên ta. Nay xét ra thì hầu như không có người nào làm ruộng cả, mà có làm ruộng được thì việc di-dân mới thật là ích-lợi cho ta. Mấy tỉnh trung-châu ta dân nhiều ruộng ít, nếu có cách di-dân sang bên Lào, khai-khẩn ruộng-nương, lập lang-lập ấp, thì mới mong bồ-cứu được cái nạn dân-mẫn của ta. Còn đối với xứ Lào cũng là có ích-lợi, vì dân làm ruộng là dân chất-thực, có ruộng đất rồi thì ở liền đấy, châm-chí làm ăn, lập nên làng xóm, đem cái giuong-cần lao mà bảy ra cho người Lào bắt-chước.

Nghé người ta nói rằng ở Lào có nhiều đất có thể cấy lúa được như bên ta. Lạ sao người ta di-dân sang đấy không thấy làm ruộng bao giờ. Tất có cái lý-do làm sao, nhưng tôi chưa được hiểu rõ, nên không dám nghị-luận. Việc này xin Chính-phủ đề ý nghiên-cứu.

Hiện nay tuy số di-dân không mấy, nhưng việc di-dân cũng cần phải sắp đặt cho chỉnh-dốn. Theo ý riêng tôi thì nơi nào có người An-Nam ở đóng, nên lập thành bang như người Tàu, đặt một chức bang-trưởng, do cả hàng bang bầu ra, chính-phủ công-nhận và phải có trách-nhiệm trông coi cả các người trong bang. Hiện nay chính-phủ cũng cử một người gọi là bang-biên, mà ở Vientiane đặt cho cái tên tây buôn-cười, gọi là: le chef des Annamites, dường như người mình là giống Mán giống Mọi gì mà phải có một người từ

trưởng dẽ đứng đầu vậy! Cách sắp-dặt đó cần phải sửa đổi lại, và chức bang-trưởng phải có đủ quyền dẽ làm việc, nếu cần thi đặt ra một chức phó-bang-trưởng hay cả một hội-dồng thàn-hảo dẽ giúp việc nữa. Sự cải-cách này cũng dẽ, trưởng chính-phủ Ai-lao sẽ sẵn lòng làm. Quan Khâm-sứ Bosc là người rất am hiểu cả người An-Nam cả người Lào, ngài cũng đã muốn có ý chính-dỗn việc đó, nhưng hiện nay ngài đã đến hạn hưu-trí và vừa về nghỉ bên Pháp rồi.

Nói tóm lại thi vẫn-dẽ di-dân An-Nam ở Lào, xét cho kỹ không có điều gì dù cho người Lào phải lo-sợ hoặc mèch lòng. Nếu lấy việc đó làm một vẫn-dẽ chủng-tộc thì không nên. Vì không ai xui-giục cho nên ác-cảm nhau, thi người Lào cùng người

Nam vẫn có thể hòa-hợp với nhau được. Về phần người Nam ta thi chỉ nên nhớ rằng mình sang làm ăn bên ấy là ở đất nước người, đối với người bản dân cũng nên xử mét cách nhũn-niăn cho người ta được hài lòng, thế là đủ.

Đất Ai-lao vẫn rộng-rãi, có đủ chỗ dung được mọi người. Người An-Nam sang ở đây không sợ bao giờ đến đóng quâ mà trở-ngoại cho người Lào. Hiện nay và sau này, bao giờ người Nam cũng là cần cho sự mở-mang kinh-tế xứ Ai-lao vậy. Người tri-thức trong bản-xã không nên ác cảm với người Nam mà nên hoan-nghênh người Nam mới là phải.

P.-Q.

Qu'est-ce que la bourgeoisie, de quel nom qu'on veuille la désigner ? Ce n'est autre que la portion du peuple qui, par son travail, son épargne, son instruction, son éducation, a gravi quelque sommet au-dessus de la foule. C'est la partie du peuple qui est la plus assinée. Détruite par en haut, elle se reforme par en bas, l'ascension du fond de la masse étant continue. Exterminée, même totalement, comme elle l'a été en Russie, elle se reconstitue. Seulement, il lui faut, pour parvenir à la plénitude de sa force et de sa vie, deux ou trois générations de culture et de lente accumulation de ressources matérielles, intellectuelles, morales.

(Le Temps)

Hạng trung-lứa trong xã hội, dù gọi tên là gì mặc lòng, là hàng người thế nào? Chẳng qua là một phần người trong quốc-dân, vì cần-lao, tiết-kiệm, có học-thức, có giáo dục mà đã vượt lên được trình-dộ cao hơn công-chứng. Là phần người lọc-lõi hơn cả trong quốc-dân. Trên có mất đi, dưới lại tiếp lên, i sự tần-tới tự trong dân-chủng lên là tiếp-tục vô cùng vậy. Dù bị tuyệt-diệt di hồn như ở nước Nga, cũng khôi-phục lại được. Nhưng muốn cho có sức mạnh, cho được sinh-hoạt sung-mẫn, thi phải hai ba đời giáo-hóa, dần-dần tích-lũy lây tài-sản về vật chất, về trí-tuệ về tinh-thần, mới có thể được.

DANH-NHÂN HÀI-DƯƠNG (1)

VI

Nguyễn Tuyên-Căn 玩宜勤

Nguyễn Tuyên-Căn sinh ở làng Uông-hạ, phủ Nam-sách, anh ruột ông Nguyễn Đức-Khâm, đỗ Tiến-sĩ năm Hồng-đức định-vị đời vua Lê Thánh-tôn (1470). Làm quan đến Hình-bộ Tả-thị-lang. Đến năm Hồng-thuận đời Lê Tương Đức-de (1503), Mạc Đăng-Dong mưu cướp ngôi nhà Lê, ông khởi nghĩa-binh đánh Đă-ig-Đo-ğ để tôn-phù nhà Lê, ông bị trân-tử. Người sau dựng bia ở mộ ông và khắc chữ rằng: «刑部 左侍郎之墓 Hinh bộ Tả-thị-lang chí mộ. » Xét câu khắc ở bia này chắc là người ở đời nhà Mạc, định kỳ-niệm và biền-dương sự chiến-tử này là « Phù Lê thảo Mạc » nhưng không dám nói rõ.

Sau nhà Lê trung-hưng truy-tặng cho ông chức Thượng-thư, tước Thành-lộc hầu, dự bắc tiết-nghĩa công-hàn.

Trần Thực 陳湜

Trần Thực sinh ở làng Vạn-lải phủ Nam-sách, đỗ Tiến-sĩ năm Hồng-đức đời Lê (1470). Sau nhà Mạc cướp ngôi nhà Lê, ông không ra làm quan với nhà Mạc nữa. Đến khi Lê trung-hưng lên, biểu-hiện cho ông được dự vào hàng tiết-nghĩa.

Nguyễn Thành-Lộc 阮審祿

Nguyễn Thành-Lộc sinh ở làng Đồn-bối, phủ Nam-sách, đỗ Tiến-sĩ năm Hồng-đức. Sau Mạc cướp ngôi Lê, ông không chịu ra làm quan với Mạc. Đến khi Lê trung-hưng bao-tặng cho ông và biểu hiếu vào hàng tiết-nghĩa.

Lại Kim Bảng 楚金榜

Lại Kim-Bảng sinh ở làng Kim-quan huyện Cầm-giang, đỗ Tiến-sĩ đời Lê Thá-ih-tôn năm Hồng-iúc (1460), ra làm quan. Sau Mạc cướp ngôi Lê, ông mưu đánh Mạc, không ngờ cơ-sự vỡ lở, ông bèn dám đầu xuồng sông Túc-mặc mà chết. Lê trung-hưng bao-tặng và tôn ông dự vào hàng tiết-nghĩa.

Phạm Tôn-Mại 危尊遇 và anh em (2)

Phạm Tôn-Mại sinh ở làng Mê-xá, huyện Hiệp-son, nay thuộc về huyện Đông-triều, Hải-dương, đời nhà Trần. Anh là Phạm Ngũ 危遇, em là Phạm Quá 危過. Trước là họ Chúc 許, vua Trần Nhân-tôn mời đổi cho là họ Phạm. Ông Ngũ đỗ đệ-nhất-giáp làm quan đến Tham-tri chính-sự đồng-tri Thượng-thư Tả-tư-sự 參知政事同知尚書左司事. Ông Mai đỗ đệ-nhị-giáp làm quan đến Môn-hạ tinh đồng-tri binh-chương công-sự 門下省同知平章公事, trước Quan-nội-hầu 聞內侯. Ông Quá đỗ đệ-tam-giáp, làm quan đến Hàn-lâm-viện hiệu-thảo Tả-thị-lang 翰林院校討左侍郎. Ba anh em cùng tại triều. Ông Mai là người chả-trực gã; việc gì cũng dám nói có tiếng là bậc « Cồ tránh-thần 古爭臣 », nghĩa là người bầy tôi dám cãi, dám can ở đời cồ. Cũng vì thế ông ở trong triều, được vài năm thì phải bãi, ông về ẩn-cư ở nhà quê Mê-xá, ở đấy gần ngàn núi Yên-tử, nhiều danh-thắng, núi sông đẹp, ông lấy sự tiêu-dạo ngâm-vịnh làm thú mà cũng vẫn không quên việc nước, thường lấy Đào-Tiềm, Đỗ Phủ bên Tàu tự-lí Ông

(1) Xem N.-P. số 155.

(2) Ông này ở là Trần-triều, nay tra đợt, nên đem tên hàng thứ nhì là Trần.

có dẽ chở lán - cư một bài thơ có hai
câu rằng :

陶令詩心帶松菊

Đào Lệnh quê tâm dời tung cúc;

少陵吟獎動江山

Thiếu-lăng ngâm hưng động giang-sơn.

Dịch :

Thơ-thông nước non ngâm cự Đỗ;

Vườn xưa tung cúc như ông Đào.

Coi đó đủ biết thơ ông cao-hưng
mà khi ông khảng-khai là đường nào.

Ông Quá sau làm đến Thượng-thư
cũng có tiếng thanh-liêm như anh. Nay
người làng thờ ba ông làm Phúc-thần.

Trần Thám 陳 璞⁽¹⁾

Trần-Thám sinh ở làng Phúc-đa,
huyện Đông-triều, Hải-dương, đời nhà
Trần. Đỗ Thám-hoa cấp-dệ, làm quan
đến Trung-thư Tị lang 中書侍郎 và
An-phủ-sử Ngự-sử Trung-táu 安撫使
御史 中贊 bộ Thanh-bos. Bấy giờ Trần
Duệ-tôn di tuẫn ngoài biển bị chết
duối, ông được cử sang nhà Minh bên
Tàu cáo-phó. Người nhà Minh viện cõi
lè tam bát diếu 三不吊 không sang
phúng, nghĩa là chết một cách phi
mệnh. Ông Thám cãi với người
Minh là vua nước mình vì việc di ngũ
khẩu dè an dân mà chết thì sao cho là
phi-mệnh được. Nhà Minh lại phải
cho su sang viếng. Sau họ 10 tiểm-vị,
ông Thám về nhà giả-cách diếc không
ra làm quan.

Đỗ Thế-Binh 杜 世 平

Đỗ Thế-Binh sinh ở làng Liêu-xuyên,
huyện Mĩ-bảo, Hải-dương, nay cái
thuộc Hưng-yên. Ông đỗ Trạng nguyên
triều nhà Lý, đứng đầu khoa-danh văn
học tỉnh Hải-dương (sự-trạng thái

tiròng) Người sau tìm đến nơi cõi-trạch
lập miếu thờ ông, nay hẵn còn

Lý Tử-Cầu 李 子 桥

Lý Tử-Cầu, hiệu là Hợp-trai 合齋, sinh
ở Hồng-chân (quê mảnh làng), dời nhà
Lý. Ông là người học rộng tài cao mà
khâm-hoài rất sâu-!ge, thích di tiêu-dao
du-lâm. Cùng với ông Trịnh Sư-Mệnh
程師孟 kết làm bạn sơn-thủy mà không
cần gì đến sự công-danh phu-quí, chỉ lấy
giảng học làm vui, có tiếng là một nhà
lâm-dật cao sĩ ở dời nhà Lê bồi mồi phục
quốc. Bấy giờ có ông Vũ Mông-Nguyên
武參議 ở Tiên-du dỗ Thái-học-sinh
nhà Hồ. Minh sang ông lâm-cứ ở nhà,
dến hỏi Lê-sơ lấy lè cầu dật-sĩ mời ra
lâm Quốc-tử-giam Tư-nghiệp, văn-học
lừng-lẫy, đời đều suy-tòn, mà ông cũng
phải rất xứng-tụng kinh-phục ông Lý
Tử-Cầu.

Vũ Cán 武 幹

Vũ Cán là con ông Vũ Quỳnh, làng
Mộ-trạch, ỉnh Hải-dương. Ông sớm
thông-minh học rộng nhiều sách, đỗ
Hoàng-giáp năm Cảnh-thống
(1497 - 1498) đời Lê Hiển-tôn. Tính
ông thích chơi cát-thông nên lấy
hiệu là Tùng-hiên 松 鮑. Vắc-chương
đức-hạnh là một bậc sư-biều ở đời
bấy giờ, người ta tôn chuộng lắm.
Nhà ông tuy vẫn thanh-bần mà
ông thản-nhiên như không. Phàm gặp
việc gì cũng túc-sự ngâm-vịnh, đọc
ra là thành thơ, thảo ra là thành bài,
tích-lũy dần thành ra một lối thơ
riêng. Ông chơi thân với ông Nguyễn
Bình-Khiêm Cồ-am thường xuống họa
thơ với nhau. Nay trong bộ Bách-văn
am thi tập của ông Nguyễn Bình-Khiêm
còn chép những bài của ông như
«Hoài-hương 懷 翁, Chỉ-diễn 紙 兼», v.v.

(1) Ông này ở xã Trà-i-triều, nay tra được, nên đem lên hàng thế-thứ nhà Trần.

Ông lại có bài « Trach-hương bát cảnh 深鄉八景 » chép ở bộ Phẩm-vàng thi-tập 品彙詩集. Lại có cuốn « Tùng-hiên thi-tập », cuốn « Tứ-lục bì lâm 四六備覽 » lưu-hành ở đời.

Ông làm đến Lê-bộ Thư-đường thư, tước: Lê-dù bà 禮度伯.

Lê Quang-Bí 黎光貞

Lê Quang-Bí là con ông Lê Nai, cháu ông Lê Thúc-Hiền, cháu ngoại ông Vũ Quỳnh, chắt ông Lê Cảnh-Tuân, làng Mộ-Trạch, Hải-Dương. Mới lên năm tuổi đã hiểu học, người ta gọi là « Thần-đồng », 16 tuổi đỗ Hương-giải, 33 tuổi đỗ Hoàng-giáp năm Thống-nghuyên (1522) đời Lê Cung-hoàng-dế, làm quan Hộ-bộ Tả-thi-lang, được cử đi sứ Tàu. Bấy giờ có quan Trung-sử đi giúp đỡ chuyên giữ đồ cổng-vật. Sang đến Nam-ninh phủ, Tông-dốc Tàu mở hòm cổng-phảm ra kiểm thi thấy cái tượng người bằng vàng là vàng giả, không biết sự đó bởi viên Trung-sử tráo vào hay là vì đâu, Tông-dốc Tàu tâu về kinh, vua Minh giận là vò-lẽ, sai bắt giam ông vào ngục Bắc-ná-quan 北那官, rồi lấy hai cái vò-hến úp vào hai mắt mà gắn nhựa chặt lại. Bảo rằng: « Hễ bao giờ đe dọa đe, ngựa mọc sừng thì cho về ». Ông Lê Quang-Bí cứ vui-vẻ như thường không chút lo sợ gì. Bấy giờ mùa đông, hễ thấy có nắng thì ông lại nằm ngoài nắng. Người Minh hỏi có gì thế, ông bèn vò vào bụng mà rằng: « Tôi phơi những sách vở trong bụng này cho khỏi mốc ».

Vì vua quan nhà Minh không xét sự oan cho ông mà lấy cái hình-pháp tàn-bạo vò-nhân-lý để đối với kẻ Sứ-thần ngoại-quốc như thế, ông biết cái thói ghen - ghét, cái bụng tham-tán của người Tàu, không có thể lấy lẽ phải mà nói được, nên họ muốn xử thế nào

ông cũng không những không kêu xin mà lại cứ vui-vẻ như thường, đó cũng là một cách ngoạn-khi. Ông muốn cho người Tàu biết tài-học của ông, nhưng ông không thèm cầu-cạnh với kẻ quyền-yếu để khoe văn-tự bằng những cuộc luận văn hay là giấy trắc-tình. Ông bèn chơi nghịch như thế để ghẹo người Tàu một cách hoạt-kỳ, không cầu họ mà họ phải sững-sốt hỏi đến, hỏi thấy nói lạ, tất phải thử-thách. Thế là người Tàu phải trúng kẽ ông, họ bắt ông đọc bộ « Đại-học diển-nghĩa », ông bèn đọc suốt một lượt không sót chữ nào. Người Tàu lấy làm lạ, kính-trọng lắm, bồ-hai vỗ hổn gần mặt ông ra, rồi đưa ông vào ở nơi khách-quán.

Khi ông lưu-ngụ ở Bắc kinh có soạn được một tập thơ vịnh các dãy Tiềnbối cổ-hương và tập « Tư-hương vận-lục 思鄉韻錄 ». Tập « Vịnh cổ hương chư tiễn bối 訪故鄉諸先輩 » thì ông gửi về ta trước. Sau ông Vũ Thuần-Phủ làm sách « Công-dụ tiếp-ký » có lục chép Xuống dưới lịch-sử mỗi vị một bài. Đây trích ra hai bài.

1º — Bài dề ông Lê Cảnh-Tuân
趨庭詩禮講明贈

Xu dinh thi-lê giảng minh am,
自勵懸弧壯志能

Tu lê huynh hổ tráng chí hàm;
蹇蹇匪躬誠守一

Kiền kiền phi cung thành thủ nhất,
惓惓許國策陳三

Quyền-quyền hùa quốc sách trấn tam;
綱常自任他憂恤

Cương-thương tự nhiệm tha hè tuất,
鼎鑊如饴死亦甘

Bình hoạch như di tử diệc cam;
累世豐蒙忠義報

Lũy thế diệp mông trung nghĩa bảo,
尤前事業振天南

Quang-tiền sự-nghiệp chấn thiên nam.

2 - Bài đờ ơng Vũ Quỳnh

堂 堂 聖 世 一 鴻 樓

Đường-đường thánh-thể nhứt hông nho,

仕 止 遊 任 自 由

Sĩ chỉ tùy thời nhiệm tự do;

天 上 龕 仙 開 骨 相

Thiên thương cõi tiên khai cốt-tướng,

人 間 活 佛 見 心 相

Nhân-gian hoát phật kiến tâm đầu;

嘉 言 善 行 詣 賢 冠

Gia-ngôn thiện-hạnh chư-hiền quán,

大 雄 雄 文 萬 古 留

Đại-bút hùng-văn vạn-cõi lưu;

斯 道 巍 巍 山 岳 在

Tu-dao nguy-nguy sơn nhạc tại,

後 人 無 不 企 翳 修

Hậu-nhân vò bất kỵ tiền-tu.

Xem bài bài thơ này thi biết ông học chia mà tư-tưởng khảng-khai chân tuệ lâm. Từ đó tiếng tài-học của ông lừng-lẫy ở kinh-dô Tàu, có một người Tàu là Đặng Hồng-Thần 鄭洪震 (có bản chép là Đặng Hồng-Chẩn) 鄭洪震, dã dỗ Cử-nhan, xin vào học ông. Đến khoa kỹ-vị thi ông Đặng Hồng-Thần dỗ Tiến-sĩ, bồ Tri-huyện về Quảng-dong, rồi lại thăng làm Chủ-sự ở Yên-kinh. Ông Thần thương thầy bị yém-lưu dã lâu, bèn làm sớ kẽ rõ tình-trạng tàu với vua Minh. Vua Minh xét tình rồi vời ông vào chầu, yên-ủi cho ông, được ba tháng thi cho về. Ông Thần đặt tiệc yến-ca và hậu-tiễn gấm bạc cho thầy về nước. Từ năm ông đi sứ-sự đến năm về vừa 18 năm. Người nước ta vi ông với Tô Vũ bên Tàu. Về đến nước thi ngôi vua dã đòi về họ Mạc, đến đời Phúc-Hải rồi, vua Mạc thăng cho ông làm Lại-bộ Thượng-thư Tô-xuyên-hầu, sau ông mất lại tặng Thiếu-bảo Tô-quận-công. Ông Hồi-trai làm bài bi-minh cho ông có câu tán rằng:

徽 南 之 洪。望 重 蘇 公。

Linh-nam chí Hồng, vọng trọng Tô-công.

堅 眞 石。天 地 始 終。

Kiên mẫn trinh thạch, thiên địa thủy chung.

Dịch:

Nước Nam châu Hồng, có ông Tô Vũ, dẽ bìa muôn đời, đất trời còn đó.

Nguyễn Thái-Bạt 阮 泰 拔

Nguyễn Thái-Bạt sinh ở làng Bình-lũng nay cải là Bình-phiên. Đỗ Đinh-thí Hoàng-giáp đời Lê, làm quan đến Hán-lâm-viện Mạc Đăng-Dong cướp ngôi Lê, ông bỏ quan về làng giả-cách thông-mạnh. Vua Mạc bách mời mãi ông phải ra kinh vào yết. Ông xin vào gần bệ-tiền thưa việc, nhân đó ông nhô vào mặt Đăng-Dong và chửi àm lên rồi đâm đầu vào cột đèn mà chết. Vua Mạc cũng không căm giận gì, lại sai khám-liệm và cho vào quan-tài, rồi cho đưa về nhà, khen ngợi tử-tế. Đến sau nhà Lê trung-hưng, bao-tưởng ông vào hàng tiết-nghĩa và phong-tặng huy-hiệu làm Phúc-thần. « Người đời di qua cửa miếu làng Bình-phiên thờ ông Nguyễn Thái-Bạt và cửa miếu làng Kim-quan thờ ông Lại Kim-Bảng ở liền đấy, tưởng khi-tiết xưa, còn ghê rợn cả người mà sinh lòng kính sợ », đó là lời của nhà chép sách « Hải-dương phong-vật » vậy.

Ông Nguyễn Thái-Bạt có tập thơ vịnh các danh-nhân trên Quốc-sử, nay còn.

Phạm Trấn 范 鎮 và Đỗ Uông 杜 汪

Phạm Trấn sinh ở làng Lam-kiều huyện Gia-lộc. Đỗ Uông sinh ở làng Đoàn-tùng, sau đổi là Đoàn-lâm, huyện Thanh-miện, Hải-dương, cùng lân-cận nhau. Hai người từ nhỏ cùng thông-minh và cùng biết nhau, cùng ganh nhau, ai cũng tự-phụ nhận đỗ Trạng-nguyễn.

Năm Quang-bảo (1554-1561) nhà Mạc, hai người cùng 34 tuổi cùng thi hương đỗ. Đến dinh-thi-thí Phạm Trần dỗ Trạng-nghuyên, Bồ Uông dỗ Bảng-nhôn. Uông từ quá, hôm vinh-quí về cùng một lối, Uông cứ cho ngựa dingang với ngựa Trần chứ không nhường Trạng. Về đến đầu cầu Đoàn-khé, tục gọi là cầu Cốc, đầu cầu có cột hàng ngồi bán hàng nem rượu, người có vẻ xuân-sắc, tên gọi cô Loan. Trần bèn ước với Uông rằng: « Cầu ngoại 10 gian, hế di đến gian thứ 7, ai làm được một bài thơ nôm thất-ngôn tám câu vịnh bằng cõi Loan mà câu nào cũng có một tiếng về loài « chim », thi di trước không nên ganh nhau nữa. » Đến gian thứ bảy quanh-trên Trần đọc lên một bài hay lắm, mà Uông thi chừa nghĩ xong, từ đó Uông mới chịu nhường Trần di trước, nhưng cũng vẫn chưa phục hẳn. Mãi sau vua Mạc thi lấy người vào tòa Đông-các, bài thi có một bài thơ ngũ-ngón đề là « Văn-vũ tinh-dụng 文 武 並 用 », phải làm đủ 15 vần mà lấy tam giang 三 江 là vẫn rất ít chữ và khó dùng. Trần lại dỗ đệ-nhất, Uông lại dỗ đệ-nhị, từ đó mới chịu nhau.

Người ta nói từ thủa hai người còn chưa dỗ-dạt, ngồi đánh chén với nhau, khi ngà-ngà, mỗi người đọc bốn câu tản rượu đề ngũ-chi với nhau. Ông Uông đọc thơ rằng :

有 黃 用 黃。無 黃 用 火。

Hữu hoàng dung hoàng, vô hoàng dung
hỏa (1)

所 用 成 宜。無 適 不 可。

Sở dụng hâm nghi, vô thi bất khả.

Dịch :

Có nồng uống nồng, có nhạt uống nhạt; tùy tiện ta dùng, thế nào cũng được.

Ông Trần đọc tiếp rằng :

有 黃 則 飲 火 酒 則 絶。

Hữu hoàng tắc àm, hỏa tấu tắc tuyệt;

有 適 此 言 天 地 日 月。

Hữu vi thử ngôn, thiên địa nhật nguyệt.

Dịch :

Nồng thi uống chòi, nhạt thi thôi hẳn; ở chẳng như lời, đất trời làm chứng.

Coi đó đủ biết chi-hướng của mỗi người đã một khác rồi. Sau Mạc mất, Lê trung-hưng lên. Uông ra với Lê lại làm quan đến Hộ-bộ Thượng-thư, chết tặng phong Phúc-thần. Trần thì cáo từ về quê không chịu ra.

Áy cái chỗ học-văn thực-tiễn quan hệ đến danh-tiết của hai người hơn kém nhau là ở đó. Song tục thường không biết nghị-luận đến, chỉ nhàn cái chuyện giai-sự nhô-mọn về khoa-bảng trên kia rồi bịa ra lầm câu mê-tiu hù-bại, như nói : Uông thi được hòn ngọc của yêu-tinh cho nuốt đi nên thông-minh, Trần thi được mả tò có thần-dồng phụ-nhĩ, v.v.. Nay đều lược bỏ đi.

Nguyễn Hữu-Chi 阮有志

Nguyễn Hữu-Chi sinh ở làng La-xuyên, phủ Nam-sách. Con ông Nguyễn Thủa-Súng, Hoàng-giáp, tham chính-sử nhà Mạc. Chủ Nguyễn Hữu-Chi là Nguyễn Vụ-Thực cũng dỗ Tiến-sĩ làm Công-bộ Thượng-thư nhà Mạc. Nguyễn Hữu-Chi dỗ Tiến-sĩ năm Hồng-ninh (1591) nhà Mạc, làm đến Lê-bộ Tả-thi-lang kiêm Quốc-tử-giám Tுng-nghiệp. Đến khi Mạc thất-thế, Nguyễn Hữu-Chi hiệu - thuân theo họ Mạc lên ở Cao-bằng. Sau đánh nhau với quân nhà Lê bị bắt ở trận-tiền cam chịu làm-hình chứ không hàng.

(1) Hoàng 黃 = Rượu hoàng-trầu, rượu nếp ủ ấy nhẹ lành. Hỏa 火 = Hỏa-tẫu, rượu mạnh cát lấy, dốt cháy.

Trần Tự-Bảo 雜字寶

Trần Tự-Bảo cháu tam-dai ông Trần Năng đời Lê, sinh ở làng Quan-son, phủ Nam-sách, Hải-dương. Thuở bé mồ côi cha, ông bạn của cha là Nguyễn Trạng-nghuyên dem về làng Canh-hoạch, huyện Thành-oai nuôi dạy cho. Người họ nhà Nguyễn Trạng-nghuyên có Thường-quốc-công Nguyễn Quyện lại xin làm con nuôi. Lớn lên tài-học lừng-lẫy, đồ Giải-nghuyên rồi đỗ Đống-các năm Quảng-hòa (1541-1546) nhà Mạc, làm đến Tham-chinh-sứ. Ông làm quan rất là thanh-liêm, thường túng thiếu. Ông có tài lâm văn nôm, thường viết những bài văn nôm đi vay thóc, xin áo, xin đồ ăn của người thân, những bài văn nôm ấy người ta đều truyền-tụng ở đời. Thường-quốc công vẫn phải chầu-cấp

ma không dù. Khi ông làm quan ở xứ Bắc, có một người dào được một buồng cau bằng vàng đem đến lè ông. Ông khước đi mà rằng: " Cho dem về để cho con cháu nhà ngươi ».

Ông có tài văn-học mà chăm đào-tạo cho hậu-tiến. Trạng-nghuyên làng Xác-khé, Bảng-nhỡn làng Ngũ-hạ, trong hảng huyện là học-trò của ông gia-công rèn-lập cho, cho nên ông được phong là Văn-phạm Bá 文範 柏.

Sách của ông viết, nôm thi có quyền *Chi-linh phong-thờ kỵ 至靈風土記*; chữ nho thi có truyện *Tử-ngang 子昂*, bài phú *Ngư-liêu canh-mục*, đều lưu hành ở đời.

(Còn nữa)

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

KHẢO VỀ HIỆN-PHÁP VĂN-QUỐC

V

Nước Mỹ. — Mười ba châu đều tính so số nhân-khẩu mà cử nghị-viên ra Đại-nghị-viên, đều tính so số nhân-khẩu nhiều ít mà nộp thuế quốc-dung. Cách định số nhân-khẩu nhiều hay là ít của các châu thi hợp số nhân-dân tự-do, số thợ lâm có định-kỳ và số một phần ba nhân-dân bắt tự-do lại mà tính.

Điều-tra số nhân-khẩu của các châu thi đến sau kỳ đệ-nhất hội-nghị của Quốc-hội nước Hợp-chung năm thứ ba sẽ thi-hành. Từ đó trở đi, cứ 10 năm lại điều-tra lại một kỳ nữa (cứ thi ba tiết thứ hai).

Nhân-dân bản-quốc muốn thiền-cứ ra ngoại-quốc, nhân-dân ngoại-quốc muốn thiền-cứ vào bản-quốc, mà đã

được các châu trang cho rồi, thì quốc-hội nước Hợp-chung không được ngăn-cấm. Tuy-nhiên, đến năm 1803 thi thời, bấy giờ thi được đòi thuế khát-quốc với thuế nhập-quốc của những người ấy, mà mỗi người không được quá 10 đồng bạc.

Đặc-quyền về giấy « bảo-thân-trang », phi gấp lúc nội-hoa ngoại-hoa giao-bach cùng lúc vi duy-trí công-an, vạn-bắt-dắc-dĩ thi không được thu doat-lấy.

Không được thi-hành « ô-hay/ lệnh ».

Thuế nhân-dân với thuế trực-tiếp của nước, phi theo vào sự điều-tra ở cầu thứ ba tiết thứ hai đã nói thi không được đánh thuế.

Phàm những vật tư trong các chán trả ra, không được đánh thuế.

Những qui-diều thông-thương và thu thuế ở các châu với nhau không được phân-biệt dày nhẹ kia nặng. Phàm đồ-vật ở châu này chở đi châu nọ đến giữa đường lại rẽ vào châu khác, thi châu ấy không được bắt nộp thuế hải-quan.

Ở nội trong nước Hợp-chủng không cho ai được có xưng-hiệu về quý-tộc. Phàm người có quyền-lợi và lâm quan ở trong nước Hợp-chủng, không có Nghị-hội cho phép thì không được chịu những đồ-tặng-dị, quan-tước và tôn-hiệu của ngoại-quốc ban cho (tiết thứ chín).

Quốc-hội không được định lấy giáo-não làm quốc-giáo; không được đặt pháp-luat để chế-hạn quyền tín-giáo tự-do, quyền ngôn-luận xuất-bản tự-do, quyền tập-hội tự-do và quyền minh-nguyên (diều 1. Hiến-pháp tám thêm).

Đã chính-đốn linh-dân-binh là vi-cơ giữ sự quốc-an thi trừ-tàng đồ-vũ-khi là quyền-lợi của kẻ nhân-dân, không được xâm-phạm đến (diều 2).

Binh-linh khi binh-thời không có chủ-nhân-trung cho thi không được vào nhà người ta mà đóng. Khi chiến-tranh không theo lề-thức của pháp-luat đã định cũng không được vào đóng trong nhà ai (diều 3).

Thân-thề, gia-trach, văn-thư, tài-sản của nhân-dân vò-cố không phải bị ai tra-xét thu-giữ. Như lúc có giấy-quan-sức tra-xét thu-giữ thi phải là việc đã có hình-tích khả-bằng, sự-trang thuộc thực rồi mới được. Má-phai chưa rõ đến chỗ nào, bắt người nào và xét cái gì.

Vô-luận người nào, phi-bi tố-cáo ở Đại-thẩm-quan thi không được xử-tử-tội và các trọng-tội khác. Nhưng những quan-dối hải-lục cùng những hiện-dịch dân-binh lục nguy-cấp thi sự cáo-tố không phải xử-lý theo diều này. Lại vô-luận người nào, không được vi-

một tội phạm mà bắt tinh-mệnh thành-thề phải chịu khổ đến hai lần. Phàm những việc hình-sự không được ép phải chứng-minh lấy tội-phạm. Phi theo pháp-luat không được đoạt sinh-mệnh, tự-do, tài-sản của nhân-dân. Phi trả lại cái giá vừa phải thi không được thu lấy những tài-sản tư-hữu để làm công-dụng (diều 4, 5).

Phàm việc tố-tung về hình-sự, kê-bi-cáo được quan-pháp-viên công-binh xét-hỏi ở nơi địa-phương bị-phạm; cách xét-hỏi phải làm nhanh chóng và phải hiêu-bảo cho biết nguyên-nhận cùng tinh-chất việc ấy. Kê-bi-cáo mà nhân-có bên nguyên-dùng người làm chứng thi cũng có quyền tự-dùng người làm chứng, tự-dùng thầy-cãi (diều 6).

Phàm những việc tố-tung về tặc-quán phải nộp «tố-tung kim» quá 20 đồng bạc trỏ-lên thi được quan Bồi-thảm xét-hỏi ngay. Những sự-thực mà quan Bồi-thảm đã-xét, trừ luật tặc-quán đã qui-dịnh rồi thi các tòa Án trong nước Hợp-chủng không được xét-lại nữa (diều 7).

Không được đòi sự cung-ứng phồn-quá, không được phạt khoản thực-kim nặng-quá, không được dùng hình-phạt tàn-khốc quá (diều 8).

Không được lấy những diều về quyền-lợi của nhân-dân chép ở trên pháp-luat mà bao ngay rằng quyền-lợi của nhân-dân chỉ có thể mà thôi (diều 9).

Hiến-pháp không cho nước Hợp-chủng lấy quyền-lực mà cấm-hạn quyền-lực của các châu, vì rằng quyền-lực của các châu là vẫn còn ở các châu và nhân-dân trong các châu (diều 10).

Nước húc — Quyền của quốc-dân đều bình-dâng không ai hơn kém ai. Trong các Liên-hàng, nhân-dân nước này đến ở nước khác phải xử-ái cũng nhất-thể như người bản-sinh. Được tru-

cết, doanh-nghiệp, làm quan, tham dự chính-quyền cũng như dân bản-sinh không khác gì Đế-như-pháp-luật bảo-hộ cũng được hưởng như dân bản-sinh.

Quốc-dân nước Đức được giữ những quyền-lợi này, không cho Chính-phủ bản-quốc nào được chế-hạn đi, hoặc là Chính-phủ ngoại-quốc trong Liên bang chế-hạn đi.

Những qui - định cứu giúp dân nghèo, những qui - định biến vào hò - tịch, không được trái với câu thứ nhất điều này (điều 3).

Lệ tuyênn-thệ

Hiến-pháp các nước đều trọng sự tuyênn-thệ cũng là lấy cách tâm-giao để bồi-khuyết vào chỗ u-ần trong lòng người mà pháp-luật không biết tới được. Nay liệt ra sau này.

Hiến-pháp nước Anh về bản Pháp-diễn điều thứ ba : « Phẩm xira nay những người tuyênn-thệ để tỏ lòng trung-công phục-pháp thì nay vẫn cứ tuyênn-thệ, duy cài lại lời thề cũ như sau này : * Tôi với Hoàng-de Duy-liêm bệ-hạ, Hoàng-hậu Diết-liệt bệ-hạ, mỗ (tên) xin trung cần một lòng, nếu bội lời thề này, thân-mình tru diệt .. »

Lại điều thứ chín : khi Hoàng-de hoặc Nữ-hoàng mới lên ngôi, tối kỳ Quốc-hội mới mở phải đến viện Quí-tộc triệu-lập qui-tộc nhân-dân mà tuyênn-thệ ở trước mặt và lấy giấy chép lấy lời thề ấy rồi ký tên xuống dưới.

Hiến-pháp nước Phổ điều 51 : Quốc-vương phải tuyênn-thệ ở trước mặt hai

viên hội-hợp, tỏ xin không phạm vào hiến-pháp và tuân theo hiến-pháp để hành-chính-vụ.

Điều 103 : Nghị-viên hai viện cùng quan-lại phải tuyênn-thệ trung-thành với Quốc-vương, phải tuyênn-thệ tuân-thủ hiến-pháp.

Hiến-pháp nước Ý điều 22 : Khi Quốc-vương nối ngôi phải tuyênn-thệ ở trước hai viện hội-hợp xin xác-thủ hiến-pháp. Điều 23 thì Nghiệp-chính cũng phải tuyênn-thệ. Điều 49 : Nghị-viên hai viện trước khi chia hành chức-vụ phải tuyênn-thệ tận-trung với Vương-quốc, tuân theo hiến-pháp và pháp-luật để mưu sự hợp-dồng lợi-ích cho Quốc-vương với nước.

Hiến-pháp nước Mĩ, khoản 6 tiết 3 điều 1 nói về viện Nguyên-lão khi dàn-hặc việc gì mà thi-hành quyền thẩm-phán cũng phải đổi thần phái-thệ trước đây. Khoản 8 tiết 1 điều 2 nói về trước khi Đại-thống-lĩnh chia hành chức-vụ phải tuyênn-thệ rằng : « Ta thê xin dem lòng chí-thanh mà làm chức-vụ Đại-thống-lĩnh nước Hợp-chung và kiết lực để tuân giữ hiến-pháp nước Hợp-chung. » Tiết 3 điều 6 thì nghị-viên hai viện, nghị-viên lập-pháp-bộ của các châu; Hành-chinh-quan, Tư-pháp-quan của nước Hợp-chung; Hành-chinh-quan, Tư-pháp-quan của các châu đều phải tuyênn-thệ tuân giữ hiến-pháp.

(Hết)

ĐỒ-NAM

GƯƠNG ĐỨC-DỤC⁽¹⁾

X

5. — Tinh-khắc

— Phàm trong lúc nhát-dung biết điều ấy là một bệnh xấu mà tâm minh muốn trừ bỏ đi ; cài tâm minh muốn trừ bỏ đó tức là thuốc chữa bệnh đấy, phải nên giữ bền cái tâm ấy mà thường đánh thức cho tinh luôn.

— Học-giá phải thường cảnh-tinh luôn, phải thu lấy phong-tâm lại, phải cho giữ cái tâm cho có chủ-tề vững-vàng, nhờ đó mới làm nên sự-nghiệp. Sách *Trung-dung* nói cài tâm rất là quang-dai, rất là cao minh. Nguyên cài tâm vốn quang-dai thật, chỉ vì vật-dục nó làm bế-tắc đi, nên mới khuy-tồn mãi cái thê quang-dai. Cái tâm vốn cao-minh thực, chỉ vì vật-dục nó làm hệ-lụy, nên mới ám-tề mãi cái thê cao-minh đi. Nếu hay thời-thường cảnh-tinh xem xét, thì cái thê cao-minh quang-dai nó vẫn nguyên như cũ. Lại nên xét xem mình có cái bệnh xấu gì, nếu đã biết có bệnh ấy thì quyết bỏ hẳn đi, tức là thuốc chữa đó, như là biêt minh hay nói nhiều quá, thì phải giản-mặc bớt đi; biêt minh ý-tử sơ-lược, thì phải nên tinh-tế mật-sát hơn; biêt minh có cái bệnh khinh-phù nồng-nồi, thì phải nên thâm-trầm trọng-báu hơn; chỉ cốt tại mình dung-công thường đánh thức cái tâm luôn.

— Phàm cái tâm người ta chẳng giữ được thi mất, chứ không có khi nào chẳng còn mà cũng chẳng mất bao giờ ; vậy nên trong một giây-phút mà không gia công tinh-sát, thì chim-dâm đi mất không biết lúc nào. Việc trong thiên-

hạ chẳng phải thi trái, chứ không có lẽ nào chẳng phải chẳng trái ; vậy nên tuy một việc nhỏ mà không gia-công tinh-tế xem xét, thì có khi mắc về đường ác mà không tự biết.

— Trong khoảng một ngày thử xét xem cài tâm minh giữ được mấy lúc ở trong, phỏng ra ngoài mắt mấy lúc. Triệu-công khi xưa có lấy đậu đen đậu trắng để ghi-nhớ những lúc khởi-ciệm về thiện hay về ác ; xem như cõi-nhân dung-công kiêm-diễm như thế thi khá biết vậy.

— Cái công-phu hàm-dưỡng bẩn-nguyên rất dễ giàn-doạn, nếu thấy nó hơi giàn-doạn thi lại phải đánh thức cảnh-tinh luôn, cứ dần-dà tích-lũy từng phân-tắc, rồi tự-nhiên nó tiếp-tục thành một phiến to. (Chu Hồi-ông)

— Những lúc ứng-sự tiếp-vật, lúc nào cũng nên thê-nghiệm, nếu biết là khó mà hết sức trở lại suy-xét thi lại càng thêm tinh sáng; nếu sợ là khó mà lười biếng thi ý tú đều rời-rã như vắng tan hết cả. Những thói tập-tục nó dễ làm chim-dâm lòng người, phải nên thường lấy lời cách-ngôn cảnh-tinh luôn, nhưng đó cũng là tạm-thời bài-khiền mà thôi, phải nên hết sức dung-công về đường tồn-dưỡng, khắc-trí, thê-sát, cho thực biết chỗ só-chỉ, mới có y-cứ mà học-hành, tự-nhiên là nó tiễn mãi lên không thôi. (Lã Đông-lai)

— Ngày đêm tự khò - khắc diễm-kiêm lấy mình còn không rời, còn có

(1) Nguyên Hán-văn của Lương Khải-Siêu. Xem Nam-Phong từ số 159.

công-phu đâu mà đi xét nét người khác. Nếu chỉ trách người nghiêm-mật quá, thi tự-trị mình lại thành ra so-khoáng mất.

— Muốn trách người thi hãy nghĩ xem ta có làm nỗi được việc ấy hay không? Nếu hay làm nỗi được, thi phải nghĩ lại rằng vì ta học theo dǎng thành-hiền nên mới hay như thế, sao nên vội trách kẻ kia chưa từng dụng-công học bao giờ, hay là dụng-công học cũng chưa được là mấy. (Ngô Khang-trai)

— Hễ hơi thấy mình sút kém ấy tức là tǎn-tới đó; hễ biết được cái bệnh của mình ấy tức là thuốc chữa đó. (Trần Bạch-sa)

— Những sự nghe thấy đã quen lâu rồi, thi dấu là xẳng đấy, nhưng cũng không biết là không phải. Tiết Kinh-hiên)

— Công-phu tinh-sát ấy tức là lúc có việc mà mình tòn-dưỡng đó; công-phu tòn-dưỡng ấy tức là lúc vò-sự mà mình tinh-sát đó.

— Học cho đến được biến-hóa khì-chất, lúc thường thi mình không tự biết được, chỉ những khì gặp lợi-hại, trãi biến-cố, bị khuất-nhục, hay là lúc tức giận, gặp những lúc ấy mà mình không tức giận, chẳng kinh-hoảng thất-thổ sợ-hãi gì cả, có giữ được như thế mới biết là chốn đặc-lực đó, mà cũng tức là chốn dụng-lực đó.

— Cái người mắc chứng sốt rét, lúc con nó tuy chưa nồi lên, nhưng cái bệnh-côn nó vẫn còn ở đó. Lẽ nào đương lúc con rét nó chưa phát ra, mà đã vội quên cái thuốc điều-trị đi ư? Nếu đợi con rét nó nồi lên rồi mới uống thuốc điều-trị, thi đã muộn lầm rồi.

— Hoặc kẽ hỏi: Minh dụng-công rắn sự là lúc mình không biết, cần-thân lúc một mình là lúc mình tự biết, có phải không? — Đáp rằng: Cũng là một công-phu cả, lúc vò-sự vẫn là minh

tự biết một mình, lúc hữu-sự cũng là minh tự biết một mình, dụng-công về những lúc ấy mới là làm ngay tự cõi gốc, làm trong tự nguồn suối, mới là thành-thực. Nếu chỉ những lúc người ta cùng biết cả mới dụng-công xét nét, thi tức là trá-ngụy. Nay lại chia lúc minh dụng-công rắn sự là lúc không biết, thi chi-ly quả; đã biết rắn sự thi tức là biết rồi. — Hoặc lại hỏi: Lúc biết một mình, có phải là chẳng còn có niệm-lý gì không? — Đáp rằng: Cái bụng rắn sự không lúc nào nén thời được, nếu không giữ được cái tâm rắn sự luôn luôn, thi không phải là người, tất là cái tâm đã lưu về ác-niệm rồi. (Vương Dương-minh)

— Ta cố sức chỉ cốt giữ cho không có bụng dục. Làm thế nào mà biết được có bụng dục hay không, phải để tâm suy xét thi tự khắc biết.

— Lâng-lặng tự sǐa mình mới biết rằng không lúc nào rời rãnh, mà còn nhiều chỗ không bằng người. (La Niệm-am)

— Lũ chúng ta không lúc nào là không nhiễm phải thói quen, nhưng phải cõi minh tự giác, lúc nào cũng xem xét luôn, thi cái bộ mặt thói quen không lúc nào là minh chẳng biết; đã hay biết rõ được cái thói quen nó hay tiềm-nhiễm, thi tất không bị phải thói quen nó lấn cướp đi được. (Vương Đường-nam Thời Hóe)

— Nhẫn là phải yêu người, tin là phải tin người, đó là hợp cả đạo trong ngoài làm một vây. Nếu chẳng yêu người thi mình đã là bất-nhẫn rồi; chẳng tin người thi mình đã là bất-tin rồi. Minh hay yêu người thi người ta thường yêu lại, tin người thi người ta cũng tin mình, đó là cái lẽ cảm ứng vậy. Xem thế thi người mà chẳng yêu ta, không những là người bất-nhẫn, mà tại là minh cũng bất-nhẫn vậy; người mà chẳng tin ta, không những

là người bất-tin, mà tại là mình cũng
bất-tin vậy. (Vương Tâm-trai Cẩn)

Khi ông Dương-minh ở Nam-dô, có người vi-tu-oán tâu vu cho ông kẽ ra lâm điệu rất là xấu-xa. Ông mới trông thấy như lấy lâm tức giận, rồi lại tự xét mình mà rằng việc này không nên vội giận, liền gấp thư lại ngồi tự xét mình, đợi khi tâm-hòa khi-bình lại mở ra xem, vẫn còn lấy lâm giận. Lại gấp thư lại tự xét mình, ít lâu rồi hình như con gió thoảng tan đi ngay, không còn nghĩ băn-biết chút gì. Từ đó về sau đâu gặp việc lợi hại to, bị lời hủy-báng dữ, cũng không động tâm chút gì cả. Thường bảo kẻ học-giả rằng: Cách học của người quân-tử chỉ cốt trách tại mình mà thôi, phàm những điều khen chê vinh nhục nó lại, không những là chẳng động đến tâm mình, mà mình lại nhớ đó để mà mài-rữa sửa sang lại. Vậy nên người quân-tử không lúc nào là chẳng tự-dắc, chính là không lúc nào mà chẳng phải là học vậy; đâu trong khi phân-ván thù-tac, mà mình hay thường tình-thức giữ-gìn, ít lâu rồi không cần phải giữ-gìn nữa mà bản-tâm vẫn không mất. (Phan Tuyết-lùng Sĩ-Tảo)

— Người nào gặp phải nghịch-cảnh không khác gì như người yếu, hè mà động một tí thì phong-hàn nó thưa-hư lần vào ngay, cái công giữ-gìn lại phải trọng-dại và rất là tinh-vi lầm. (Lưu Sung-tinh Cảo)

— Xét bè ngoài không then, chẳng qua là khỏi bị người ghét mà thôi; phải xét đến trong tâm không then thi mới không then lòng; khỏi bị người ghét chẳng qua chỉ là anh huong-nghyen giả-dạo-đức mà thôi; tự-vấn mình mà không then lòng mới là người chán quân-tử. (Phùng Thiếu-khu Tùng-Ngô)

— Trong một ngày mươi hai giờ xem xét trong tâm mình khởi-niệm về điều gì, phải kiêm-diêm luôn chờ bỏ qua,

thì mới tần-tới lên được. (Tiền Khải-Tân)

— Lúc mùng nên xem xét, lúc già nên xem xét, lúc lười-biéng nên xem xét, lúc giông-càn nên xem xét, ấy là những điều lớn về khoản xem xét đó. Người ta nếu đến lúc da-tu vọng-trưởng không kiêm-diêm kịp, nếu sai một cái thi hối bất-cập ngay. Người nào nếu hay tồn-duoing cái tâm cho được định-tĩnh, thi cảm-phát ra thất-tinh đều trùng-liết cả, đến như thế mới không phải kiêm sát lầm.

— Hàng ngày diêm-kiểm cốt xem cái chí-nguyên của mình xem tự phần đức-tinh phát-hiện ra, hay là tự phần khichi-chất phát-hiện ra; tự phần ý-thức phát-hiện ra, hay là tự phần vật-dục phát-hiện ra; tĩnh-sát như thế ít lâu rồi tự khắc là nhận biết được bản-lai diện-mục. (Lã Tâm-ngoô)

— Dương lúc cảnh ngộ khđ-sô, công-việc khó-nhọc, phải nên giữ-lấy cái tâm làm chủ, khiến cho bản-thể cái tâm không bị phái vật khác nó thẳng được, công-phu lúc ấy có phần bách-bội lúc bình-thường. Nếu không thể thi dẫu rằng dung-công lúc bình-thường cũng là chưa được chắc-chắn. (Kim Bá-ngooc Huyền)

— Lúc bình-thường vô-sự chẳng thấy điều gì khá mùng, điều gì khá giàn, điều gì khá ngờ, điều gì khá hãi, di thi di, ỏ thi Ỏ, ngồi thi ngồi, nằm thi nằm, kẽ chùng-nhàn với bậc thánh-nhân cũng không khác gì vậy. Duy đến lúc gặp cảnh phú-quí không mấy người chẳng vì nó mà say mê, gặp cảnh bần-tiện không mấy người chẳng vì nó mà sa-sút, gặp bước tháo-thứ không mấy người chẳng vì nó mà rỗi-loan, gặp bước dien-bái không mấy người chẳng vì nó mà khuất-nhục. Thế thi phú-quí là một tầng cửa, bần-tiện là một tầng cửa, lúc tháo-thứ là một tầng cửa, lúc dien-bái là một tầng cửa, qua những tầng cửa ấy không ai là chẳng lô-cá

chân tay, bày cả gan phô ra, không thể nào gượng cười gượng nói, giả cách miễn-cưỡng mà che trở đi được. Vậy phải xét từ đầu nguồn tất phải không một giây-phút nào trái bỗng mất cái nhân-tâm hoàn-toàn thiêng-ly, thì mới hay gặp những cảnh phú-quí bần-tiện, thảo-thú diên-bại, mà đều xử nó như một; lại xét xem khi qua các lăng cửa phú-quí bần-tiện thảo-thú diên-bại, mà hay xử như một cù, thì mới biết là không một giây-phút nào là trái bỗng mất cái nhân-tâm. (Cố Hinh-dương)

— Công-phu tinh-sát chính là cái việc cần trong khi tồn-dưỡng, như là khởi niệm muốn cái gì, phải thè-sát ngay cái bụng ấy xem quả là dục-tâm, thì phải cho nó tiêu-trừ đi mới thôi.

— Một chút việc gì cũng không bỏ qua, một giây phút nào cũng chẳng bỏ trễ, lúc vô-sự thì trong tâm tinh-thức không mờ, lúc hữu-sự thì trong tâm vẫn chân-như tự-tại, như thế mới là hồn-dộng-tâm.

— Trong khoảng ngày thường không có chuyên-chủ việc gì, hoặc quanh-quẩn buồng the, hoặc ưng-thú tân-khách, hoặc tản-bộ ngoài hành-lang, hoặc ngồi qua quyền sách-võ, hoặc bên nை những câu không đâu, hoặc tự-tưởng những kiếp vi-lai quá khứ, hoặc liệu-ly thuốc-thang, hoặc kén-chọn đồ ăn thức mặc, hoặc hỏi vận đầy-tờ, hoặc lường-tinh gao muỗi, loay-hoay sắp đặt chẳng cái gì ưa-thích mà chẳng cái gì không ưa, tự nghĩ rằng như thế thi khỏi phải làm-lỗi, cứ chịu phận vụng-về đóng cửa chặt lại, may ra khỏi sinh tai-vạ. Song đến khi thời-thế đổi dời, cảnh-ngò biến-cái, mới cuồng lên lo sợ rối-bời; truy xét nguyên-nhận chỉ bởi tại lúc trước đã quen vó-sự lười-biếng, chỉ vơ-vẩn nghĩ cùn, hoặc đọc sách mà phụ hội sai-lầm, không có định-kiến gì cả. Vậy nên người quân-tử không nhân lúc nhân-cứ mà lâm bay, không vì lúc thảo-thú mà trái mất lòng nhẫn.

— Ông Diên-binh dạy người phải nên xét xem những lúc mà ngài giận thương vui nó chưa phát ra, cái khi-tượng nó như thế nào, đó là cái công-phu học-vấn thứ nhất vậy. Lúc cái thất-tinh nó chưa phát ra, thì có khi-tượng gì mà xét được, chỉ có là tra-xét cái bệnh-căn minh từ chỗ rất tể-vi, mới biết rằng cái tinh nó tuy chưa phát-lộ ra, nhưng cái ý riêng mèch-léch nó đã ẩn-phục ở đấy rồi; nếu hơi có ý mèch-léch, thì dễ sinh trái-ngược, vậy phải tra-xét rõ-ràng từ chỗ ý-tứ-ý, mà bỏ hết cái lòng thiêng-léch đi, thì cái tàn-thè trung-chính nó vẫn ở đó, đến lúc nó phát ra thất-tinh tự-nhiên đều trúng-tiết cả, bảo là khéo xét khi-tượng là như thế.

— Người ta giữ được cái tâm là rất khó, chợt một lúc giác ngộ mới thấy được cái đạo-tâm trong-sáng, nhưng cũng chưa chắc; chợt một cái hoảng-hốt, phản-ván, rồi lại chợt một cái tạp-nhập, cái đạo-tâm trong-sáng lúc này có khi lại mê-tít cả đi; vậy phải đánh thức nó luôn, như thế thì cũng nhọc lắm vậy. Thế tất phải xét đến chỗ bắn-lai tri-giác, nhưng cái bắn-giác ấy bởi đâu mà tự-giác được, phải ở lúc một mình mới hay tự-giác được; cho nên người quân-tử phải tu-trí từ chỗ u-ám mà càng ngày càng rõ-rệt, tự chỗ u-ám mới hay tinh-vi, tinh-vi mới bay đạt được bắn-tinh, đạt được bắn-tinh mới có bụng thành, có bụng thành mới chân-thực, có chân-thực mới thường giữ được lâu. Vậy nên người quân-tử phải cẩn-thận tự lúc một mình để cho cái lương-trí trong tâm nó thường tinh-thức. Nhưng kỹ nhất là lõi-mõi, lại kỹ nhất là lòng-bóng, lòng-bóng thi không có định-thè, mà lõi-mõi thi không có nhất-trí, như thế mà cầu cho giác, lại không có học-thức chán-thành để xét cho cung-ly, thi chung-quí cũng không thể giác-ngộ được. Học-vấn là cố, để sáng lê mà bỏ những

điều chuồng-tế di, thi mời hay thè xét cả các vật mà không sót, vật nào đều phò mặc vật ấy tự-nhiên rồi đều dắc-sở cả, mà mình đều thấu xét hết cả. Nếu chỉ dụng trí khôn để cầu tri-giác mà không hiểu-học, thì nó bị chướng-tế lại hại lầm, (Lưu Chấp-son)

— Phàm việc gì đều phải diêm-kiêm luôn trong hằng ngày, nếu bảo rằng hấy đợi đến hôm sau sẽ xem xét, thì sau này sửa chữa khó lầm. Huống-chỉ là những việc tiền-đức tu-nghiệp lại chẳng cần tinh-sát lầm tr!

— Hằng ngày trong lúc sắp đi ngủ, phải nên nhầm lại xem trong ngày hôm ấy làm mấy việc lao-lực, mấy việc lao-tâm ? (Tăng Ðích-sinh)

Xét : Trên này là trich-luc về những thuyết * Tinh-sát * của các nhà tiên-nho, lược phân ra làm hai cách : Một là cách phò-thông tinh-sát, hai là cách đặc-biệt tinh-sát. Trong cách phò-thông tinh-sát lại phân ra làm hai cách : Một là tinh-sát về côn-bản, hai là tinh-sát về chí-diệp. Trong cách tinh-sát về chí-diệp lại phân làm hai : Một là túy-thời tinh-sát, hai là định-ký tinh-sát. Cái cách phò-thông tinh-sát là trong lúc nhất-dụng ngày thường bồ ngoái không có cái biến-tượng gì súc phạm đến tâm minh, một mình cũng phải chăm-chỉ kĩ-càng dụng-công tinh-sát luôn, những lúc ấy thì phải tinh-sát cả côn-bản và tinh-sát cả chí-diệp. Tinh-sát côn-bản tức như La Niê-nam bảo rằng phải xét đến cái tâm cho tinh-giác luôn ; Vương Ðường-Nam bảo rằng phải lấy cái tinh-trí-giác mà soi-xét cái thói tập - niềm đam mê mắc vào ; đó đều là dụng-công để suy-cùng cái lương-trí của mình, thì những điều tà-khúc mé-hoặc nó không bởi đâu mà xâm-phạm đến mình được, như thế thì khó-nhọc ít mà công-hiện được gấp hai, hơn những kẻ chỉ thấy nhức đầu cùu đầu, nhức chân cùu chân

nhiều lầm. Song học-văn công-phu khi chưa được thuận-thục, thì cũng không khỏi lầm lúc nhức đầu nhức chân, đã đau nhức thì phải cùu-chữa, thế thi cái cách tinh-sát chí-diệp cũng phải có. Chí-diệp tinh-sát là hễ khi nào động-niệm, khi nào phát-ngón, hoặc khi nào ứng-phó việc gi, đều phải lấy lương-trí mà soi-xét, nên điều gì lương-trí không cho làm phải, thi trừ bỏ đi ngay. Cái công-phu nó phải xem xét những khi mới khởi-niệm, đó là cái cách tùy-thời tinh-sát phải nên hết sicc châm-chỉ. Lại hằng ngày những khi nghỉ-ngơi hoặc lúc nào, phải nên định lấy vài điều tiết-mục lớn mà tinh-sát luôn ; hoặc tóm lấy những ý-niệm ván-vi trong một ngày mà xét xem, đó là cái cách định-ký tinh-sát, tức như thầy Tăng lấy ba việc trong hằng ngày mà xét minh ; thầy Chu bảo rằng trong một ngày phải nên xét xem cái tâm minh được mấy giờ ở trong, mấy giờ vượt ra ngoài ; ông Tăng Văn chính bảo rằng xét trong một ngày loo-lâm mấy việc, lao-lực mấy việc, đều là cái cách kẽ từng việc lớn ra mà xét minh cả. Quí-tắc về đạo Cảnh-giao cứ lúc sắp đi ngủ thì phải cầu-nguyện, lúc cầu-nguyện thì đem những lời nói việc làm của mình, trong một ngày mà mật-cáo với thương-dέ, cũng là ý áy cả. Thế cho nên ta béc Cảnh-giao có ích về việc đíc-dục chính là lúc cầu-nguyện" vậy. Còn như cách đặc-biệt tinh-sát là khi óy nhân ngoại-cảnh chợt có sự gì biến-động lạ thường, có cái súc kích-thích đến tâm ta rất mạnh, không kỵ là những việc đáng mừng, đáng giàn, đáng sợ, đáng muộn, đáng thương, phàm những hiện-tượng ấy đều hay lầm cho chuyền-di cái định-lực của ta, có khi nó iảm cho công-tồn-dưỡng lúc bình-nhật của ta mất đi hết sạch cả ; nếu gặp những lúc ấy mà hay thoảng qua đi cả thi không những là hay học theo đến đạo mà lại hay lự-

lập vững vây. Nếu hay gia-công tinh-sát những lúc ấy thì hễ một lần gặp kích-thích lại thêm lên một phần năng lực, lời ngạn rằng kinh nhặt sự trưởng nhất trí là thế vây. Nếu không hay tinh-sát giữ gìn, thì cái năng-lực nô cũng giàn dần đi mà sinh ra hư-hỗng. Song cái nghịch-cảnh ấy hằng ngày cũng không mấy khi gặp, giả mà gặp phải cảnh ấy tức là trời giúp cho mình để tập-luyện tâm-trí & trong một nhà học-viện, ta nên tự trời mà vâng chịu, mà phải nên cố công-phu như rèn sắt mới nén, nếu đe lỡ ra thì không theo kịp được nữa, vì như kè dũng-sĩ xông vào trận giặc, được hay thua chỉ tại cơ-oir một tí mà thôi ; vây nên người khéo học phải biết cái cách đặc-biệt tinh-sát chờ không nên bỏ qua.

Lại xét : Nay thử đem việc trị nước vi với việc trị tâm : Lương-trí trong tâm minh tíc là hiến-pháp đó, phải phụng-thờ cái lương-trí áy đe làm tiêu-chuẩn cho muôn việc, không được làm trái, như thế thì đại-bản đã lập rồi vây. Cái công phu tồn-dưỡng tíc như các hàng

quan-lại với nhán-dàn đều làm hết nghĩa vụ của mình đe mà cùng ủng-hộ hiến-pháp. Cái công-phu tinh-sát cũng vi nhu linh-cảnh-sát, lúc bình-thường vô-sự phải có linh-cảnh-sát đe duy-tri cuộc trị-an, gặp những sự gì cù-dotong trái hiến-pháp, thi hỏi xét ngay, đó là cách tinh-sát phồ-thông. Hoặc khi trong một nơi nào chợt có sự biến-cố thi phải tăng thêm tinh-cảnh-sát, đe cho có thể lực phòng giữ cho nghiêm, đó là cách tinh-sát đặc-biệt. Cái công-phu khắc-tri cũng vi nhu việc hình, hễ thấy những sự cù-dotong trái phép, bị linh-cảnh-sát bắt được thi phải rắn-tri ngay, chứ không dung-thút đe cho nó làm hại xã-hội ; lại còn những lỗi nhỏ những điều ác bí-mật, đều phải dò-xét ra cho hết, cũng như những việc rắc-rối thi phải dùng đến linh-mật-thám ; có thường tinh-sát kỹ-càng như thế, thi mới hay làm cho thanh cái-tâm được.

(Còn nữa)

ĐÔNG CHÂU DỊCH



VÂN-ĐỀ HỌC-HỘI (1)

Phàm làm việc gì không gì mạnh bằng có dàn, mà không gì yếu bằng chỉ trọi một mình. Trọi một mình thi bí-tắc, bí-tắc thi ngu, ngu-hèn cho nên yếu. Họp thành dàn thi thông-dồng, thông-dồng cho nên khôn, khôn-ngoan cho nên mạnh-mẽ. Xem như ngôi sao và địa cầu hót lấy nhau mà thành ra thế-giới ; vi-chất các điểm bắt lấy nhau mà thành ra hình-thể ; họp và dàn người mà thành ra một họ, tức vạn dàn người mà thành ra một nước, họp đến ức-triệu kinh-cai vô-lượng-số dàn người mà thành ra thiên-hạ. Phàm những kẻ nào không có dàn thi là những kẻ quan-quả cõi-dộc, là đứa dàn tro-vơ không biết kêu vào đâu. Lại xem như giỗng hổ, bão, sư-tử, giỗng voi, ngựa, lạc-dà, to-béo lớn-lao biết chừng nào, thế mà người ta hay giảng-buộc sai-khiến nó được, là vì nó không biết hợp-quần. Người giỗng den ở Phi-châu, người giỗng săm ở Án-đô, người giỗng đỗ ở Nam-dương Úc-dảo và Mĩ-châu, chiếm chỗ đất ở đến mươi-sáu mươi-bảy phần trên địa-cầu, thế mà bị người kiêm-chế như đất con ngựa con dà, như cùi con sur con lợn, chỉ tai là cái cờ không biết hợp-quần mà thôi.

Cái đạo hợp-quần theo về hình-chất mà thành dàn với nhau là bậc kém ; theo về tám-trí mà thành dàn với nhau là bậc hơn ; theo về hình-chất mà thành dàn như là dàn muỗi, dàn chau-châu, dàn ong, dàn kiểng, thi không phải là hợp-quần về nhân-dạo, nếu hợp-quần như thế mãi thi tất là làm hại cả thiên-hạ ; nhưng rồi cũng bị phải cái dàn người có tám-trí nó áp-chép đi ; xem như giỗng người Hồi-hồi hay lấy sức một dàn mà hoành-hành trên đại-lục, rồi cũng

phải thiếp-phục về giỗng Nhát-nhì-man, đó cũng ví như dàn muỗi dàn chau-châu, dàn ong dàn kiến, chứ không phải hợp-quần theo về nhân-dạo vậy.

Còn cái việc hợp-quần theo về tám-trí thời rất vững bền, người Âu-châu đã thực-hành ra ba điều : một là nghị-viện tức là quốc-quản ; hai là công-ti tức là thương-quản ; ba là học-hội tức là sĩ-quản. Song, nghị-viện với công-ti thi thuộc về nghề-nghiệp với biên-luận, nhưng cũng phải có học mới được, vây cho nên học-hội lại là cõi-tử hơn nghị-viện với công-ti. Người trên mà dựng ra nhà học-hiệu, người dưới lại lập ra các học-hội để giúp đỡ lẫn nhau, thế cho nên người Âu mới hay lấy tám-trí mà xưng-hùng với thiên-hạ, đã hơn trăm năm rồi đấy.

Thế thì học-hội phát-khởi ra từ bên Âu-châu có phải không ? Không phải, đó là cái thành-pháp của nước Tàu đã từ hai nghìn năm nay rồi vây. Xem như kinh Dịch có nói rằng : « Người quản-tử cùng với bè-bạn cùng giảng-tập ». Sách Luân-ngữ có nói rằng : « Cõi bè-bạn tự phương xa lại cùng học-tập ». Lại rằng : « Người quản-tử lấy văn-học để cùng họp bạn-hữu ». Lại rằng : « Trăm nhà công-nghệ cùng ở một phố để cùng làm thành sự-nghiệp ; các bạn quản-tử họp nhau cùng học để cùng xét đạo-lý ». Lại như đức Khổng-tử dạy học trò đến ba nghìn, ông Mạnh-tử có kể đệ-tử theo học đến vài trăm ; thầy Tử-Hà giảng học ở Tây-hà ; thầy Tăng-tử dựng nhà học ở Võ-thành ; Tuân Khanh làm chức Tề-tưu giảng học ở Tống, Sở ; Sử-Công họp sinh-đồ giảng học ở Tề, Lỗ ; Lâu Thúc-Tử làm sách và họp đến chín nghìn học trò ; Từ

(1) Nguyễn Hán-văn của Lương Khải-Siêu.

Tuân-Minh hội giảng đến hàng nghìn học trò ; lại như trưởng học Nga-hồ Lộc-đồng, học-xã Đông-lâm Cơ-phục, đều là học-hội rất thịnh; đạo đức tiên-thanh sở-dĩ bất-tuyệt, giống-nòi Hoa-hà sở-dĩ không đến nỗi rợ-moi, đều là nhờ về học-hội cả Học-hội mất đi là bởi tự đầu ? Bởi tại cái tội của các nhà Hán-học tụ triều nhà Thành, mà người Kỳ-Quân chính là đầu tội. Các nhà Hán-học bảo rằng : Người đời nay chỉ nên làm sách chí không nên hội-hop để giảng-học. Người Kỳ-Quân bảo rằng : Nhà Sán mà mất đi là bởi tại bọn đảng-cố ; nhà Tông mà mất đi là bởi tại bọn nguy-học ; nhà Minh mà mất đi là bởi tại Đông-Lâm-học-xã. Than ôi ! nói như thế là nghĩa gì ? Trước kia mười quan Thị nó muốn làm khuynh-hỗn Lý Ung, Phạm Phang; Sài Kinh, Hán Thác-Trụ nó muốn làm vu-hỗn Tư-Mã-công, Chu-Tử; Nguy Trung-Hiền, Nguyễn Đại-Giam nó muốn làm hại Cố-Cao, Trần-Hà, nên nó mới nói ra như thế ; Kỳ-Quân kia là đứa tiều-nhân không còn kiêng nề gì cả, nó chỉ ghét các vị chư-hiền nên nó mới cam-tâm làm nô-lệ với mười quan Thị và Sài Kinh, Hán Thác-Trụ, Nguy Trung-Hiền, Nguyễn Đại-Giam, nên nó mới muốn cấm cả học-hội, mà đồ-tí cho chư-hiền như vậy. Như thế thì tiều-nhân có đảng mà người quân-tử không có đảng, kẻ phỉ-hoại có hội mà bọn chính-nghiệp không có hội, người trong thiền-hạ đều là quan-quả cõi-độc hết cả, mà thành ra loài ngưu-mã lạc-dà, không còn bằng dân-ong dân-kien nữa, than ôi ! thương thay !

Nay những người thông-dát thời-vụ thi đều bảo rằng nên chấn-hưng khoáng-lợi, kiến-trúc thiết-lộ, chấn-chỉnh thương-trường. Nhưng thử đem những học-trò xưa nay chỉ ngâm-nga văn-chương thơ-phù, giao cho làm mọi việc ấy có được không ? Có người bảo rằng đã có bọn học-trò tân-thức đó là

đủ. Nhưng trong một nướ: rộng đến hàng mươi tám tỉnh mà chỉ có chừng ấy học-trò tân-thức thì chắc đã đủ không ? Nhán-tài thiếu-thốn, trăm việc bừa-bãi, mà không có 'người đủ tài học-văn thi sao cho thành được. Nay trong nước hàng bốn vạn vạn người, những người hào-kết có tài thông-minh hay nghiên-c/cu về tâu-học thi cũng có, song không phải số ít người mới học được lõm-bõm, mà hay đủ làm được cả mọi việc. Như là muốn chấn-hưng khoáng-lợi thi phải di du lịch các tỉnh, xem xét các cách khai mỏ và quặng mỏ, và lại phải mua các cơ-khi để làm đồ thí-nghiệm ; muốn kiến-trúc thiết-lộ thi phải có người học về cơ-khí và nghề kiến-trúc cho sành sỏi, thi mới làm nổi được. Phàm những nghề ấy cần phải đi du-học, lại cần phải có đồ thí-nghiệm, thi mới tính-xảo được, chí không phải chỉ nhờ về cái sức của một đội người, mà đã hay cải-cách chấn-hưng được các nghề-nghiệp.

Người Tây cứ mỗi nghề học lại có lập ra một hội như là : nông-học, thương-học, khoáng-học, hóa-học, toán-học, quang-học, trọng-học, y-học, động-thực-học, học nào cũng có một hội học ; đến như nghề chiếu ảnh, nghề vẽ, cũng đều có hội cả, mà người vào hội thi trên từ hậu-phù vương-công, dưới đến kẻ bối-hạ-tiến, họp hội có đến và trăm vạn người, vốn của hội có đến và trăm vạn bạc, trong hội có sách để xem xét, có khí-cu để tiện việc thí-nghiệm, có mỗ bão để tiện việc tuyên-truyền nghề mới, có thầy có bạn để tiện việc giảng-giải nghĩa ngữ, cho nên học gì mà chẳng thành, thuật gì mà chẳng tinh, tân-pháp càng ngày càng xuất-hiện để cho tiện dân-dung, nhân-tài càng nhiều để cho được đông người giúp việc nước ; vì thế mới hay phát-cường nhất cả năm châu, văn-minh hơn cả đời thương-cố.

Xem như nước Anh từ khi thuộc về nước Anh, nào là mở ra hải-cảng, khai ra thương-phụ, đều là bởi thương-học-hội họ hết sức mỗ mang; người Âu-châu từ khi mở đường thông-thương đi du lịch khắp các nơi, nào là về thành địa-dõ, tìm xét các khoáng-vật, không chỗ nào là không đi đến nơi, đều là bởi địa-học-hội họ hết sức tìm tòi. Các nước bên Âu-châu họ đối với các học-hội, đều có lòng tôn-trọng, gia công bảo hộ và khích-khuynh cho thành công. Có khi nhà vua cũng thân-ngự đến hội để cho trọng sự-thiê; hoặc ban tiền trợ-cấp để tân thành cho chóng phát-đạt; bởi vậy cho nên hội càng ngày càng thịnh, thì việc học càng ngày càng tiến.

Nay mà muốn chấn-hưng Trung-qốc, thu lấy cho được nhiều kẻ nhân-tài, thi trước nhất phải lập ra các học-hội và một nhà tổng-học-hội. Trong nhà hội mới là phải lập ra qui-tắc kê những điều lợi-ich chung ra cho công-chúng biết; hai là quyên-trợ các quan giáp vào, cho thêm vật lực, để mỗ-mang; ba là đưa thư mời các bạn đồng-chí vào hội cho đóng, để tuyển lág bắc dì-tái; bốn là gửi giấy di học-hội các nước để thông tin-tức và rông thanh-khí; năm là mời các người Âu-tây vào để giúp ích cho mình về sự cố-vấn; sáu là mua lág các sách tài mà đem phiến-dịch ra để cho liện đọc; bảy là mua lág địa-lô và các báo để cho rông đường kiền-văn; tám là mua lág các cơ-khi để liện việc thí-nghiêm; chín là biên dịch lág các sách hữu-dụng ra bản rẻ để khai-thông phong-khi; mười là nghiêm định công-khoa cho các bạn học, mỗi người chuyên một nghề, để cầu lág thực-học; mười một là tuyển lág những họ-trò tuấn-tú, mở ra nhà học-đường để dạy dỗ cho thành nhân-tài; mười hai là kén lág những người đã học tốt-nghiệp rồi cho đi du-lịch nước ngoài để xem xét thực-nghiệm.

Nay trong một nước rộng lớn mà mới có một vài học-hội, thì cũng ví như một đàn muỗi một đàn ong có thâm vào đâu. Huống-chi trong mấy mươi triệu người, thiếu gì những kẻ sĩ tự-citron tị-lập, chỗ nào là chẳng có, phải nên lập nhiều các phân-hội ra các nơi, chỗ nào cũng có học-hội, mỗi tỉnh có một học-hội ở tỉnh, mỗi phủ có một học-hội ở phủ, mỗi một châu huyện có một học-hội ở châu huyện, mỗi làng có một học-hội ở một làng, đâu ít độ và mươi người, nhỏ độ và trăm bạc, cũng có thể lập nên một học-hội được, tích nhỏ thành lớn, khuếch-sung mãi cho rông ra, thi trong nước không người nào là chẳng học, cứ theo thể mà làm mãi, chừng độ một năm thi thu được vô số kẻ hảo-kiết, ba năm thi dự-bị đủ các nghề học, chín năm thi đã thành có công-hiệu; muốn hưng nông-học thi đã có kẻ nhân-tài về nông-học-hội, muốn mở khoáng-lợi thi đã có kẻ nhân-tài về khoáng-học-hội, muốn hưng công-nghệ thi có kẻ nhân-tài về công-nghệ-học, muốn khai thương-vụ thi đã có kẻ nhân-tài về thương-vụ học, muốn chế tân-khi cầu tân-pháp thi đã có những kẻ nhân-tài về điện-học, hóa-học và các khoa-học, văn-văn, nhân-tài đều do các học-hội tư-cấp tân-thành cho, nên nhiều người thành-tài, dung về việc gì cũng có người tài giỏi, thi-hành ra chính-trị, việc gì mà chẳng xong. Nay nếu tin lời Kỷ Quán nói bậy không cho mỗ-mang các học-hội, trái mất lẽ hợp-quần, thi cây một cột kia sao hay chống giữ được dòng nước chảy; nhân-tài lác-dác như sao sa kia, sao hay mỗ-mang chấn-chinh được việc gì. Vậy nên trước phải cần có nhiều học-hội, gồm được nhiều học-bằng, để tân-trợ cho nhiều người du-học cho thành-tài, thi trong nước mọi sự-nghiệp mới hay chấn-hưng lên được.

CUỘC CÔNG-THÀI THUỘC-DỊA ĐỐI VỚI XỨ ĐÔNG-DƯƠNG TA

Vấn-dề cung cấp dụng-cụ cho các thuộc-dịa để mò-mang về đường kinh-tế, khởi-lên trước dư-luân cùng Nghị-viện nước Pháp, kề-cũng đã lâm-lâm rồi.

Bã được 10 năm nay, hồi năm 1921, ông ALBERT SARRAUT làm Thuộc-dịa - bộ Tổng-trưởng, đã đệ-trình Nghị-viện một cái chương-trình chung về các công-việc khai-thác thuộc-dịa.

Năm 1929, ông MAGINOT làm Thuộc-dịa-bộ Tổng-trưởng lại đệ-trình Nghị-viện một bản dự-án luật mở công-thải cho năm xứ thuộc-dịa để thi-hành cái chương-trình các việc công-chính lớn eo ích-lợi về đường kinh-tế. Trong năm thuộc-dịa đó, thì Đông-duong là đứng đầu.

Tháng 12 năm 1930, Hạ-nghi-viện đã thảo-luận về dự-án công-thải đó, và quyết-nghị ưng-chuẩn, duy-thay đổi một vài điều, hoặc vì nhân tình-thể cản-lai, hoặc vì tự Nghị-viện đề-khởi. Mời đây lại đem ra thảo-luận trước Thượng-nghi-viện, Thượng-nghi-viện cũng ưng-chuẩn không thay đổi gì.

Vậy thi cuộc công-thải sắp mở ở Pháp và cái chương-trình công-chính đã quyết-dịnh sắp khởi-sự thi-hành nay mai. Ta nên biết qua thế-thì cuộc công-thải là thế nào cùng đại-khai cái chương-trình ra làm sao.

1.— Cuộc công-thải thuộc-dịa

Cù theo như bản dự-án năm 1929 thì tổng-số cuộc công-thải thuộc-dịa là 3.000 triệu quan tiền tay (*3 milliards*) mà về phần Đông-duong được 960 triệu.

Khi đem ra thảo-luận ở Hạ-nghi-viện cuối năm ngoái, thì Nghị-viện quyết-nghị tăng lên tổng-số là 3.900 triệu, và phần Đông-duong được 1.370 triệu.

Sở-dĩ tăng lên thế, không phải là vì dự-dinh thêm công-việc ra đâu, chính là bởi mấy việc như sau này xảy ra trong khoảng từ khi đệ-trình dự-án đến khi đầu-phiếu quyết-nghị:

1º Việc thứ nhất là các Liệt-cường đã ký hòa-trước *Versailles* thuận-nhận cái chương-trình Young điều-dịnh về cách trang-trái các bồi-khoản của Đức, nhận đó mà nước Pháp bị giảm mất cái quyền được đòi nợ nước Đức bằng các máy-móc cùng vật-liệu để cung-cấp cho thuộc-dịa, thành ra số tiền để mua các máy-móc cùng vật-liệu đó cũng phải tăng thêm nhiều lên;

2º Việc thứ nhì là trong khi thảo-luận ở Nghị-viện, ông DALADIER là nguyên Thuộc-dịa bộ Tổng-trưởng, hiện là một tay lãnh-tụ dảng cấp-tiến xã-hội yêu-cầu với Nghị-viện tăng số công-thải lên 300 triệu nữa, để mò-mang các cuộc vệ-sinh y-tế giữ gìn cho nhân công làm việc ở các xưởng công-chính thuộc-dịa khỏi phải ốm-dau-tật-bệnh (trong số 300 triệu đó thì một Đông-duong được 120 triệu);

3º Việc thứ ba là thuộc riêng về Đông-duong. Trong dự-án năm 1929 là tính theo giá bạc 12 quan, đến năm 1930 thì Chính-phủ Đông-duong định giá bạc nhất-dịnh là 10 quan. Tiền công-thải cho Đông-duong vẫn là tính bằng quan tiền tay, nhưng chi-dụng ở

bản-xứ thì trả bằng bạc cả, tất-nhiên phải tăng số phai-lặng lên mới đủ.

Nhân vi các lý-do đó, nên bàn luat công-thải mới thuộc về thuộc-dịa Đông-duong định các khoản như sau này :

Các khoản dự-dịnh đề thi-hành cái chương-trình công-chinh do phủ Toàn-quyền Đông-duong đã định : 1.752.000.000 quan.

Các khoản chi-dụng không phải lấy vào tiền công-thải : 502.000.000 quan.

Các khoản chi-dụng phải lấy vào tiền công-thải : 1.250.000.000 quan.

Các khoản chi-dụng thuộc về lời yêu-cầu của ông DALADIER 4.120.000.000 quan.

Tổng-công tiền công-thải là 1.370.000.000 quan.

Các diề-kien cốt-yếu về công-thải như sau này :

1º Công-thải sẽ chia ra hàng năm mà trả, chính-phủ Pháp phải đứng lên bảo-linh ;

2º Các khoản cần-dùng để trả nợ hàng năm vừa gốc vừa lãi, phải biến vào sổ dự-toán Đông-duong làm khoản chi-liệu cưỡng-bách ;

3º Hạn 50 năm là cùng phải trang-trái hết cả vốn lân lãi ;

4º Công-thải không thu một lúc, tùy cần-dùng đến bao nhiêu thì do quan Toàn-quyền tự xin với Bộ gọi thải bấy nhiêu cho mãn-tổng-số đã định ;

5º Mỗi kỳ gọi thải phải có sắc-lệnh quan Giám-quốc chiêu theo tờ trình của hai quan Thuộc-dịa và Tài-chinh Tông-trưởng, trong sắc-lệnh nói rõ cách-thức mờ thải thế nào, cùng các khoản chi-liệu về những công-việc gì ;

6º Mỗi khi khởi-công một việc gì phải có tờ tư của quan Toàn-quyền, tờ trình của quan Thuộc-dịa, ý-kien của quan Tài-chinh, rồi quan Giám-quốc mới ký sắc-lệnh cho phép ;

7º Phái những máy-móc cùng vật liệu cần-dùng cho việc công-tác mà trong bản-xứ không có hoặc không lấy được ở các bồi-khoản bằng hiện-vật của Đức, thì phải mua ở Pháp và phải trả bằng tầu Pháp. Khi nào có duyên-cơ cần-cấp thì có thể làm trái điều này được, nhưng phải có nghị định quan Tông-trưởng Thuộc-dịa cho phép mới được.

2.— Chương-trình các việc công-chinh lớn

Các việc công-chinh lớn, như làm đường, bắc cầu, đào sông, to-ri ruộng, là những việc có trực-tiếp quan-hệ đến sự thịnh-vượng chung trong một xứ, nên cần phải nhìn xa trông rộng, mà làm cho to-tát, nếu không thì không khỏi có ngày cả nền kinh-tế trong nước bị ngưng-trệ dinh-dôn vậy.

Xứ Đông-duong này, diện-tích rộng-rãi, hình-thể tiện-lợi, tài-nguyên phong-phù, nhân-dân dã khai-hóa, phát-dạt lại rất mau, nên sự cần-dùng cùng sự lợi-ich về đường kinh-tế cũng là lớn-lao phiền-phức vô-cùng.

Các quan Toàn-quyền cầm quyền thủ-hiện xứ này cùng các nhà kỹ-sư chủ-trương việc công-chinh, cần hiểu rõ lẽ đó trong khi dự định cái chương-trình công-chinh ta xét đây.

Chương-trình đó không phải là một kế-hoạch hoàn-toàn nhất định, chỉ là một bước đường trong sự nghiệp khai-thác xứ này, một bước đường trong thời-gian và trong không-gian vậy.

Trong thời-gian là vì tiếp-tục cái công-cuộc khai-thác từ trước đã làm cho xứ Đông-duong mỗi năm thu-hoạch được thêm lên hơn 3.000 triệu quan, và là khởi-công một cái chương-trình mới khuêch-trương thêm ra mà thôi.

Trong không-gian là vì đồng-thời với các công-trình lớn sắp thi-hành,

Đông-dương vẫn dùng các thường-khoản trong ngân-sách hằng năm mà làm nhiều các công-trình mới khác nữa cùng những việc bảo-lawn tu-bồ các công-trình cũ.

Hoặc-giả nói : hiện nay nền kinh-tế trong thế-giới đương qua một hồi khủng-hoảng, xứ Đông-dương cũng phải chịu cái ảnh-hưởng xấu, giữa lúc này có nên khởi-hành những công-trình lớn-lao như vậy không ?

Ông Thương-nghị-viên MESSIMY trong tờ báo-cáo cho Thương-nghị-viên về bản dự-án công-thái, đã nói quâ-quyết rằng nên làm.

Vì lẽ như sau này : cai-tinh-thể khủng-hoảng về kinh-tế ngày nay làm cho các nông-sản cùng các nguyên-liệu không thể tiêu-thụ ra ngoài được, thành ra nhân-dân bản-xứ phải chịu thiệt-thời, những miền trung-châu đồng-dúc, người nhiều việc ít, cách sinh-hoạt không khỏi phải kham-khô.

Nay nếu mở công-thái thi mầu quoc đem tiền sang thuộc-dịa để chi-dụng về các việc khai-thác, người dân tiễn-thị có công-việc làm, có tiền lương ăn, tức là một cái kẽ hoạch cứu-cơ cứu-bần cho dân dô.

Nay xét qua các công-trình sẽ khởi-hành bằng tiền công-thái như sau này thi biết toan là những việc có ích-lợi

to về ba phương-diện chính-trị, xã-hội và kinh-tế.

Như việc tạo-tắc cùng tu-bồ các đường xe lừa là chủ-ý đề khai-thông cho hai xứ lớn trong cõi Đông-dương này, là Cao-miên và Ai-lao, hiện nay đường giao-thông bị-tắc không liên-tiếp được với các xứ khác trong cõi, mà cứ hình-thể tự-nhiên thì lại muốn khuynh-hướng ra nước ngoài, như thế không khỏi có nhiều điều bất-tin. Xe-lừa lại còn một mục-dịch nữa là nối miền Bắc nhiều người ít đất với miền Nam nhiều đất ít người, để cho nhân-công giao-dịch được dễ và việc khai-thác cũng được tiện-lợi.

Lại những công-trình phụ-trúc đê-bối cùng dẫn-thủy nhập-diện, là những công-trình lợi-nông cá, ở một xứ đê-nông-vi-bán, thật là lợi-sič vō-cùng vậy. Giữ được cho nhà nông khỏi phải những cái nạo nước lụt hạn-hán, thật có ảnh-hưởng to không những về đường kinh-tế, mà cả về đường xã-hội, chính-trị nữa.

Còn những đường điện-bảo điện-thoại, đặt thêm ra, sửa-sang lại, đó cũng là một việc cần cho một xứ lớn đương mờ mang về đương kinh-tế. Sau đây kê ra cái biểu-lịt các công-trình lớn thuộc về ba hạng đó và chỉ rõ mỗi việc trị-giá là bao nhiêu, tính bằng bạc Đông-dương, mỗi đồng định giá 10 quan.

A.—Đường xe lừa

1º Đường xe lừa từ Phnom-penh đến Battambang	20.100.000	đồng.
2º Đường xe lừa từ Tourane đến Nha-trang	52.800.000	—
3º Đường xe lừa từ Tan-ăp đến Thakhek	27.600.000	—
4º Đường xe lừa từ Sài-gòn đến Tây-ninh	6.000.000	—
5º Mua dụng-cụ cùng máy-móc cho các đường dã khai-thông rò	7.200.000	—
6º Làm nốt đường xe-lửa Lang-bian	2.160.000	—
Công là	116.160.000	đồng.

B.—Việc tri-thủy

Phu-trục các dê Bắc-kỳ	9.600.000 đồng.
Thoát nước các khu thuộc sông Đáy	4.800.000 —
Dân-thủy miền Ké-Sặt và Hưng-yên	8.400.000 —
Dân-thủy mía tinh Trung-kỳ (Quảng-nam, Quảng-trị, Nghệ-an)	21.600.000 —
Làm nốt các việc dân-thủy còn dở dang (Bắc-kỳ thì sông Cầu-Sơn-tây, Trung-kỳ thì Phú-yên, Thanh-hoa, Thừa-thiên)	3.840.000 —
Cộng là	48.240.000 đồng.

C.—Điện-báo và điện-thoại

Dặt thêm và tu-bồi các đường điện-báo điện-thoại cùng xây dựng các nhà cửa	10.800.000 đồng.
Tổng-cộng cả ba khoản là	175.200.000 —
Tính ra quan tiền tây là	1.752.000.000 quan.

A.—Nói về đường xe lửa

Trong năm đường xe lửa kè trên kia, thì ba đường là Phnom-penh— Battambang, Tân-Ấp—Thakhek và Lang-bian (từ nơi « Cây-dồ » cho đến Dalat) đã khởi công làm từ 1929. Hiện nay vẫn đường làm cẩn lâm, vì lẽ kinh-tế bắt buộc phải làm ngay, không thể đợi cho Nghị-viện quyết-nghị cuộc công-thái rồi mới khởi-hành.

1º Đường Phnom-penh—Battambang.— Đường này dài 275 cây số, là một đoạn thuộc về con đường xe lửa quốc-tế lớn ở phía nam Đông-dương, định nối Sài-gòn với Bangkok, và nhân đó tiếp với các đường xe lửa Xiêm-la cùng Ấn-dô.

Đoạn này mà làm xong thì nước Cao-miên sẽ có một đường xe lửa nội-địa cần cho việc giao-thông vận-tải trong nước. Đường này sẽ mở cho các tỉnh miền trong sán thóe nhiều được trực-tiếp với kinh-dô Phnom-penh, ở trên sông Cửu-long, vừa là một cái bến sông thuyền bè đi lại đóng, lại vừa có thể coi là một nơi hải-cảng cũng

dược, vì những tàu bè đáy sâu năm thước có thể lên đến tận đấy dược.

Việc xây dựng đường xe-lửa đó đã giao cho Công-ty Xe-lửa phía nam Đông-dương, là một chi-cục của Tổng-công-ty Thuộc-dịa. Đường này khởi-công từ năm 1929, đã tiến-hành lâm, làm mau hơn kỳ-hạn dự-dịnh.

Đến ngày mồng 1 tháng 7 năm 1930, việc đắp đường chia ba đã làm dược hơn nột phần, còn những cầu cống cùng nhà cửa, làm cung tần-tới lâm.

Những máy-móc dụng-cụ cần dùng, như đường sắt xe-lửa chạy, xe-lửa kéo, hầu hết là lấy ở các bối-khoản hiện-vật của Đức.

Các đồ vật-dụng đó bắt đầu nộp từ tháng 9 năm 1930.

Số nhàn-công làm ở các xưởng năm 1930 là 5.000 en-ly (trong số đó có 700 người Khách) và 350 cái xe bò, người làm toàn là người trong bản-xứ, không cần phải mò người ngoài.

Việc y-tế trong các xưởng sắp đặt chính-đốn, do sở Công-chánh kiêm-

2' — Đường Tân-ấp— Thakhek.— Đường xe-lửa này lối quan-trọng cho tương-lai bản-xứ.

Đường này là cốt dẽ « mở cửa » cho xứ Lào, là cái kho trù-bị kinh-tế của Đông-dương, hiện nay giao-thông với các xứ khác chỉ có con đường sông Cửu-long, dãy những ghềnh cùng thác, khó đi lại lắm, với hai đường con chạy ô-tô được từ duyên-hải Trung-kỳ chạy vào. Đường xe-lửa này mà làm xong thì các sản-vật xứ Lào có thể vận-tải ra Trung-kỳ Bắc-kỳ được, chừ hiện như bây giờ các đường xe-lửa Xiêm đã tần-tới lắm, phần nhiều hàng-hóa theo đường Bangkok mất cả.

Đường Tân-ấp— Thakhek dài 186 cây số, sê-nỗi đường Đông-dương đại-lục cùng các bắc-cảng Trung-kỳ Bắc-kỳ với triền sông Cửu-long giữa vào phần đầu bắc di lại được.

Đường kè cũng không dài mấy, nhưng đặt khó lắm, vì phải chạy qua dải Trường-sơn tới 150 cây số, rừng rậm núi cao, khì-khu hiểm-trở lắm.

Hai đầu đã khởi-công làm từ năm 1929, về phần Trung-kỳ một « lô » 18 cây từ Tân-ấp đến Xóm Cúc, về phần Ai-lao một « lô » 16 cây từ Thakhek đến Pha-vang, dè lối đường mà tiến vào « lô » giữa là phần rừng núi khó làm hơn nhất.

Kè đến ngày mồng 1 tháng 7 năm 1930, công-việc trong hai « lô » đầu đã vẫn tiến-hành được tuân-tự.

Còn đoạn giữa, thì đã đặt một con đường nhỏ để cho phu-phen di, và định đặt một đường xe lửa trên không dài 43 cây để chở các vật-liệu, việc này giao cho Công-ti Heckel ở Sarrebruck lĩnh-trung. Các kỹ-sư của công-ti này đương dự-bị đặt đường đó.

Còn các công-việc dự-bị dè đặt đường sắt thì hiện nay đương tiến-hành. Lại trù-tinh các phương-pháp dè phòng-bị bệnh ngã nước cho phu-phen đến làm.

3' Đường Lang-bian.—Đường Lang-bian mà làm xong thì sê-nỗi đường Đông-dương đại-lục với đất cao-nghien Lang-bian (phía nam Trung-kỳ), khi ấy từ Sài-gòn với Dalat là sô-nghỉ mát và đường-bệnh lớn ở phía nam Đông-dương sẽ di lại được rất mau chóng.

Chỉ còn có hai đoạn, dài cả thảy là 22 cây nỗi nơi gọi là « Cây dồ » với Dalat.

Đoạn từ nơi « Cây dồ » đến nơi « Rừng con » đã khởi-công từ cuối năm 1929, đoạn từ nơi « Rừng con » đến Dalat, khởi-công từ đầu năm 1930.

Trừ nhà ga Dalat, phải làm nhà lầu với vòm-tucket chung-quanh không kè, còn cả hai đoạn xe-lửa thi ước chừng tháng 7 năm 1932 sê hoàn-thành cả.

4' — Đường Tourane—Nha-trang.—Đường này dài ước 550 cây, làm xong thì là hoàn-thành con đường Đông-dương đại-lục chạy suốt từ Bắc chí Nam, do quan Toàn-quyền Doumer khởi xưởng ra từ năm 1898. Đường này nối Hà-nội với Sài-gòn, khiếu cho nhân-công cùng hàng-hóa Nam-Bắc giao-dịch với nhau được tiện lợi, xứ Bắc thi dân số nhiều, xứ Nam thi dân-diễn lớn, một đảng cầu phải di-dân di, một đảng cần phải tiếp dân lại. Khúc đường này lại chạy qua mấy tỉnh trù-phủ ở Trung-kỳ và các cửa bắc Tourane, Qui-nhon và Nha-trang.

Công-việc dự-bị đã chu-đáo lắm rồi. Hết hai công-ti lĩnh-trung thành-lập thi có thể khởi công ngay được.

Hiện đương xây các nhà ga, các xưởng-thợ, dè cho quan-viên sở Công-chính cùng người làm của công-ti có chỗ ở. Lại các đường hành-dịch cũng đương sửa-soạn dè nỗi với đường Thiên-lý cho tiện.

Lại ở Tourane và Ba-ngòi gần làm xong hai cái kho lớn để chứa các vật-dụng bằng sắt thu-nhận được về khoản bồi-thường hiện-vật của Đức. Vật-

dụng này gồm được 300 cây-lô-mét đường sắt cùng các thang sắt để làm cần cồng, cầu cồng ở đây thì phải làm nhiều lầm, vì hình-thể hiểm-trở.

5' — Đường Sài-gòn — Tây-ninh. — Đường xe-lửa này cũng như đường Phnom-penh — Battambang là một phần đường nối Sài-gòn với Bangkok qua Nam-kỳ và Cao-miền.

Đường này là khởi đầu một con đường sau này nữa nối Sài-gòn với Kong qua Tây-ninh, Kong là nơi cuối cùng về phần hạ-lưu sông Mekong, đến đây thuyền bè không thể đi lên được nữa.

Đường xe lửa này dài 97 cây.

Năm 1920 đã nghiên-cứu lại kỹ-càng và năm nay có thể bắt đầu làm các công-việc dự-bị.

6' — Đồ dụng-cụ cho các đường xe lửa đã chạy rồi. — Tuy ngày nay ô-tô chạy nhiều, mà các đường xe lửa chạy vẫn đông lầm, sau này lại có các đường mới làm nữa thi sự vận-tải bằng xe lửa lại càng phát-đạt thêm.

Vậy các đường đã chạy rồi định đặt thêm và chỉnh-dốn lại các đồ dụng-cụ, đại-khai như: mua thêm các xe tốc-hành, dùng cái «phanh» (*frein*) tự-dộng cho cả các hạng xe, đường sắt sửa lại cho chắc, đặt các dấu-hiệu mới, các đường xe tránh, các bệ đựng nước, các xưởng thợ lam. Lại nhà ga Sài-gòn bây giờ chất-hẹp quá, sau này mở thêm đường chạy thi quyết là không đủ, vậy cũng cần phải mở rộng thêm ra, năm 1930 đã nghiên-cứu cách khoảng-trường, năm 1931 có thể khởi-hành các công-việc dự-bị được.

B. — Nói về các công-cuộc tri-thủy lợi nông.

Một nước lấy nghề làm ruộng làm nghề cẩn bắn, lấy gạo làm món ăn cốt-yếu cho người ta, thi những việc lợi-nông tri-thủy là quan-hệ và ích-lợi vô-cùng.

Những việc làm ở Nam-kỳ, Trung-kỳ, Bắc-kỳ, kết-quả hiền-nhiên, thật là minh-chứng.

Những việc đã làm từ trước đến nay, chi-phí tổng-cộng 60 triệu đồng, mà tăng giá-tri diền-dịa lên đến 200 triệu và số thu hoạch hàng năm thêm được 90 triệu, về phần công-quỹ cũng được lợi nhiều, vì thuế diền-thờ nhân đó mà tự nhiên tăng lên vây.

Cái chương-trình trù-tính hiện nay tức là để khiến cho các miền khác ở Trung-kỳ, Bắc-kỳ cũng được hưởng cái lợi diền-dịa tăng giá như vây.

Lại có một mục-dịch nữa, là giữ cho miền trung-châu Bắc-kỳ khỏi phải nước sông Hồng-hà ngập lụt.

Vậy chương-trình này gồm 3 khoản như sau này :

1º Phụ-trúc các đê sông Cái;

2º Thoát nước và dẫn nước cho mấy miền Bắc-kỳ;

3º Dẫn-thủy nhập-diền ở Trung-kỳ.

1) Đê sông Hồng-hà. — Mùa nước lên, sông Hồng-hà chảy mỗi giây đồng-hồ tới 3 vạn thước đứng nước và mặt nước lên có khi tới 11 thước cao.

Những khi nước lên như thế thi ngập lụt tai hại vô-cùng, tự bao nhiêu thế-kỷ đến giờ vẫn thế, tuy cũng có đê, nhưng đê làm tự đời cò không đủ cản được nước sông.

Tự năm 1926, sở công-chinh trù một cái chương-trình lớn phụ-trúc cả các đê lại. Những đê đã phụ-trúc rồi thi qua hai năm nước to, là năm 1928 và 1929, ở Hà-nội nước sông lên từ 11 thước 10 đến 11 thước 40, đều chịu được cả.

Nay những công-việc trù vào khoản tiền công-thải là để đắp phủ bên ngoài một lượt đất sét cho máy nghiên chạy cho thật chắc, không sợ thâm-lâu được nữa. Khi nào công-việc hoàn-thành thi xứ Bắc-kỳ có thể may thoát được cái

nạn nước lụt và các nông-dân sẽ được yên-đòn mà làm ăn.

2) Thoát nước và dẫn nước ở mây miền Bắc-kỳ. — Việc thoát nước các khu sông Đáy là một con sông phụ-lưu của sông Hồng-hà, đến khi làm xong thì sẽ được 10 vạn mẫu tây đem ra cày cấy được mà hiện bảy giờ thi là những đất dầy ú nước mưa cả năm. Việc dẫn-thủy nháp-diễn bằng máy "bơm" ở miền Ké-Sặt và Hưng-yên thi sẽ lợi cho 12 vạn mẫu tây.

Lại việc dẫn-thủy hiện dương làm ở Sơn-tây và miền sông Cầu, cả thảy 5 vạn mẫu tây, định đến năm 1932 thi làm xong, cũng trù vào khoản công-thái.

Các việc lợi-nông đó mà hoàn-thành thi cả xứ Bắc-kỳ sẽ được hơn 30 vạn mẫu ruộng-đất tăng giá-trị lên nhiều.

3) Việc dẫn-thủy ở Trung-kỳ. — Miền duyên-hải Trung-kỳ chỉ có một dải đất hẹp, một bên thi núi, một bên thi biển, mỗi năm đến mùa gió đông-bắc thi khô-hanh, hại cho mùa-máng nhiều lâm.

Bởi thế nên trù tính các việc dẫn-thủy để giúp cho dân mây miền đồng bằng khởi cải nạn hạn-hán, hiện đã trù 15 vạn mẫu tây cho bốn tỉnh duyên-hải, có thể khởi-công làm ngay từ năm nay.

Các khu Thanh-hóa, Thừa-thiên, Phú-yên, muôn lâm là đến năm 1932 là các công việc làm xong, có thể cho nước vào ruộng được.

C.— Điện-báo và điện-thoại

Xứ Đông-dương càng ngày càng phát-dạt về đường kinh-tế, các máy-móc cùng đồ dùng của Thái-Tây, người bắn-dân càng ngày càng quen dùng, thành ra các đường điện-báo điện-thoại bảy giờ không đủ cung-cấp cho sự cần-dùng trong dân-gian nữa.

Vậy cần phải mở-mang to-tát thêm ra nữa, duy các máy-móc thi nêu cần-thận, không nên chi-phí nhiều quá, sơ khoa-học mỗi ngày một lần-tới, máy dùng ngày nay, có lẽ ngày mai đã qua cũ-vây.

Vậy trong khoản công-thái này trù một tổng-số là 10 triệu 800 nghìn đồng về mục điện-báo và điện-thoại, chia ra làm 8 năm để chi-dụng các việc cần-cấp.

3.— Nói về các phương-pháp thi-hành

Muốn biết cho rõ các cách-thức chuẩn-bị thi-hành cái chương-trình công-chính lớn cho Đông-dương đó trong hạn 8 năm, thi nên xem qua mấy điều-kiện như sau này :

10— Cách tờ-chức và kiểm-sát các công-việc ;

20— Cách mổ-dụng nhân-công cùng sắp-đặt máy-móc ;

30— Cách vệ-sinh cho người làm việc ;

40— Cách chuẩn-bị về lý-tài.

10— Cách tờ-chức và kiểm-sát công-việc. — Một cái chương-trình lớn-lao như vậy, đem ra thi-hành, cần phải một số nhân-công rất to, sở Công-chinh nghĩ có hai cách như sau này: một là theo cách thông-dụng bảy giờ, nghĩa là sở Công-chinh cho đầu-giờ từng "lô", để cho người riêng đến trực-tiếp mà linh-trung; thứ nhì là giao cho những công-ti lớn đứng lên lồng-lĩnh cả, theo một cái mẫu giấy hợp-dồng công-ti ký với Nhà-nước.

Nếu theo cách thứ nhất, nghĩa là cách thông-dụng bảy giờ, thi cần phải mổ thêm nhiều những viên-chức chuyên-môn kiểm-đốc, chính-phủ không thể nhất-dân mà mổ ngay được.

Còn theo cách thứ nhì là cách tòng-lĩnh theo hợp đồng nhất định, như hiện đã thi hành cho đường xe lửa Phnom-penh - Battambang rồi, thì có nhiều điều tiện lợi như sau: làm như thế thi công việc được cả thê và nhất-trí hơn, từ việc gọi vốn cho đến việc chuẩn-bị thi hành cũng có thống-hệ phương-pháp hơn; lại các công-ti lớn lập ra, nếu tính cho vừa được lãi, khéo chủ-trương thu-xếp thì lợi hơn là chính Nhà nước đứng làm lấy, vì các công-ti ấy đã chuyên-môn săn, săn có người chủ-trương đốc-suất, đứng bao lấy cả mà thay mặt Nhà nước điều-định với các chủ thầu người Tây người Nam, khéo dùng nhân-công bản-xứ, thì giản-tiên và ích-lợi nhiều lắm.

Tờ hợp đồng làm mẫu đại-khai chủ-trọng ở một điều sau này: là phần các vật-liệu cần-dùng thi trị-giá tính theo số tiền khoán đã dự-dịnh trong chương-trình chuẩn-bị. Nếu khi làm việc mà quá cái số tiền khoán đó, thi công-ti linh-trung phải chịu một phần kinh-phi giới ra đó. Nếu khi làm việc mà kinh-phi không tới số tiền khoán đã định đó, thi được lời ra bao nhiêu, công-ti linh-trung sẽ có phần vào đó,

Ý-kien đó đã đem ra trình Đại-hội-nghị Kinh-tế và đã được quan Toàn-quyền chuẩn-y. Giấy hợp đồng về các công-việc lớn sắp làm nay mai sẽ làm theo cách-thức như thế.

Lại định rằng các công-ti tòng-lĩnh đó, chính-phủ Đông-dương cũng được đứng một chân cõi-dồng, có quyền kiểm-sát các công việc quản lý trong công-ti, hoặc tự cử người tham-dự vào hội-dồng quản-trị, hoặc được quyền dân-hặc tại đại-hội-dồng các cõi-dồng.

Sau nữa, trong tờ hợp đồng làm mẫu lại định sẽ đặt ra một hành-chính-cục để kiểm-sát các công-ti tòng-lĩnh. Mỗi địa-phương có một kiểm-sát-cục

núi thế, để làm cơ quan thừa-hành và báo cáo thuộc quyền một tòng-cục trung-ương, do chính quan Công-chinh Tòng-trưởng giám-dốc.

Cách kiểm-sát như vây hiện đã thi-hành về việc làm máy đường xe lửa phía nam Đông-dương, xem ra cũng thỏa-dáng lắm.

20 — Cách mò-dung nhân-công và sáp-dặt máy-móc. — Các xưởng thợ phần nhiều là lập ở những nơi đồng bằng các miền duyên-hải, nhân công nhiều, chắc là đủ dùng, không ngại gì về khoản đó. Cứ xem như số nhân-công hiện di lâm thuê hoặc tạm-thời, hoặc thường thường cho các chủ thầu người tây hay người nam, tính ra không quá 4 phần trăm dân-số trong bản-xứ, thì đủ biết vậy.

Chỉ duy những xưởng đặt ở các nơi xa-xôi lâm chướng, là mò nhân-công phải khó. Nhưng sở công-chinh lâu nay đã sáp-dặt các máy-móc dù thử, như súng máy, ô-tô chở, xe lửa nhỏ để vận-tải, các đồ dùng tự động, v.v., toàn là những cách để bỏ cho sự thiếu nhân-công, lấy máy mà thay người, theo như ý-định của Nghị-viện.

30 — Việc vệ-sinh cho các người làm. — Ông nghị-viên DALADIER khi thảo-luận bản dự án luật công-thái ở Nghị-viện có yêu-cầu xin chú-ý về việc vệ-sinh cho kẻ lao-dộng. Vấn-dề đó Chính-phủ Đông-dương cũng đã trù-tinh rồi và đã đặt kế-hoạch để thi-hành ở các xưởng về khoản phòng-bị bệnh-tật cho người làm.

Việc thuốc thang khi bệnh-lật, việc lập trại cho phu, cách vệ-sinh ở các trại, và thứ nhất là việc chiết-dầu với bệnh sốt-rét-rứng, là một bệnh tối nguy-hiểm cho các đoàn-thê lao-dộng ở Đông-dương, các việc đó nhất-nhất đã dự-dịnh cả.

Như việc phòng-bị bệnh ngã nước thi phủ Toàn-quyền đã có nghị-định

ngày 22 tháng giêng năm 1930 định chia Đông-dương ra làm hai bộ-phận, bắc-bộ và nam-bộ, mỗi bộ có một sở chuyên-môn nghiên-cứu và kiêm-sát thuộc về viện Pasteur, với một sở trị bệnh ngã-nước thuộc về sở Công-chinh. Nam-bộ đã bắt đầu thi-hành rồi, còn bắc-bộ cũng lục-tục sắp khởi-hành.

40 — Cách chuẩn-bị về lý-tài. — Cứ tinh-bình tài-chinh của Đông-dương, thì cũng đủ cách đối-phó với cuộc công-thái này.

Ngày 31 tháng 5 năm 1929, kho trù-bị Đông-dương được 15.383.000 đồng, đến cuối năm ấy trong ngân-sách bên thu hơn bên chi được 4.500.000 đồng.

Cũng trong ngân-sách năm 1929 đó, Đông-dương chi-tiêu về các việc tạo-tác mới hết 22 triệu đồng, trong số đó thi 14 triệu đồng về sở chi-thu chung.

Số 14 triệu đồng đó là số trung-bình hằng năm, nhưng mỗi năm có thể tăng lên 500 nghìn đồng nữa cũng không khó gi.

Nay tiền công-thái tính số lãi mỗi năm phải trả không quá 7.672.000 đồng, là tinh số gốc 137 triệu quan, lãi 5, 6%.

Xem như thế thì ngân-sách Đông-dương đủ tiền để trả lãi về công-thái, mà mỗi năm lại còn dư được ít nhiều để làm những công-việc tạo-tác mới không trù-tinh trong chương-trình công-thái.

Nói tóm lại thì Đông-dương ngày nay đã đủ tư-cách chủ-trương được các công-trình lớn để mở-mang cuộc kinh-tế trong nước, và đủ tài-lực đảm-dương được một cuộc công-thái lớn để chi-dụng về các công-trình đó.

HẠC-BÌNH biền-lập

SƯU-TẬP VĂN CÓ

I — Tứ-thời-khúc (1)

Kè từ Thái-cực bầm-sinh,
Đen vàng đổi thức rành rành chia hai.
Trên cao thăm-thẳm là trời,
Dưới dày là đất giữa thời người ta.
Lại trong khí hậu hay là,
Bốn mùa lai vãng tiết dù có phán.
Đầu năm hiệu lệnh là xuân,
Ràng vua Thái-hiệu ràng thần Câu-mang.
Kia xem dề-quán mai-hương,
Thay-lay sớm đã tỏ tường sự xuân.
Khéo thay bấy hối hồng-quán,

Hình tùy vật phú mười phần hóa-công.
Bổ-hòa một trận đồng-phong,
Đau đớn muôn tia nghìn hồng đua tươi.
Thiều-quang cảnh lạ đến người,
Thuở tam-dương lợ tiết trời lập-xuân,
Đau-dâu chịu lệnh đồng-quán,
Cửa giao lồng lẫy đón xuân rước về.
Giang-sơn hoa-cỏ bốn bề,
Đều lèr cõi thọ đều về đài xuân.
Nhà nhà tống cựu nghênh tân,
Hoa-tiên là thiếp nghi-xuân là phủ.
Tổng hàn dập đất làm trâu,
Liêu-chi quát đánh sưa lầu khí ấm.

(1) Bài này nguyên văn thể song-thát lục-bát của quan Thượng-thư Vinh-kiều-hầu, (người xã Lai-xá, huyện Lương-tài, phủ Thuận-an, Kinh-bắc nay là Bắc-ninh) làm ra từ đời Lê. Đến đời chúa Trịnh Hoảng-tồ Dương-vương khiêm các văn-quan chư-thích ra chữ hán. Bản-chi đã lục-dâng ở Nam-Phong số 112. Nay lại thấy bài này thể lục-bát, không rõ tác-giả là ai, nhưng cũng đáng-lục để tôn-cố. Bản chữ nôm từ cõi, nay viết ra quốc-ngữ, không khỏi có chữ sai lầm, nếu ngài nào tướng-hor xin cho biết để sẽ lại cải-chỉnh.

Ngũ-tần thức thức đầy mâm,
 Cửa xum ngọc trắng tay cầm tơ xanh.
 Ngọn đèn gióng sáng năm canh,
 Ni non tiếng trúc rập rình bên tai.
 Thiếp Lưu rất mực nữ-tài,
 Dâng thư nguyên-dân tụng bài tiếu-hoa.
 Trăm quan san-sát dâng tờ,
 Chúc vua hưởng thọ tuổi dư vàn vàn.
 Tiêu thiều mấy khúc thèm dan,
 Chín trời sực nức gió dàn hơi thơm.
 Thượng-lâm vỗ tiếng trống cơm,
 Hoa vàng nhẹ ngọc nở thơm trời-bời.
 Nhà người rót chén đầy voi,
 Rượu đồ trữ dịch làm bài tràng-sinh.
 Chum-Qui khéo vẽ mô-hình,
 Đào-phù cẩm qui phòng tinh ngăn tà.
 Cửa treo mời yêm tranh gà,
 Thượng-nghuyên tiết đã ruồi qua khi nào.
 Kia-kia cây lứa cầu sao,
 Chín đường nghìn cửa rập-riu canh thâu.
 Tiết lành ai cẩm ai dâu,
 Kia non kết-thái nọ lâu xem đèn.
 Đêm thanh vắng vặc duốc sen,
 Cầu non Ngao lại rập ròn bắc ngang.
 Vườn hồng thấm thoát thoι vàng,
 Đào đào mận mận vội-vàng tranh xuân.
 Say say tinh tinh tần-ngần,
 Nào ngờ ngày tháng đã vẫn sang hai.
 Thượng-dinh thích-diện lê chay,
 Đinh non lê tế Cao-mài tiên-thần.
 Lệ thường lai giờ minh-nhân,
 Lẽ dâng xã-tắc phong vân mọi dàn.
 Tiếng chim bá-cốc đầu ngàn,
 Giục làng cày nọ bàn-hoàn canh khuya.
 Bãi lầu nỗi cái đê-he,
 Nguyệt này đã quán hoa kia lại thành.
 Thơ đê lá dò buồng doanh,
 Kia ai toan tả xuân tình cùng ai.
 Lòng xuân đã giục cành mai,
 Cửu-quan cửa ấy có cài cùng chǎng.
 Thiều-quang vụn vụn phân bẳng,
 Hồi chi con yên đầu đường nói vay.
 Mảng xem con bướm cao bay,
 Đã sang thượng-tị là ngày tháng ba.
 Đua nhau ăn ngủ nhà nhà,

Hay vi Giới-tử người ta thương tinh.
 Long-hoa một hội hương thanh,
 Họ Vương họp khách Lan-đinh Cối-ké.
 Lạc-dương chợt thấy hoa lê,
 Cho hay thời tiết đã về thanh-minh.
 Mười hai con triện chơi mành,
 Cao ca mở tiệc yến quỳnh vui chơi.
 Ban-tri kéo lứa sáng soi,
 Tiêu-nhi hồn-hồ hưng vui thường vắng.
 Áo đơn mỏng mảnh xanh xang,
 Tâm rồi hông mát lên đường nghỉ chân.
 Khi hòa vât tốt mười phân,
 So trong bốn tiết lại phần xuân thanh.
 Tràng-an phong-cảnh hữu-tình,
 Cố đường ruồi ngựa có thành xem hoa.
 Nghìn vàng khôn chuộc dò mà,
 Tình xuân phơi-phới duốc hòa chơi
 đêm.
 Hải-dường giắc hây êm êm,
 Xanh giăng màn liễu lục thêm tán hòe.
 Trách con dỗ-vũ eo-le,
 Quyển xuân về lại dỗ hè kia sang.
 Thủ định ve gảy dàn xoang,
 Tiều-nô đã nở tri đường mẩy ao.
 Bắc-song gió mát gói cao,
 Mỗi sầu tả sạch chút nào có lo.
 Vắt chân nấm khèn ngây pho,
 Nghĩ mình chẳng khác người vua Hi-
 hoàng.
 Lan-đinh một hội yêu dương,
 Đồ thư phơi phới mai vàng nhuận mưa.
 Đầu hè tiết mới sang tư,
 Ngày dài mẩy cuộc rượu cờ tiều-dao.
 Hòa-nhi khéo quấy người sao,
 Đã sang Hòe-quốc lại vào Hoa-tư.
 Lứa bun lò máy thái-hur,
 Trôi vàng chảy đá bấy giờ khôn dương.
 Ngày trùng-ngo tiết doan-dương,
 Nghìn năm chúc thọ thi-chương dâng
 chǎng.
 Dùng năm thức chỉ tay deo,
 Người bồ, hùm ngải, cửa treo trú tă.
 Kia phong có ngại di xa,
 Hồng-hoàng lầm rượu đê nhà thủ-cung.
 Đã hay có quạt nhân-phong,

Gió đưa thoang-thoảng cung thiềm,
Á Hằng vui khúc áo xiêm hối là.
Long-thành sự đã truyền ngoa,
Trời cao mây đậm dẽ mà khà lên.
Trong chừng vắng-vặc dưới trên,
Xanh-xanh một sắc vẹn tuyền tay nhau.
Dù chẳng đếm nhận thuyền cầu,
Hay đâu là nước hay đâu là trời.
Thu-linh nǎo-nuột người thay,
Đã chuông quán bắc lại chờ thành tây.
Tiết sang trùng-cửu nhận bay,
Một đoàn tàn-chủ xum vầy cùng chơi.
Gian tay mở tiệc thọ-bồi,
Chén anh chén chủ đầy voi mặc dầu.
Khi hàn đã giục gió thản,
Phẫu-ti nứa cánh mành đào cần-phong.
Việc chi gã Phi chàng Phòng,
Mảng vui nhũ khách đều cùng lên cao.
Thanh-nhan thay thú ông Đào,
Hou vàng choi-choi ngọt-ngào giàu
đồng.
Cho hay thu-lệnh đã cùng,
Tiều-xuân là tiết đầu đông tháng mười.
Sanh-hoàng quất-lục đồi nơ,
Gọi là dương nguyệt khi trời tựa xuân.
Tháng mười-một tiết đã phản,
Kia tơ quĩ-nhật dần dần lại thêm.
Án trong Đè-thất đè xem,
Tro bay thông-quán ấy diễm sinh-
dương.
Dần dần phục-lập bước sang,
Tháng mười-hai đã nhị-dương chuyền
hồi.
Non nam nở một bông mai,
Bảng xuân đã chiếm danh khôi ở đầu.
To hào trời có riêng đâu,
Cũ đi thi lại mau mau mới về.
Bốn mùa trời có cân chia,
Vắng loi chung thủy tuế thi diệt phản.
Xuân thời tin-lệnh kiền-niên,
Hạ thì trưởng-duồng khắp phần đầu
đầu.
Thu thi thay lệnh thành-thâu,
Đông thi đông-lệnh cứ mùa chẳng sai.
Cho hay thời lệnh đạo trời,
Giúp tay tao-hóa rõ tài kinh-luân.

I.—Bài phú được Văn-Trường (1)

Rồi cùng trời-dất; soi với quỉ-thần.
Mảnh giấy còn in lòng bút-dạ; bức
tranh trộm tưởng chữ như-tàn.

Món-hộ người trong bốn mặt quanh
hiu, được một ngọn tó cơn u-ám; danh
giá ấy dưới muôn đời sáng rõ, xuân
bốn mùa tầm dẫu cao huân.

Xưa Thành Quan:

Tường-mạo nhơ-nhơn; phong-tư
rõ-rõ.

Bảng cẩn-vương từ ghé mắt trông;
nền suy Hán rắp ra tay chửa.

Cùng anh thuở so-le trán Bái, dài
cô-thành khôn quyết lẽ tới lui; với
chị cơn nương nau cửa Tào, nơi ám-thất
khéo giữ chiều ăn ở.

Dãi lòng một tấm; chong bóng năm
canh.

Màu hồng tam mày ngài lấp-lánh;
vẻ ngọc in mắt phượng long-lanh.

Chốn ẩn-vi gương tiết-nghĩa không
lòi, bóng tinh nhát dãi trên đầu rời
rời; nơi ám-muội đạo cương-thường
chẳng tối, quyền Xuân-thu trông trước
mặt rành rành,

Sao thuở giọt đồng gieo tiếng ngọc;
bỗng đâu mặt thầm đợi đèn xanh.

Dáng bởi:

Nghĩa nặng dà vàng; ơn sầu trời bè.
Trên hai vầng chửng chữ tử sinh;
ngoài muôn dặm tung phen hiêm di.

Thò-sơn buỗi băng trông đất Bái, dã
rằng hàng Hán chẳng hàng Tào; Hứa
đó khi sức nhớ vườn Đào, phải lấy
thờ anh mà thờ chị.

(1) Truyền rằng tác-giả bài này là Nguyễn Tất-Dĩnh, tiến-sĩ đời Lê Hồng-duc.

(2) Chim nhạn = Âm tin nhạn. Ông Lưu Bị ở bên quân Viên Thiệu, mà thư-tù không được thông.—(3). Nương cưu = Ở gửi như chim cưu. Quan-công và hai chị ở gửi bên Ngụy Tào Tháo.—(4). Ông Lưu Bị gửi hai bà phu-nhân cho Quan-công bảo-hộ.—(5). Ý nói Ông Lưu Bị ở bên quân Viên Thiệu không được cùng ngài chung sự mà đánh giặc.—(6). Ý nói Họ Tào muôn lùi ngài mà dù ng.—(7) Tường là đúc, là thép.—(8). Ý nói ông cưỡi ngựa xích-thố qua năm cửa quan mà chém sáu tướng họ Tào.—(9). Ý nói muôn đời sau miếu-mạo thờ ngài làm thần.

(10) Nói ngài tài giỏi uy-mạnh, người ta còn cho là thường, chứ đến như lòng không đổi thi ai cũng phải phục.

Chẳng phán-minh sao gọi trương-phu; có thanh-bạch mới rằng quân-tử.

Ngẫm mà coi:

Cửa Viên châm nhạn (2); đất Ngụy nương cưu (3).

Chi đó nghe những lời trọng-thác (4);
anh dâu thêm túi chữ đồng-cửu (5).

Vạch chước gian nó cũng toan mờ,
dẽ mượn sức anh-hùng ở Ngụy (6); giờ
lòng chín-ông mà chẳng tỏ, dẽ đem
minh trung-nghĩa về Lưu.

Vì tặc dạ gương soi vặc-vặc; nên
thâu đêm được đợi lầu-lầu.

Vậy thời:

Vàng tương (7) chữ nghĩa; gấm dệt
lòng trung.

Tôi ngũ-hồ oai-phong càng sáng;
nước tam-phân danh-giá thêm nồng.

Được thoát giờ mà gan qui dễ chồn.
năm ái nhẹ đưa vỏ xích (8); được dẫu
tắt nhưng tiếng thán còn khét, muôn
đời sánh với vang hồng (9).

Thứ gấm: nén hương nay hãy đốt;
căng vì: ngọn đuốc trước hay gióng.

Mời hay rằng:

Nhà-a-kỷ lê màu; thiên-luân đạo cả.

Nhung mây tài vô-địch là thường;
có hai chữ bất-khi mời lạ (1).

Ban hắc-dạ ví không được ấy, dù
phong-kim dù quái-ấn, dưới trán năm
ai tỏ cho lòng; lúc thâm-tiêu mà có
được này, chẳng biền-thánh chẳng
truyền-thần, sau vạn-cõi cũng soi được
đa.

Tới nay giọng duốc coi Tam-quốc-chi, cảm dâng câu rằng: nhất chúc chiểu thiên-cô da (1).

III. — Văn tết tờ tôm

Trước chiểu cẩn tựa gối xếp mà than rằng: Cõi trần-thế biết điều chi lịch-sự, kè ra thi mỗi vẻ mỗi hay; ngã vui chơi mà cũng lâm công-phu, rút cục lại mỗi người mỗi thích.

Cắt đầu nghêng cõi, rủ nhau rằng lạc dĩ tiêu-ura; trên trán vắt tay, rồi mới biết hỉ nhỉ vó-ich.

Sinh vòng trần-thế, quen thói hay chơi: bay cuộc lụ tam, coi ra cũng lịch.

Ai biết rằng lợi hợp tri mê; cũng chẳng khỏi tâm vi hình-dịch.

Nhờ lũ người: Nê-nếp văn-chương; uyên-nguyên cõi-tích.

Đến triều Tống gặp người hiếu-sự, chia đất làm ba bộ pháo-minh; để đời sau cho kẻ năng-văn, tiêu-khiền đỡ nhất-thời lịch-mịch.

Thu vén lại kinh-luân kin đáo, đan-thanh ai biết dám linh-dài; mở mang ra văn-tư tơi-bời, thanh-giá vẫn nên dòng trần-tích.

Đủ năm người họp mặ phong-lưu; chia sáu đội lâu báu công-kích.

Chiểu hoa đèn ngọc, hanh-thú nghin-nhau; cau dâu chè tươi, chū-nhân ái-khách.

Quân ngang quân dọ, trộm khoe rằng kinh vĩ vi văn; xoay lại xoay đi, cũng bợm có biến-thông thi-dịch.

Trước xem lung lõi, chẳng chơi câu đình-trường nghĩ-thuyễn; gồm cả tôm lèo, ấy được chū tam-khỏi trùng-cách.

Thập hồng bạch-định, lên gấp hai ba; bạch-thú xuyên tám, dâu mà chọc chạch.

Lúc nịnh thi bán chí cũng nảy lên trong nọc, vờ cả cái gà; lúc nghiến thi thập-thánh mà tay dưới mắt ủ, ngồi giương mắt ẽch.

Tức nhau thì dẫu cảnh đánh kim; thậm lại dẫu xe phu phỏng tách.

Cũng có kẻ chẳng ảo dão đõ, quyết hạ chèo đò; lại có anh thấy cặp phỏng liền, vì người lập-dịch.

Xơ-xấu chỉ một trăm hai chục, kè sao cho xiết nỗi trò hay; vui chơi trong ba vạn sáu nghìn, đã chót biết, khôn điều chừa quách.

Người vẫn hành-mao thảo-dã, mà tung câu thiên-hạ bất-như; minh chưa dài-các miếu-dường, mà cũng giận nhất-phu bất hoạch.

Những kẻ thong-dong chiếm trước, dở cuộc cảng-cay; mà ai tất-tối lại sau, đứng ngoai cũng mách.

Đêm ngồi dai ngắn chẳng dày gang; thuộc tình ngủ bày ra lầm phách.

Hồ sứ rượu hoa ngon nhấp, ngọt giọng lung-lung; diều ngô xe trúc dài vươn, hút liền cách cách.

Cháo cánh-mẽ, đường mai hoa trắng bạch, thanh-phế kiện-tì; chén thơ-hương, chè liêu-tử thơm lung, khoan-hung nhuận cách.

Thúy-kiều Chinh-phu, pha giọng nồng na; cõi-phú Đường-thi, mấy câu vọc-vạch.

Linh-lai hồi den vội dỗ, thi cũng tương tham; dẫu ai dạ sát gan vàng, nõ dâu tự hoạch.

Nào đến khi: Mặt mũi lư-dừ; áo quần xốc-xect.

Được ham ăn, thua ham gỗ, nọc ba giải bốn, cõi súc danh cáo; thói canh trước lại canh sau, kẻ ít người nhiều, biến vao quyền chính.

Cũng có kẻ khinh tài trọng nghĩa, nè anh em mà được tiếng hào-hoa;

(1) Nhất chúc chiểu thiên-cô da — 烛照千古夜 = một duốc soi sáng những đêm tối nghìn đời.

lại có người tung kẽ xù càn, vì tiền của
phải sinh điều hấn-khích.

Như thế thì : Lợi hại tò tường ; nên
chẳng biện-bạch.

Kia những người cao-minh kiến-
tức, át hán tiên-trí ; còn như người
đong-hạ tầm-thường, lại không dủ trách.

Tiếc cho mình : Dòng-dối thi-thư,
theo dõi kinh-tịc.

Trần-ai nương náu, nồi công hờ-thì
tang-bồng ; thư kiêm lầm-le, vào chốn
tây-viên đông-bích.

Mà vỡ lòng học lấy nghè bay ; phải
mang tiếng ra người bắc-dịch.

Kia những kẻ dường nam hờn-hở,
quan-cái như tuôn ; mà sao minh đắt

khách long-dong, phong-trần chưa
sạch.

Cũng bởi đa-mang việc ấy, ngành
mặt di coi lũ cốc hồng ; quyết xin qua
một phen này, xoay lưng lại vui trong
đèn sách.

Cần-dĩ : chén khàn, dũa chuyền, bát-
tiền, đĩa nọc, liều dụng phi-nghi ; cáo
vu : cửu-vạn, cửu-sách, ba-lão, thang
thang, thương kỳ giam cách.

Xin người gắng hàm tình mà tam-
biệt, cho yên người nhất-thất tang-tu ;
mai sau ra đặc lô lại tương-phùng,
chờ nghĩ chữ tam-sinh quýnh-cách.

DÃ-SƯ QUAN TRẠNG GẦU

Tiểu-dẫn

Dã-sử nước nhà nhiều truyện hay, mà có truyện quan Trạng Gầu, sự-tích ly-ký, nhàn-duyên gấp-gỡ, cũng giống như truyện Trạng Khiếu. Bà Trạng Gầu là bà Cúc-Hoa, là con gái nhà trưởng-giả, mới lên tám tuổi đầu, đã sẵn có con mắt xanh, vật-sắc được anh-hùng trong bước trần-ai, thi thật là ông xanh kia xui khiến, ông ta bà nguyên xe duyên chỉ hồng ta đỏ, chừ trẻ con đã biết đâu mà ! Nên xem truyện này, so-sánh với truyện quan Trạng Khiếu mà càng thanh óng tao vật éo-le, ông ta cũng da-doan lâm nỗi, vì ông lao-vật sinh ra người rắp toan dai-dung, át còn chèn cho lủng-túng, đề nung đúc mài gọt anh-hùng, sau lại mượn tay nhi-nữ dào-tạo cho, nâng-vực cho, kết nên nghĩa tương-trí tương-thức, đề cảm-dộng anh-hùng, nên những sự gấp-gỡ ly-ký, thực là tự cơ trời dun-dủi, mà không phải con người ta miêng trần mắt lục, hay liêu tưởng biết được. Tôi soạn dã-sử nước nhà có nhiều truyện, nhưng sở-dĩ tưởng chép truyện quan Trạng Khiếu và truyện quan Trạng Gầu là cốt đề góp với truyện ông Chử-dông di câu gấp nàng Tiên-Dung thừa xưa, đề khuyến-khích những bạn thanh-niên con nhà hán-liên, chớ nên vì cái cảnh-ngó mà ngã lòng. Bởi sách có câu rằng : « Tưởng-tưởng bắn vồ-bệ », nghĩa là quan tưởng vẫn quan tưởng vồ vồn không có kè dòng-dối nói-giống nào. Vậy những các có tiểu-thư, con nhà khuê-các, còn đang thuở thanh-niên dãi-giá, chớ với say những chàng công-tử bột, thấy đó ngõ chìn, mà ché-mùa con nhà nghèo-hèn. Dã là gai kén chồng nên phải có con mắt. Câu truyện Kiều rằng :

Khen cho con mắt tinh dời,

Anh-hùng biết giữa trần-ai mới già !

Câu đó khá ghi làm tiểu-dẫn cho truyện này, và làm gương cho bạn gái
lầm sao. Nay dẫn.



I.—Ăn mày may bước

Quan Trạng Gầu tên là Tống Trần, người làng An-cầu (tục gọi làng Gầu), huyện Phù-cử (xưa gọi huyện Phù-hoa, tỉnh Hưng-yên (xưa gọi châu Đằng-hải). Làng ở dốc-ngan, trên ngã-ba Kênh-nông; một bên là làng Canh-nông, thuộc huyện Duyên-bà; một bên là làng Nham-lang thuộc huyện Hưng-nhân cửa sông có thiết-dòn, gọi là Tuần-nông. Con kênh đó chính là con sông Lục-giang, trên từ cửa Luộc, đào phản-chì sông Nhị-hà rẽ tắt ngang ra cửa bờ Cẩm Hải-phòng; đoạn trên đến Tuần-nông lại đào con sông chánh từ làng Nham-lang chảy xuôi ra cửa bờ Trà-lý tinh Thái-bình, nên sông Lục đến Tuần-nông gọi là ngã-ba Nông, Làng An-cầu, làng Canh-nông, làng Nham-lang là chỗ ba huyện hạt tiếp-giáp, mạch đất đều từ sông Nhị-hà phân-phái chia ra.

Quan Trạng Gầu vốn con nhà học-trò, từ lén sáu tuổi, mồ-côi cha, mẹ già nhà nghèo, gấp phải nặm trời làm nước lụt nắng khô, chốn dân-gian mất mùa kém đói. Tống Trần là con trẻ, phải dắt mẹ đi ăn mày, nuôi mẹ và học, cực khổ muôn phần, dù là gối đất nặm mưa, dầm sương dãi nắng, ăn cơm hầm, uống nước lũ, mà vẫn tay không rời quyển sách, miệng thường nuốt máu chữ, chỉ nương có cái bì cai gậy, chống chữ hiếu làm cột trời, cuối chợ đầu đường, khách bỏ-hành qua lại, ai là người có tâm-huyết, cũng phải vì mẹ già con côi sa giọt lệ, mà mờ tâm-long tú, cho nấm gạo đồng tiền dề đỡ qua ngày tháng.

Xót lòng mẹ già con côi,
Đót no rau cháo lần hồi hôm mai,
Khen con hiếu-thảo tay trời,
Dù mang bì gậy dám quai luân-thường.

Một hôm ngay cuối tháng ba, trời đang giáp hạt, ngọn lúa xanh vàng chua tiếc, mưa dẫu nắng lửa, dói nẫu lòng người. Tống Trần sớm ngày đây cầm hơi ngutm nước lũ, dắt mẹ đi khắp làng chung quanh xin không được đồng tiền hạt gạo nào hết thấy, vì trời làm cơ-cán, trái mẩy tháng đồng iờ ngon cỏ, vườn hiếm cái rau, dân mẩy làng kia, nhiều nhà nhện không cơm sáng, còn lấy đâu giúp đỡ kê qua đường. Tống Trần dành băm bụng băm gan, dắt mẹ đi qua mẩy cánh đồng, mới có mổi thửa ruộng lúa sớm hoe-hoe, nứa xanh nứa vàng, bình như mời dỗ đuôi úa lá, vội than mời mẹ rằng: « Người ta bảo: lúa vung-vàng dói vàng con mắt, là sự thế thura mẹ. » Hồi đó người coi đồng thì ra thửa lúa ba giăng của ông bà trưởng-giả (tục lý-trưởng bảy giờ) làng Phù-oanh, thôn Phượng-hoàng (tục gọi là làng Rồng), ông Kim-hưng, cũng thuộc huyện Phù-hoa hat ấy. Trưởng giả nhà giàu, cấy sớm để cừu cơ nặm dói, hỏi ra chắc là người cũng sẵn lòng nhân và rộng đường làm phúc, au là tối nhà xin, thi hẵn được ít nhiều đỡ bùa.

Tống Trần mừng quá, dắt mẹ đi vội-vàng, trời vừa qua tigo, bóng dã xế trưa, bước thấp bước cao, tay dắt mẹ tay cõi nương bị gậy, bước tới gốc cây đa dẫu lang, thấy bà-xòe bóng rợp, mẹ bảo con rằng:

« Ta di mãi mệt quá, lòng dói dã nầy hoa con mắt, con hãy dề mẹ ngồi nghỉ mát dã con. »

Tống Trần van lay rằng: « Mẹ ơi con xấu-hổ chết với con chim quạ trên ngánchez da. Kìa kìa con chim quạ tha mồi móm trả mẹ, mà nay con tai mắt làm người, không kiêm dù rau cháo cung mẹ già, dè dặt nỗi dói nẩy dom-dom mắt, cái tội đó là tự con, xin mẹ hãy tạm ngồi nghỉ mát nơi đây, dè con vào trong ông trưởng-giả

hỏi xin, may có được lùng cơm ra
dâng mẹ.

*Chờ coi chim qua vật thường,
Tha mồi móm mẹ làm gương dạy người.*

Mẹ bảo: « Vậy thì con đi mau
lên, kéo người ăn quá bữa, ai dè phản
cho mình, mà mẹ đòi quá mất rồi,
con ạ. »

Tống Trần da, cầm bì gãy bước
dảo, vào tới công ngan, dân chó xua
ra cắn anh-anh. Tống Trần cầm gãy
khuê chó, cất tiếng kêu xin, ngờ đâu
ngày hôm ấy ông bà trưởng-giả đi
vắng, chỉ mỗi một người con gái bé,
tên là Cúc-Hoa, mới lên mười hai mươi
ba tuổi, ở nhà trông coi, vừa dọn cơm
cho thằng nô con ở ăn cơm đi làm
xong, chỉ còn mỗi Cúc-Hoa ăn cơm sau,
vừa ngồi cất bát cơm, thì nghe tiếng
chó xua anh-anh, ngang trông ra, thấy
một chàng bé con, chừng độ lên
mười-bốn mươi-lăm tuổi, mặt mũi coi
khỏi-ngoá tuấn-nhã, ra dáng con nhà
học-trò, mà sao đến nỗi không ai nuôi
cho ăn học, quần áo rách coi
tối-tan, làm đến sự đê-hèn xin xô như
thế. Cúc-Hoa chợt trông thấy nghĩ
thương đời ngắn túc, và trách sao ông
tao-vật eo-le, nở sinh ra những người
không biết tự-tu tư-sì, làm lấy mà ăn,
lại phải đi ăn xin như vậy. Sau nghĩ
kẻ anh-hùng gấp khúc, Tấn công-tử
Trung-Nhĩ, Sì Ngũ Tứ-Tứ còn phải
xin cơm của kẻ xan-dồng viêt-phụ
là đứa mang cơm ở cõi đồng, Hán
vương-tôn Hán Tin còn phải xin cơm
bà Siêu-mẫu, huống-chi như con nhà
nghec-khổ gấp phải năm mất mùa
không gián thân liều mình lấy gì mà
độ thân, cao sống qua ngày tháng. Cúc-
Hoa dù con gái bé nhà trưởng-giả ở
chỗn thôn-quê, song ơn cha nhờ mẹ,
của nhà giàu có, từ bé cũng theo đời
nghiên bút, nghe biết những sự-tích
người xưa, nay chợt nghĩ đến thế, sực
động lòng thương, vội tra hai hàng

nước mắt như châu chan ngọc rắc,
vớt đậm bức khăn tay là hồng, cau
mày gat nước mắt, dừng bỏ bát cơm
ăn, chạy ra mảng chó, hỏi vẫn tắt mấy
câu. Tống Trần cứ thực trình bày, nói
con trai còn mẹ già ngồi chờ ở gốc đa
đầu làng mong đợi, nàng bèn trở vào
cắt cả niêu cơm mình ăn, và mâm
chờm cá mặn, giục chàng đem ra dâng
mẹ già, rồi sẽ trở vào ngay cho em hỏi,
em sẽ có gạo tiền tiễn đưa.

*Thương ai lỡ bước sa với,
Hiếu-tâm cảm-dòng lòng người làm sao!*

Tống Trần được cả niêu cơm gạo
tâm xoan, và các thức ăn, mừng quà,
vội trút cả vào bì, trả lời cảm ơn,
dão bước ra tới gốc đa, kính dâng mẹ
già, mẹ đang cơn đói quá, ngồi vuốt
bung thở dài, chợt nghe tiếng chim
qua kêu quâ-quâ, ngang trông lên thấy
con chạy về lập-cập, biết là được
món ăn, mừng quá, nàng lấy bì xem,
thấy cơm trắng như ngọc, hương
thơm đường hoa, lại đủ có mâm chờm
cá mặn ăn vừa miệng, nuốt đến đâu
mắt ruột tinh long đến đấy, mới bừng
mắt, mỉm miệng cười mà rằng:

« Con kiếm đâu được của qui-báu,
thức ăn sống người thế hứ con? Mẹ
ngồi nghe chim quâ bao tin quà-quâ,
mẹ biết là lòng con hiếu-thảo, kiếm
được mỗi ăn móm mẹ, chia bao tin
mừng đó con. »

Tống Trần bày tỏ là con gái trưởng-giả
cho, và còn hẹn cắp cho tiền gạo,
vậy xin mẹ hãy ngồi, dè con lại
trở vào chuyến nữa, xem người cho
thế nào, mẹ bảo sẵn cơm đây, con
hãy ăn cho đỡ đói, rồi sẽ lại vào. Tống
Trần cố nhường mẹ ăn no, mà cui ăn
mỗi miếng chay lót lòng, liền lại vào
nhà trưởng-giả. Khi đó những con ở
nhà trưởng-giả đi làm đồng đã về,
Cúc-Hoa sai nấu cơm, dè dãi Tống
Trần, mời vào nhà cho ngồi, hỏi cẩn-kẽ
họ tên quê quán. Tống Trần nghĩ

tủi phận, tra nước mắt như mưa sa lác-dác, vội gạt lệ mà rắng : « Tiêu-sinh họ Tống tên Trân, quê ở làng An-cựu, tông Võng-phan, với tông Kim-hưng cũng là lân-cận, cùng về hạt Phù-hoa này cả. Tiêu-sinh chỉ xót nỗi con nhà dòng-dối thi-thư, cha trước nhà học-trò, tuồi lên sáu thì cha mất sớm, cửa đơn nhà bạc, mẹ góa con côi, gấp phải nới cát lở gió bay, mưa nồng nắng khét, cửa nhà khánh-kiệt, xấu-ho con chim quạ tha mồi mờm trả, phải dấn thân đất mẹ đi ăn mày, song nghĩ đến con nhà dòng-dối, vẫn không dám rời bỏ sách nghiên. »

Cúc-Hoa nghe nói cũng lâ-châ hai hàng hoa-lệ mà rắng :

« Ôi chàng ơi ! Đây em xin cắp đỡ cho ít gạo tiền, để chàng về nuôi mẹ già, và may quần áo, sẽ tìm thầy mà học, khi nào hết lương ăn, sẽ lèn sang em lại cắp cho, khi nào học đã nên danh, cậy mỗi lái đến giặm hỏi, em sẽ nói với cha mẹ em em xin lấy chàng. Nay tiện đây gọi kiêm lung cơm thè non hẹn bồ đó sao ? »

*Một lời gần-bó tắc dao,
Dưới đây có đất trên cao có trời.*

Tống Trân ngồi nghĩ lặng giờ lâu mà rắng : « Sự nồng làm ơn thì tôi cũng xin cảm lòng, nhưng còn sự chi non thè bè, kết tóc xe tơ thi tôi còn phải hỏi mẹ già, và nồng cũng còn có quyền trên cha mẹ, có đâu tôi dám lấy chút thân béo bợt, thè trăng hẹn giờ, lỡ cha mẹ không thuận, thành ra làm lỡ duyên của khách dài-trang, sự đó tôi không dám quyết định. »

Cúc-Hoa nói : « Cha mẹ sinh con, ai nỡ sinh lòng, em xin quyết định lấy chàng, nếu mai sau cha mẹ em không ưng, em cũng dành cái sương khóa nguyệt, khép cửa vườn thu, xin chàng chờ phụ cánh hoa vàng, bởi tên em là Cúc-Hoa, dám chẳng trou màu hương tiết, thưa chàng. »

Tống Trân nghe nói xin ưng lòng. Cúc-Hoa nhân lấy ba lạng bạc trao cho, và lại đưa cho quan tiền với mèt gạo tám xoan, bảo hãy ra tìm chỗ trọ và thô cơm cho mẹ ăn. Tống Trân từ-tạ ra.

*Bước đầu may-mắn la đời,
Ăn mày duyên bén duyên người dài-trang.*

Khi đó trời xế bóng vàng, đường chen cỏ biếc, Tống Trân đội mèt gạo quan tiền ra lèch-thêch, vừa tới gốc đa, mẹ nom thấy con đội khê-né, đi tấp-tênh, biết là được gạo tiền để ăn bữa sớm mai, mừng quâa vội đứng dậy nồng đỡ con, bảo tinh mẹ ăn bữa hóm lo bữa mai, bây giờ con đã kiếm được thế này thì mẹ con khà ăn no được mấy ngày, không phải lo gì nữa, a con.

Tống Trân bén bày tỏ sự nồng thè hụu và trao cho ba lạng bạc, bảo tim nơi ăn học, đợi thành-danh sẽ giặm hỏi, nồng quyết xin nói với cha mẹ mà lấy mình, còn chưa dám quyết định, bảo đê ra hỏi mẹ, xem mẹ có bằng lòng cho lấy không. Nói xong tay móc túi áo, cầm ba lạng bạc đưa cho mẹ xem. Mẹ nom thấy bạc trắng như hoa, thoi dài thành đĩnh, nói : « Ôi chao tao trông lúa cỏ mài ! Ngờ đâu của vua chúa đúc, giờ lại đến tay mình được tiêu ; quả sự được như thế, thi phúc nhà tày đình rồi con a. Sao con không định ước ngay đi, còn chờ hỏi mẹ, thè nào mẹ chẳng bằng lòng hứ con. »

Tống Trân nói : « Thưa mẹ xin hãy cứ biết vậy. Bây giờ trời đã xế chiều, đường về xa lắc, xin hãy tìm nơi định-áng nào mà trọ, kẽo tối rồi thưa mẹ. »

Mẹ nói : « Nhà mình vốn là nhà thất-nghiệp, tối đâu là nhà, ngã đâu là giường, chờ về mà làm gì, thô hây tim nơi định-quán nào mà tạm-trú đã hứ con. »

Tổng Trần liền dắt mẹ ra lối công
đinh nằm chờ tro.

Trạng-nghuyên chưa chiêm bắng rắng,
Đầu dinh nằm dỗ dân làng ai hay.

Đêm ấy mẹ con nằm tro ở đầu dinh
làng Phú-oarh, thôn Phượng-hoàng,
phút nửa đêm nỗi trân gió đông hảy-hảy,
ông từ nằm ngủ trong dinh, lòng
nhẹ hiên gió á-á, như trong cõi mây
hang quan ngựa reo rộ, bỗng chợp giấc
chiêm bao, thấy đúc thành-hoàng từ
phuong đông cuối mây bay lại, tới
trung-dinh-thứ mắng rằng: « Cõi cõi
và quan Trạng qua đây, sao từ bay
không mời vào, lại dề nằm đầu dinh
gió rét như vậy? Bảng trời choi-choi,
mặt trăng chưa hay, ta sẽ tba-thứ cho,
nhưng phải ra mời vào trong dinh,
kèo ta đây bị phạt, thi ta sẽ giang-họa
cho nhà người đó. »

Ông từ nghe mấy lời quở thét, giật
minh thức dậy, sực nghĩ rằng: « Chỉ có
hai mẹ con nhà ăn mày nằm tro ở
đầu dinh, có lẽ con bà ăn mày sau dỗ
trạng chăng? Cơ trời huyền-bí, không
biết đâu, au là mình hãy cứ ra gọi vào
trong dinh, lấy chiếu giải cho nằm và
dắp, cũng là sự làm phúc thương người
đó chi. » Liền ra gọi vào.

Tổng Trần dậy dắt mẹ vào dinh,
nằm ngủ ở trên sàn. Ông từ nói chiêm
bao mộng hiện cho nghe. Tổng Trần
bung cũng mừng thầm, nhưng nói trái
rằng có dâu mình được như thế, chiêm
bao thì chắc gì.

Chiêm bao nào chắc chí dây,
Muốn toan dỗ trạng phải xoay học-hành.

II. — Trưởng-giả gả con

Vâ nói Tổng Trần từ khi vào nhà
trưởng-giả, Cúc-Hoa động lòng
thương, thết cơm nước, cho tiền gạo,
ước hẹn lấy làm chồng, thẳng nô
nghe biết, về mách với ông trưởng-giả,
con ở cũng về mách với bà trưởng-giả,
cái nghè thẳng nô con ở vẫn dan-

diu với nhau, dề khứng-nặng chủ nhà,
giờ thấy cõi con gái chủ nhà lại thè
hẹn cùu giúp kẽ ăn mày, sợ mình mất
món lợi, nên về bày tỏ với ông chủ
rằng: « Cõi tôi phải lòng anh ăn mày,
cho mất những bao nhiêu tiền gạo. »

Ông trưởng-giả nghe minh là nhà
hào-phú, có tiếng rằng « Trưởng-giả
không thiếu trả nấu ăn », con gái mình
sau dù gả cho ai, chẳng được một
người chồng ném tay ném lấm, buồng-
chì con gái mới lên mười hai mươi
ba tuổi đầu đã tỏ chiều hoa-nguyệt,
lại đến nỗi phải lòng anh ăn mày,
làm phi cǎ danh tiếng nhà hào-phú,
thì còn sao mở mày mở mặt ra được
với dân làng. Ông liền phát cầu, gọi
bà mà gắt rằng:

« Có lẽ mà nhà mày dắt phát ăn
mày, giờ con gái lại phải lòng ăn mày
chẳng? Chẳng qua con hư tại mẹ, nên
mời ba tuổi tết, dã động lòng trăng
gió, nỗi áng mây mưa, đi phải lòng
dứa ăn mày, miệng còn hơi sưa, thì
quái lạ thật. »

Bà trưởng-giả nghe nói, cũng la
thay cho con, nhưng chồng lại từ dò
cho con hư tại mình, nghĩ sót ruột,
cũng cau mày mà phát bắn lên rằng:

« Con nào chẳng giống cha nőa, mà
dò riêng gì tại mẹ, cha mẹ sinh con,
ai nő sinh lòng, chẳng qua là tại tâm-tinh
tại trời sinh ra như thế, thế thi là
nên trách tại trời. »

Ông trưởng-giả bảo: « Linh trăng
gió mây mưa, vẫn là trời sinh ra thật,
nhưng say dỗm con nhà hèn-mại, thi
tại mồ-mả nhà mình xui ra, mà mẹ
không biết khuyên dạy con thi là lỗi
tại mẹ. »

Bà trưởng-giả bảo: « Thế thi là lỗi
dắt, dắt cát mồ-mả nhà ông phát
ra như thế, chứ mồ-mả họ ngoại
não phát ra, mà dỗ cho tại mẹ. »

*Khéo là cha mẹ dỗ quanh,
Tại trời tại đất sinh-thành cho nền.*

Khi đó, bà đồ tại ông, ông đồ tại bà, bèn sai con ở gọi Cúc-Hoa đến hỏi. Ông trưởng-giả thét lên rằng:

« Chờ sao con lại phải lòng đứa ăn mày, mà cho nó tiền gạo, và hẹn thề lấy nhau hứ con? Con thử nghĩ nhà mình già-thế hào-cường, ăn trên ngòi trống, có thiếu gì kẻ sang người trọng mà con đến nỗi phải lòng đứa ăn mày? Hay là mồ-mã đất nhà mày đến lúc phát ra ăn mày chăng hứ con? »

Cúc-Hoa chưa kịp thưa, bà trưởng-giả giỗ ngọt rằng:

« Con hứ tại mẹ, mẹ vẫn khuyên con rằng con phải giữ lấy nết-na dũng khinh kẽ khô, chờ rể người nghèo, ngờ đâu con đến nỗi bén-mặt, thấy kẽ ăn mày cũng muốn lấy lâm chồng, thì danh tiếng con nhà hào dè đâu hứ con? »

Cúc-Hoa rón - rén thưa rằng: « Dạ thưa cha mẹ, duyên kiếp vợ chồng là tự trời se buộc, có kẽ chi sang hèn giàu khó, con từ khi thấy Tống Trần vào xin, coi người khôi-ngô tuấn-nhã, hỏi ra đích con nhà học trò, sờn mồ-cối cha, cửa nhà thanh-bạch, gặp phải năm trời làm kém dối - đánh phải dắt mẹ đi ăn mày mà học, con nghe nói cảnh-ngộ như thế, sực động lòng thương, vây đem cho cơm nước tiền gạo, giúp đỡ người khi cùng còn đeo chữ hiếu, chống chữ nghĩa, chán sự học-hành, còn đến như hẹn thề định-ước, dù gả bán thế nào, quyền trên tại cha mẹ, chờ con đâu dám vượt. »

Ông trưởng-giả nghe nói cười mà rằng: « Nó đeo chữ hiếu, chống chữ nghĩa à! Tao chỉ thấy ăn mày đeo bị chống gậy thi có! Con bảo con không dám vượt lời cha mẹ mà dám tự-tiện cho cả met gạo quan tiền, và hẹn thề rằng lấy. Ủ con đã muốn lấy ăn mày, thì cha cũng gả cho! Thắng nô ra gọi đứa ăn mày vào đây. »

Bà trưởng-giả nghe sợ-hãi rung-rời, bảo: « Ông nên nghĩ lại cho chín, qua giận con mà gọi gả cho ăn mày, thì rồi ra làm sao hứ ông? »

*Thương ai cho gạo cho tiền,
Thì ông cho kết tơ duyên ăn mày.*

Bà cản cung không được, ông thét thẳng nô di ra tim Tống Trần, thẳng nô vàng lời chủ, di ra lối ngõ định, vừa di vừa nói mia: « Hứ rõ con ông trưởng-giả, giận gọi gả cho ăn mày, không khéo anh ta lấy được cô Cúc-Hoa, mình lại phải gọi ăn mày làm cậu chắc! Cái đó nghĩ mình mách ông chủ mà dại, lòng-giả thành-chân, dẽ ông ta gả Cúc-Hoa cho ăn mày thật chắc. » Đì gặp con ở hỏi: « Anh nô di đâu đấy? » Nô bảo: « Ông sai ra gọi cậu ăn mày vào ông gả cô Cúc-Hoa cho đây. » Con ở bảo: « Lại cỏ lẽ thề nữa! Hay ông bắt vào ông giảng cho anh ta thi cỏ. » Nô bảo: « Không khéo dẽ ông gả thật đấy, nhưng hẵn ông đuỗi; cô Cúc-Hoa di với cậu ăn mày, thì ta với mình ở nhà, những lúc ông bà đi vắng, làm không chúa, múa không trống, tha-hồ vắng chủ nhà gá mọc dưới tóm! » Con ở bảo: « Thế ra nghĩ chúng mình xui ông bà chủ mà dại, giờ làm cỏ phải di theo cậu ăn mày, thì những lúc ông bà đi vắng, then cài cửa khóa, ai là người chăm nom bữa ăn uống cho chúng mình, thế mới dại, chứ vai sướng gi hứ anh! »

Con ở nói rồi trở về, chỉ thương nhớ Cúc-Hoa áy-nay. Thắng nô di ra tới đình gặp Tống Trần gọi bảo: « Cậu ăn mày vào ngay cho ông tôi hỏi. » Bà mẹ nghe thấy nói giật mình, lo rằng có lẽ cái sự con gái trưởng-giả, cho con mình gạo tiền, và ba lang bạc dẽ vỡ-lở ra thế nào, dẽ tai ông trưởng-giả biết, đòi con mình vào de - net đánh - chác gi chặng, với hỏi rằng: « Ông đòi việc gi cháu nó đấy, hứ cậu? » Nô dọa rằng: « Chẳng biết ông bà tôi

đi vắng, ở nhà có ấy cho mắng bao nhiêu tiền gạo, giờ ông tôi gọi vào, ông tôi quở phạt gi ấy.

*Duyên may mà sự không may,
Ăn mày khỏi ngõ hòm nay người đòi.*

Mẹ nghe nô nài sợ quá, giục con hãy vào, dè mẹ chờ ngõ ngoài xem sao, Tống Trần dắt mẹ vào tới ngoài còng ngắn, dè mẹ ngồi đợi, mình dǎo bước theo nó vào vai chào, bà trưởng-giả không nói nứa lời, ông trưởng-giả hậm-hậm nét mặt, lú-lú con người, bảo: « À cậu ăn mày, bây giờ mả nhà tôi đại-phát, con gái tôi nó lại muốn lấy cậu, nó cho cậu bao nhiêu là gạo tiền, và thề hẹn xin lấy, nó đã muốn thế, thì đây cũng gả cho, nhưng vợ chồng dưa nhau đi đâu thi đi, chứ không được lẩn-quất ra vào, nhân nhà này làm cha mẹ gì hết thấy, vì nhà này không có nòi giống ăn mày thế bao giờ. »

Tống Trần nói: « Thưa ông bà, không nhà ai có nòi giống ăn mày, song khi sa cơ lỡ bước, phải tùng thế liều minh, con hôm qua vào đây xin, ông bà đi vắng, có em thấy con nhà hàn-sĩ, sực động lòng thương, có cho con quan tiền met gạo, ra cấp-dưỡng mẹ già, con cũng cảm ơn lâm, còn như sự có em hẹn lấy, con bảo cái đó còn phải quyền tại cha mẹ, con đã dám quyết định đâu, mà ông bà dạy thế, con sợ làm xấu tiếng ông bà, và hầm hầm phản cõi em, con không dám a. »

Ông trưởng-giả bảo: « Con tôi nó muốn ăn mày, thi cậu cứ cho nó đi với, dè nó nàng bị gậy cho được rồi. Thời con kia sấp sửa ra đi ngay với anh ấy, kéo ta bắt chúng nó lót lá lót ra bảy giờ đó. »

Cúc-Hoa liếc trong mẹ mà rằng: « Dạ thưa cha mẹ, con phản gái vì như hạt mưa sa, may thi gieo đáy giếng, không thi ra ngoài đồng, giờ cha mẹ đã cho con như hạt mâu rơi, bắt phải đi với

cậu ăn mày, không cho nhìn nhận gì đến cha mẹ nữa, vậy con có ít chút tư-trang, con xin cha mẹ, dè con đem đi dỗ thân, thưa cha mẹ. »

Ông trưởng-giả nói rằng: « Thời người còn chẳng xót nứa là của, đã dì ăn mày, lại còn đòi tư-trang, thời bà xem nó có những thức gì thi cho nó, rồi đem gạo muối mà tiền-tống đi cho sớm. »

*Trách con phản bac như voi,
Tiễn đưa gạo muối mới nguội tắc lòng.*

Cúc-Hoa doái tròng Tống Trần mà rằng: « Thời giờ duyên kiếp đã như thế, cha mẹ đã chẳng có lòng doái thương, thi thiếp xin theo chàng, xin chàng chờ phụ thiếp, thiếp dù có nội hoa hè», phản liêu bồ cũng có thể vì chồng gánh giang-sơn được. »

Ông trưởng-giả cười mà rằng: « Giang-sơn cậu ăn mày, thi có gì mà gánh không nỗi, chẳng qua cõi cái bị cái bát cái quạt mo, một con gậy trúc quay ngang, tưởng cũng nặng bồng nhẹ lách. »

Bà trưởng-giả nói rằng: « Thời ông đã không thương xót con, nõ duỗi đi cho theo đòi bị gậy, thi còn nói mõc-mày lâm gi. » Ông trưởng-giả mời ngồi lặng yên không nói.

Cúc-Hoa gạt nước mắt trở vào, thu véu tư-trang, còn mươi lăm đinh bạc, và khăn áo các thức vào một cái thùng khảo nức mây, trở ra lạy cha mẹ, từ tạ đi theo chàng, cha mẹ đều không thèm doái tròng.

Tống Trần vái chào lui ra. Cúc-Hoa theo sau, thẳng nõ dem gạo muối ném tiễn đều mim cười, chỉ có mỗi con ỏ, có ý băn-khoán thương nhớ Cúc-Hoa, đưa mãi ra đến ngõ, gạt nước mắt trở lại.

*Tiễn đưa con gái lây chồng,
Mỗi mình con ở nặng lòng mến yêu.*

Tổng Trần đưa Cúc-Hoa ra khỏi ngõ ngoài, mẹ đang ngồi bắt rắn mong con, chợt trông lên thấy con di lập cập, sau chán lại có cò con gái cắp thùng theo, tưởng hay con mình đã bị ông bà trưởng-giá quả trách sao, mà cho con gái theo ra dời ba nén bạc hôm qua lại, và cắp thùng ra dời cả gạo tiền, ngờ đâu Cúc-Hoa ra đến nơi ngồi sụp xuống lạy mẹ, mẹ vội-vàng đứng dậy nói : "Áy cái gì thế ! Sao cò làm thế ? Tôi không dám . "

Tổng Trần kè dẫu đuổi sự cha mẹ nàng đuổi, gả nàng cho mình, nhưng cấm không được di lại nhận cha mẹ, nên nàng xin theo chán nỗi gót về làm dâu, xin mẹ hãy cứ ngồi cho nàng lạy, rồi cùng dưa nhau về.

Mẹ nghe nói mừng quá, bảo : "Được, thế thi phúc nhà tay định." Vội dắt

tay Cúc-Hoa nàng dây, bảo : "Mẹ đã nhận lẽ cho con rồi, thời cùng đi về quê An-cầu, con đã có vợ, mẹ đã có nàng dâu, gánh xác giang-sơn, nuôi cho chồng ăn học, thời cái bị, cái bát, cái gậy, cái quạt mồ, dành quăng xuống giếng cho mát-mẻ, chờ còn mang về làm gi ! "

Nói xong cùng đưa nhau ra về.

Ngày xuân mưa bông phơi-phơi, gió mát hiu-hiu, hoa cỏ hai bên mé đường hòn-hở như mừng dâu đón rề:

*Khi nền trời dát cũng chiều,
Một màu hoa cỏ đón reo rước mừng.*

*Khen thay đám cưới tung-bừng
Một chồng một mẹ đón mừng cõi dâu.*

(Còn nữa)

NGUYỄN THÚC-KHIÊM

NỮ - QUYỀN

Thế-giới ngày nay đương qua một cuộc cách-mệnh lớn Ta thường không dè ý đến, nhưng thực có một sự đại-biến đương từ-lùi diễn ra trước mắt ta. Có người nói cuộc biến này rồi ảnh-hưởng về xã-hội không kém gì Đại-Cách-mệnh nước Pháp năm 1789, ảnh-hưởng về tâm-ly không kém gì hồi-dạo Cơ-đốc mới truyền-bá ra trong thiên-hà.

Người đàn bà trước kia các nhà lập-pháp vẫn coi là một giống kém-hèn, dư-luận công-chung cũng cho là rời đàn ông ra không thể tự-lập được, tựa-hồ như thần-trí có khuyết-diểm, không đủ tư-cách tham-dự việc xã-hội, vậy mà ngày nay thấy đàn-dần tiến lên, đương như muốn tranh cả địa-vị của đàn ông, hăng-hái muốn trả thù

lại cái cách đàn ông bạc-dãi mình từ xưa đến giờ.

Cái phong-trào phụ-nữ đó ở Âu-châu đã bắt đầu từ nửa thế-kỷ nay, mỗi ngày một tần-tới. Lúc đầu nghe nói bà dốc-tờ, có trạng-sư, chí tài-xế, thiên-hà lấy làm sững-sốt, có người lại bêu miệng cười ; đến ngày nay ở các nước Âu-châu đã là sự thông-thường lắm rồi, không ai dè ý đến nữa. Từ hồi Âu-chiến đến giờ phụ-nữ trong thế-giới lại hoạt động lắm nứa, mà hoạt động ở những trường sở xưa nay đàn bà không có địa-vị gì : như làm thợ sắt, làm lục-sự, làm kỹ-sư, làm ngoại-giao, làm chánh-văn-phóng các quan bộ-trưởng, làm giám đốc các xưởng máy, làm thị-trưởng các thành-phố, có khi tòng-quân mà làm đến

tưởng-lá nữa. Cồ-ngth^uc có câu : « Muốn biết vật có động, thi bước ngay chân đi. » Dân bà cũng vậy; muốn cho thiên-hà biết rằng phụ-nữ có tư-cách, vú cái thuyết nam-tôn nǚ-ti là trái với lẽ công-bằng, thi cứ bạo-dạn ra đâm-dương việc xã-hội, là thiên hạ phải chịu. Ngày nay các nước văn-minh đến qua nữa đã cho dân bà có quyền bầu-cử. Nước Anh-cát-lợi, nước Thụy-diên, nước Đan-mạch, đều cho dân bà có quyền đi bầu và sung các chức thị-tỉnh-hội-viên. Nước Mĩ ở các nghị hội địa-phương, ở giữa liên-bang quốc-hội, ở các hội-nghị dự-bí bầu tông-thống, đều có dân bà cả. Úc-châu, Tân-Tích-lan lại có dân bà làm nghị-viên, làm tòng-trưởng các bộ nữa. Nước Đức, nước Áo-Hung, nước Chiết-khắc, có dân bà làm lãnh-tụ các chính đảng, thường thấy ra chỗ nghị-trưởng mà chất vấn chính-phủ. Đến nước Nga Sô-viết thì nǚ-quyền lại rộng lầm nữa, co người đã nói là một « dân-quốc nǚ-trưởng-phu » (*république des amazones*). Xem đó thi biết khắp mọi nơi, kê thượng-lưu trong hàng phụ-nữ đã tỏ ra có cái tài chủ-trưởng, có cái sức tiến-hóa rất mạnh, có thể ra đâm-dương được mọi việc, việc hay cũng được mà việc dở cũng được; còn trong dân-gian kẽ chơ nhà què, thi đường khi chiến-tranh dân ông phải làm việc ở nhà giấy, theo quân ra trận-tiền, nhất-thiết các công-việc quản-ly trong gia-dinh trong xã-hội là một tay người dân bà chủ-trưởng dỗ-snất cả. Hàng triệu người dân bà bỏ cái kim khâu cùng cái thoi dệt mà vào làm các nhà may, chế-tạo những khí-giới cùng dậu-dược, để cho quân lính có đồ dùng mà theo đuổi cuộc chiến-tranh cho đến cùng. Còn ở chốn dân-thôn thi hàng nghìn vạn người con gái nhau què phải ra sirc mà thay anh thay chồng trong các việc canh-nông khôn-nhọc. Ông nguyên-thủ-tướng Anh

LLOYD GEORGE đã nói rằng: « Không nhờ được dân bà cẩn-mẫn can-dâm, thi trận mồi rồi có lẽ không đánh được. » Lại ông cố Giám-quốc nước Mĩ Wilson cũng nói rằng: « Nước Mĩ thực là nhờ được dân bà trong nước tự-nguyện ra thay các công-việc cho dân ông, nên mới đem được hết sức vật-chất tinh-thần cung-cấp vào cuộc đại-chiến thế-giới. » Ở Pháp thi thợ đèn bà làm dạn-dược ở các nhà máy đã được tặng cho cái tên là « thợ tạo ra chiến-thắng », thật là xứng-dáng lắm.

Nói tóm lại thi tự một nửa thế-kỷ nay, và nhất là từ năm 1914, dân bà Âu Mĩ đã tỏ ra có đủ tư-cách làm được cả công-việc của dân ông. Đó là một sự thực hiền-nhiên, dù biện-nạn thế nào cũng không thể phả được vậy. Nhận sự thực đó mà kết-luận rằng trong một thời-kỳ không xa, trên khắp mặt địa-cầu, dân bà sẽ được bình-dâng như dân ông cả, lời kết-luận đó tưởng cũng không phải là quá-dâng vậy.

Lịch-sử bắt-công, đã thiên-vị dân ông mà bấy lâu chuẩn-y cho cái thuyết nam-tôn nǚ-ti, đã thành một cái thiết-án đời-dời, án đó phải phụ-nữ vẫn không hề phục-tinh, cho nên đời nào cũng có người đem nǎo-cắn ra chiến-dấu, chịu khổ chịu nhục để mà đòi lấy cho được bình-quyền. Những người ấy, lịch-sử vẫn tặng cho cái tiếng là gai bạn-nghịch, nhưng hoặc ít hoặc nhiều, đời nào cũng vẫn có những người như thế. Nay tra trong sử-sách, lục các truyện xưa, thi lại thấy đời nào cũng có người dân bà lõi-lạc, hoặc anh-tài, hoặc tiết-liệt, làm nên những sự-công vě-vang rực-rỡ, sánh với những dân ông rất anh-kiệt cũng chẳng kém gi. Thành ra trong hàng phụ-nữ cõi-kim có người hăng-hái mà yêu-cầu cho được bình-quyền, lại vẫn có người

diễn-nhiên mà tỏ rõ ràng bình-quyền ấy đã từng thực-hiện đó.

Nữ-quyền về lý-thuyết, nữ-quyền về thực-sự, hai bên cùng là hỗn-hợp ở trong một cái phong-trào phụ-nữ, vẫn ngầm-ngầm chuyen-di tư-tưởng cùng phong-tục của người đời tự bao lâu đến giờ, mà tới nay đã đến ngày sắp kịch phát ra thành một cuộc cách-mệnh lớn trong xã-hội vậy.

Uyên-nguyên của cái phong-trào ấy thực là sâu-xa ở trong lịch-sử, đời nào cũng có xuất-hiện, chứ không phải mời bắt đầu từ cận-đại mà thôi.

Nhà bác-học nước Đức BACHOFEN gần đây có xuất bản một quyển sách lạ, ngoài các nhà xã-hội-học chuyên-môn ít người biết đến, sách chủ-trương cái thuyết như sau này : là ở các xã-hội, địa-vị dàn bà kém dàn ông là mồi tự khoắng hai ba nghìn năm đến giờ mà thôi, chứ không phải từ khi người ta ở thành xã-hội đã có như thế đâu. Nghiêm ra thì dàn bà ở các xã-hội văn-minh phải chịu cái thân-phân nô-lệ mà ở các dân-tộc cõi-thời lại là giữ cái địa-vị chúa-tề. Xét từ khi có lịch-sử, dàn-bà vẫn phải chịu kém hèn, dường như một cái công-lệ trong nhán-loại, nhưng suy ngược về các đời trước chưa có lịch-sử thì thấy đời cõi-sơ quyền dàn bà vẫn là trọng hơn dàn ông nhiều. Trong gia-dinh coi người mẹ là cái trụ cái cột, người mẹ vẫn có quyền nhất-thống hết thảy. Quốc-gia chẳng qua là một gia-dinh lớn, quyền chúa-tề chính ở tay dàn bà. Trong bộ-lạc, mỗi khi hội-hop để bàn việc chung, chỉ dàn bà là có quyền ăn nói. Con đẻ ra là lấy tên của mẹ; tài-sản trong nhà di-truyền lại cũng là truyền cho bén gái. Dàn ông ở trong gia-dinh như người khách vậy, đứng trong xã-hội chỉ có một cái địa-vị thấp-hèn. Các bộ-lạc đời cõi-sơ đó, cách tò-chức chẳng khác gì như cái tò-ong vậy, ngoài thời-kỳ giao-cấu thi con ong đực là giống

vô-dụng, quyển chúa-tề trong tò-ong là thuộc về con chúa là ong cái vậy. Xã-hội người ta cũng vậy: bò dâu đàn ông kuông có quyền-thể gì cả, không được chủ-trương gì hết. Quyền người mẹ là quyền tự-nhiên, quyền người cha chưa thể lấn-át được. Trước chế-dộ « phụ-thống » (*patrictarcat*), các xã-hội đã từng qua chế-dộ « mẫu-thống » (*matriarcat*) trong một thời-kỳ lâu dài vậy.

Thuyết đó kẽ cũng mồi thật và có hưng-thú thay. Khi mồi xướng lên, thi-en-hạ nghị-luận phẫn-vân cả. Vậy thi thuyết đó có phải là chánh-dâng không?

Cứ hiện-trạng khoa-hoc thì vấn-dề đó chưa thể giải-quyết một cách chắc-chắn được.

Đấy trong thuyết của BACHOFEN, có một điều nghiêm ra thật đúng: là cái gia-dinh thuộc mẫu-quyền có trước cái gia-dinh thuộc phụ-quyền. Thủ-xet ngay các giống động-vật, không rời đến giống ong giống kiến sinh-hoạt thành đoàn-thề ở dưới quyền con cái mà con đực tuyệt-nhiên không được dự phần gì, xét ngay các giống vật có vú là những giống động-vật liền với người ta, thi thấy giống nào cũng vậy, gia-dinh là hợp ở quanh con cái mà thôi. Ở hang con hổ-lang, hang con cầy-cáo, cho đến cái chuồng con cho con mèo, bao giờ cũng thấy con cái làm chủ, con đực chẳng qua là tạm-bợ ơ-hờ bên ngoài mà thôi. Con cái ở đâu là các con xùm quanh đó. Con cái mồi thật là chúa-nhân cái gia-dinh phôi-thai đó, chúa-tề cái xã-hội sô-hình đó. Vả tạo-vật đối với giống cái cũng cho có sức khỏe mạnh, có tài nhanh-nhen, có can-dảm dũng-cảm, chẳng kém gì giống đực. Nhiều khi giống cái lại mãnh-liệt lực-luống hơn giống đực nữa. Vậy thi xét xã-hội giống vật thấy giống cái không tất-nhiên là yếu hèn hơn giống đực.

Nay xét xã-hội loài người hối đầu không phải là không có điều giống các xã-hội loài vật. Đoàn-thể xã-hội thứ nhất của loài người là tộc-dâng hay phiên-dâng, chắc là đàn bà làm chủ, con-cái quây-quần ở chung quanh mẹ. Người cõ-sơ nhận huyết-thống, chỉ biết có cái huyết-thống về bên mẹ là rõ ràng đích-xác hơn cả. Các nhà xã-hội-học đã nói : «quyền mẹ là một sự thực hiển-nhiên, quyền cha chỉ là một sự tin-tưởng mà thôi » (*la maternité est un fait, la paternité n'est qu'une croyance*). Điều đó quả-nhiên như thế, vì hiện nay còn nhiều các rợ bán-khai vẫn cho rằng trong việc sinh con dễ cái đẻ nối dõi giống nòi, người đàn ông hầu như không có phận-sự gì cả. Thứ nhất là người đàn bà, rồi đến những sức qui-thần phải dùng phương-thuật để thu-phục lấy, đó là những cái đồng-lực mà tạo-vật phải cần-dùng để nối dõi cho loài người.

Về sau cái gia-tộc thuộc phụ-quyền mới dựng lên, nhưng khi đã thành chế độ rồi, mãi về sau, người cha vẫn phải tìm cách để tỏ rằng con của vợ mình cũng là con của mình nữa : nhân đó mới thành ra cái tục lật là tục « ấp con » (*couvade*) thường nghiêm thấy ở các dân Án-dô Mĩ-châu, ở Tây-tạng, ở Úc-châu, và chính ngay ở nước Pháp dân *Basques* mới hồi gần đây cũng hãy còn thấy di-truyền cái tục ấy. Tục đó là người cha sau khi đã cướp lấy chủ-quyền của người mẹ rồi muốn dùng cách đó để chứng rằng quyền của mình là chính-dâng. Vậy thi tục cha ấp con là phụ-quyền sau khi lấn mẫu-quyền, vẫn phải chịu rằng mẫu-quyền là cõi hơn và dùng cách gián-tiếp để tỏ lòng khiêm-nhượng vậy.

Xét các rợ bán-khai ngày nay, cũng như xét lịch-sử những dân-tộc đã tiêu-diệt từ đời trước, thường thấy có dấu vết chứng rằng đàn bà đời xưa thật là có quyền chúa-tề trong xã-hội.

Như các dân Hồi-giáo thi đàn ông có quyền lấy nhiều vợ, mà ở Tây-tạng lại là đàn bà có quyền lấy nhiều chồng. Thường trong một nhà bao nhiêu anh em lấy chung một vợ. Một vợ mà bốn năm chồng, phong-tục đã quen như thế, không có ghen-tuông gì. Người đàn bà bấy giờ thật là bà chủ-nhà trong gia-dinh vậy, một tay nữ trưởng-phu, cai-quản sai-khiến cả lũ chồng, chia công việc cho mỗi người, kẻ này lợp nhà, người kia kiếm cùi, người nọ chăn cừu. Trong gia-dinh quyền chủ-trương ăn nói ở cả người đàn bà.

Tục da-phu đó, cũng như tục mẫu-thống, là tục tinh-danh tài-sản trong gia-dinh, truyền theo dòng mẹ, chứ không theo dòng cha, đó là di-tích hiển-nhiên của cái chế độ mẫu-quyền ngày xưa. Chế độ đó hiện nay còn lưu-hành ở các thđ-dân Úc-châu Án-dô, các rợ *Siénas*, rợ *Senoufs* ở trung bộ Phi-châu, phần nhiều các rợ da dô ở Mĩ-châu, cùng những dân bán-khai đất Tây-bá-lợi-á. Ngay ở Âu-châu về cõi-dại La-Hi, cũng nhiều nơi thi-hành cái chế độ đó. Như trong sách sử-gia *Hérodore* nói rằng dân *Lyciens* thường lấy mẫu-tinh chứ không lấy phụ-tinh bao giờ, lại dân *Crétois* thi gọi đất quê-hương làm *Mètrie* nghĩa là đất của mẹ, chứ không phải là *Patrie*, đất của cha ; lại dân *Etrusques* thi các vinh-tước là truyền cho đàn bà chứ không phải truyền cho đàn ông. Theo mấy nhà sử-học đời nay thi kê binh-dân ở La-mã đời xưa cũng là theo về chế độ mẫu-thống, cách họ ăn ở khác hẳn hạng qui-tộc, họ không có gia-dinh tôn-giáo gì cả, chỉ biết có quyền người mẹ mà thôi. Cứ ý-kien các nhà đó thi sự cạnh-tranh qui-tộc với binh-dân ở La-mã đời xưa chính là một trạng-thái của sự cạnh-tranh hai cái chế độ phụ-thống cùng mẫu-thống nữa.

Mãi đến một thời-dai gần đây, ở mấy địa-phương nước Pháp, hãy còn nghiệm

thấy di-tích của chế-độ mẫu-thống. Như mấy nơi thung-lũng ở miền núi Pyrénées, thí-dụ như hạt Barèges, ở giữa chốn béo-lánh chung quanh những núi-non hiểm-trở, nên các phong-lục cõi còn lưu-truyền mãi mãi, cho đến hồi Đại-cách-mệnh năm 1789, quyền con trưởng vẫn là quyền con gái.

Con gái cả được thừa-hưởng gia-tài của cha, rồi chọn lấy một người con trai con nhà hàn-vi để làm chồng, người rẽ đó ở nhà vợ không khác gì như người dày-tờ vậy. Không có quyền gì về tài-sản trong nhà, không được hủy-nhượng của-cái của vợ. Các nhà luật-học về thế-kỷ thứ 17, thấy những cái tục cõi-lỗ đó lấy lâm-làm lâm, tra các luật-lệ đời phong-kiến cùng pháp-diễn của La-mã, không thấy đâu nói đến cả, tưởng là một câu truyện quái-gở bất-kinh vậy.

Nay xét ra thì các dân-tộc cận-đại có nơi còn theo cái chế-độ mẫu-thống, mà thành-phận người đàn bà cũng chẳng hơn gì các dân khác. Như người đàn bà Úc-châu vẫn có tiếng lâm-chúa-tề trong gia-dinh, nhưng thực là nô-lệ của người vậy. Lại đàn ông đất Barèges, tuy ở trong nhà coi như dày-tờ của vợ, không được quyền hưởng-dụng một phần tài-sản trong gia-dinh, mà tục cho quyền được đánh vợ.

Xét ngược lên tận đời thương-cõi thi không có thể.

Các nhà khảo-cõi khôi-phục lại lịch-sử các dân-tộc ở những đảo về phía đông Địa-trung-hải, trước dân Hi-lạp, thi thấy ở đâu dân bà cũng có địa-vị cao-quí hơn đàn ông. Các tượng đá các tượng thần đảo thấy ở các nơi, toàn là tượng nữ-thần cả. Giáo-sĩ coi việc tế-tự là đàn bà hết. Võ-sĩ theo việc quân-nhung là lắn cả đàn bà với đàn ông.

Xem thế thi các dân-tộc cõi ở Âu-châu đàn bà không kém gì đàn ông,

mà có lẽ lại được tôn-trọng hơn đàn ông nhiều.

Nay không nói về đời thương-cõi đã xa-xôi lắm, nói ngay những dân-tộc bán-khai hiện ở nhiều nơi Phi-châu Á-châu, hãy còn cái tục trọng đàn bà hơn đàn ông. Cứ theo lời kỹ-thuật của các nhà du-lịch thi hiện ngày nay ở nhiều nơi còn thường thấy cái cảnh-tượng như sau này: Một cái làng ở trong rừng hay trong bãi xa, lều túp dựng chung quanh, giữa có một khoảng đất không, tức là chỗ cả dân làng ra họp để bàn định việc công, quyết chiến-tranh với làng bên cạnh, hay giảng-hòa với rợ cừu-dịch, toàn là những việc lớn quan-hệ đến vận-mệnh cả đoàn. Những khi hội-đồng như thế, thi đàn ông đàn bà đều ra họp cả, đàn bà cũng có quyền ăn nói chẳng kém gì đàn ông.

Nói tóm lại thi tục nô-lệ đàn bà không phải là một cái công-lệ thiên-nhiên, cũng không phải là một sự phổ-thông trong các giống. Cứ theo nhà bác-học BACHOFEN thi dân-tộc nào hồi đầu cũng là qua cái chế-độ mẫu-thống cả. Thuyết đó có lẽ tuyệt-dối, nhưng dù không thừa-nhận được hoàn-toàn, cũng phải công-nhận rằng ở các xã-hội cõi-thời đàn ông đàn bà không có phân-biệt hơn kém gì cả, đều có quyền bình-dâng như nhau và cùng được tham dự vào việc chính-trị chung. Không những thế, về phần riêng đàn bà có cái đức sẵn-dục con cái, nối-dối cho giống nòi, nên thường lại được dâng mọt cách đặc-biệt và đặt vào một địa-vị cao-quí vậy.

Phong-trào phụ-nữ ngày nay chẳng qua là chủ-ý muốn khôi-phục lại cái địa-vị ấy cho người đàn bà và yêu-cầu cho pháp-luat phải công-nhận vậy.

NỮ-HỌC⁽¹⁾

Thầy Mạnh nói rằng: « Người ta ở dưng suốt ngày mà không dạy, thì không khác gì loài cầm-thú. » Lời nói ấy đau-dớn lắm thay! Nếu trông thấy một người kia mà bảo nó là cầm-thú, thì nó tất hăng lên nỗi giận. Nhưng xét ra lời thầy Mạnh nói quả-nhiên như vậy: sao mà ngày nay lắm người vô-giáo-đục giống như loài cầm-thú nhiều như thế vậy? Trong một nước như nước Tàu rông biết chừng nào, những giống người đầu tròn chân vuông kè đến hàng bốn nghìn triệu người, mà những người kè vào hạng nóng, công, thương, binh-linh, suốt đời chưa từng đọc đến quyển sách, có đến hơn một trăm chín mươi triệu người; lại còn hạng người vào bậc quan bậc sĩ, tiếng là có đọc sách, mà kỳ-thực chưa từng có học-thức gì cũng đến hàng vài triệu người; lại còn hạng người chẳng quan, chẳng sĩ, chẳng nóng, chẳng công, chẳng thương, chẳng binh-linh, mà đầu cũng tròn chân cũng vuông, xưa nay chưa từng đến quyển sách bao giờ cũng đến hai trăm triệu người. Không những thế, những kẻ là bậc quan, bậc sĩ, bậc nóng, bậc công, bậc thương mà gần giống như loài cầm-thú, cũng còn có người biết rằng giống như loài cầm-thú là xấu-hồ; mà những người chẳng quan, chẳng sĩ, chẳng nóng, chẳng công, chẳng thương, chẳng binh-linh, mà gần giống như cầm-thú, không những là chẳng biết xấu-hồ mà đều cho là nó vốn cố-nhiên như thế vậy, than ôi thương thay! Lương Khải-Siêu nói rằng: Nước Tàu đương buổi nay mà bàn đến nữ-học, người ta tất bảo rằng còn chán việc cần-cấp hơn gấp

mấy, còn đến hàng trăm việc chưa chấn-hưng lên được, mà cứ vội-vàng bàn đến văn-dề ấy, không phải là lời nghị-luận biết cõi gốc vậy. Nhưng ta suy-xét cho cùng cái cõi-gốc bởi sao trong nước hèn yếu, thi trước bởi tự dân bà bắt-học, xin giải-thich ra đè quốc-dân đều rõ như sau nay:

1º Nhà công-ly có nói rằng: Phảm người trong một nước, tất phải khiến cho mọi người đều có chức-nghiệp đê hay tự nuôi lấy mình, thì nước ấy mới thịnh-trị được. Nếu không thế thì cứ coi chừng cái số dân vô-nghiệp nhiều hay ít khà biết cái trình-dộ nước ấy mạnh hay yếu. Cớ sao vậy? Nghĩa là cái người vô-nghiệp tất phải nhờ về cái người có nghề-nghiệp giúp nuôi cho, không nuôi cho thì người vô-nghiệp phải khổn, giúp nuôi cho thì người có nghiệp cũng khổn. Người Tây phân ra hai hạng người, một là hạng sinh-lợi, hai là hạng phản-lợi; tức như sách *Lại-học* bảo rằng hạng sinh-lợi ra phải cho nhiều, mà hạng ăn-tiêu bao di thì phải ít. Quản-tử có nói rằng: « Một người đàn ông mà chẳng có ruộng cây thi có khi phải chịu đói, một người con gái mà chẳng hay dệt vái thi có khi phải chịu rét. » Đó chẳng phải là lời nói không. Nay thử hợp cả nhân-dân và sản vật trong một nước lại, mà lấy cái số doanh-hư tiêu-túc thử tính ra xem thì phần nào bao nhiêu suất-số khà biết, cứ lượng qua cái số đàn ông Trung-quốc mà xem thì cái số người phản - lợi cũng hò bằng nửa cái số người sinh-lợi, tự nhà công-ly xem ra người trong một nước mà như thế thi không thành nước nữa rồi. Huống-chi số đàn bà Tàu cũng đến hai trăm triệu người mà toàn là người phản-lợi cả,

(1) Nguyễn Hán-van của Lương Khải-Siêu.

chứ không có một người nào là sinh-lợi. Vì không hay sinh-lợi nên không tự nuôi lấy mình được, phải nhờ về người khác nuôi cho, vậy nên người đàn ông mới lấy cái cách khuyên mả nô-lệ mà súc-dưỡng, như thế thì người đàn bà rất khổ; chỉ tại người đàn bà không hay tự nuôi mà phải nhờ đến đàn ông, nên người đàn ông bắt-dắc-dĩ mà phải nuôi; trong suốt một năm người đàn ông khó-nhọc làm được lợi bao nhiêu vẫn không đủ nuôi vợ, vì thế người đàn ông cũng cùc-khổ. Cứ như ta xem ra thì trên từ quan rồi đến sĩ, dưới đến hạng nông, công, thương, binh, không kỹ là hạng người nào, không lúc nào là chẳng buồm-bực chỉ lo về sự nghèo, còn những người chịu phải đói rét chết lăn ra ở ngõi lạch không biết là bao nhiêu! Nay cứ lấy cái lẽ thiền-cận mà nói, nếu mỗi người đều lấy cái nghè-nghiệp của thân mình làm ra, để mưu đường cơm ăn áo mặc cho một thân mình, thì không có lẽ nào phải chịu nghèo túng; nay người trong một nước mà không người nào là chẳng lo nghèo, chỉ vì tại một người làm mà phải nuôi đến và người. Sở-dĩ gây nên cái cõi đời mọi người phải nuôi đến và người, cái căn-nguyên nó không phải là một mối, mà nhất là tại đàn bà vô-nghiệp. Cũng là người cả sao lại người thì có nghè-nghiệp, người thì vô-nghiệp? Nghè-nghiệp trong thiền-hạ ai muốn làm nghè gì thì làm, nhưng mỗi nghè cũng có cái lý sở-dĩ-nhiên, và cái sự nên làm như thế nào, nếu không có học-văn thì sao hay thông hiểu mà làm được. Đàn ông thi phần nhiều là người thông-hiệu sự-lý cho nên mưu sinh lấy nghè-nghiệp rất dễ; còn như người vô-học thì khó đường mưu-sinh được nghè-nghiệp gì. Thế thì sự học văn là mẹ đẻ ra nghè-nghiệp; đàn bà mà đến nỗi vô-nghiệp không phải là lẽ cố nhiên như thế này. Nguyên buổi sơ-khai trải qua đời loạn-

lạc phải chuộng sức mạnh để ganh đua, những việc mà đàn ông gánh vác được thì đàn bà không thể khâm được, nên mới cho đàn bà là không đủ khinh trọng, mà chẳng dạy bảo gì cả; đã không dạy cho học, thì còn biết làm nghè-nghiệp gì nữa; lâu mãi rồi quên đi, nghĩ rằng đàn bà vốn sinh ra yếu hèn không thể làm gì được, chỉ quen thân ăn dừng ở nề dơi người đưa cơm đến tận miệng. Vì thế con trai qui mà con gái hèn, đàn bà rồi dài mà đàn ông khó nhọc; được rồi dài mà phải chịu hèn, tình người không ai muốn thế, được qui trọng mà phải chịu khó nhọc, tình người cũng không muốn thế; phải làm thế nào qui tiện cho đều, mà lao dắt cũng phải cho đều mới được. Luận về công-lý thi như thế nọ, mà xét về sự-thế thi như thế kia, vậy nay muốn làm thế nào cho nước mạnh? Trước phải làm cho dân giàu thi nước mới mạnh được. Làm thế nào cho dân giàu? Trước phải khiến cho mọi người ai cũng hay tự nuôi được mình, mà dừng đẽ cho một người phải nuôi đến và người, thi dân mới giàu được. Nếu hay khiến trong một nước người có nghè-nghiệp mà làm tăng lên đến gấp hai, thi những đồ khi-vật thô-sản trong một nước làm ra cũng tăng lên gấp hai; những cái số sản-vật tăng lên đó, đều là những của khi trước bỏ hoài cả, nay đem cái của bỏ hoài đi khi trước mà thu-làng lại ở chốn dân-gian, việc ấy rất thuận mà tỷ-ich rất nhiều, như thế mà không cho cả phụ-nữ theo học thi làm thế nào được.

2º Người ta thường bảo rằng đàn bà vô-tài mới là có đức, đó là lời nói xâng. Những bác đồ giàn cứ nắm lấy cái câu ấy muốn cho tất cả đàn bà con gái trong nước, không ai biết một chữ gi, không ai đọc được một quyển sách nào như thế mới là chính dòng con gái hiền-thục, nói như thế thực là lầm hại cả thiền-hạ. Đời xưa gọi là những

hạng tài-nữ, thì chỉ vịnh trăng ngâm gió, phàm dẽ cỏ hoa, hoặc câu thơ tich-biệt, ngâm khúc hát thương-xuân, tập-thành ra được một vài quyển thơ-tử, thế đã là giỏi lắm rồi. Song những việc ngâm-vịnh ấy không gọi là học được; đàn ông nếu không có học-văn gì mà chỉ chăm về nghề thơ-tử để lấy tiếng, cũng cho là một anh phù-phiếm mà thôi, huống-chi là đàn bà. Học là phải học sao cho mờ-mang được tri khôn, giúp đỡ cho sinh-kế, một việc học mà được mấy việc hay, không hại gì đến phụ-đức cả. Nếu bảo rằng đàn bà vò-tài mới là đức, thì sao những mụ đàn bà nhà quê không biết một chữ gì kẽ đến hàng ức vạn, thực là vò-tài vò-học mà chẳng thấy thêm được một đức gì là đức hiền-thục, chỉ nghe thấy những thói cong mồi cong mồ, ngoa-ngoét cãi nhau, lại tệ hơn những người đàn bà nhà quan có hơi chút học-thức, là tại cớ sao? Phàm người ta mà có cái thói bỉ-lận, cái nết phẫn-tranh, chỉ tại là kiến-thức hẹp-hỏi, con mắt suốt ngày chỉ loanh-quanh trong vòng nhỏ-hẹp, mới sinh ra ngu-tối như thế. Nay con người mà đã học biết đến trên cõi vạn-cõi, ngoài có năm châu, và biết cái đạo đời người thương-xứ với nhau, cái lẽ vạn-quốc sở-dĩ mạnh hay yếu, thì cái tâm còn lo thay cho thiên-hạ, thương thay cho chúng-sinh chừa lúc nào rồi, còn hơi đâu mà ganh nhau những việc lặt-vặt đàn bà con trẻ trong nhà nữa. Nay những người đàn bà sở-dĩ ngu-tối là chỉ vì không học cho biết những mọi sự-vật trong khoảng trời đất, suốt đời chỉ kiệt tinh-thần ganh nhau hơn kém ở trong xó nhà, vậy nên những thói xấu tự-nhiên không học mà biết, không hẹn mà giống nhau cả. Bởi thế trong một nước rộng lớn đến hàng ức triệu con người, ức vạn gia-tộc, mà cầu lấy một gia-dinh hay cư-xứ với nhau được hòa-vui, lời ăn tiêng nói không có khich-

bác nhau điều gì, thì muôn nhà không được một. Xét cái nguyên-nhân ấy đều khởi từ trong chốn mẹ chồng nàng dâu, chí dâu em gái, ăn ở với nhau không ra gi cả. Có người bảo rằng giống đàn bà không thể dạy được, nhưng có phải đàn bà là tính ác cả dâu, chỉ tại là hợp một đàn người không có giáo-hóa gì cả, mà cho ở cùng một nhà, lại muốn cho nó cùng ăn ở tử-tế với nhau, thì sao thể được. Đàn bà mà làm lụy đến đàn ông chỉ tại là không hay tự nuôi được mình, mà phải cầu đến người chồng nuôi giúp, như thế mới là lâm lụy đến hình-hai người chồng mà thôi. Còn như trong gia-dinh lồng củng suốt ngày, lúc thi than-thở việc nọ, lúc lại buồn-bực việc kia, đàn bà như thế có khi làm tồn đến linh-hồn, đoán cả chi-khi của người chồng không biết là chừng nào! Nếu người chồng là bậc hảo-kiệt thích-thắng đến thế nào, mà gặp phải cái cảnh vợ con trong chốn buồng the như thế, tưởng chỉ đỗi vài năm thi cái chi-khi người chồng cũng phải dễn cục-súc, tài-năng người chồng cũng phải đến tiêu-ma. Như thế thì đàn bà toàn là phường độc-ác không thể gần được cả hay sao? Nếu cứ cam-tâm chịu phải cái ách đàn bà phiền-lụy như thế, thì sao bằng tim phuơng thuốc mà chữa đi.

3º Người Tây chia cái cách dạy trẻ con ra đến hàng trăm khóa, thế mà về phần mẹ dạy đến hàng bảy-mươi khóa. Đứa trẻ lúc còn thơ-ấu thi nó thân-gần mẹ nó hơn là người cha, phàm những tinh-tinh ưa thích của nó, nếu làm người mẹ mà biết liệu chiều dỗ bảo cho nó, thi hay lắm; thế cho nên mẹ dạy mà khéo thi con về sau dễ nén con người, mẹ dạy mà vụng thi con về sau khó thành-thân được. *Nhan-thị gia-huấn* có nói rằng: Dạy đứa trẻ thơ-ấu trước khi vào nhà trường, sao cho tinh-chất chí-lượng

nó đứng-dẫn, lúc nhỏ nó đã tập quen đi như linh-tự-nhiên rồi, thì lúc lớn lên nó mới khỏi mất nết. Đó là nói cái cách dạy trẻ học lúc buổi đầu vậy. Nếu làm người mẹ mà đã học thông sách lại biết cách dạy, thì dứa trẻ trước khi mười tuổi đã được học biết những lẽ thiền-cận, và những đạo lập-chi lập-thân từ khi thơ-ấu ấy rồi. Nay trong một nước về cách dạy học đồng-Ấu chưa hay chỉnh-dốn được, dứa trẻ khi ra đến nhà trường học-tập toàn những thói hư-hỗng, ông thầy không thể bảo xiết được, mà lúc nó còn ngây-thơ chơi dứa ở trong chốn buồng theo chỉ quanh-quần ở tay người vú, hằng ngày tai mắt nó tập-nhiễm toàn là những sự tệ-nhép xấu-xa, không còn có kiến-văn gì cả; người trên thi chỉ ham cho nó thi đỗ để lấy lợi-lộc, dạy cho nó giữ lấy sán-nghiệp về sau, thế đã là giỏi rồi. Vậy đến lúc nó lớn lên thì nó trưởng rắng việc thiêng-hạ không còn việc gì lớn hơn những việc ấy nữa, nên về sau nó gây nên cái thói chỉ biết vụ-lợi doanh-tur, cầu-thả vô-si, suốt cả người trong một nước như thế, mà không biết cái tệ nó bởi tự đâu; không những là chẳng biết cái tệ nó bởi tự đâu mà thôi, lại cứ điêm-nhiên chẳng lấy gì làm quái lạ. Nay thử đem một đứa học trò nhỏ người Âu-Tây, mà so với một ông sĩ-phu lớn tuổi của ta thì cái chí-thù học-thức của đứa trẻ có khi lại hơn người lớn, có phải là tại cái nôi-giống nó khác đâu, chỉ tại mình khi nhỏ học-tập sai-lạc mất đường vạy. Cái gốc trị nước có hai điều: một là chính nhân-tâm, hai là cầu rộng lấy người nhân-tài; hai điều ấy phải cần dạy từ nền ấu-học, mà nền ấu-học phải trước từ khuôn mẫu-giáo, khuôn mẫu-giáo lại phải trước từ nền nữ-học, vậy nên nền nữ-học là cái căn-bản trong nước mạnh bay yếu vậy.

40— Nói về cách thai-giáo đời cổ rất là kỹ-càng, đến đời sau bỏ nhăng đi mất. Người phương Tây rất là lưu-ý về cách thai-giáo, nhà công-ly-học có xét về cách tiến-hóa của giống người giống vật, bảo rằng phàm giống vật đã có hình-thể cơ-quan như là các loài nhân-vật cầm-trùng thảo-mộc, trong một cơ-thể có cái chết hẳn đi, có cái vẫn không chết, như là giống cây có gốc rễ cành lá hoa quả thì là chết đi hẳn, nhưng vẫn có cái không chết là nó lia thân mẹ lại thành ra thân con, liên-miên mãi không dứt, như thế là truyền giống; giống người cũng thế, có khi hai giống hóa-hợp mà dần-dà biến hẳn đi, thành ra một giống giỏi hơn, như là do loài hầu, loài vượn mà tiến lên thành ra loài người, do giống dã-man tiện-tộc mà tiến lên thành ra giống văn-minh qui-chung, lúc kỳ-thủy rất là tề-vi mà về sau rất lớn. Vậy nên người Tây bàn về chủng-tộc-học thì cốt nhất là cách thai-giáo, muốn làm cho nòi giống tiến lên cũng nhiều cách, như các nước chủ-y về việc cường-binh thi bắt cá đàn bà trong nước phải tập thể-thao cả; có tập như thế thì người mới khỏe mạnh, mà để con da thịt mồi dày-dặn, gân súc mồi mạnh khỏe, đó là một nghĩa cốt-tử về nữ-học. Nay những người học-thức nghĩ rằng trong thiêng-hạ có ba việc lớn: một là giữ nước, hai là giữ nòi, ba là giữ cách dạy bảo. Nước làm sao giữ được, phải khiến cho nước mạnh lên thì mới giữ được. Nòi giống làm sao giữ được, phải khiến cho nòi giống tiến lên rồi sau mới giữ được, như là khiến kẻ trá-nịnh tiến lên người trung, kẻ tư-túi tiến lên bắc công, kẻ hoán-tán tiến lên hợp-quần, kẻ ngu-dại tiến lên khôn-khéo, kẻ dã-man tiến lên văn-minh, ấy cái đạo cái-lương nhân-chung là như thế, mà cái công dạy con trai một nửa phần, dạy đàn bà con gái cũng một nửa phần; cái phần dạy con trai

nguồn-gốc nó cũng phải trước dàn bà con gái; vậy nên nền nữ-học là cái mối đầu đê mà giữ lấy nòi giống vậy. Nay mà nói như thế tất nhiều người cho là vu-khoát, không khác gì muốn cầu cứu-cơ mà bảo phải dì cày, muôn cầu giải-khát mà bảo phải đào giếng, thực là viễn-vông! Không biết rằng ngày xưa các дăпg тiেп-тriết và các nhà thông-nho bên Thái-Tây đã giảng-bàn về cái lẽ thai-giáo rất kỹ-càng và rất châm-chí về việc ấy (1).

Nhà cách-trí có nói rằng: «Những lẽ không-hư về cách-trí toán-học, thi dàn bà suy-linh không bằng dàn ông; nhưng do những lẽ ấy mà thi-thố ra thực - sự dẽ làm thành nghề-nghiệp chuyên-môn về chế-tạo và y-học, thi dàn ông thường không bằng dàn bà.» Như thế thi dàn ông dàn bà đều có sở-trường không hơn kém gì nhau mấy. Hoặc người bảo rằng mấy nghìn năm nay dàn ông lập nên công-nghiệp lớn-lao đời nào cũng có, mà chưa nghe thấy người dàn bà nao. Như thế thi dẫu chấn-hưng nữ-học, mà dàn bà thành-công được cũng ít vậy. Song ta

nghe các nhà bàn về cái lẽ sinh-hoạt bão-rảng phàm những giống vật bầm-thụ hình-khi mà sinh ra, hễ giống nào sinh ra đảo-ngược thì rất ngu, giống sinh ngang thi ngu vĩa. Còn như giống thâu-thè đứng thẳng, trên đầu chịu được cái khí thanh-dương, thi cái thông-minh nó cũng không khác nhau mấy. Sở-dĩ sinh ra khác nhau là tại tri-tuệ có khai-thông với chẳng khai-thông mà thôi. Xét như năm Kiên-long Gia-khánh ở các tỉnh Giang-tich, người theo Hán-học dã thịnh, mà ở Quảng-dong chẳng có một người nào. Từ năm Hảm-dồng trở về sau thi Quảng-dong biết bao nhiêu là người giỏi Hán-học, đó không phải người Quảng-dong về năm Kiên-long thi ngu mà về năm Hảm-dồng thi có tri khôn vây. Nước Nhật từ năm Minh-trị trở về trước thi dàn-tri bế-tắc, công-nghệ xấu-xa, từ khi duy-tân trở về sau thi dàn-tri càng ngày càng mở-mang, đó không phải là người Nhật khi trước vụng mà ngày nay khéo vây. Chỉ vi cái não-cắn nó còn phục chửa động, cái linh-tùy nó còn tắc chửa thông, nên biết đường

(1) Thiên-thai-giáo nói rằng: Kinh Dịch rằng: trước phải chính từ cõi gốc thi muôn việc đều xong, nếu lầm một ly thi sai đến nghìn dặm, vậy nên người quân-tử phải cần-thận từ lúc khởi-thủy, vì con cháu kén vợ và chồng phải chọn nhà nào gia-thể hiếu-nghĩa, thi sau này sinh con ra mới được biền-tử hiếu-hạnh, không dám hoang-dâm bạo-ngược. Vậy nên giống chim phượng-hoàng sinh con ra đã có ý nhân-nghĩa, giống hổ-lang sinh con ra đã có tâm tàn-ác. Lời nói ấy rất là thâm-thiết rõ-ràng. Lại rằng: khi xưa cái đạo thai-giáo phải chép vào ngoc-bản, dẽ ở kim-quĩ trong nhà tôn-miếu, dẽ làm rán cho con cháu đời sau. Người đời xưa trọng về cách thai-giáo như thế. Nghiêm-quân có dịch bài luận Thiên-diễn nói rằng: Những giống vật hình-thè không có cơ-quan thi nó không chết, vì nó không có sinh vây. Những giống vật hình-thè có cơ-quan thi có khi chết, nhưng cũng có cái không chết. Cái không chết không phải là nói về hồn-phách tinh-linh vây. Nghĩa là như lá cây rẽ cỏ thi có khi chết, còn như cái nòi lìa mẹ lại thành ra con thi không bao giờ chết được, cứ thay đổi sinh-sỗi mãi vô-cùng-lận, phàm giống động-vật thực-vật đều thế cả. Thân người ta cũng là tự tồ-phu di-truyền lại, từ khi bầm-sinh thụ-hình tiếp-tục mãi cho đến ngày nay, đó tức là cái lẽ sở-dĩ-nhiên về thai-giáo vậy. Nghiêm-quân lại đưa cho ta cái thứ nói về cái lẽ sinh-vật-học bảo rằng: Người ta sinh ra, phàm tâm-tử tài-lực, hình-thè khí-tập, vốn gốc từ hình-thần lịch-duyết của tồ-phu trên mấy trăm đời nòi tích-lũy mà thành ra thân ta. Đến khi sinh ra rồi thi lại tiêm-nhiệm về sự vận-khiển của thầy ban và cái cảnh-ngô từng nơi từng lúc nòi biến-hóa mà thành ra con người. Vậy nên muốn giữ nòi giống phải chú ý về thai-giáo (Tác-giả).

khoi nó ra, thi linh cơ đều phát-dộng cả. Thế thi mấy nghìn năm trước đàn bà chưa có ai nói tiếng về học-thức, là tại chả ai khai-dạo; nếu nay mà cho đàn bà theo học thì hơn đàn ông có hai việc: một là đàn bà ít phải thutherford phiền-nhiều, hai là đàn bà được miễn khảo-thí khó-khăn; và lại tinh ưa tĩnh-mịch, tâm lại tĩnh-tế, có khi những cái lẽ đàn ông không thể xét cho cùng được, mà đàn bà hay xét được ra; có cái phép đàn ông không thể sáng-lập ra được, mà đàn bà hay sang-kiện; xem như bà mẹ Ma-cáp-mặc-đức là con gái ông Bà-nam và là cô ông Ước-Hàn, học-nghiệp thành-truu giỏi - giang không kém gì đàn ông. Lại như con gái nước Tàu khi du-học tốt-nghiệp trở về như là bà Khang Ái-đức-thị, Thạch Mĩ-ngọc-thị, dẫu các bậc kỵ-túc ở bên Tây-vực cũng phải nức khen, xem thế thi có phải đàn-bà sinh ra mà không thể nào học được đâu. Nay lấy mấy trăm triệu đàn-bà cũng là loài người đội trời đạp đất, dẫu hâm-thụ khi thanh-dương, mà nỡ đem hoài bở di cỏ, chẳng cho học-hành gì, coi chẳng khác gì giống vật sinh ngược sinh ngang trăm đường ngu-tối, thi thực là bất-nhân lầm vậy.

Các nhà tôn-giáo bàn về lẽ bình-dâng bảo rằng sự bất-bình-dâng là bởi tự đâu? Là bởi chỉ chuộng về sức mạnh; sự được bình-dâng là bởi tự đâu? Là bởi biết chuộng về nhân-đức. Cùng là một loài người cù, mà bỉ cho một hạng là đàn, đã là đàn ngú thì ông vua được bắt ép làm kẻ thần-thiếp. Lại khinh một hạng là gái, đã là gái yếu thì tài trai được bắt ép làm kẻ nô-lệ. Đã bắt ép làm thần-thiếp nô-lệ mãi không thôi, lại bịt cả tai mắt, bó cả chân tay, làm cho công cả gân cả óc, lấp cả đường học-vấn, tuyệt cả lối sinh-nhai, khiến cho phải cui đầu luồn-cúi ở trong tay người có sức mạnh; lâu mãi tập quen đi, yên phận là thần-thiếp,

cam-tâm làm nô-lệ, cho là bản-phận cố-nhiên mà bắt-tự-tri. Tựu-trung cũng có kẻ biết rằng mình bị phải làm thần-thiếp nô-lệ là không đáng, cũng muốn ngóc đầu mà kêu lên. Vì thế trong mấy nghìn năm nay bọn đàn ông cầm quyền không muốn mở-mang cho đường nữ-học, cho là việc không cần; mà bọn đàn bà trải mấy nghìn năm nay cũng không thấy ai hay tự phán-chấn học-hành để khởi-xướng cho bọn đồng-loại; đó không phải là bọn đàn bà bắt-tái cả đâu, là bị phải áp-lực của bọn đàn ông nó xui nên thế vậy.

Nay bảo người ta rằng muốn nước mạnh thì phải mở nhiều nhà học-hiệu, thi ai cũng cho làm phải; nếu bảo rằng muốn nước mạnh thì phải chánh-hưng nữ-học, thi ai cũng lấy làm ngờ. Cái nguyên-nhân tại sao mà mờ tối không hiểu như vậy, là tại đương buổi ngày nay những người muốn bành-tinh đến việc phú-cường, chỉ muốn bắt-chước những điều sở-trường của Âu-Tây, làm sao cho tàu-bè nhiều, súng-ống giỏi, xe hỏa chạy cho nhanh, quặng mỏ khai cho lâm, chờ còn như việc nữ-học thi không cần, mà đàn bà cũng chẳng hay làm được những việc trên ấy; vậy ai cũng bảo rằng việc dạy đàn bà không phải là việc cần-cấp. Nào biết đâu bên Âu-Tây mà được cường-thịnh, tuy có nhờ về tàu về súng, mà sở-dĩ cường-thịnh không những là nhờ về tàu súng, lại còn như nông-nghiệp, công-nghệ, y-học, thương-học, cách-trí, luật-lệ, phép giáo-thụ, phàm những việc ấy đàn ông hay làm được, thì đàn-bà cũng hay làm được; mà đàn ông với đàn-bà cũng đều nhờ về có học mới hay thành-tài hữu-dụng được. Nay bàn việc trị nước phải cởi ở nhà học-hiệu, thế là nước phải nhờ có nhân-tài, mà nhân-tài trong nước không kỵ là đàn-ông đàn-bà đều phải nhờ giáo-dục

mới hay thành-tài được. Nay lại cho mấy vạn dân-ông kia là nhân-tài, mà mấy vạn dân-bà nọ không phải là nhân-tài, thì thật là không công-bằng quá!

Bên Tây-phương nước toàn-thịnh không nước nào bằng nước Mĩ, ở đông-phương nước tân-hưng không nước nào bằng nước Nhật. Cái thuyết nam-nữ bình-quyền thịnh-xướng lên ở nước Mĩ, mà lan sang đến nước Nhật. Nước Nhật về khoa nữ-học chia ra làm mười-ba môn: 1) tu-thân; 2) cách giáo-dục; 3) quốc-ngữ; 4) hán-văn; 5) lịch-sử; 6) địa-dụ; 7) toán-học; 8) cách-trí; 9) gia-sự; 10) tập-chữ; 11) tập-vẽ; 12) âm-nhạc; 13) thể-thao; những môn học ấy đại-luợt cũng giống như bên con trai, mà cũng có quan-hệ cả. Nếu thế-giới mà đến được cõi thái-bình, không có phân ra quốc-giới, chủng-giới gì cả, thì không cần phải học đến những nghề binh-khi, việc binh-chế nữa, chỉ cốt học lấy những việc nông-thương, y-khoa, pháp-luat, cách-trí, chế-tao; không ký là con trai con gái, người trong nước đều học-tập lấy một nghề-nghiệp để

tự nuôi mình, mà không có ai là biết với chẳng biết, nữ-học với nam-học đều như một că, nước Mĩ cũng hầu được như thế. Vậy nên nữ-học càng thịnh thì nước càng mạnh, tức như nước Mĩ vậy; nữ-học thịnh vừa thi nước ấy cũng mạnh, tức như nước Anh nước Pháp nước Đức nước Nhật. Nếu nữ-học suy, mẫu-giáo hỏng, kẻ vò-nghiệp nhiều, kẻ dân khôn ít, nước mà còn được là may, tức như những nước Án-dô, Ba-ty, Thổ-nhĩ-ky.

Nay mà bảo cần phải chấn-hưng nữ-học là học một cách cho có thực-dụng, có thầy bạn giảng-tập đẽ cho khai-trí, di du-lịch trong ngoài đẽ cao thành-tài, thi học-nghiệp mới thành được. Nếu chỉ ru-rú trong chốn buồng-the, tấp-tênh ra nơi trường học, mà vẫn cõi-lâu quả-văn, sớm ngâm câu phong-nguyệt, tối đọc truyện thần-ky, chẳng biết gì là thực-học cả, thì sao cho thành-tài hữu-dụng được!

N. H. T. dịch

Axiome politique de la démocratie : N'importe qui étant bon à n'importe quoi, on peut n'importe quand le mettre n'importe où.

CHARLES BENOIST

La politique est l'art de faire marcher de pair, à tout instant, les moyens dont on dispose et les ambitions aux-quelles on a droit.

(*Le Temps*)

Cái yếu-phap của chính-thể dân-chủ là: Bất-cứ người nào làm bất-cứ việc gì cũng được, vây bất-cứ lúc nào đặt bất-cứ vào đâu cũng được.

Chính-trí là cái thuật lúc nào cũng biết khiến cho một bên là những phuong-phap thực-hanh, một bên là cái lòng due-vọng chánh-dáng, hai bên phải đi ngang với nhau.

ĐẬT-SỰ MA DANH-CÚC VÀ VỢ BA-DÔN TƯỜNG-QUÂN

Ma Danh-Cúc 魔名菊 nguyễn là giòng Tú-trưởng ở xứ Thái-nguyên xưa nay, ở tại làng Huống-thượng, trại Mô-tròn, cây cỏ non-sông niêm-trở, không ai làm gì được mình, nhân chiêu-tập thô-dâu ở đất Cao-lân đất Lợi-cửu các nơi, cây ruộng chưa lúa, dựng lên những kho trai thành-quách tại động Bắc-kan, tự xưng là Quận-công. Đường đời Tây-sơn năm 1791, Cúc cùng bọn đồng-dâng là Ba-dôn t-ông-quân, với chỉ-huy Văn, đỗ-đốc Mạnh vào chiếm-cứ huyện Cồ-lũng đất Bảo-lộc, tung-hoành khắp cả mọi nơi, quân-quân xứ kinh-bắc (Bắc-ninh) ra đóng đồn tại núi Mục-sơn để kháng-cự lại, ở Bắc-thành cũng có một toán quân bọc vây trấn Thái-nguyên, rồi sai sứ dụ Cúc ra đầu hàng. Cúc trả lời rằng : « Triệu-dinh có thiên binh vạn mã, ta đây có thiên thủy vạn sơn, hãy để quân ta cùng quân triều đánh nhau thử đã, nếu ta thua thì ta sẽ đầu hàng; nếu voi đến đây dụ ta, ta khen thực đã to gan, nay ta cũng hãy thả người về, nếu người lai đến nữa, thi ta quyết không dung-thù cho đâu. » Nói rồi đuổi người sứ cho về.

Sau Cúc lại từ Thái-nguyên ra xâm-chiếm trấn Sơn-tây, quan trấn-thủ Sơn-tây đóng cửa lại không cho vào, và cũng không sai quân ra kháng-cự gì cả. Cúc không làm sao được, bèn bày mưu kế rất kỳ. Cúc lừa mìn đội quân giả làm quân quan ở nơi khác giải tù về trấn Sơn-tây, quan trấn-thủ vô-tinh mở cửa cho vào, bọn quân ấy vào được thành, mở cửa tan-hoang, quân Cúc mới tràn vào được thành, cướp sạch hết của-cái các kho; rồi kéo quân đi nơi khác.

Cúc làm như vậy, kể từ đời Tây-sơn cho đến đầu triều nhà Nguyễn, cũng không ai làm gì được. Đến năm Minh-mệnh thứ 4 (1828), Cúc từ Thái-nguyên đem quân ra tuần-phòng ở trại Dụ-lân thuộc huyện Tư-nông, bị quan-quân đến vây đuổi, Cúc thua chạy về huyện Yên-thé, lánh tại nhà Tuần-Thiên, quan-quân vây bắt được, giải về Bắc-thành trị tội.

Vợ Ba-dôn t-ông-quân cũng bị bắt, giải về Bắc-thành, quan tống-trấn bởi tại cờ sao mà theo quân giặc, à có lầm một bài tự-tình, lục-dâng sau đây dè công đồng-lâm.

Nguyễn à là con một nhà thuyền-chài, mà có tư-sắc, cha mẹ mất rồi, à nhân bộ nghê thuyền-hải về ở với một người anh họ ở tại thôn-quê, Ba-dôn t-ông-quân mê à là một người con gái đẹp, mang quân đến hiếp bắt về làm vợ, rất là yêu-giáu; sau Ba-dôn lại hiếp lấy một người con gái nhà giàu khác, mà dẫn xa à đi. Đến khi quan-quân bắt được, à mới làm một khúc tự-tình, dè xin quan tống-trấn tha tội.

TỰ-TÌNH-KHÚC

Thưa vì khát thăm tình duyên,
Xét choặng khỏi oán-khiên mạch lòng.
Dù tôi là phận má hồng,
Mẹ cha tôi vốn là dòng ngư-nhân.
Chài một tay trúc một cần,
Lại-ùt bồng-mỗ riêng phần son-xuyên.
Mấy lần vượt bờ chuán-chuyên,
Đồng Hán còn muộn, quê Yên còn chầy.
Một tôi phận gái thơ ngay,
Nhai cơm móm cá đêm ngày đầu
thương.
Con giòng mong kiêm một chàng,
Nước non nẩy thác, mỗi đường đỡ thay.

Chiêng vàng khì xé vè láy,
Đò-tiên hương khói may ngay cày nhở.
Những mong dấp dấp be bờ,
Vi ai quấy đục cho lờ tôi trời.
Cơ trời một phút ráp vài,
Sóng cồn nồi ngạc, bè sói tám kính.
Xuân huyền hai khóm diêu-linh,
Khúc sông bỏ vắng một mình sầu riêng.
Son-xuyên phong-nguyệt doanh in,
Thủy quan đã chứng ngả nghiêng nỗi
lòng.
Và tôi trung nước trê trung,
Thấp cao chưa lở sâu nồng chưa tường.
Con thuyền ghé bát bên giang,

Bè hồ lai-làng khôn đường sinh-nhai.
Trời còn rông, đất còn dài,
Xấu mồi hau dẽ, ngồi dài được náo.
Chắp tay bái lạy con sào,
Giả thuyền giả bến tim vào thôn-trang.
Nghĩ ra ngày trước nghe rắng,
Có anh họ ở Ván-lăng cảng gần.
Tim vào tu-ba trú chân,
Lam ăn theo thói thôn-dân mọi nghề.
Mặc ai lười, mặc ai te,
Cây dì đạp tuyêt, cuốc vè đội trảng.
Gặm thân trước đã lở chừng,
Ở đây nương tựa đành rắng đực yên.
Bây giờ thuyền bến đã quen,
Rắp tim một kẻ ngay hiền thù-quê.
Sang nhàn giàu khó náo nè,
Như cá có nước, như bè có neo.
Phận sao uên nỗi bợ bèo,
Ông ta bà nguyệt ghẹo trêu khéo là.
Có người ở phủ Bắc-hà,
Kim-hoa là huyện, Thuy-hà là quê,
Họ hàng chẳng biết là chi,
Cha chài chú chóp tên gì chẳng hay.
Con nhà bán-nghiệp xưa nay,
Bè dâu bối qấp phải ngày lung-dong.
Giang-sơn cơ-nghiệp cha ông,
Đã như gột rửa sạch không lầu-lầu.
Bảo-nga tim đến thù máu,
Phận hèn cũng rắp đến cầu cho qua.
Làm ăn ra . . . vào, . . .(1)
Đồng tiền phán bạc có là của dâu.
Thuồng-luồng ở cạn được sao.
Chẳng đạo gian cũng bắt vào đạo-gian.
Thay làng Huống có thương-quan,
Quận-công nước suối mới ban sắc vè.
Kiếm ăn như rái mồi ghè,
Mấy dân hai huyện đồ hoe cá phường.
Dân mình chịu lợn lúy vòn,
Khoa dâu thuyền nát đổi phường dụng
nhau.
Vây-vùng như ếch giếng sâu,
Xem trời thảm thảm trên dâu băng vung.

Đặt nhau Eiều-bắt, Tiên-phong,
Cơ kia đội nõ như ong mót dàn.
Tốt với một nghĩ khôn-ngoan,
Nhảy lên cát-ốt-võt làm quan Ba-dòn.
Nghĩ mình quyền trọng chúc tôn,
Thân như cá vượt Vũ-môn khác nào.
Trí vỹ gươm giáo đáp-diu,
Thay tôi là gái có chiêu đế tra.
Nhủ rắng cóc lán bên eù,
Sóng ăn chết giữ tôi như lấp minh.
Tủi thay tình sự hiếp tình,
Cũng mong đổi lốt nau hình cho xa.
Lén đêm vừa trống canh ba,
Vu-sơn phảng-phatk hôn hoa chưa về.
Đem quân đến bọc từ bờ,
Thôn-dân phả lở khác gì giặc pha.
Gọi anh tôi mở cửa ra,
Có em chẳng gả, dốt nhà hôm nay.
Tôi nghe rời-rung chân tay,
Hai hàng nước mắt chảy ngay dòng
dòng.
Biết mình lợt chẳng khỏi vòng,
Vân-vi mới ngõ sự-tình cùng anh.
Phận tôi như bợ đầu ghênh,
Trống án anh chí đã đánh bắng nay.
Bây giờ đến nỗi nước này,
Thôi thôi đã vây thi vầy biết sao.
Cầm bằng như hạt mưa dào,
Nước chiều ai dể cầm sào mà trống.
Bờ sông lại lở xuồng sông,
Đàn bà mà lối đàn ông thiệt gi.
Dân mình tôi phải ra đi,
Xuồng thi lội suối, lén thi trèo non.
Tôi nơi phong-cảnh mới buồn,
Quận-công thứ nhất, Ba-dòn thứ hai.
Đem tôi để gửi một nơi,
Nghỉ thi thay tờ ngược xuôi dì vè.
Công tư nào việc nhằng gi,
... đi thăm bờ nào thi thay tăm.
Tôi từng bờ bùa quên năm,
Sầu riêng non nước, than thầm gió
Buồn no tôi lại nghĩ rắng, [trắng.
Thân là thân gái phải chứng gian
chuẩn.

(1) Mấy chỗ có chấm-chấm thế này là vì bản chữ nôm khuyết, chúng tôi không dám tự-liệu điều chữ khác.

Đành bay gặp kè phi-nhán,
 Dễ hẫu cầy cục mẩy lần nữa ru !
 Bày tinh tôi phải chau-en-trò,
 Lấy cơ họa-phúc nhở to khuyên lòng.
 Xưa nay vương-tường có dòng,
 Cá kia hẫu dễ hóa rồng chẳng chơi.
 Nay thánh-chúa ngự ngôi trời,
 Khắp trong bốn bề làm tôi một nhà.
 Ngựa thi nồng cạn Mạnh-hà,
 Sáu quân giò viet cũng là sach không.
 Vâ chí cân cẩn đồng-dong,
 Chưa bằng tôm tép cũng hòng nhung-
 nhăng.
 Bởi nào súra nhảy qua dâng,
 Thi hơi với giải được chẳng hãi tường.
 Lửa thành ao cá còn gương,
 Trưởng-phu sớm phải tìm đường mới
 hay.
 Lời anh dặn thiếp bấy nay,
 Sông sâu chờ lối, đò đây chờ sang.
 Lâm chí những sự ngang-tảng,
 Nói một đường, ở một đường chẳng ghè.
 Kinh-nghê vui thù kinh-nghê,
 Tép tôm thi lại vui bể tép tôm
 Những công lăn-lội đêm hôm,
 Chẳng thì giữ đó bỏ norm làm ngắn.
 Chữ rằng quán-tử an-ban,
 Hàng bên sang đục, trọng phẫn khó
 trong.
 Lần-hồi gạo chợ nước sông,
 Gội khe tắm suối thong-dong ngày rời.
 Áy tối khuyên thực moi lời,
 Vết tay hãi nghĩ sự đời phải chẳng.
 Nghĩ nghe mặt vực mặt lưng,
 Miệng thì quát thảo mảng rằng điều
 đâu.
 Hì thi chưa khỏi đầu-rau,
 Cũng mong lý-sự nóng sâu moi đường.
 Bán bà thi cứ việc thường,
 Hết là những cái nói ngang thi đứng.
 Tao đành một phen ăn dừng,
 Bã quen cá thi chưa từng dưa rau.
 Hát thi hãi mê trống chầu,
 Hết thi phuơng lại, đám đầu xuống
 sóng.
 Một đêm nằm mũi thuyền rồng,

Cầm bằng chín tháng ở tay thuyền
 chài.
 Nói như nước đồ lá khoai,
 Cạn lời mà chẳng nghe lời buồn tênh.
 Vâ hay chuộng lá tham thanh,
 Trờ mặt như chớp bạc tinh như vôi
 Phục-Linh qua thấy một người,
 Phòng xuân còn khóa chưa ai gieo cầu.
 Nhả thi chín đưa mười trâu,
 Lại thêm ao cá bắc cầu rứa chân.
 Nghỉ nghe có vẻ thanh-tân,
 Sóng thu dẽ dợn lòng xuân khôn trầm.
 Trong nhà đã có hoàng-cầm,
 Song le lại muôn nhân-sâm nước người.
 Đem hai con lợn tới nơi,
 Lễ tùng-nghi, lợ chịu lời vắn-tanh.
 Tơ-hồng hãi chưng lòng thánh,
 Duyên dù chẳng hén mái tranh sán
 cùng.
 Trong nhà đổi nia đổi nong,
 Mẹ cha mất vía liền chia con ra.
 Bất vè lai đề một nhá,
 Chẳng ngon thè sốt ấy đà bên hơi.
 Đề tôi bỏ rõ mọi nơi,
 Bi vè chẳng có doi hoài bạ men.
 Lời rằng sẵn ván bàn thuyền,
 Hết là được cá, người quên viết lò
 Chẳng còn kim cài tình cờ,
 Trâm nấm án-ái một giờ đồ sông.
 Đêm ngày luồng chực phòng không,
 Khác nào thuyền bách giữa dòng lênh-
 dênh.
 Bóng đèn làm bạn năm canh,
 Khúc-nhồi ai biết, sự-tình ai hay.
 Cơ trời vân thuyền cấp thay !
 Lưới trời khôn lợt xưa nay rảnh ránh.
 Tôn-ông vắng lệnh triều-dinh,
 Ra tay cứu vớt dân lành đòi pheo
 Quan quản như nước tiến lên,
 Cơ lồng rợp núi đào chiên chặt rặng.
 Hai mươi cửa bể chấn dâng,
 Cá nào vượt khỏi mời rằng cá khôn.
 Nghe tin mất vía hoàng hồn,
 Mắt giường như ếch, cổ chun như rùa.
 Sá bàn những sự được thua,
 Thủ thân áy chure trương phu xuất kỵ,
 Kia trong sách có chẽ ghi,

Tam thập lục kẽ lầu thi vi liên.
Tim đường hây nau cho yên,
Hơi bao giờ có tờ truyền hây ra.
Vị thiên-hạ bắt cổ-gia,
Lâm chí những thứ đàn bà bận chán.
Bò đưa cô Tân cô Tân,
Cô Tân xuống biển cô Tân sang sông.
Xót thay cũng bạn mà hồng,
Vai mang bao gạo, tay bồng con thơ.
Ăn nằm những bụi cùng bờ,
Mắng người con mắt đỏ như cá chấy.
Xuất-hành gặp gái ngán thay,
Quan quân đâu đã đến đây nùi non.
Ngang sông thuyền nát sóng cồn,
Thân luron thân óc ai còn biết ai.
Tôi thi lên đến nước-hai,
Pha-phôi rưng nùi đến ngoài bờ sông.
Ngồi trong nước chảy xuôi dòng,
Một mình lòng lại với lòng nhở lo.
Cánh này xem chẳng khác xưa,
Bào-nguyên dễ biết quanh co nèo nào.
Bỗng đâu một mảnh một sào,
Ai đâu bỏ mắt trời vào đến voi.
Gầm rồng sụt hẳn bởi trời,
Cũng còn xét đến lòng người ngay tin.
Ta sinh vốn ở lòng thuyền,
Lên ghềnh xuống thác già truyền xưa
nay.
Bây giờ được cái mảnh này,
Ấu là ta quyết thắng ngay giữa doanh.
Đầu mà có gáp quan binh,
Võ-tinh biết kè hưu tinh nhưng sao.
Hoặc xuôi về đến bến nào,
Tim người quen thuộc bạ vào cho xong.
Thắng thì vật cô giữa dòng,
Trôi ra ngoài bến lấy chồng Thanh-
hoa.
Lạy Long-vương với nàng Ba.
Hộ cho con họ được qua vân này.
Khẩn thối liền bước xuống ngay,
Ra chân đứng mũi, ra tay chịu sào.
Bến đâu ghềnh thác như dạo,
Bè nào chẳng biến, sông nào chẳng
thông.
Phận sao thắc-mắc lợ-lùng,
Nước chảy chỗ thấp cực lồng bắc nam,
Xuôi vừa gần mè Linh-nham,

Bồng nghe dưới bến ôm-ôm trong vang.
Thúy quan quân đứng ngồi-ngang,
Sau nồng rộng hép khôn đường lui
Thuyền đã đến bến thi thoái,
Bấy giờ còn ở tri-hồi làm chi.
Vâ thân là phận nữ-nhi,
Tiền dương tự thù họa khi được nhở.
Ghé vào bờ mảng lèn bờ,
Các quan bắt diệu tôi đưa về hồn
Thực tôi bị hiếp bấy lâu,
Hà rắng tình nặng nghĩa sau đây gi.
Kinh cầu cá đã lẩn đi,
Mỗi đêm, thỉnh nhữ đám về nứa ru /
Nay tôi nhất-nhật thiên-thu,
Mượn nghiên bút bạch tinh-do mọi bề.
Nào khi một chiếc ve-ve,
Sớm đi bơi Sở, tối về sông Ngô.
Bây giờ diễn chợ khơi đò,
Trong đồn ngoài diêm chằng cho thông-
hành.
Nào khi trống hát ập rình,
Khúc ca khúc địch bên doanh ngã-
nghiêng.
Bây giờ vò vỗ sầu riêng,
Tiếng còi dốt ruột, tiếng chiêng giật
minh.
Hay là bầu-duc chấm tranh,
Pă gối cá lý, lại cạnh cá chèo.
Hay là đứng đinh như ai,
Áo lụa mặc ngoài, áo vải mặc trong.
Hay là đau dạ đã chồng,
Được cả vợ bán cam lòng đám kêu.
Song thi tội phải đầu bêu,
Bầu thi chẳng phải hóa điều phải chán.
Cần phong minh-bạch cụ trần,
Trường-tiền vạn lại bài thân dang lồng.
Dám xin nhớ lượng tốn-ông,
Thầm cho oan-khóc, thương cùng sau
xưa.
Vâ tôi phận gái ngây thơ,
Mở khoan lửa phép, rộng thưa lưới
hình.
Ngô tôi đội đức tái-sinh,
Non cao bẽ rộng thỏa tình muôn trong.

SƠ-CUỘNG *siru-táp*

ĐOÀN-THIÊN TIỀU-THUYẾT

1. — Vì đâu nên nỗi dở-dang ? Vì nàng mè-tín, vì chàng tà-dâm.

Cậu ấm Sành kia, con cu Tuần xưa, mặt mày trắng-trẻo, thái-dộ nhà nho, quốc-ngữ ngập-ngừng, pháp-văn ú-ở, hán-tự mập-mờ, biệt-tài nói mép. Nhờ cái thanh-giá cụ thân, cái lichen-sự trai ấm-tử, cậu kết duyên cùng cô Thị-Sồi, buôn dở hàng-tẩm, lung-vốn có phỏng độ ba ngabin. Cô là người buôn-bán dâm-dạng, quý-khách xa gần xô-lại hàng-cô.

Cậu trong nom sò-sách, còn như tiền-quỹ, riêng dẽ phần-cô kiêm-sát.

Buôn may bán dắt, phản-dẹp duyên-ura; bốn-năm sinh được hai-trai, trong ấm-ngoài-ém, vui-vầy xum-hop, nếu an-thường lạc-nghiệp, tưởng-chẳng bao lâu nén nhà đại-phú.

Nhưng cứ khur-khur giúp vợ-hồng con, e anh em cưới là phường-bàng-thực: Công-danh ai dơi mà chờ, bồng con cho vợ mà nhớ miếng cơm !

Nên cậu vung-vẩy theo thời, cho rõ mặt-nam-nhi. Nay Quản-giò, mai Cửa-hầu, gật-gù chén-chú chén-anh, say-drun cò Văn-cô Nguyệt.

Từ khi cậu vọng-ám-sinh trong làng-lặng-khách, cò cậu nhiều phen xung-dot, cậu chẳng nghe-cô, cò thường cự-câu. Hả-dòng-sư-tử, Hải-bắc dê-xâm, cùng nhau tranh-dẫu, xứt-móng-xây-da, diễn-nhiều-kịch-lạ.

Hết-mềm-lại-cứng, hết-cự-lại-van, cậu cự-chứng-não-tật-ấy, khi lùn-chia-khóa, khi đục-dây-rương, cò buồn, cò khóc, cò nghĩ-thầm-rằng: « Chỗng ta nào phải-như-ai, trước-kia thuần-thục, bảo-sao nghe-vậy, nay dở-còn-dỗi, nói-gi-cự-nấy, át-là động-tré-chi-day; bài-nay-một-què-xem-sao. » Cò xầm-xầm

dội-nón ra đi, thẳng-tới-thầy Đông Cửa-hầu, là tay bốc-dịch-trú-danh.

— Chào-thầy, gia-sự cầu-tài, nhờ-thầy-một-què.

— Vâng, cò đặt-què-hai-hảo, còn tiền-ngoại-thưởng, xin-tùy-lòng-hảo.

Thầy-khấn-thánh-sư, gieo-què-xong, bèn-nói:

— Trùng-tông thi việc đã-xong, giao-dòng-sắp-tới-phải-phòng-nay-mai. Què-này-thánh-dạy: nhà-cô-dã-một-năm-nay, sinh-sự-bất-hòa, hao-tài-tổn-của, vợ-chồng-thường-hay-xung-khắc, cãi-cọ-nhau-luôn, phải-thể-không?

— Vâng-chịu-thầy.

— Ủ-có-thể-chứ. Nội-trong-tháng-ba-sau-day, phái-quan-phòng-lâm-mớiđược, không-thì-sao-cũng-có-cái-dai-thuong-day.

— Chết-nỗi, nhờ-thầy-xem-lại-cho, động-tré-vì-dawn-chuang?

— Chẳng-dòng-tré-gì-cả, ấm-phàn, dương-trạch-dều-yên, chỉ-đuy-số-cậu-là-số-dào-hoa, sao-cũng-phải-có-người-tiền-thiếp-mới-xong.

— Thế-thì-tôi-mua-một-người-hình-nhân-thể-mệnh-cho-tôi-có-được-không?

Thầy-phì-cười-nói:

— Người-thật-vị-tất-dã-khỏi-hại-dến-thân-cô, huống-chi/người-giấy-thi-làm-gi-dược! Hiện-nay-cậu-dã-dan-diu-với-một-người-rồi-day.

— Hèn-nào, cậu-cháu-di-suốt-dêm-nagy, chẳng-doái-vợ-con.

Thầy-mím-cười, nói:

— Ủ-day, thánh-dạy-có-sai-dâu, thật-què-bối-này-dâng-giả-một-dồng, nhưng-tùy-lòng-cô.

— Tôi-xin-thanh-tâm-thưởng-ngoại-hai-hảo.

Sóng-chết-mặc-bay, tiền-thầy-bỏ-túi.

Khi-về-tới-nhà, năn-ni-ngot-ngào:

— Cậu em ơi, suốt một năm nay, cậu phá hai tôi bao nhiêu tiền, cậu có biết không? thôi thi nói gần nói xa, chẳng qua nói thật, cậu dan-diu với con nào, cậu cứ nói, để tôi liệu cưới nó về hồn cậu là xong.

— Dan-diu với con nào, nói mời ký-khởi chứ!

— Thè đi!

— Tôi có dan-diu với con nào, tôi chết ngay theo mợ.

— Thành dã mách mợ, tôi xin thù thực, tôi chót dại da-mang con Nguyệt, mợ đem nó về đây, xin chừa mọi sự.

Cô nhẹ bước lại nhà «Thắng-phủ».

— Chào bà a, chúc bà năm nay phát tài hơn năm ngoái.

— Cám ơn, độ này có dắt hàng không? Sao hôm nay rảnh thế?

— Em lại phiền bà chút việc, mong bà chiếu-cố.

— Việc gì cứ nói.

— Cậu cháu là số đào-hoa, cần phải có người tiêu-thiếp, vậy đến xin bà cho em cô Nguyệt.

— Hiếm-hoi gi, mà vợ nợ con kia, làm ôm tai hàng xóm, và lại có cô Nguyệt nhà tôi, dã chót nhận lời quan tham kia rồi.

— Quan tham nào cho bằng cậu cháu, vốn người hiền-hậu, bà có lụt gi chẳng rõ.

— Quá nè lồng, thôi cô cứ chồng năm trăm bạc là xong.

— Gio cao đánh khẽ, xin bà một nử.

Hai bên châm-chước giờ lâu, ngũ già đứng ba trăm chẵn.

Nguyệt rời gót ngoc, bước xuống trần-gian, ơn nhờ minh-dức thái-âm, gia-dinh cậu ấm vui-vây hơn trước; trên thuận dưới hòa, xum-vây mai trúc, chị em yêu thương nhau như chân tay, kinh-nè nhanh như bè-bạn. Cậu hấp-thụ được vẻ quang-huy chị Nguyệt, phông-dâng hoang-dâm, thầy đều tiêu-tán,

mà mợ cũng yên lồng, thoát khỏi đoạn-trường bạc-mệnh.

Tân-hòn hẫu vị chu nhất nguyệt, nguyệt nay đã khuyết gần mờ. Tầm lòng thân-ai lúc đầu trăng, biến đổi ra tình ghen ghét. Ghen vì nỗi say mê cát-lũy, bày ra lâm kịch ly-ký, làm cho mợ ngang tai chưởng mắt; ghét vì lạnh nhạt tao-khang, ít khi đi lại hỏi-han, khiển cho ai râu gan ngừa ruột. Lòng ghen-ghét gây nên đoạn-tuyệt: vào lòrrom ra nguyệt, rập liêu vùi hoa trăm chiều diêu-dừng, thịt da ai cũng là người, Nguyệt nào chịu nỗi. Ruột tâm đổi đoạn vò tơ, phần cẩm nỗi khách phần dơ nỗi mình, thôi thi thôi đã đoạn tình, Nguyệt nay phút đã biến hình lên tiên! Nay thư gửi lại một thiền:

Rũ sach từ nay cái nợ đời!

Thiết-thời chí những mội minh tội!
Trách chàng sao nỡ hoài thân thiếp?
Hỏi chị nay còn đánh nữa thôi?

2. — Võ nam dụng nữ, võ tử hoàn tông

Nhớ cậu nhiều Xù, con nhà trọc-phú, hán-tự không thừa ba chữ khẩn, quốc-ngữ xảo-thông, đọc chữ nào đánh vẫn chữ ấy. Hưởng di-sản của tiền-nhân bốn năm mươi mẫu phi-diễn, năm sáu tòa nhà gạch, ấy là cửa nỗi, còn cái cửa chim, người ngoại-cục khó lồng lượng biết. Thành nhán hay đãi khú-khór, cửa nhà như nước thèm nhớ tới ai! Coi người như rác, những bậc tôn - trưởng, cậu tặng cho cái tiếng xưng-hò cục nhã là «Thắng» một lượt. Thị-phủ khinh-bần, cậu đường-dột xin gái út cụ Han, lâm bạn sắt-cầm với cậu.

Trong tay sẵn có đồng tiền,
! ha-hồ chấp cánh lên tiên khó gi !

Cụ nghèo tiền bạc, nhưng giàu thi-thư; khi Xù lui gót, cụ lôi-dinh la-

quở: « Tháng xác quá, tao sẽ họp
làng trấn cõi mày đi! »

Cụ bà lật-dặt chạy vào vội hỏi:
— Tháng Xù nói gì mà ông quá giận?

— Nô đam trực-tiếp giạm hỏi con
minh, bà xem thế có xác không? Nô
cây giàu, vô phép, nó sẽ biết tay tôi.

— Ông ơi, nhà ta thanh-bạch, con
minh dã lớn, những nơi mâu-mặt, có
ma nào hỏi, cao thì chẳng tới, thấp
thì không thông; duy bè bạn ông như
cụ hàn Sơ cùng ông cử Xác, ông gọi
cho không, dò nát dụng nhau, khò
trung cảnh khò, mà con trai các cụ,
có tiếng duền là con ông này bà nò,
chữ nho không biết, chữ Pháp cũng
không, vô-lai vô-nghệ, ở đời này sống
làm sao nỗi! Còn như tháng Xù là gãy
ăn mày, chọc đầu chẳng được, ông
không gả con cho nó thi thời, hai sao
được nò. Hóm nò quan phủ qua làng,
ông mời chẳng tới, quan tới nhà Xù,
đấy ông xem nhân-tinh thế-thái, nghĩ
mà thèm chán! Nếu Xù quyết lấy con
minh thì tôi quyết gả. Ông nghĩ sao?

Cụ ông thở dài không đáp; cụ bà
ngành lại có em gạn hỏi. Cố trào nước
mắt, khóc òa lên, cũng không đáp được
câu gi.

Cụ bà khuyên nhủ thấp cao:

— Mẹ nòi dây, luống những đau
lòng, ơn nhờ phúc-ấm, thầy con thi
đỗ cử-nhan, nay lại thăng-thêm được
một chức hàn, tuổi ngoài tứ-thập, năm
khẩn đấy thôi! Thầy mẹ nghèo, nên
con vất-vả, náo con đến nỗi chi đâu!
Tháng Xù xác là lẽ thường, những
thằng trọc phú phần nhiều thằng xác;
nhưng nó dã làm rẽ minh, thi có
lo gì cái xác-lão kia, ta không sưa
được, và chẳng cha mẹ nó xưa, tinh-hạnh
hiền-lành, vậy có hại chi mà
chẳng gả. Ta chờ nén cố-chấp, phản
thành câu-nệ, con ạ.

Nghé lời mẹ dạy, có chừng cũng
người.

*Mùi bùn khôn lẫn mùi sen,
Mà vàng đỏ thảm đê den lòng người.*

Ngày lành tháng tốt, ngoài lục-lẽ,
cấp thêm nghìn bạc, Xù đem chỉ thảm
buộc chân nàng về. Phàm tiền đã bén
tay phàm, cõ luồng những than ngầm
khóc ngầm, riêng giận chữ bần, căm
cho nguyệt lão, nó xe thăng nhắng đẹp
duyên má hồng!

*Một đêm quán-tử nằm kẽ,
Còn hơn thẳng nhắng vỗ-về quanh năm.
Thôi thi nàng cũng chiều lòng,
Gái ngoan trọn đạo tam-tòng mới ngoan.*

Thuận đạo tam-tòng, những buồn
cùng tủi, cũng dần dần nguôi. Vợ
chồng tương-thân tương-ái, khuyên nhủ
nhau, kinh nè nhau, vui-vày hòa-thuận,
nhưng hiềm vi nỗi ăn ở cùng nhau,
phu-xướng phụ-tùy, đã trải năm sáu
bảy năm, không chút tin mừng, cho
phi long kỳ-vọng. — Hết đèn này phủ
nò, lễ bài suốt năm; vàng lời thánh
dạy, đầu cao số nặng, tôn bảy bát
nhang, lô tượng đúc chuông, cũng
không hiệu-quả.

Xem chừng ý cậu có chiều hơi chán,
còn những lo phiền mà nghĩ thăm rằng:

“ Thân hậu ta đây, át có ngày thay
đổi; của chim của nòi, dành để cho ai,
chi cho bằng-liệu tim tiên-thiếp cho
chồng, nào ai có dại mà chê của lạ. Ôn
nhờ phát thành chừng-minh, dù có
sinh năm dã bảy, cái địa-vị mẹ già của
ta vững quá Thái-son, nào ai lay
nòi ? ”

*Nỗi niềm tưởng đến mà đau!
Cái thân chim nỗi biết sau thế nào?*

Tin dì mỗi-lại, năm lọc bảy lửa, cõ
chấm ngay gái lớn Sãi chúa ở gần làng
đó, tuổi vừa hai thêm hai, tinh-nết
hiền-lành, mặt mày dày-dặn, chân tay
vạm-vỡ, vốn dòng sản-phu, già nhất-
định trăm nguyên không kém. Phật-
tiền khẩn bài nhỏ to, khẩu đầu năm
lạy, cõ liền xin keo, rõ-ràng ứng que

am-dương, hai đồng hắc bạch phân-minh tố-tường; quá mừng bái tạ lui-chân, biệt-danh di Thủ đặt tên cho nàng.

*Lay từ đức phật Như-lai,
Thung-dung nàng dạo gót hải vu-quí.*

Chiều chồng lấy con, di Thủ tuy-người thon-phụ, nhưng cách chiều-chồng, chẳng thua chi những gái thập-thành đã từng xuân-sự. Khi chung-chạ, lúc đứng ngồi, khi cười nói, lúc tinh-say, phô-diễn nhiều trò khả-ài, khiến người mặt nạc cũng ngày vi-tinh. Ngoài việc cầu con, lại khéo chiều vợ cả, gọi dạ bảo vàng, vào luồn ra cùi, ăn nói khôn-ngoan, việc làm nét ố, nào ai chê nỗi, chị dù nghỉ cạn, cũng thương cưng nè, xé ngọt chia bùi, cam bù nhìn miệng, để người vui-chung.

Trong vòng mươi tháng, sinh liền-ái-nữ; những mong được chút trai-nam, ngờ đâu sinh gái còn bần-lam-chi. Ấy những phiền-cùng nǎo, cậu-liên mắc bệnh nội-thương, trút sạch nợ đời, cậu ơi là cậu !

*Cợt người chí mấy hóa-công?
Kết cho chẳng hết, người cầu chẳng cho.*

Tang-gia da-sự, cậu vừa tắt ngã, cò-Tương kia, cháu ruột cậu Xù, mũ gáy-xán vào miệng cù-ni, tay ôm bá-phụ, không cho tổng-tàng; giờ lý-luật « vò-tử hoàn-tòng », bắt đem sô-sách, tinh-giao-gia-sản, hai bác gái lôi-dịnh cãi-cọ, cố lấy lẽ « vò nam dụng nữ », lại thêm-mấy bác thầy-cúng, xui nguyên giục bị, đục nước béo cò; sự dáo-tung-dinh, quan-hay tạm cho yên-hài-cốt, để khôi-lụy đến người bắc-mệnh, còn phi-thị-hạ-hồi phản-giải. Ông thị phi phi, vò-cùng vò-tận, của dến cửa quan-như than vào lò, cùu-cánh lại hai bên-bác cháu cũng đều cắp nón ra không-thể-là-hết chuyện.

*Lại gi những khói quan-nha!
Phi phi thị thi chẳng qua vì tiền.*

3.— Mại thiếp vi nô

Thầy-ký Sừng-kia, pháp-tự xảo-thông, dù tiếng nói trong vòng ống-dối, thuộc lầu mẩy lối « dờ-mảng », kế-toán học làm thông-bốn phép, nay sở kiêm-lâm, mai tòa địa-chính, lúc theo chủ-mỏ, khi làm thầu-khoán, lẩn-lộn với dời, nhiều khi xây vây. Kết duyên-doi bạn trăm năm, cùng cô Thị-Lược, buôn-bán đủ vành, trên rìng dưới bờ: hòn-quê-thập-châu, bán đồ hải-vi, lúc chúa-bàng-cơm, khi làm « xáo-bạc », trong-phường hàng-xách, cô là cự-phách.

Thế-gian được vợ hóng-chồng, được-chồng hóng-vợ, là lẽ tự-nhiên, nhưng ông-tơ khéo lừa-doi này toàn-hảo, cách-lý-tài, tay nào cũng-nhất.

Xuất-thiều nhập-da, ăn nhín-de-danh, thầm-thoát ba năm, lung-vòn-xem-chứng dã-khá. Vận-gác gấp-liền-tia-dò, trùng-số đầu-công-thái Đông-dương, được ngay một vạn.

Chữ-phú đứng đầu-ngũ-phúc, dương-bắc-thầy-có, thay-doi ngay ra hai-cụ, hai-thằng-cu-con, cũng-thẳng-chức-lên-hai-cậu-ấm.

Từ-khi theo việc kiêm-lâm, cụ-chót-deo-bóng-diển-thuốc, dịch-dịa-vị vào-tay người-khác, cái-deo-bóng này cũng-dù-làm-cho-lở-vận-thâi-có, nhưng vào-tay-cụ-nó-lại-là-cái-trợ-lực-rất-mẫu-cho-cụ. Yêu-cụ bảy-ra, thường-năm-ba-diển, hương-yên-hà-xa-dưa-từ-phía, hoán-quàn-hiền-tất-tập.

Quanh-quần-khay-dèn, nằm-nga-ngoì-nghiêng, tua-chú, tua-anh, tua-tối, tua-bá, chuyen-trán-cung-mây, chuyen-ran-phao-nò, thiền-văn-dịa-lý, bốn-bè-năm-châu, quần-cò-thông-kim, nhân-tinh-thê-thái, quần-minh-thần-tương, trung-thần-hiếu-tử, kê-trí-người-ngo, quần-gian-phường-nịnh, góp-dủ-hạng-người, mở-rộng-trí-khôn-cho-cụ.

Trí cụ cao cao, của cụ càng nhiều, bòn tro dãi sạn, bát-phương tú-diện, tiền ngày tiền góp, tiền ra khỏi cửa, sinh năm đẻ mười; mua rẻ bán đắt, cầm nhà cố đất, lãi tính mười phần, mươi mười lăm phần, cụ cũng chẳng từ, thiên-phương vạn-kế, kè sao cho xiết.

Cụ bà cũng vậy, cách lý-tài chẳng kém chi cụ ông; trong nam ngoài bắc, thảy đều qua hết, khi đi tầu thủy, lúc ngự hỏa-xa, buôn đồ lục-hop, cản hàng ngũ-cốc, một vốn bốn lời, đầu sông bãi biển, mưa nắng dài-dài, trơ như đá, vững như đồng, sương-hàn phải nề, thử-thấp cũng kinh.

Những lúc trời trói, vắng khách tri-
âm, thiếu người tán chuyện, yên-cụ
gần kề, cụ bà nằm cạnh, tiếng nhỏ
tiếng to, bàn hồn tinh thiêt, cụ bà nói:

— Tháng bếp nhà này, đòi vay ba
tháng công non, không cho mượn, nó
liều giờ quê, tấp-tèn ném cơm cửa
khác, nói dối như ma, ăn cắp như rái,
thò đầu xoáy đáy, đánh cũng thế mà
la cũng vậy, mặt cứ tro như gỗ dēo.—
Con vú em cũng thế, tháng ấm nhỏ,
nay đã quen hơi, uốn-éo trám chiếu,
não vay nứa năm công trước, cơm
không tuýt cả không ăn, trâu nhả suối
ngay như bà cốt, cái quần linn cũ vừa
cho, lại thấy mất rồi, ý hắn lói-thói với
thằng nào dãy, cầu cho tháng ấm
khóc hoài, vừa mới dãi cho ba tát
xiếc. Cả đến con nhài cũng vậy, cái
nhẫn của tôi vừa tháo ra đẽ đẩy, chỉ
có nó ra vào phòng ngủ, nhẫn liền biến
mất, đánh mãi cũng không chịu thù.

Mỗi khi tôi vắng, ông mặc khách lại
choi ăn thuốc, thì chúng nó làm trời
cũng được; gạo sẵn đáy, tha-hồ súc
bán, đồ vật trong nhà cứ dần mất hết;
còn như ông quản, trám công nghìn
việc, lúc coi xếp hàng, khi đi đốc-lái,
mặt nào xem đến việc nhà.

Tuổi thì tôi định mua và ba giáng
thiếp hầu ông, giúp việc cho tôi, rồi

tẩy hết những đồ ăn bảo kia đi, thế là
xong chuyện!

Cụ ông vỗ tay cả cười mà rắng:

— Thông! thông! khuyên đồ đĩa
son! À mà này, bà minh liệu mua
những gai kẻ quê, chắc-chắn hơn đồ
thành-thị.

— Ai có hờ gì, mà phải dặn. Con
nhà tử-tế ở chốn thị thành, minh dùng
sao được, còn đồ tạp-hiệu, thuần là
đồ mọt.

— Ủ phải, ử mà phải, lại đồ đĩa son!

Cụ bà giao-thiệp khôn-ngoan, đối
với quan-trường, nét mặt cụ nghiêm-trang
doan-chánh, không giọng kiêu-căng,
không lời siêm-nịnh; đối nhà
dao-dir, cụ giở lối từ-bi bắc-ái; đối
phường thương-mại, cụ thả ngay moi
lợi, xan cửa xé nhà, nghe dễ lọt tai,
nào ai chẳng mắc.

*Tay mang túi bạc kè-kè,
Nói quấy nói quá, cũng nghe ầm-ầm.*

Chẳng cần mồi lái, chẳng mượn dò-la,
dạo một lúc được liền ba ả, xinh-sắn dẽ coi, tuối độ hai-mươi, mươi-tám,
hơn kém nhau, một và ba tuổi; đồ
thật hiệu già lại hời. Rõ-ràng của dẵn,
tay trao, hù-hì mừng thăm: vốn nhà
thì ít mà bit thuần những của cực
thom.

Trước bàn đèn, lạy trình cụ lớn, cụ
ngồi phất dây, đưa mắt mím cười:

— Được cả, được cả, được cả vừa
ba, mà bà minh có bắt làm tờ chữ chi
không?

— Gái này có dại chi đâu, này giấy
mực phân-minh, lại dù lý-hảo áp triện.

— Bà minh sành thật, thẳng tôi vụng
nghĩ, mà bà chẳng lép cạnh gì. Giỏi quá,
giỏi quá, bà cho phép tôi hôn nịnh bà
một cái, xem nào!

— Thời dừng vể chuyện con gioi,
não ai khืน nịnh.

Cụ bà róng cảng từ nay, vào nam ra
bắc, buôn ngược bán xuôi, việc nhà
không nỗi quan-hoài tắc dạ. — Công

việc cụ ông tưởng cũng khá nhiều, thư từ sô-sách, bắc điện thoại, chuyền thông ba cõi. A-lô ! khi hỏi già bông, lúc chào già gao, giao-tiếp suốt ngày, lúc tiếp quan này, khi đưa cụ nọ, bàn như thế mà vẫn đủ thi giờ phò-cập đến ba nàng tiểu thiếp, phiền thử đổi thay, chẳng á nào chịu thiệt; chờ thấy qua thương, lẩn-khẩn móc túi, thì liền phải chết ; khen cho cụ minh-mẫn lạ kỳ !

Khi về tối nhá, thấy hơi khác ý, cụ ông nhọc-mệt, ăn không ngon miệng; cụ bà sinh sự đập bàn vỗ ghẽ, nỗi trận phong-ba, thất-diện bất đảo, ngứa ghê dòn ghen, ả thi ba chục, nàng thì bốn mươi, máu rời thịt nát tan tành, chẳng roi nào xuống đất ; ả nào ả nấy, không

dám rỉ rangle, tổng một lượt xuống nâm xó bếp.

Thứa huệ cụ ông, cụ quản ta hưởng tuốt !

Bè nọ cánh kia, sinh lòng thù oán, giun xéo cung quân, mưu này kế khác, chẽ liều thuốc bồ, kinh dâng hãi cụ, nồng vùa khỏi cõi, cùng nhau nhẹ bước, chơi miền Tây-trúc !

*Nam vô đắc phật Như-lai,
Đảo sâu chôn chật di-hài nghỉ yên.
Tiêu tai tung độc một thiên!*

Phạm Vọng-Chi

(Thanh-hóa)

ĐỜI ĐẠO-LÝ (1)

X

Phải nên cẩn-thận. — Theo cách ăn ở như thế, không nên khoa-trương, để khỏi giục lòng ghen-ghét của kẻ vò-trí vò-thức. — Phản tề phải nên bày tỏ ra một cách kin-dáo, dù làm gương cho người, không nên tuyên-bố ra bằng lời nói khoa-dại. Duy có cách đó là cách điều hơn cả cho người ta phải công nhận. Cái đặc-đắc của người tri-già là có tư-cách hiếu-biết, quả-quyết, mà tùy-thời biết giữ cái đéc cẩn-ngón.

Nói thế nghĩa là phép dưỡng-sinh tối-lanh trong-sách như vùa nói ở trên, cần phải thi-hành một cách kin-dáo, không nên cỗ-dộng khoa-trương gì. Phải giữ gìn đúng nén khoe-khoang minh có phép hay, minh có công tốt, không nên lúc nào cũng phô-ràng phép dưỡng sinh của minh là tối-hảo, là tuyêt-diệu. Lúc nào cũng đem sự đạo-dắc mà phô-bày ra, ba lúc nào, gặp người nào,

cũng như hàng-hãng muốn chiến đấu để mong truyền-bá điều đạo-dắc cho người, thời thế là vung suy không biết tính.

Tuy-nhiên minh đã theo về đường nào, nên phải có can đảm, nhất-thiết hành-động một cách công-nhiên, duy không nên sai một ái thái-dộ cẩn-nghiêm thận-trọng vậy. Người ta hễ biết nghe kẻ khác nói, tự mình nói ít, không cười cợt trót nhả, hành-động một cách phuong-chinh, mỗi khi nghị-luận điều gì, để cho người ta nói, rồi đến lúc kết-luận minh bày tỏ ý-kien, như vậy thi ảnh-hưởng đến người chung-quanh minh nhiều lắm, vì tập quen cho họ biết rằng lời nói việc làm của minh lug không có phô-trương mà đúng với lẽ phải.

PYTHAGORE đã nói rằng : « Phải làm nên công-việc to-tát mà đúng có tuyên-truyền, đúng có hứa trước. Thà ném một hòn đá báng-quơ còn hơn là nói

(1) Xem tiếp Nam-Phong số 158.

một lời nói vô-vị. Đừng có nói ít mà nhiều lời, nên nói nhiều mà ít lời thì hơn."

Và lại phán-sự của người quân-tử là phải khiêm-nhường ẩn-dòn. Phải giữ kín cái đời tâm-lý của mình, không nên lộ những cớ khoái-lạc thuần-túy của mình, sợ kẻ phàm-lục không hiểu làm đảo-diện ó-ué mắt cái thú của mình. Vậy thì muốn bước vào con đường đạo-lý, không thể lại vira cầu lấy danh với công-chứng được, vì muốn mug chuộc với kẻ phàm-phu tất phải hoài-bão những tư-tưởng phàm-phu, nói-nắng những lời nói phàm-phu, siêm-mị cái lòng thiên-lệch, bụng gian-tà của kẻ phàm-phu. Vậy thì muốn giữ phàm-giá cho mình, không nên cần lấy tiếng khen của công-chứng.

Về phần trong thi người đạt-nhân quân-tử khác hẳn với kẻ phàm-phu chưa hiền biết, hãy còn đương tìm đường. Nhưng về bè ngoài thi phải nên cho khiêm-tốn, phàm cử-chỉ ngôn-ngữ, không nên có chút gì quá-đáng, khiến cho người ngoài cho là con người ngông cuồng hay lấp-di. Trong cuộc đời, cách ăn mặc đừng ngồi, bè ngoài nên giống như mọi người, còn cái dung-nghi, cái thái-dộ cách nói-nắng ôn-hòa, cách hành-dộng khoan-chính cũng đủ tỏ ra rằng bè ngoài tuy giống người, mà tư-tưởng, sinh-hoạt, hành-vi, khác hẳn phần nhiều người thường.

Những kẻ mờ hờ có lẽ không biết, nhưng ý-khiến họ có hể chi. Còn người suy-nghĩ thi không có lầm, sẽ nhận biết ngay người có giá-trị và muốn đến thân gần. Bấy giờ thi có một sự tuyn-trach tự-nhiên, bởi lẽ thường thanh-khi, chỉ những người nào có đủ tư-cách hiểu được dao-lý mới thân gần với nhau mà thôi.

Người nào muốn truyền-bá dao-lý bằng những cách cõi-dộng mạnh-bạo ôn-ào, muốn đem ra thi-hành một cách cấp-tốc hoặc quá-đáng, thi chỉ dụ được

nhiều kẽ nhiệt-cuồng lâm cho cái đạo rất hay đến phải hư-hỗng, hay chỉ giục lòng những kẽ thỏa-mạ đem cái chí phê-bình tiêu-cực mà nhao-bang những ý-tưởng cao-thượng, ngăn-trở cho không tiến-hành. Lại tệ nữa là háng-hái ra thảo-luận kịch-liệt với những kẽ có ý phản-dối mình, để mong dụ được họ về với mình. Hèm cái hại giống tốt mà gieo vào nơi đó thì tất phải khô héo đi không sao mọc được. PYTHAGORE thường nói rằng: « Đừng có ném thức ăn vào chiếc thuyền ó-ué » Đem gieo hại giống vào cái đất sành-sỏi, thi không có lợi gì, mà lại thết-hai mình, vi đã mãi công vó-ich lại chỉ thu-hoạch lấy cái oán cái giận, lòng ghen-ghét, sự trớ-ngạnh mà thôi.

Đến như người quân-tử có đạo-vị thâm-trầm, thơm nức chốn thảo-lư, thi không thể, trông thấy tinh-thần tươi-tỉnh, thân thể kiên-toàn, người ngoài cũng phải đủ cảm-hóa. Bấy giờ phàm người có tri tự-nhiên khuynh-hướng với mình, đến mà uổng ở cái suối mây của mình. Bấy giờ tự-khắc có kẻ đồ-dé nhiệt thành trung-tin, cái đất đã tốt, gieo hạt vào tất sinh-hoa kết-quả nhiều.

Người tri-giả nếu biết giảng đạo-lý một cách khôn-khéo, để cái cá-nhân của mình ra ngoài, đừng nói đến mình, đừng lúc nào cũng đem mình làm gương cho người, nhưng biết nói một cách vô ngã, siêu-việt lên bậc những nghĩa-lý cao-xa, thi cái sức ảnh hưởng có thể giữ được hoàn-oàn. Nếu làm ra dáng phô-trương về mình thi mất thế-lực ngay. Nếu biết chỉ coi mình như một tay mồi-giời, một người thông-nóng để truyền dao-lý, thi cái sức cảm-hóa sẽ gấp mạnh lén.

Vậy thi điều cõi-yếu cho đời đạo-lý là cái đức vong-kỷ vậy. Khi đã hiểu rằng sự hành-dộng ngầm còn mạnh hơn là sự bao-dộng ngoài, và sức tinh-thần can-thiệp vào việc đời còn có hiệu-lực hơn là sức vật-chất, thi bấy giờ

sẽ vui lòng mà sống một cách ăn-dộn. Chân-hạnh-phúc là cái hạnh-phúc kín-dáo. Chân-dạo-lý là cái đạo-lý không phô-trương ra ngoài.

Người quân-tử cần phải ăn-dộn một mình, vì người quân-tử khác nào như một kẻ đến sớm quá, cách xa với cái trình-dộ hiện-thời của nhân-loại. Bởi thế nên không thể hòa-đồng với những cách sinh hoạt ô-uế đời nay, không thể tham-dự vào những đoàn-thề hiện-thời, không thể can-thiệp với những kẻ thương-lực ngày nay. Phải một mình chiến-dẫu cho đạo-lý. Đem cái óc đa-cảm đem cái sức kiên-gan, đem cái bụng nhiệt-thành, đem cái lòng từ-bi vô-hạn, mà phải ra gánh-vác cái thiên-chức nặng-nề, chịu đựng những sự đau-dớn về thân-thề về tinh-thần, để cố tìm ra cái cách sinh-hoạt ở đời cho được tốt-lành sung-sướng vậy. Khi đã thẳng được cái ác mà lầm thấy chân-lý rồi thì bấy giờ trong lòng chỉ những khao-khát muôn tránh cho kẻ khác khỏi sự đau-dớn mình đã từng trải. Đối với công-chúng thì tùy sức thu-nap được mà đem ra một phần ánh sáng để truyền-thụ cho. Đối với kẻ đồ-dệ nhiệt-thanh là phần số ít thì đem cả đạo-lý thâm-trầm mà bảy tỏ ra, để cho sau khi chết đi sự-nghiệp mình còn bành-trướng ra mãi và bước đường của nhân-loại sẽ được tần-tori thêm lên.

Phải nêu điều-dộ. — Đừng có bâuchước những kẻ không biết suy-xét, hoặc là ăn-tiêu quá sự cẩn-dùng, hoặc là tần-tien quá đến bùn-sỉn. — Biết suy-xét đích-dáng, không những là biết phân-biệt lẽ phải lẽ trái điều-ich điều-không, mà trong những điều hay lại cũng phải biết điều-dộ cho thích-nghĩ-nữa. Vì rằng biết cái hay cái tốt chưa đủ, lại phải biết dùng cho phải đường-nữa. Nếu dùng thái-quá hay hốt-cáp, thì cái rất hay có thể thành ra hại được. Biết bao nhiêu thức ăn lành mà ăn quá thành ra độc.

Nhưng nhất là trong cách dùng tài-hóa lại cần phải biết phân-biệt cho thích-trung. Có của không phải là chỉ có lợi mà thôi, lại là một cách rất nguy-hiểm để thử cái tư-cách của người ta, vì người giàu có chẳng qua là kẽ giữ tiền cho xã-hội mà thôi. Bởi thế nên nếu dùng của một cách duy-kỷ, hay lạm-dụng cái thế-lực của đồng-tiền, thì hại cho mình nhiều lắm. Vì cái chức phận của nhà giàu là sau khi đã đủ sự cẩn-dùng của mình rồi phải đem cái của thừa ra mà làm những việc công-teh cùng-cấp cho kẻ xứng-dáng, người giàu có biết dùng tiền như vậy thì mới mong được yên-đồn hạnh-phúc cho mình.

Vì cái luật ngầm của đạo từ-thiện là sự hạnh-phúc của cá-nhân bao giờ cũng quân-binh với sự hạnh phúc mà cá-nhân đã làm được cho công-chúng. Minh làm điều thiện cho ai, thì sớm hay trưa, trực-tiếp hay gián-tiếp, rồi nó cũng lại trở về cho mình. Vậy thì đạo từ-thiện là phải chịu thiệt cho mình về đường vật-chất, để mong được hưởng-lợi về đường tinh-thần. Bởi thế nên sự hạnh-phúc không thể tinh chí-lý mà được, vì chỉ dành cho những kẻ biết chịu khó hi-sinh phần mình, không nên tiêu-dùng quá sự cẩn-dùng như PYTHAGORE đã dạy vậy.

Vậy thì những kẻ tự-cao rằng mình có của, phô-trương sự dư-dật của mình là kẽ không biết suy-xét và sẽ gặp sự không hay sau này. Kẽ hâu người hả, xuồng ngựa lên xe, nhà cửa rực-rỡ, bảy biển trang-hoàng, vàng bạc châubáu, vóc nhiều sa-hoa, lăng-phi của cải để cho thỏa cái thói hư-vĩnh, thỏa cái bụng đât-lạc, cách ăn ở như thế, tất làm cho hư-hại cái đời tâm-lý của mình. Châm-chút quá về phần vật-chất hão-huyền, tất phải nhăng bô đến phản-nghĩa-vụ tinh-thần. Sự xu-xì làm cho quên cái mục-dịch chân-chính của đời người, quên mất những cách ăn ở giản-

dị tự-nhiên. Làm cho hồn-quyện tinh-thần, như-nhược thân-thề, gây nên tật-bệnh suy đốn.

Đến như kẻ chắt-bóp và-đồ, cũng là không biết dùng của cải. Vừa hại cho mình vừa hại cho kẻ khác. Ăn ở so-dụi quá làm cho sinh cơ không hoạt-động ra được, thần-trí bị eo-hẹp bần-cùn, không phát-dẠt nǎy nở ra được. Tinh keo cùi là cái lồng duy-ký đem đến cực-diêm. Người keo-lận là kẻ tự trù minh ra ngoài xã-hội. Bởi vây nên đến khi cần đến kẻ khác cùi giúp cho, thì lồng từ-thiện của xã-hội không có ba cấp tới mình, vì tự mình có bao giờ ăn ở rộng-rãi với kẻ đồng-loại đâu.

Nhất-thiết phải giữ lấy đạo trung-binh là hơn cả. — Kẻ nào biết hưởng sự điều-dộ tốt lành vừa đủ cần-dùng cho tâm-thân mình được hoàn-toàn phát-dẠt, thì chắc được hạnh-phúc luôn. Vậy thì điều cốt-giếu ở đời là phải tự-cung cho mình lấy sự cần-dùng, mà thứ nhất là không nên cầu lấy quá-dáng. Thế nghĩa là người ta nên phải được sung-túc về đường vật-chất, khéo cung-dụng cho đầy đủ để giữ lấy cái phẩm-giá của mình, và giúp cho sự tinh-tiến của mình cùng kẻ thân-thích mình. Cách ăn ở mà phải cùng-tùng thì cũng ngăn-trở cho người ta chẳng kèm gi cách ăn ở phỏng-tung quá.

Tuy-nhiên, cũng đừng nên theo lời cách-ngôn thông-tục nói rằng : * Cái gì cũng nên ném cho biết mũi, đừng cái gì lạm-dụng quá-dáng * Đó là lời nói của những kẻ thô-thiển, không hiểu rõ cái cách sinh-hạt chán-chinh, muốn rằng cái độ cũng như cái lành nên ném cho biết mũi cả. Tự mình không có định-khiển, chỉ biết theo lưu-tục, thức gì cũng muốn dùng lấy điều-dộ không kiêng-kỵ gì, thành ra cứ chửi dẩn mà đều-dẫn mãi cũng đến phải trúng độc. Vẫn biết rằng không lạm-dụng thì không mắc

phải cái hại to. Nhưng làm như thế cũng là không mong được hưởng cái phúc lớn vây.

Vậy đừng nên làm gì có thề hại đến mình, và muốn được như thế thì trước khi hành-dộng phải nên suy-nghĩ.— Trước hết phải hiểu rõ ràng phẩm cái gì thái-quá hay bất-cấp đều có thề di-hại vây. Như ăn nhiều quá hay ăn ít quá cũng thành bệnh và thành một bệnh giống nhau được. Vì rằng thân-thề hoặc sung lực quá hoặc thiếu-lực quá, cũng tồn-hại đến cái sức đề-kháng trong người, suy-nhược mất cái sức phòng-bị của các cơ-quan, để cho các trùng bệnh độc truyền-nhiễm vào. Cách ăn ở hoặc sung-túc quá hay hoặc bùn-xỉn quá đều có hại cho sức khỏe của thân-thề cũng tinh-thần vây.

Lại không biết điều-dộ mà theo những cái khuynh-hướng cực-doan, muốn kiểm cho nhiều tiền quá sự cần-dùng, chịu hạ cái phẩm-giá mình hay hại đến thân-thề mình, để giữ lấy cái địa-vị cho sung-sướng, chịu thay đổi cách sinh-hoạt đến diên-dảo cả thời thường của mình, đó cũng là gây ra những sự chẳng hay cả. Phản mọi sự khắc-khổ quá-dộ là không nên cả. Vậy thì đã quyết-dịnh làm người có đạo-lý, phải nên giữ đúng hằng-hái quá, đương sinh-hoạt trong một cái đời luộm-thuộm cầu-lả, muốn nhất-dần đổi ngay sang cái đời khắc-khổ nghiêm-trang quá. Cõi-ngữ có câu : Lao-hóa không có bước nhảy bao giờ ; trong trời đất cái gì cũng là tuân-tụ mà tiến-hóa, điều-dộ mà thành-công. Hành-dộng không điều-dộ thì vừa hư-hại mất sức khỏe, vừa giao-dộng cả linh-thần. Theo cái đạo rất hay mà muốn nhất-dần tới nơi tuyệt đối ngay thì cũng là tai-hại vây. Sức khỏe cũng như đạo-dức, chỉ người nào nhiệt-thành, yên-đn, nhẫn-nại, cần-cù mà cầu lấy thi mới được.

THỜI-KỶ THÀNH ĐẠO

CÁC PHƯƠNG-TIỆN TINH-TIẾN

Phải nêu tự kiềm-sát mình — Khi mới ngủ dậy trong người đương bình-tĩnh, phải thưa lúc bấy giờ mà năng cao thần-tri lên, nghĩ-ngợi về các công-việc hay minh phải làm.— Chương-trình giáo-dục của phái PYTHAGORE thật là có trật-tự chỉnh-nghiêm. Trước hết hãy định cái tôn-chỉ của đời mình theo luật-pháp của Thượng-đế cùng lẽ liên-lạc của loài người và vạn-vật, rồi định những phương-pháp khắc-kỷ, luyện-tri cùng dưỡng-sinh, bấy giờ mới dạy đến các phương-liện tinh-tiến.

Vì kể dở-dẽ học đạo phải hiểu các điều so-lược ấy trước đã, rồi mới có thể tiến lên mà cầu đạo-lý, vì bấy giờ trong tay đã có cái khí-cụ cần dùng cùng những phương-pháp kiềm-diểm vậy.

Việc thứ nhất phải làm là mỗi ngày hai lần, buổi sáng buổi chiều phải tự mình kiềm-sát mình. Vì người ta bước chân vào con đường khó-khăn, nên tĩnh-thoảng dừng bước lại để dò xét tiền-dò cùng kiềm-diểm phương-hướng. Nghĩa là phải thường chịu khó trước-lượng cái công-tốn-tới của mình, dò xét chỗ khuyết-diểm của mình, định-định cái khuyễn-hướng của mình, mới có thể vững theo đường chính được.

Vì cái mục-đich đó nên thời-thường phải kiềm-sát tâm-tinh luôn.

Trước hết buổi sáng, lúc tri-não đương bình-tĩnh, giác-quan đương tĩnh-nhuệ, bấy giờ tinh-tao sáng-suốt, xét đoán quyết định điều gì cũng được tò-tưởng mạnh-bạo. Buổi đầu trong một ngày là lúc trong lòng được yên-đòn mà cảnh-vật cũng bình-tĩnh. Trí sáng-sủa có thể suy-ngẫm, chỉnh-đốn lại cái công-việc vô-ý-thức lúc ban đêm, đã tác-dung trong thần-tri theo cái chương-trình phác-hoa từ buổi tối lúc đi ngủ. Bấy giờ là cái thời-khắc tốt để sáng-tạo cùng dề tò-chức vậy.

Trong một ngày mới bắt đầu uổ, không nên để một việc gì là không dự-định trước. Cái chương-trình cả ngày phải định cho linh-tường để theo cho được đúng. Và thứ nhất cái chủ-địch là phải sửa mình cho hay hơn, khuyễn-hướng về Thượng-đế, nghĩa là mỗi ngày phải khiến cho đời mình được thêm sáng-sủa ra, có phương-pháp hơn, thêm cái tinh-thần nghĩa-vụ, thêm cái hoài-bão đạo-lý. Sự hanh-phúc cùng công-tinh-tiến là mật-thiết quan-hệ với việc xét mình buổi sáng đó, xét mình một cách siêng-năng suy-ngẫm.

Chiều, trước khi đi ngủ lại phải nêu kiềm-sát tâm-tư, ôn lại trong trí những công-việc lúc ban ngày, và tự hỏi rằng: Ta đã làm được những gì? Ta có làm được trọng nghĩa-vụ ta trong mọi việc không? Nên đem lần-lượt từng việc ra mà sát-hạch như thế. Nếu thấy mình đã làm sai thì phải tự mình nghiêm-trách; nếu không có lầm-lỗi gì thi nên hoan-hỉ trong lòng.— Mỗi buổi chiều phải đem mình ra trước tòa án lương-tâm, và xét xem mình có làm sai điều gì vi lầm-lỗi hay vi ngu-tối chăng.

Người ta đã hiểu biết và đã có chí, quyết đổi với mình nghiêm-khắc hơn là đổi với kẻ khác, thời không ai phán-doán cách ăn ở của mình cho tò-tưởng bằng chính tự mình, vì chỉ có mình cùng với Thượng-đế là biết những cớ uẩn của mọi sự hành-vi của mình, những chỗ khuyết-diểm thâm-trầm trong tâm-tinh mình, cùng những sự nhu yếu của linh hồn mình.

Có hai cách kiềm-sát sự hành-vi cù-xử của mình. Một cách thuộc về tri-tuệ, khiến cho đổi với mỗi việc làm, mỗi tu-tưởng, lại suy-nguyên đến những cái tốn-chỉ lớn ở đời, là chân-lý, bắc-ái, công-nghĩa, trật-tự, điều-hòa. Một cách là thuộc về cái tiếng của lương-tâm nó bảo cho ta biết rằng nó bằng lòng hay không bằng lòng. Hết đã có cái chí theo

về đau đớn mà biết thức động đến
lương-tâm, thời cái tiếng của lương-
tâm đó nó mạnh lắm. Nó vang-lêng
cả trong cõi tâm-giời, và nó chủ-
trương một cách tuyệt đối. Mỗi khi
phạm điều lầm lỗi, thời nó rót vào tai
cho ta biết rằng nó không bằng lòng ta
và làm cho thần trí ta phải băn-khoắn.
Bấy giờ nó khuyên ta phải nâng cao tu-
tưởng lên Thượng-đế, cầu Người phù-
hộ cho tha-thú cho, và nguyện xin
quả quyết về sau phải ăn ở cho tốt hơn,

để đáng Thượng để giáng-phúc. Mỗi
khi làm điều lành thời nó tỏ ý bằng
lòng, làm cho ta được khoan-khoái,
thần-trí thảnh-thơi và thân-thề bình-
tịnh. Khi nào vì chân lý mà ta phải
chịu khổ, thời nó cho ta được sướng
về tinh-thần, nghĩa là được yên vui vớ-
cùng, vì đã làm trọn nghĩa-vụ, cầu lắng
diễn thiện vì Thượng-đế vậy.

(Còn nữa)

T C. dịch

VĂN-UYỄN

1.— Gái ẽ chồng than thân

Nguyệt-lão chơi chua thế ác không ?
Ba mươi cô lẻ vẫn chưa chồng !
Sáu khắc ra vào trơ-trọi liêu,
Năm canh thúc ngũ lẻ-loi phòng ;
Xuân về báo tuổi băn-khoắn sợ,
Thê đoàn tin mừng thấp-thòm mong ;
Những muôn lâm quên nho có được,
Ngày ngày lụa cửa ngắn-ngoé trông.

2.— Bối Quan-viên

Trốn vợ phen nay ắt thỏa tình,
Nhảy xe thẳng nèo tít mù xanh ;
Kinh trảng giãy ban quần ống-sò,
Gấm lam can bạc mủ văn-minh ;
Tai trâu mắt ẽch dơ nào biết,
Tựa ngọc kè hương ngôn thực rành ;
Hẹn biển thiê non câu sáo mép,
Ra về vợ hỏi chối lẩn quanh !

3.— Giọt lệ sông Hương

Vì đâu dun-dủi hóa sám thương,
Độc-đia trắng già khéo vấn-vương ;
Vàng mè mong đèn ơn cát-dục,
Phụ chàng dã lối đạo cương-thường ;
Ngẫm duyên tao-ngoé duyên hờ hẳng.

Má kiếp hồng-nhan kiếp đoạn-trường;
Giác ngủ ngàn năm còn đê gián,
U-hồn phảng-phất mãi sông Hương.

4.— Suối vàng thương kẽ

Má hồng mệ bạc lẽ xưa nay,
Đè kiếp thoa-quần chịu dáng-eay ;
Một phút suối vàng chim-dầm ngọc,
Trăm năm tơ dỗ lõi-làng giấy ;
Thuyền tinh riêng chờ người yêu-giấu,
Gác tia khôn hòng dạ đòi hay ;
Còn nước còn non còn tiếc-nghĩa,
Còn gươm nhật-nguyệt thấu cho hay.

5.— Bảo người hình-nhan

Nước da cô trắng, trắng lơn Vôi
Sao vẫn chưa chồng mãi thế thôi !
Hãy gắng mà chờ duyên lửa bén,
Đừng ra Hồ-kiếm lâm ma rồi.

6.— Chiều hè, chim về tờ

Điu-dit trên cành tiếng véo von,
Vàng ô dã xế gác đầu non ;
Sắp sửa bay về mau kéo tối,
Tò nhè nêu nhớ chờ quên, con !

7. — Cá cắn câu

Dại đến như mì, đại thế nào.
Đã mặc me rồi, hối kíp sao !
Kiếp khác khôn ngoan nén nhớ kỹ,
Mỗi ngon lân miệng chẳng hay nào.

8. — Kiếp trăn-ai

Cõi trần-thế đời người thám-thoát,
Bá lợi-danh đ'a dắt nhau vào ;
Sang giàu coi tựa chiêm bao,
Kia gióng hiền-sĩ treo cao mòn đời.
Rừng gai-góc há nơi vui-sướng,
Bầy vinh hoa dễ vướng lâm thay ;
Cuộc đời hay dở dở hay,
Trăm năm giấc mộng, lính say khác gì ?
Nền phú-quí ham chi lẩn-lòc,
Kiếp phù sinh nhiều khóc hơn cười ;
Vết tay nắm nghẽ sự đời,
Gầm câu vật đồi sao đời mà ghê.
Soi gương tục nhường té buốt mặt,
Bước đường trần lạnh ngắt buồng gan ;
Hoa kia chém nòi mau tàn.
Nước đời hổ-dě mà bàn được ru ?
Càng len-lỏi càng su-phụ lâm,
Cõi nực vinh say đắm hay chí ;
Đến tay dù họa có khi,
Miếng đinh-chung có ra gì mà ham.
Mầm lợi-lộc không tham không tiếc,
Bước sang giàu có thiệt ai hơn ;
Tuổi trời vui với giang-sơn,
Câu thơ chén rượu cung đàn làm khuây.
Nợ nhân-thế chẳng vay không trả,
Chốn lâm-tuyễn trước lả sau quen ;
Sườn nou choáng-váng hơi men,
Ngâm thơ Tô Lý cho quên việc đời.
Thân trong-sạch xa nơi cát bụi,
Bước thanh-nhàn lưng túi cầm-thi ;
Tiếng thơm Éa Thúc còn ghi,
Thủ-duong lẩn-lứa rau vi qua thời.
Gương cao-sĩ rạng soi vạn thế,
Bút sù-xach chép dễ ngân thu ;
Cùng tai mắt bà thua ru ?
Ra chi việc thế kỷ-khn nhạc minh,
Lẽ tạo hóa càng vinh càng nhục,
Vận tuồn-hoàn khi dục khi trong ;

Nghiêng cai quẳng gánh tang-bồng,
Hay gi ở chốn bụi hông gánh dưa.
Cuộc cờ thế được thua, thua được,
Kiếp bôn-ba xuôi ngược, ngược
xuôi ;

Trăm năm dài dáng mấy mươi,
Hợp nhau tiếng khóc câu cười ai khen.

Ngon nước chảy khi lên khi xuống,
Suốt tuổi trót dễ sướng mãi sao ?

Gi bằng ngày tháng tiêu dao,
Hồ xanh phơi bóng, non cao cùi bình.
Tiếng hay dở làm thinh chẳng ngó,
Thú thanh-tao quạt gió đèn giăng ;
Sớm chiều gác trúc lhung-thăng,
Trần-ai ai biết ai chẳng mặc lòng.

9. — Lời ềch đáy giếng

Riêng cõi biển-thùy hả kém ai,
Đọc ngang không hổ mặt anh-tài ;
Động mõi miệng kêu long chuyền đất,
Sẽ eo chân nhảy vượt ngang trời ;
Rung lay tinh-tú lên coi thử,
Lật ngửa càn-khôn lại nghịch chơi ;
Vũ-trụ thu tròn về một góc,
Mày non cao ngắt nước đầy voi.

10. — Dêm hè mang muỗi

Trẻ già lớn bé cũng không thương,
Dêm tối vo ve khéo kiềm dường ;
Ăn dung giữ thói kỳ no bụng,
Hút máu quen nghe đón tận xương ;
Nhơ bần chẳng từ người dói rách,
Lặng-loản nèo biết phép quản-vương ;
Cái hại loài mi hơn giống mọt,
Này tay rây máu lũ vò lương !

11. — Trò dời

Bộ cánh năm ba thế được rồi,
Tài-dức mà cbi chỉ vậy thôi ;
Trước cửa phất-phơ công-lử vò
Sau mành tha-thuốt tiêu-thư mồi ;
Trâm anh mè gái làm con thò,
Khuê-các tin trai vờ cậu bồi ;
Cuộc thế lâm diều lăng-lố thật,
Mảnh gương luân lý dề ai soi ?

12. — Vịnh chàng công-tử bột

Tốt mĩ nghênh-ngang diện suốt ngày,
Tạo-hoa ban riêng bộ mặt giầy ;
Ngô liêu tường hoa thông-thuộc lối,
Mùn thăn chướt qui đảo-diên xoay ;
Văn lửa thiếu-nữ nhiều câu nhã,
Võ dánh phu-xe lâm miếng hay ;
Nếu gặp được khoa thi tân gái,
Cầm bằng Tiển-sĩ chắc trong tay !

TÙ-VÂN (Cát-hải)

Ngọc-hồ thi-ca tập

I

Say

(Hát ả đảo)

Chẳng nhàn cũng lấy làm nhau,
Tiêu-dao bầu rượu uống tràn cung mày.
Đời người được mấy gang tay,
Chẳng ăn cũng thiệt, chẳng say cũng già.

Túy lý cảm khôn vi lạc thả 醉裡乾坤，còn ai hay ai dở mặc ai
ai ; chót chen chân trong đám Trần-ai, thi bô-tẫu đồng doài coi cũng hủ.
Kim khả tiêu sầu duy hữu tửu 今可消愁惟有酒，cõ lai thích chí mạc như
nhàn 古來適志莫如閒。Rượu một
bầu ngày tháng khướt cung bang, dẫu
danh-lợi muôn vạn thời dếch trường !
Trong vũ-trụ một mình ngất-ngưởng,
dành tiếng khà thán tưởng thán-tiên ;
ta còn say mãi liên-miên !

II

Gái nghèo lờ duyên

(Hát nói)

Thực dâng trách ông xanh quá đeo,
ngầm nguồn cơn muốn khóc lại toan cười ;
dọ sắc tai ai kém chi ai, vì
kém bạc hóa thua người dài-các. Đắn
hận thế-tinh khan đậm bạc 但恨世
情石淡泊, hả sầu thiếp phản cùu
ruân chuyên 河愁妾分久遠。

vì trong tay em săn đồng tiền, đã lâm
kê cầu duyên mối lái. Song trời đất
còn xan-xé mãi, áu chóng chảy thôi bấy
hở duyên ; phong-thu dành để khách
hiền !

III

Khuynh bạn đầu-quân

(Hát nói)

Tang bồng hồ thi, làm trai cho phi
chi nam-nhi ; công sánh đèn dã chẳng
nên chi, chẳng lẽ cứ ngồi lì trong thư-
viện. Xếp nghiên bút ra tay cung kiết, dem tài-năng mà hiến non sông ; cốt
sao tò mặt anh-hùng, đèn nợ nước ắt
thỏa lòng cha mẹ. Thanh niên giả
chính đang lập chí 青年者正當立志,
kia gương xưa Ngô Khởi còn ghi ;
khuyên chàng dứt áo ra đi !

IV

Một giáo-viên tự-trào

Ngay di hai buồi tối nằm co,
Quan-cách gi dầu chỉ bác đồ ;
Thước mực dựng xây nền học mới,
Phản son tò-diềm mặt đàn thơ ;
Vang-lưng mõ gỗ khua người tình,
Inh-ỏi chuông vàng gọi kẻ mơ.
Mở lối văn-minh cho tiến-bộ ;
Cho dân non-nớt được trông nhở.

V

Cái quạt

Xuân xanh xấp xỉ độ dới mươi,
Vì thấy quyền kêu phải xuống đời ;
Bóng cǎ quyết ra tay té-dô,
Giò dàn cho khắp mặt Trần-ai ;
 Riêng chung mặc sức khi vùng-vẫy,
Khép mờ rầu lòng lúc thảnh-thơi ;
Rẩy giông vân-manh thôi hết quấy,
Một bieu phong-nguyệt cứ vui chơi.

VI

Cái diều

Sẵn kiều thiên-nhiên dúc một tòa,
Sứ ngô ngày nọ mới sang ta ;

nhuộm màu sơn-thủy da dày-dặn,
Rõ vẻ cân-dai bóng thuở-tba ;
Chưa tắt lửa lòng còn sấm động,
Còn chen mùi thế đám mây sa ;
Chỉn say vì dạo mà nên trọng,
Nam bắc đông tây khắp trễ già.

VII

Lời chỉ nguyệt

Gương soi kim cò ấy là ta,
Tròn khuyết nghìn thu vẫn thế mà ;
Sương-tuyết nhường bao da chẳng
[nhuộm,
Tang-thương đã lâm tuổi chưa già ;
Mảnh tinh những nặng vì non nước,
Tắc dạ riêng bày với cỏ hóa ;
Nhân nhú khách trần si muôn tối,
Cung Hằng vò-số hóng cảnh da.

VIII

Vịnh Kiều bán mình chuộc cha.

Trần-trọc năm canh rộn mọi đường,
Xem gương chỉ Lý phải theo gương ;
Nặng-nè niềm hiếu hai vai gánh,
Vấn-vít tơ tình một sợi vương ;
Thôi đã chửi tài ghen chửi mènh,
Bằng coi khi biến có khi thường ;
Trăm năm cam phụ lời sơn-hải,
Non nước trời Liêu mây đậm trường !

IX

Vịnh Kiều tu chùa Hoạn-thư.

Trẻ tạo ghen chi khách má hồng !
Phong-trầu dày mãi chẳng cho xong ;
Đã nương bóng Phật mong yên phận,
Còn vướng lợ duyên chút bợn lòng ;
Góm kẽ ghen tuông sao rất mực,
Trẻ ai deo-dâng luồng hoài công ;
Thôi thôi sắc cũng là không nỗi,
Trẻ tạo ghen chi khách má hồng !

X

Thâm một bà Bá mất trộm.

(Bà hóa chồng)

Làng nước đồn rằng lúc trống ba,
Đêm qua kẻ trộm nó vào bà ;

Trâu bò nói v่าย ra còn cả,
Gà quέ nghe đâu có mắt mà.
Trời tối đêm khuya như thế nhỉ,
Người đơn nhà vắng trách gi à !
Góm thẳng đường-dot to gan tệ,
Danh-giá bà to chẳng nè à !

XI

Gửi tình-nhân nơi xa

(Viết tại Lao-kay năm 1930)

Đêm suông vơ-vẫn cảnh càng suông,
Duyên nợ tình kia luồng ngòn-ngang ;
Ngán nhẽ hờ-vơ nơi đất khách,
Thương người ngơ-ngẫn bến sông
Trong ;
Chỉ vi chút vướng đường danh-lợi,
Nên dè ai rầu nỗi tuyêt-sương ;
Quanh-quần những lá non nọ núi,
Buồn nghe tiếng nhạn lúc canh trưởng.

XII

Gái quê đi ngược gió

Nghĩ mình mình lại thận riêng mình,
Gặp buổi phong-trần hóa hờ-hênh ;
Luồng những hoa đào phong kin nhì,
Ngờ đâu ngọn gió khéo yô-tinh !

XIII

Chồng chê

Cũng tài cũng sắc cũng mòn-mi,
Cũng vẹn mười phân kém vẻ chi ?
Cậu ấy thế mà sao tệ thế,
Hay là bà mụ có quên gì ?

XIV

Muộn chồng

Nghĩ cũng mồi son cũng má hồng,
Tuổi gần ba chục vẫn còn không ;
Thôi nhà băng tuyết em gìn-giữ,
Vì hắn như ai đã vạn chồng.

XV

Muộn chồng

Pháo cưới kia dang nở từ-tung,
Sao em băng ấy vẫn còn không ?

Chẳng trao tờ đỏ xe duyên thảm,
Nő đẽ ngày xanh luống mà hồng;
Bi sờm về hôm ai kẽ đón,
Rầy tờ mai diềm ngắn cho công;
Chợ trưa dưa héo nên toan liệu,
Kéo lở nhứt ai lại thận thùng.

XVI

Cái điệu sáo

(Thơ xướng họa)

Tác-giả xướng :

Lòng hồng khao-khát bấy lâu nay,
Mãi đến bây giờ mới có dây;
Cuối gió đình-ninh đồi miêng gấm,
Tung trời bồng tilt mây ngàn mây;
Toan ngọt thể sự song còn vướng,
Mới biết nhân-tâm họ vẫn say;
Nhân bảo mây cầu cho kẻ dưới,
Muốn lên chầu cánh cổ mà bay!

Duy-Ti-Tử họa

Công-trình giảng-buộc mây thu nay,
Nắng dãi mưa đầu mới có dây;
Mông-mảnh tấm thân che mặt giò,
Vang-lừng tiếng sáo ỏi cung mây;
Quảng-dây liên-lạc cho người vẹn,
Thẳng cánh cao-ướt-ong gọi kẻ say;
Chiều gió ví dù chưa thuận lâm,
Quảng trời cũng thử tập mà bay.

Tác-giả họa lại

Chiều trời êm-ả buổi hôm nay,
Đuôi-dài mây sao lại tối đây;
Miệng ngọc song-song vang bệ ngọc,
Cách mây phoi-phoi tilt cung mây;
Cũng toan dùt sợi ống không nõ,
Mới thoáng đưa mùi họ dã say;
Nhân bảo khách tràn ai dò ta,
Chim chưa vỡ bụng dè dò bay!

XVII

Đêm khuỷa cảm hứng

(Thơ xướng họa)

Mai-hoa xướng

Làng giềng ngủ cả thức mình tôi,
Chong ngọn đèn xanh bóng với người;
Nhìn bóng rõ-ràng là bóng tờ,
Trông minh hốt-hoảng ngỡ minh ai;
Ngủ không giấc : được áu dành thức,
Khóc chẳng ai hay cũng phải cười;
Ra đứng xem trời trời chúa sáng,
Thức lâu sốt ruột với đêm dài.

Tác-giả họa

Tư bè lặng ngắt thức mình tôi,
Le-lói trăng khuỷa bóng đợi người ;
Nguyệt-ánh lờ-mờ trông ngõ ban,
Mộc-hình thấp-thoảng tưởnг rắng ai ;
Thơ không tri-kỷ buồn ngâm vịnh,
Rượu vắng gai-âm dở khóc cười ;
Ngàn lẽ khách tràn chưa phai mặt,
Sầu nghe tiếng dế suốt đêm dài.

Áo nâu và mun gấm.

Cái áo em là cái áo sông,
Nhặt được mun gấm đem và lồng lên
[trên.
Chắc ra đường ai thấy cũng khen,
Ai ngồi ra dến ngõ hết kẽ chèn lại
[người chè.
Chè rằng : « sao em chẳng biết è ?
Nó rách thì và nó sao dì vơ mun quàng.

Đã dành rắng miếng gấm là sang,
Song bên sông bên gấm hai đang nô
chẳng ẩn nhau.

Thôi em liệu về kiểm miếng vải nâu,
Bóc ra mà và lại cho nó một màu còn
hơn.

Anh nghĩ tiếc thay cho miếng gấm
hoa tròn ! »

Ngọc-hồ NGUYỄN SỸ-AN

THỜI - ĐÀM

Việc thế-giới

Thế-giới đại-sự-ký

Từ ngày mồng 1 cho đến 31
tháng giêng năm 1931

Ngày mồng 1 tháng giêng. — Thống-chế FRANCHET D'ESPÈREY, đi phái-bộ sang Syria dã về Paris.

— Thủ-tướng MUSSOLINI nước Ý có tuyên-bố chính-khiến cho một nhà phóng-viên báo *Daily Mail* nước Anh, nói rằng vẫn hâm-mộ sự hòa-bình, nhưng lại quyết rằng muốn giữ được hòa-bình thì cần phải sửa đổi lại các điều-ước.

— Thủ-tướng WENIZELOS nước Hy-lạp, qua kinh-dô Ba-lan *Varsovie*, tiếp đại-biểu các nhà báo, nói rằng kinh-tế Âu-châu đương qua hồi khủng-hoảng, nếu giữa lúc này mà khởi ra vấn-dề sửa đổi điều-ước, không những không bồ-gi cho thời-cơ, mà còn lẽ lại nguy-hiểm to nứa.

— Chính-phủ Thổ-nhĩ-kỳ xem ra đã dẹp được việc loạn ở Tiêu-Â-tế-á.

Ngày mồng 2. — Tổng-trưởng bộ Lao-dộng Pháp GBINDA diễn-thuyết ở Nice, thuật tinh-hình kinh-tế trong nước, và nói về cách thi-hành luật bảo-hiểm xã-hội (*assurances sociales*), luật này có điều khuyết-diểm, Chính-phủ sẽ đề-trình Nghị-viện một bản dự-án luật mới để chữa sửa lại. — Khâm-sứ Pháp ở Ma-lac-kha LUCIEN-SAINT, chủ-tịch khánh-th thành viện Vệ-sinh (*Institut d'Hygiène*) mới lập ở Rabat.

— Kỳ hội-dồng hội-nghị Vạn-quốc sau này sẽ do ngoại-trưởng Anh HENDERSON chủ-tọa.

— Chính-phủ Giáo-hoàng tuyên-bố sắc-lệnh cho phép phát-hành một thứ tiền riêng của thành *Vatican*, là quốc-gia độc-lập của Giáo-hoàng, lấy đồng tiền *lire* vàng của Ý-dai-lợi làm tiền bản-vi

— Trong hạt *Ruhr* nước Đức, nhân các mỏ-dịnh đến ngày 15 Janvier bãi 300.000 thợ và giảm tiền công của những người còn ở lại, nên trong đám thợ mỏ náo-động lắm. Tuy-nhiên các đoàn-thề khuyên thợ không nên bãi-công. Lại ở hạt *Sarre*, thợ không có việc làm áp-bách các thợ mỏ phải bãi-công.

— Ở *Panama* thuộc Trung-Mĩ, có việc chinh-biển, Giám-quốc AROSENSEN bị đỗ. Người đứng đầu đảng phản đối là *Arias* lên cầm quyền.

Ngày mồng 3. — Thống-chế JOFFRE tạ-thể sáng hôm nay, hồi 8 giờ 23 phút. Xác dem ra trường Quân-bị, để thiêng-hà đều chiêm-bái, cho đến ngày làm lễ quốc-táng, định vào ngày mồng 7, tại nhà thờ chánh *Paris*. Sẽ chôn tại vườn riêng của Thống-chế ở *Louveciennes*. Khắp thế-giới, các quốc-vương quốc-trưởng đều gửi điện chia buồn với nước Pháp. Báo các nước đều có bài tán-dương công-nghiệp của Thống-chế.

— Ở Đại-Pháp Học-viện có đặt một chuyên-khoa về nghề hàng-không, do giáo-sư MAGNAN dạy, ngày mồng 5 sẽ khai-giảng. Sẽ dạy về cách bay bằng buồm (*vol à voile*) của các giống chim và cách bay không có động-cơ (*vol sans moteur*).

Ngày mồng 4. — Bác-sĩ KAAS, chủ-tịch đảng Trung-trong nước Đức, diễn-thuyết ở Cassel, nói các nước nên thỏa-hiép với nhau để giữ hòa-binh cho Âu-châu.

— MOULANA MOHAMED ALI là một tay-lãnh-tụ Ấn-dô, đại-biều của phái Hồi-giáo tại « Hội-nghị bàn-tròn », tạ-thế ở Londres.

— Ở Nga, khai-ký hội-nghị thứ ba của Ủy-ban hành-chinh Chính-phủ Sô-viết.

Ngày mồng 5. — Binh-bộ tổng-trưởng Pháp PAINLEVÉ tuyên-bố hai đạo sắc-lệnh chính-đốn lại quyền chỉ-huy các đội quân hàng-không. Tướng HERGAULT lệnh chức tổng-thanh-tra các đội không-quân. Tướng BARÈS lệnh chức thống-lĩnh bộ Tham-mưu thay tướng MICHAUD.

— Thủ-tướng Đức BRÜNING diễn-thuyết ở Rummelburg nói rằng những cuộc biếu-tinh của đảng Quốc-gia mùa hè mới rồi, làm cho nước Đức mất lòng tin của ngoại-quốc, các ngân-hàng có ý chửng tay, nên Chính-phủ không thể giúp cho các tỉnh miền đông bị hại.

— Chính-phủ Sô-viết Nga lại đặt-lại tòa Đại-sứ ở Bắc-binh.

Ngày mồng 6. — Cuộc « Hội-nghị bàn-tròn » để lập hiến-pháp cho Ấn-dô, vẫn thương-thuyết, nhưng xem ra khó-khăn lâm, vì hai phái Ấn-dô-giáo và Hồi-giáo không đồng-ý nhau về thề-lệ bầu-cử.

— Tổng-trưởng bộ Tài-chinh Đức xét hiện nay những thợ thất-nghiệp nhà nước phải trợ-cấp cho, bắt-nhược tiền trợ-cấp ấy giao ngay cho các xưởng thợ để có thề dùng thêm người làm, còn có ích-lợi hơn.

— Tướng BALBO nước Ý đốc một đội tàu bay, vượt qua bể Đại-tây-dương từ đất Guinée thuộc Bồ-dào cho đến đất Brésil.

Ngày mồng 7. — Ở Paris làm lễ tang Thống-chế JOFFRE. Trước làm lễ ở nhà thờ chính, do hai chúc hồng-y giáo-chủ thành Paris và thành Besançon đứng chủ-lễ, hơn 20 chúc tư-giáo phụ-lễ, quan Giám-quốc, các quan chính-phủ, các quan ngoại-giao-doàn, các phái-bộ ngoại-quốc, đại-biều các đoàn-thê lớn trong nước chứng-kien. Lễ xong, rước linh-cữu ra viện Invalides, giáo-chủ VERDIER lại làm lễ « xá-dão » (absoute) một lần sau cùng nữa.

— Ở Đức, việc xung-dot của chủ-mở và thợ làm hạm Ruhr chưa điều-dịnh xong, vì ủy-viên trọng-tài bàn gián-tiền công thợ sáu phần trăm, các nghiệp-doàn không chịu.

— Thủ-tướng Hi-lạp VENIZELOS qua Ý-dai-lợi, yết-kiến quốc-vương rồi thương-thuyết với thủ-tướng và ngoại-tướng nước ấy.

Ngày mồng 8. — Tướng BERTHELOT, hồi đầu cuộc Âu-chiến vừa rồi, làm chánh bộ tham-mưu của Thống-tướng JOFFRE, rồi sau đứng đầu phái-bộ các quan-quan Pháp sang giúp nước Lỗ-mã-ni, bị bệnh đau phải cắt mất một ống chân; bệnh-tinh nguy-kịch lâm.

— Giáo-hoàng Pie XI hạ giáo-lệnh khuyên thiền-hà nên giữ lấy chế-dộ hôn-thú theo như luật-pháp của Giáo-hội, làm án cai-tục ly dị cùng cai-thoi hạn-chế sinh-sản.

— Đội tàu bay của Ý vừa mới vượt Đại-tây-dương, chẳng may gặp sự tai-nạn phả mất hai chiếc máy bay, chết mất năm nhà phi-hành.

— Chính-phủ Chiết-khắc nhận trả các khoản công-thái mờ ở Pháp trước khi chiến-tranh bằng tiền phạt-lăng-vàng.

Ngày mồng 9. — Ở Đức tuyên-bố sắc-luat (décret-loi) định cách thi-hành lệ trọng-tài-cưỡng-bách (arbitrage obligatoire) đối với các việc phân-tranh về lao động.

— Tổng-trưởng bộ thuộc-dịa tự-trị của nước Anh là Thomas trinh với tiền-ban quân-phòng tại « Hội-nghị bàn tròn » rằng chính-phủ Anh muốn cho quân-dội An-dô được dù các tướng-tá người bắn-xứ để cai-quản, sẵn lòng đặt ra ở Án-dô một trường quân-bị ngang với trường Sandhurst ở Anh.

— Chính-phủ Ai-cập nghe đâu có lệnh cấm các học-sinh cùng phái-viên sang Âu-châu không được lấy đàn bà Âu-châu làm vợ.

Ngày mồng 10. — Chủ các xưởng thợ dệt Lancashire ở Anh, nhận xung-dot với thợ, định đóng cửa xưởng, bãi hai vạn thợ.

— Chính-phủ Lô-mã-ni định trình Nghị-viện đặt cách kiềm-sát tài-sản của các nhà chính-trị.

Ngày 11. — Giám-quốc Thổ-nhĩ-ky Mustapha-Kémal, trước đã định thôi không đứng đầu đảng bình-dân nước Thổ nra, nay nghe nói lại phục-hồi chức lãnh-tụ đó.

Ngày 12. — Ở « Hội-nghị bàn tròn » Lord Stankey trưởng tiền-ban thảo hiến-pháp liên-bang cho Án-dô trình tờ báo cáo về công-việc của tiền-ban.

— Ở Án-dô, nhận hành-hình tại Poonah mấy tên bạn-nghịch bị tội xú-tử, thành ra nhiều nơi xảy việc xung-dot to, như ở Poonah, Bombay, Karachi, Klapour, Belgaum.

Ngày 13. — Ở Pháp Nghị-viện khai hội-dồng. Hạ-Nghị-viện bầu lại tòa tri-sự. Lần đầu-phiếu thứ nhì ông Fernand Bouisson được tái-bầu làm nghị-trưởng 261 vé đối với 220 vé về ông Bouillous-Laffont.

— Ở « Hội-nghị bàn tròn » các đại-biểu Hồi-giáo tố ý phản-dot lời báo cáo của tiền-bang thảo hiến-pháp liên-bang.

Ngày 14. — Bác-sĩ Dietrich tổng-trưởng bộ tài-chính nước Đức trình

bày cho ban ngân-sách của nghị-viện biết về tình-hình tài-chính trong nước, hiện bén thu kém bén chỉ một nghìn triệu mã-khắc.

— Ở Tí-lợi-thi, nhân những việc xảy ra ở Gand về vấn-dề quốc-ngữ, đảng theo tiếng Pháp và đảng theo tiếng Flamand xung-dot nhau, tướng Nội-các JASPAR bị nguy, nhưng khi ra nghị-viện đầu-phiếu thì được 84 phiếu tín-nhiệm đối với 73 phiếu phản-dot.

— Ở « Hội-nghị bàn tròn » hai phái Hồi-giáo và Án-dô-giáo không thể điều-định hòa-hợp được với nhau.

Ngày 15. — Thượng-nghị-viện Pháp bầu tòa tri-sự năm nay. Ông Paul Doumer lại được tái-bầu nghị-trưởng 187 phiếu. — Ở Hạ-nghị-viện, bỏ vé quyết-nghị xem hai nghị-viện đảng cộng-sản MARTY và DUCLOS bị can án có thể xuất-tịch ở Nghị-viện không, thì được 270 vé ứng thuận cho xuất-tịch đối với 258 vé phản-dot. Nghị-viện định chương-trình các công-việc thảo-luận kỳ này.

— Tại « Hội-nghị bàn tròn » ban Ủy-viên nghe đọc tờ báo-cáo của các ủy-ban. Tờ báo-cáo của Lord Stankey về cách tổ-chức cuộc liên-bang Án-dô, được đồng-ban chuẩn-nhận, sẽ đề ra đại-hội-dồng duyệt-y.

— Điều-ước hai nước Ba-lan và Lô-mã-ni lại tái-dịnh một kỳ-hạn nra.

— Ở Nga, Zinoview được cử làm chie cố-ván của đảng « Đệ-tam quốc-tế », khởi-hành du-lịch để cõi-dộng cho chủ-nghĩa cộng-sản.

— Ở Tàu, nước Tí trả lại tò-giới Thiên-tân cho chính-phủ Trung-hoa.

Ngày 16. — Hạ-nghị-viện Pháp đồng-thanh chuẩn-nhận bản dự-án luật tuyên-bố rằng thống-chế JOFFRE đã cõi công với nước (*le maréchal Joffre a bien mérité de la patrie*).

— Ở Genève họp hội-dồng nghiên-cứu về vấn-dề liên-Âu, ngoại-tướng Pháp BRIAND làm chủ-tịch.

Ngày 17. — Ở nghị-viện Pháp đồng-thanh quyết-nghị chuẩn-bị một khoản thử nhát 670 triệu để thi-hành cái chương-trình chỉnh-dốn dụng-cụ trong nước (*outillage national*).

Hội-dồng nghiên-cứu về vấn-dề liên-Âu bàn xét về việc có nên cho nước Nga và nước Thổ tham-dự vào hội-dồng không.

Hai-mươi vạn thợ dệt hattery Lancashire bãi-công.

— Ở hạt Bengal bên Ấn-dô lai xảy ra nhiều cuộc xung-dot nữa.

Quốc-hội nước Mĩ có cử một hội-dồng điều-tra về việc vận - động công-sản ở nước Mĩ, hội-dồng đệ tờ trình xin chính-phủ đặt kế - hoạch nghiên-trí.

Ngày 18. — Tại nghị-viện Đức làm lễ kỷ-niệm lục-thập chu-niên lập đế-quốc Đức (Reich), có Giám-quốc HINDENBURG chứng-kiến. Nhân ngày kỷ-niệm này, ở nhiều nơi trong nước Đức đảng quốc-gia có bày ra cuộc biểu-tinh, nhất là ở Stuttgart, Munich, Frankfurt-sur l'Oder và Magdebourg. Ở tỉnh sau đó, láng "Mü-sắt" Casques d'acier) có tổ-chức cuộc diễm-thuyết để bày tỏ lời yêu-cầu của mình.

Ngày 19. — Nghị-viện Pháp bắt đầu thảo-luận chung về sô dự-toán.

Hội-dồng Liên-Âu trung-chuẩn lời bàn của ông TITULESCO về việc mời nước Nga và nước Thổ, là hai nước khéng có chán Hội Vạn-quốc, tham-dự vào hội-dồng. Nhờ bộ thư-ký Hội Vạn-quốc gửi giấy mời.

— "Hội-nghị bàn tròn" bàn-bạc xong các công-việc, nghe lời tuyên-bố của thủ-tướng Anh, quyết-nghị một bản dự-án, rồi khai bế-mạc.

— Ở Bale, họp hội-dồng quản-trí của nhà Quốc-tế thanh-trái ngân-hàng (*Banque des règlements internationaux*).

Ngày 20. — Khai hội-nghị Hội Vạn-quốc. Hội-nghị bắt đầu xét vấn-dề tài-binh. — Hội-dồng Liên-Âu bàn về các kế-hoạch để bồi-cứu cho cái tình-hình khủng-hoảng trong nông-nghiệp quốc-tế, và cử một tiêu-ban chín người để xét riêng về việc đó, do nghị-viện Pháp Loucheur làm trưởng-ban.

Nghị-viện Anh bắt đầu khai hội đầu năm.

— Giám-quốc Mĩ Hoover chuyển cho Thượng-nghị-viện tờ báo-cáo của ban điều-tra về luật cấm rượu, kết-luận rằng luật này phải thi-hành rất nghiêm.

Ngày 21. — Ở Đại-Pháp học - viên (*Collège de France*) ông JEAN PRZYLUSKI được cử dạy khoa "lịch-sử và bác-nghĩa Án-dô Chi-na" (*histoire et philologie indochinoises*). Ông PRZYLUSKI nguyên trước thuộc ngạch quan cai-trị ở Bắc-kỳ, đã hai-mươi năm nay về Pháp chuyên-tri khảo-cứu về lịch-sử cùng các thứ tiếng Đông-dương, soạn-thuật nhiều sách có giá-trị.

Hội-dồng Liên-Âu bàn xong công-việc, quyết-nghị tuyên-bố rằng các chính-phủ Âu-châu mỗi khi có sự phán-tranh gì sẽ nhờ Hội Vạn-quốc giải-quyết để khỏi phải dùng đến vũ-lực, quyết-nghị xong hội-dồng bế-mạc. Ban xét về vấn-dề nông-nghiệp, do ông Loucheur chủ-trương cũng đã thảo xong chương-trình, hội-dồng duyệt-y rồi.

Ngày 22. — Nhân Nghị-viện Pháp thảo-luận về sô dự-toán, nghị-viện BORYAT chất-vấn chính-phủ, khi đầu-phiến nội-các STREG bị 293 phiếu phản đối đối với 283 phiếu tán thành. Nội các liền xin từ chức, — Nguyên Thủ-tướng André TARDIEU xin vào đảng "dân-chủ-liên - đảng" (*Alliance démocratique*),

liền được bầu làm phó đảng-trưởng.— Hội Hán-lâm nước Pháp bầu thống-chế PÉTAIN thay châm thống-chế Foch đã tạ-thế, hôm nay làm lễ nghênh-tiếp do ông Hán-lâm PAUL VALÉRY đọc bài diễn-thuyết chúc mừng.

— Hội-nghị Hội Vạn-quốc họp hội-dồng kin đẽ định ngày hội-nghị tái-binh sau này và cử chức chủ-tịch. Định cử ông BENES là đại-biều nước Lô-mã-ni, nhưng bị hai nước Đức và Ý phản-dối.

— Ở Tây-ban-nha, các học-sinh tại kinh-dò Madrid đều bãi-học.

Ngày 23. — Quan Giám-quốc Pháp thương-thuyết với lãnh-tụ các đảng đẽ giải-quyết cuộc khủng-hoảng Nội-các. Các đảng cũng bàn-bạc với nhau. Những đảng trung-tuong thi định liên-hiệp lại thành một liên-doàn cho có thế-lực ở Nghị-viện đẽ lập thành nội-các, chỉ trừ những phái cực-doan về tâ-hữu ma-thôi.

— Hội-nghị Hội Vạn-quốc định kỳ hội-nghị tái-binh sau này sẽ họp ngày mồng 2 tháng 2 năm 1932. Còn họp ở đâu và ai làm chủ-tịch, thi đến kỳ hội-dồng tháng 5 này sẽ định.

— Chính-phủ Ai-cập hạ-lệnh cấm xuất-cảng vàng.

Ngày 24. — Quan Giám-quốc Pháp cử ông BRIAND lập Nội-các mới, ông không nhận, bèn cử ông PIERRE Laval. — Ban ủy-viên của Nghị-viện cử đẽ điều-tra về việc nhà băng *Snia Viscosa* có cử ông nghị-viên BUTAT làm chánh-uy-viên, theo ý ông thi việc này cần phải đẽ ra Thương-nghị-viện lập thành Thương-phán-viện (*Haute-Cour*) đẽ xét-xử.

— Hội-nghị Hội Vạn-quốc giải-quyết xong việc xung-dột nước Đức với nước Ba-lan ở *Haute-Silésie*, bèn bế-mạc.

Ngày 25. — Ông PIERRE Laval vẫn thương-thuyết đẽ lập Nội-các mới, xem chừng củng xuôi xuôi.

— Thủ-tướng Hung-gia-lợi là bá-tước BETHLEN đến Vienne là kinh-dò Áo đẽ bàn nốt về việc ký một điều-ước thân-thiện và trọng-tài trong hai nước Áo Hung.

— Chính-phủ Ai-cập mới hạ-lệnh cấm xuất-cảng vàng, nay lại cho được tự-do.

Ngày 26. — Nội-cacs Laval đã thành-lập. Vì đảng cấp-tiến xã-hội không bằng lòng hiệp-tác với liên-dảng cộng-hòa dân-chủ (U. R. D.), nên ông Laval phải lập Nội-cacs ngoài đảng cấp-tiến.

— Ở hat Ruhr nước Đức, công-ti *Ve-reinigte Stahlwerke* bãi 7000 người thợ và giảm tiền công 20 phần trăm. Bọn thợ mồ đương náo động.

— Ở Vienne, ký điều-ước thân-thiện và trọng-tài hai nước Áo Hung.

— Ở Nghị-viện Anh, thảo-luận về kết-quả « Hội-nghị bàn tròn », định cải-cách chính trị cho Ấn-dò.

— Quản Ý-dai-lợi đóng ở thuộc-địa *Lybie* (Phi-châu), tiến-xuống phía nam đánh lầy được thành *Koufra*, là nơi trung-tâm-diểm của các rợ bắt-thuận-phục về phía nam, thế là thế-lực nước Ý đã bành-trướng đến trung-bô Phi-châu.

Ở Ấn-dò, ông thánh GANDHI đã được tha.

Ngày 27. — Ở Đức, đõ-dảng hai phái quốc-gia và công-sẫu xung-dột nhau ở nhiều nơi. Thủ-tướng Hung-gia-lợi tuyên-bố cho các báo nói rằng các hòa-ước ký hồi Âu chiến vừa rồi là không công-bằng, cần phải sửa đổi lại.

Ngày 28. — Nội-cacs Laval đã thành-lập. Tổng-trưởng các bộ như sau này :

Tổng-lý Nội-các

kiêm nội-vụ : PIERRE LAVAL.

Tư pháp (kiêm phó tổng-lý)

Nội-các) : LÉON BÉRARD

Ngoại-vụ : BRIAND

Tài-chinh : P.-E. FLANDIN

Ngân-sách : PIETRI.

Lục-quân : MAGINOT.

Hải-quân : CHARLES DUMONT.

Hàng-hải : CH. DE CHAPPE DELAINE.

Hàng-không : J.-L. DUMESNIL.

Nông-vụ : ANDRÉ TARDIEU.

Công-Thương : L. ROLLIN

Học-vụ : MARIO ROUSTAN.

Lao-dộng : LANDRY.

Công-chính : DELIGNE.

Trợ-cấp cựu-

chiến-binh : CHAMPIER DE RIBES.

Bưu-chinh : GUERNIER.

Thuộc-dịa : PAUL REYNAUD.

Aé-sinh : BLAISOT.

Các chức thứ-trưởng như sau :

Kinh-tế (kiêm chức Thương-tá cho quan

Tổng-lý Nội-các) : FRANÇOIS PONGET

Nội-vụ : GATHALA.

Thương-vụ : CHARLES FREY.

Hàng-không : ETIENNE RICHÉ.

Thuộc-dịa : DIAGNE.

Thể-đục : MORINAUD

Du-lịch : GASTON-GÉRARD

Mĩ-thuật : PETSCHÉ

Nông-vụ : ACHILLE FOULD

Lao-dộng : FOULON,

Công-nghệ giáo-

dục : POMARET.

Hải-quân : DIGNAC

— Tướng BERTHELOT trước đây bị bắt
một ống chôn, nay tạ-thế.

Ngày 29.— Theo lời quyết-nghị của
hội-dồng Liên-Âu, ông BRIAND đến
thượng-tuần tháng 2 này sẽ họp ba
ban để nghiên-cứu về tình-hình khủng-
hoảng trong nông-nghiệp các nước và
định các kế-hoạch bồ-cứu.

— Chức tư-giáo KAAS là lãnh-tụ đảng
trung-ương Gia-tô nước Đức, diễn-
thuyết ở Trèves công-kích chương-trình
Young và yêu-cầu nước Pháp phải nhận
cho sửa-dổi lại điều-ước.

Ngày 30.— Nội-các LAVAL ra trình-
diện với Nghị-viện. Nghị-viện liền
chất-vấn về chính-trị chung của Nội-
các. Khi đầu-phiếu thì Nội-các được
312 phiếu tín-nhiệm đổi với 258 phiếu
phản-dối, thế là được thắng 54 phiếu.

— Chung-nghị-viện Mĩ xét bản dự-
án của Nguyên-lão-viện đã quyết-nghị
rõ định chuẩn-bị một khoản 25 triệu
dollars để cấp cho các thợ thất-nghiệp.
Chung-nghị-viện bác bản dự-án đó
bằng 224 phiếu đổi với 90.

Ngày 31.— Quan Giám-quốc Pháp
đến thăm hội Trần-liệt những bão-
đỗ cùng hành-trình của đoàn du-lịch
Pháo đinh di xe ô-tô qua trung-bô Á-
châu, đoàn này do nhà thám-hiểm
HAARDT đứng chủ-trương, sẽ khởi-hành
ở Beyrouth ngày mồng 1 tháng 3 sau
này.— Ban trị-sự đảng xã-hội nước
Pháp định trực-xuất hai nghị-viên
ROUSTAN và POMARET đã nhận vào Nội-
các LAVAL.

— Quốc-tế lao-dộng-cục tuyên-bố
một bản báo cáo về cái nạn thất-
nghiệp trong thế-giới.

NƯỚC Ý MUỐN BÀNH-TRƯỞNG VỀ Á-

CHÂU.— Chính-phủ Pha-si gần đây rất
chú ý về tình-hình kinh-tế nước Ý-
đại-lợi; muốn hết sức tìm kiếm thêm
những nơi tiêu-thụ cho các hàng-hóa
trong nước. Vẫn-de đó mời dây lại cùn-
cấp lâm-núi, vì nước Mĩ mới định tăng
các thuế thương-chính đổi với hàng
ngoại-quốc nhập-cảng. Vả lại chính-
thị Pha-si là căn-cứ ở chế-độ hiệp-
doàn, nên rất dễ ý xem xét tình-hình
kinh-tế trong thế-giới, lo có ảnh-hưởng

dến đường sinh-hoạt trong nước. Còn cái tình-hình tài-chính của nước Ý thì cũng không lấy gì làm vững-vàng, cần phải giao-dịch với ngoài cho thật nhiều và cho được đều-dặn.

Nhưng giao-dịch với ngoài thì có những nơi nào là tiện-lợi? Thị-trường nước Mĩ là nơi tiêu-thụ được nhiều thi vì quan-thuế tăng-gia, nên đường giao-dịch hầu như bế-tắc cả, nước Ý bị nghẽn về mặt đó, bèn khuynh-hướng về mặt Á-châu, vừa quay về miền Cận-dong, vừa quay về miền Viễn-dong. Người Ý hết sức kinh-doanh về các phương-diện đó, đã thấy có kết-quả khá, nhưng dần dần ở các cửa bờ Cận-dong và Tiểu Á-tế-á gặp các nhà buôn Pháp và Tây-ban-nha ra cạnh-tranh, lại về miền Mă-lai gặp người Hòa-lan thế-lực đã vững-vàng lắm, các nhà buôn nước Ý không thể sao địch nổi, phải thoái về. Tình-hình đó khiến cho chính-phủ Pha-xi đe ý xem xét rất kỹ và quyết ra tay chấn-chỉnh cho được. Thủ-tướng MUSSOLINI bèn hạ lệnh cẩn-cấp đe trú-tinh kế-hoạch, và truyền cho phải thi-hành cho có phương-pháp và cho rất mạnh-bạo.

Trước hết chính-dốn các công-ti hàng-hải có tàu chạy từ Ý-dai-lợi sang các xứ Á-châu, đặt thè-lé mới cho các công-ti ấy phải theo đe giúp cho việc vận-tải hàng-hóa của bản-quốc. Thủ-tướng MUSSOLINI dây muôn nỗi gót Thủ-tướng BISMARCK nước Đức ngày xưa đã có câu nói rằng: « Hàng-hóa theo hiệu cờ mà đi (*la marchandise suit le pavillon*), nghĩa là miền nào có tàu của nước mình chạy thì hàng-hóa của nước mình tiêu-thụ cũng đe. Bởi thế nên chính-phủ đương trú-tinh đặt thêm hai đường tàu nữa chạy sang Tàu; đến mùa thu này đặt thêm một đường nữa chạy Ai-cập, còn hai đường hiện chạy từ Ý-dai-lợi đến Bombay (Ấn-dò) thì đương lục-tục tăng lên gấp đôi. Theo

các báo nước Ý thì hiện trong tòng-công-ti các xưởng chế-tàu về bờ Adriatico đương chế ba chiếc tàu đe chạy Brindisi - Thượng-hải, hai chiếc thi chạy 31 ngày, một chiếc chạy mau 26 ngày; lại chế ba chiếc nữa có động-co đe chạy đường Brindisi-Bombay, còn một chiếc nữa hiệu Victoria thi chạy đường Brindisi-Alexandrie chỉ trong có 38 giờ thôi. Hai cửa bờ Trieste và Bari thi định kinh-ly riêng đe làm cửa bờ giao-dịch với Á-châu. Lại đồng-thời với các chính-sách hàng-hải đó, chính-phủ định chính-dốn các đường giao-thông vận-tải trên lục-dịa, đe cho khách ngoại-quốc tiện dáp các cửa bờ nước Ý và dùng các tàu bờ của Ý.

Nước Ý rất muốn khuynh-hướng về nước Tàu, là một cái chợ tiêu-thụ hàng-hóa rất lớn, nhưng sự cạnh-tranh có ý gay-go, cần phải có nhà băng vững-vàng giúp sirc cho nhà buôn mới được. Lại cũng muốn khuynh-hướng về thị-trường nước Nga, nên gần đây chính-phủ Pha-xi có ý muốn cầu thân với chính-phủ Sô-viết, mới coi thi cũng lật-lùng thay, vì không còn gì trái-nghịch bằng hai chính-thề đó nữa, nhưng tự-nhiên là có cái dâ-tâm kinh-tế vậy.

Về phương-diện này cũng phải cần đến nhà băng nữa. Chính-phủ mới đây có cho phép mấy nhà băng nhận những ngân-phiếu của chính-phủ Sô-viết để trả các khoản hàng-hóa của nước Nga mua ở nước Ý. Nhân đó một bọn các nhà công-nghệ mới lập lên một liên-doàn đe điều-dịnh với chính-phủ, nhờ chính-phủ đứng bảo-nhận lấy những khoản hàng-hóa cùng sản-vật của nước Nga mua cho tới một số tiền 200 triệu *lires* năm thứ nhất và các năm sau tới 500 triệu.

Các việc thương-nghiệp hàng-hải về mặt Á-châu, chính-phủ có đặt một cơ-quan riêng đe chủ-trương đốc suất,

gọi là « Viện xuất-cảng của nhà nước » (*L'Institut national des exportations*). Công-việc của viện này kẽ cũng khó-khăn phiền-phức lầm, vì Á-châu là nơi thị-trường lớn của thế-giới; các nhà công-thương vạn-quốc đều ra ganh đua ở đó, nước Ý đến sau, khó lòng mà chiếm ngay được địa-vị. Song các chợ Âu-châu Mĩ-châu đối với nước Ý đã thi-hành các kế-hoạch hạn-chế, nước Ý không thể hành-trường về mặt đó được, tất phải quay về Á-châu cũng là lẽ thường vậy. Cứ cái chính-sách quả-quyết của nước Ý thi-hành gần đây thì sớm trưa tắt cũng phải có kết-quả.

ẤN-DỘ LÀ CÁI NỀN-TẢNG KINH-TẾ CỦA NƯỚC ANH. — Hội-dồng « Hội-nghị bàn-tròn » họp ở Londres mới rồi, gồm đại-biểu của hai phái Ấn-dô-giáo và Hồi-giáo cùng với ba đảng lớn nước Anh là đảng lao-dộng, đảng bảo-thủ, và đảng tự-do, chủ-y là đề bàn-bạc các phương-kế giải-quyết cái vấn-dề khó-khăn như sau này : là nước Anh có thể hiệp-tác với người Ấn-dô mà giữ được đất Ấn-dô không, hay là chỉ còn có hai đường như sau này quyết phải chọn lấy một đường : một là để cho Ấn-dô được hoàn-toàn giải-phóng; hai là dùng vũ-lực mà cố giữ lấy cho được.

Nay xét ra thi nếu sự-thể đã đáo-dầu đến thế, chắc là nước Anh cố dùng vũ-lực mà giữ lấy cho được, dù nguy-hiểm thế nào mặc lòng.

Nước Anh đối với Ai-nhĩ-lan (*Ireland*), đối với Ai-cáp, có thể cho giải-phóng được; và Ai-nhĩ-lan không phải là thuộc-dịa, vốn là một bộ-phận trong bản-dô nước Anh, còn như Ai-cáp thi trước năm 1914 chẳng qua là một xứ thuộc quyền bảo-hộ của nước Anh mà thôi, đối với Anh không có mâu-thiết quan-hệ gì. Cho nên hai xứ ấy nước

Anh có thể rông-rãi mà cho độc-lập được. Chứ như đối với Ấn-dô thi xét ra không thể sao được.

Ấn-dô ở trong đế-quốc Anh có một cái địa-vị lớn-lao hơn Ái-nhĩ-lan và Ai-cáp nhiều. Kẽ diện-tích rộng hơn 20 lần nước Anh, mà dân-số thì nhiều hơn gấp 6 lần, sánh với dân-số cả địa-cầu thi bằng một phần sáu. Nhờ có Ấn-dô mà quốc-vương nước Anh được cái huy-hiệu vê-vang là Hoàng-dế, nói các vua Âu-châu ngày nay duy có vua nước Anh mới có cái danh-hiệu đó, khiến cho nghiêm-nhiên làm chúa-tể một cái đế-quốc lớn hơn cái đế-quốc của Xa-li-dai-dế (*CHARLEMAGNE*) đời xưa.

Đó là nói về đường oai-quyền danh-dự, không phải là không có giá-trị, nhưng ngoại-giá lai còn cái vấn-dề về lợi-quyền vật-chất nữa, lớn-lao quan-hệ vô-cùng.

Cái phong-trào giao-dịch buôn-bán của nước Anh bây giờ là lớn nhất trong thế-giới. Muốn giữ được cái địa-vị đó, thi nước Anh thế-tất phải giữ lấy Ấn-dô không sao bỏ được.

Vì cái phong-trào giao-dịch đó là lấy Ấn-dô làm tru-cốt, và lấy mấy nơi này làm mốc lớn : về bên nước Anh là cửa *Liverpool* và thành *Londres*, về bên Ấn-dô là cửa *Bombay* và thành *Calcutta*, cuộc giao-dịch là thường thường lưu-thông đắp-dòi từ bên nọ sang bên kia vậy.

Nước Anh từ khi chiếm được Ấn-dô thi bao nhiêu bông-sản trong bán-dảo *Dekkan* cùng lưu-vực Hàng-hà, là thu lấy hết cả, đem về nước chế ra vải rồi lại chở sang Ấn-dô bán cho người bản-dân dùng.

Cái chính-sách hàng-hải, cái chính-sách thuộc-dịa của nước Anh trong suốt thế-kỷ thứ 19, là chỉ chủ có một mục-dich : làm thế nào giữ lấy cái kho vật-liệu vô-cùng-lần đó, giữ lấy

cái chợ bán vải rất lớn-lao dở, chiếm cứ cả các đầu đường, cho không ai có thể đến xâm-phạm được.

Các nhà máy sợi ở thành *Manchester* giàu có về Anh-dô, từ trước đến nay vẫn hết sức củng-cố cho cái chủ-nghĩa đế-quốc của nước Anh, cho nên từ hòa-ước *Paris* năm 1763, qua các trận *Trafalgar*, *Waterloo* thắng vua Nă-pháluân, rồi đến mua cồ-phân sông Vận-hà *Suez*, rồi đến lập ra các nước *Arabie*, *Iрак*, cùng nước Do-thái ở *Palestine*, toàn là cái mưu của bọn doanh-nghiệp đó để bảo-toàn lấy cái mệnh-mạch kinh-tế của nước mình.

Nghề dệt ở nước Anh sở-dĩ phát-đạt được một cách lật-lùng, khiến cho nước Anh đã nổi danh là « Miền-quốc » (*Royaume du Coton*), tuy sau này còn vì duyên-cớ khác nữa, nhưng hồi đầu chỉ là nhờ ở Anh-dô cung-cấp cho nhất-diện hàng mây mươi triệu tấn bông troi, nhất-diện được ba trăm triệu người mua vải chế bằng sợi bông đó.

Về cuối thế-kỷ thứ 19 chính là nhờ bán vải cho Anh-dô mà hai thành *Londres* và *Liverpool* đã thành hai cửa hẽ lớn nhất trong thế-giới. Hai thành đó với thành *Manchester* nữa là ba nơi buôn-bán công-nghệ thịnh-vượng nhất ở nước Anh, nhờ đó mà nước ấy chiếm được địa-vị vô-song trong thế-giới. Vậy mà mấy nơi đó trong bao lâu chỉ sống về Anh-dô, không có Anh-dô thì nguy to.

Ngày nay tuy Anh-dô đối với nền kinh-tế nước Anh không còn cái địa-vị đặc-biệt như thế nữa, nhưng vẫn là quan-trọng lắm. Anh-dô xuất-cảng sáu phần, thì một phần sang nước Anh, mà giá-trị các hàng-hóa sản-vật xuất-cảng đó tới hơn năm ngàn triệu. Còn số nhập-cảng của Anh-dô thì một phần ba là ở Anh sang, phần nhiều là vải mặc, máy-móc, các đồ chế-tạo, trị-gia tới hơn 7.000 triệu.

Lại còn những tư-bản người Anh đem sang kinh-doanh các công-việc ở Anh-dô, mỗi năm những số lợi-túc cũng đã được hiện-ngân là trên dưới 30 triệu *sterling*.

Xem như thế thi Anh-dô có quan-hệ với nước Anh nhiều lắm, sự quan-hệ đó là trọng nhât về đường kinh-tế, cho nên nước Anh không thể nào chịu bỏ Anh-dô được.

Nay đảng quốc-gia Anh-dô phản-dối với nước Anh cũng lại vì duyên-cớ về kinh-tế nữa.

Hồi Anh-dô còn độc-lập, cho đến giữa thế-kỷ thứ 18, nước ấy cũng là một nước có công-nghệ to, không những đủ tự-cung cho sự cần-dùng trong nước, mà lại chế ra các thứ vải đem bán cho Âu-châu nữa: những vải *calicot*, *madapolam*, là tên Anh-dô mà là sản-vật của Anh-dô cả.

Từ khi các nhà máy *Manchester* lũng-doạn nghề dệt, thì diệt mất công-nghệ cũ của Anh-dô. Đảng quốc-gia oán nhặt nước Anh là điều đó. Song từ đầu thế-kỷ thứ 20, công-nghệ Anh-dô lại khôi-phục, Nghề dệt lại thành một nghề thịnh-hành ở Anh-dô.

Hiện nay bông trong nước sản ra, các nhà máy trong nước đã dùng được một phần nhiều để chế ra vải mặc. Tính số bông sợi của Anh-dô dùng bây giờ gần ngang bằng nước Pháp.

Lại nghề chế gang sắt ngày xưa vẫn thịnh-hành, nay cũng khôi-phục được. Hiện Anh-dô chế gang gần bằng nước Chiết-khắc, (*Tchécoslovaquie*) còn thép thi được mỗi năm 600 nghìn tấn.

Tổng-cộng cả các công-nghệ trong nước dùng tới ngót 8 triệu người thợ.

Vậy thi Anh-dô muốn đòi độc-lập, không phải vì cờ ái-chủng ái-quốc mà thôi, cũng vì cờ lợi-quyền kinh-tế nữa Anh-dô không những muốn thoát

quyền chính-trị, mà có lẽ lại muốn thoát quyền kinh-tế nước Anh hơn nữa.

Bởi thế nên ông GANDHI cùng các đồ-dệ xưởng lèn đề chẽ đồ hàng Anh, và lấy cái guồng quay tơ làm biếu-hiệu cho cuộc cách-mệnh. Nhưng cũng bởi đó nên vẫn-dề Ấn-dộ thành một vẫn-dề rất khốn-nạn cho nước Anh. Vì các nhà chính-trị nước Anh chắc không quên được trận đòn-lập nước Mĩ khỏi-diêm cũng ở một vẫn-dề thuế thương-chính mà ra vậy.

Thời-cục nước Tàu. — Trên trường chính-trị nước Tàu gần đây cũng không có việc gì thay đổi quan-thiết lâm, chỉ có việc Hồ Hán-Dân từ chức, ký trước đã tướng-thuật rõ-ràng, nay có tin Tưởng Giới-Thạch đã sai viên cảnh-bí tư-lệnh là Ngô Tự Dư mang một đội vệ-binh đến Thang-sơn dồn Hồ Hán-Dân về Nam-kinh, đọc đường canh giữ rất nghiêm.

Các nhà đương-cục Nam-kinh có bảo-cáo rằng các nơi có tin dồn là Hồ Hán-Dân bệnh nặng, đều là tin do phái phản-dòng bịa ra cũ, thực ra bệnh của Hồ là cải biến-trạng thân-thể suy yếu trong vài năm nay, không phải là ngày nay mới sinh bệnh. Lại như tin dồn là Hồ nhặt ăn lại càng không đáng tin lắm.

Tưởng Giới-Thạch diễn-thuyết có nói bạn đồng-chi Hồ Hán-Dân từ chức, bên ngoài có nhiều tin dồn bậy, nhưng sự thật đều không phải thế. Phàm là đảng-viên nên rõ trách-nhiệm và địa-vị của mình, chứ lấy cảm-tình cá-nhân làm ngăn-trở sự lợi-ich của đảng-quốc. Đến như đảng-viên đem thân hiến đảng-quốc, thì không có sự tự-do của cá-nhân nữa. Hiện bạn đồng-chi Hồ Hán-Dân quyết o lại kinh-đô để giữ trọng cải-lịch sử cách-mệnh đã qua.

Bệnh Hồ đã bớt nhiều, các túc-khách đến thăm Hồ đều tiếp-kiến cũ.

Có tin ở Bắc-binh nói rằng số tài-sản của Diêm Tích-Sơn đích-xác có hơn chín ngàn vạn đồng. Nhưng đã bị các người tâ hữu của Diêm lập kế sang sò di, nên việc thanh-trá rất là khó-khăn.

Còn Diêm thi có tin rằng vì nhà cửa ở bên Nhật chưa thu xếp xong, nên kỳ xuất-dương lại hoãn.

Có tin ở Thái-nguyên nói rằng Phùng Ngọc-Tường vì dương-sá ở Nội-mông-cô có ngăn-trở, nên tuần trước đã từ Bình-diện-toàn quay trở về núi Tân-bắc (Sơn-tây). Hiện đích Phùng ở trong chùa Tu-di núi ấy.

Có người nói Phùng có dè bức thư lại từ-biệt các bộ-hạ cũ, đại-ý nói ta đây không có tri, không có tài, làm hại các người, từ nay ta quyết vào núi đọc sách trong mười năm, không hỏi đến việc bèn ngoài nữa.

Trù-quán công-sản. — Phong-trào công-sản lan rất mạnh ở Hán-khẩu. Một sư-doàn của Chính-phủ nhập bọn với giặc, bắt giam tất cả các viên võ-quan từ viên nguyên-sửu trở xuống. Nhất là trong các đạo binh không đủ lương, như ở An-huy, việc phiến-loạn đã thấy rực-rich.

Lại còn quân công-sản bộ-hạ của Hạ-Long vào cướp trấn Hạc-phong làm cổ cả trấn, con trai con gái bị giết hơn ba vạn người.

Cảnh-phủ Nam-kinh tuyên-bố rằng quân của chính-phủ đã lấy lại được năm thành và vẫn tiến-hành luôn. Quân ở Hán-nam đã đặt lại được đường hỏa-xa từ Bắc kinh đến Hán-khẩu, đường ấy bị quân công-sản phá hai lần mới đây.

Linh-canh-sát ở tò-giới Pháp bắt được 5 người Trung-hoa phát truyền-don khuyễn người An-Nam, linh-canh-sát và binh-linh khởi-nghịch chống lại người Pháp. Xét ra bọn phiến-loạn ấy

có quan-hệ với bọn cộng-sản ở Đông-dương.

Tòa án Thượng-hải đã xét việc 14 người can tội cò-dòng bài Pháp. Trong số ấy có mấy người An-Nam. Từ khi phát-giác được việc ấy, lại bắt được nhiều người, nhất là người Trung-hoa về đảng cộng-sản.

Cuộc hòa-binh ở Quảng-tây có lẽ không thành. — Về việc chinh-phủ Nam-kinh dùng chính-sách hòa-binh để giải-quyết thời-cục Quảng-tây, hổng thấy trung-chí, đến nay đã rõ lầm rồi. Vì hiện nay ở trung-nguyên còn nhiều việc, quân chinh-phủ chưa rời xuống phía nam được; nạn cộng-sản ở Giang-tây chưa dẹp yên, tỉnh Quảng-dông còn phải lo về phía bắc, quân Vạn-nam mới bị thua, không thể lại kéo sang phía tây được; tỉnh Hồ-nam nạn cộng-sản lan ra khắp nơi, tự giữ còn chưa rời; tỉnh Quý-châu không có thù gi với Quảng-tây. Nhờ về tình-thể ấy, bọn Lý Tôn-Nhân, Bạch Sùng-Hi, Trương Phát-Khuê thành ra còn có thể giữ được địa-bàn, không khi nào đã chịu đem cái cục đã thành, nhường cho người khác. Vừa rồi Hoàng Thiệu-Hùng lên Nam-kinh mưu cuộc hòa, không phải là không có kế-hoạch chắc-chắn, nhưng số tiền biển-khiên, đến nay chinh-phủ trung-ương vẫn chưa giao cho, mà phép biến-khiên Tưởng Giới-Thạch lại định bỏ sự và lữ đi, chỉ đặt từng đoàn một, như vậy đối với những người muốn bảo-toàn thực-lực chưa chắc họ đã nghe. Gần đây lại nhân việc Tưởng Giới-Thạch bắt giam Hồ Hân-Dân lại làm cho bọn Lý, Bạch sinh lòng nghi-hoặc, mà giữ cái thái-dộ trống ngóng, cuộc hòa-binh đến nay lại càng trầm-tịch, và chẳng bọn Lý, Bạch hiện ở Ung-châu vẫn ra sức chỉnh bị khi giới và đập hào lũy để phòng giữ. Hiện ở Nam-Ninh, Lý Tôn-Nhân vẫn chủ-tri việc quản, bố-

cáo là tự nhận duy-trì tỉnh Quảng-tây. Lý lại chia quân đóng giữ các nơi, ngày nào cũng bắt phu vận-tải lương-thực khi-giới, coi như lại sắp có chiến-tranh.

Còn như Hoàng Thiệu-Hùng từ khi nhận trách-nhiệm thu-thập thời-cục Quảng-tây, vì mấy sự ngăn-trở nên vẫn chưa về Quảng-tây. Nếu không sớm giải-quyết được thì nạn chiến-tranh e chẳng bao lâu lại xảy ra vậy.

Cái chán-tường việc chinh-biến ở Vạn-nam. — Việc chinh-biến ở Vạn-nam xảy ra vừa rồi, theo như tin điện-báo hàng ngày đã thuật qua, nhưng còn cái chán-tường việc ấy thế nào, người bên ngoài chưa được rõ hẳn, nay xem tin đăng trong một tờ báo Tàu thi nguyên-do như sau này:

Nguyên xẩy việc xung-dot, một bên là Long-Vân, một bên là các tướng Chu Thiệu Đông, Lư Hán, Trương Phòng Thu và Triệu-Thông. Chủ-tịch chinh-phủ Vạn-nam là Long Vân vi xét ra năm ngoài các đạo quân sang đánh Quảng-tây, các viên sư-trưởng đều muốn giữ thế-lực riêng, không ai chịu ra sức, nên bị thất-bại to, nên có triệu các sư-trưởng hội bàn việc rút nhỏ các sư-doàn lại, mỗi sư-doàn chia làm hai đoàn nhỏ, chia đi đóng giữ các nơi để trừ giặc cướp. Các sư-trưởng đều không bằng lòng, tướng Lư Hán trước hết xin từ-chức, Long-Vân cho ngay, các tướng Chu Húc, Trương Xung, Trương Phùng-Xuân thấy vậy đều cảm túc, bèn cùng mưu đánh đòn Long-Vân. Bọn Lư, Trương, Chu, Trương, bốn người bí-mật họp ở bộ cảnh-bị tư-lệnh, dù bắt giam mấy người tâm-phúc của Long, rồi phái người xin Long trừng-trị mấy người ấy và mấy tướng về đồ-dảng cũ của Đường Kế-Nghiêu ngày xưa Long gọi giấy nói bảo Lư Hán là muốn đến cảnh-bị tư-lệnh để nói chuyện với

các sứ-trưởng, nhưng Lư nói là quân-linh có biến, cự-tuyệt không cho Long-dễn. Bốn người bọn Lư liền tự đem quân giải mây người tâm-phúc của Long-dễn Nghi-lương. Khi đi có bô cáo Jà các sứ-trưởng đến Nghi-lương để họp bàn việc khẩn-yêu về quân-chính, lại nói đối với Long-Vân vẫn một lòng ủng-hộ, chỉ trừ bỏ di-dâng của Đường Kế-Nghiêu mà thôi. Long biết bọn kia sinh biến, liền mang mây trâm vê-dội chạy về Triều-dông (phía đông-bắc Vân-nam). Bọn Lư trở về tinh-thanh, có lẽ vì ba tướng kia không chịu dười quyền Lư và thấy Long-Vân vẫn còn ba sứ-doàn và một vê-dội ba bốn ngàn người, nên lại bỏ Lư mà cùng đón Long về.

Lư Hán khêu nêu cuộc chinh-biến này, cài tám-ý là muốn cướp địa-vị của Long-Vân, nhưng vì không thu phục được các người nên bị thất-bại.

Nay các viên-chức trong hội-dồng ủy-viên diều-dịnh với nhau đã ổn. Long-Vân đã trở về Vân-nam, không xảy ra việc lưu-huyết. Kiều-dân và người bản-xứ vẫn yên. Mọi nơi vẫn có trật-tự.

Long-Vân có điện cho viên đại-biều ở Nam-kinh là Lý Thiên-Hậu nói rằng trước định xin nghỉ trở về nguyễn-quán ở Triều-dông, vì quân dân lưu giữ nên lại thôi. Việc biên-khiền vẫn làm không có điều gì khó-khăn. Vừa rồi vì trong bọn tướng-linh có người đối với việc chính-trị không hiểu rõ, có nghị-luận đối lời sai lầm, nên phải chinh-séc lại, không đến nỗi xảy ra điều gì. Các việc vẫn theo như ý-chỉ trung-trong mà làm.

Điều-hòa việc Tứ-xuyên. — Tưởng Giới Thạch đối với việc Tứ-xuyên đã điện cho bọn Lưu Chi-Huy, Lưu Trương, Dương Xâm, bảo nén bỏ ý riêng đều chịu trách-nhiệm điều-hòa. Nghe đâu bọn Điện Tụng-Nghiêu đều

đã trả lời Tưởng xin tuân lệnh chiếu-biện, tỉnh Tứ-xuyên may ra khỏi được nạn chiến-tranh.

Công-dân An-huy định đuổi Trần Diêu-Nguyên. — Đoàn công-dân An-huy đã mở cuộc hội-nghị quyết đuổi Trần Diêu-Nguyên là chủ-tịch tỉnh ấy, có kê rõ các tội-trạng của Trần, trình viễn giám sát, xin theo phép đầu-hặc.

Việc ngoại-giao — Bộ ngoại-giao có thông tin rằng viên-tổng-trưởng Vương Chính-Đinh định quyết yêu-cầu các nước bỏ hết các quyền-lợi riêng ở Tàu. Vương sẽ cõi-dộng vào dư-luân chung cho sôi nỗi lên, và tờ-chức cuộc đàm-bàn ngoại-hoa để các nước phải bỏ quyền tài-phán lãnh-sự trước ngày Quốc-gia hội-nghị họp tháng năm này.

Vương Chính-Đinh tổng-trưởng bộ ngoại-giao có tuyên-bố rằng việc triệt bỏ quyền lãnh-sự tài-phán hiện đang ra sức tiến hành. Công-sứ Anh đã mấy lần thương-nghị có mây điều trọng-yếu, ý-kien chia-hợp nhau. Nhưng dù sao cũng nhất-dịnh không thoái-nhượng, trừ phi chính-phủ Anh mở rộng tầm con mắt, dùng cài phương-pháp mạnh-bạo để giải-quyết thi mới xong được. Bìn-phúc-dáp của chính-phủ Pháp cũng đã đưa đến, nhưng đại-ý cũng như bìn-phúc-dáp của nước Anh, cũng không thể nhận được, đợi công-sứ Pháp đến kinh lập-tức giao-thiệp. Tóm lại lần này thế nào cũng phải làm cho chóng xong việc ấy quyết không để lồi-thôi, hoặc chỉ hám hứ-danh mà để lo về sau.

Hai đảng-bộ ở Bắc-binh và Hà-bắc đều thông-diện đi các nơi nói rằng các việc giao-thiệp triệt bỏ quyền lãnh-sự tài-phán và thu hồi tò-giới, nên dùng thủ-doạn cương-quyết, xin dân-chứng một lòng đồng-phó.

Tưởng Giới-Thạch diễn-thuyết có nói trong ít ngày nữa sẽ đến ngày khai-nghị-hội quốc-dân, nghĩa là ngày 5 tháng 5.

Tưởng lại nói chính-phủ Trung-hoa quyết chí trù tính cho trước ngày ấy sẽ giải-quyết xong cai vân-dè bãi giao-ước bất-bình-dâng.

Hãng điện-báo *Rengo* có đăng một bài nói việc Trung-hoa điều-dịnh để xin bãi tòa án lĩnh-sự là một việc vô-nghĩa-lý, và nước Nhật nhất-quyết bênh-vực quyền-lợi của người Nhật ở Trung-hoa, vì quyền-lợi của người Nhật ở Trung-hoa to hơn quyền-lợi của kiều-dân nước khác.

Một hãng điện-báo của Trung-hoa đăng bài đáp lại nói rằng bản giao-ước Trung-Nhật đã mâu-hạn, và người Nhật không có quyền gì ở Trung-hoa nữa.

Các nơi chính-trị nói rằng Vương Chính-Đinh thực khó-xử. Vương muốn điều-dịnh đến ngày mồng 1 tháng 5 thi xong. Xem như lời hãng điện-báo *Rengo*, thì Nhật-bản quyết chí không nhượng-bộ, dù liệt-quốc có ưng bãi tòa án lĩnh-sự tài-phán cũng mặc dầu. Những người về phe Vương nói nếu nước Anh nhượng bộ, thì nước Nhật cũng sẽ nhượng-bộ về trong địa-hạt Trung-hoa, nhưng sẽ yêu-cầu được quyền đặc-biệt tại địa-hạt Mân-chau.

Quan tòng-lĩnh-sự Nhật-bản tuyên-ngoân rằng việc điều-dịnh với chính-phủ Trung-hoa về tòa án lĩnh-sự có nhiều điều khó-khăn, Nam-kinh yêu-cần bãi ngay các tòa án lĩnh sự, Đông-kinh thì yêu-cầu nhiều khoản đảm-bảo, và đặt một cái thề-lệ giao-thời.

Quan đại-sứ Nhật còn đợi mệnh-lệnh của bản-chính-phủ, hiện đã từ Nam-kinh di Bắc-kinh. Vương Chính-Đinh có tuyên-ngoân với các báo rằng ông sẽ giữ một cái thái-dô cương-quyết và nói rằng ngày nay không thể để các giao-ước bất-bình-dâng nữa.

Quan đại-sứ Pháp WILDEN đã tới Nam-kinh để điều-dịnh về cai vân-dè lãnh-sự tài-phán và vấn-dè Quảng-châu-loan.

Các báo đăng nhiều bài về cuộc nghị-luận Trung Pháp và đã bắt đầu bàn bạc về vấn-dè tờ-giới.

Các báo lại đăng điện-báo của mấy ban quốc-dân-dâng gửi cho chính-phủ tố ý phản đối cái thái-dô của nước Pháp không chịu tán-thành cho Trung-hoa trong khi liệt-cường sẵn lòng tán-thành cả.

Việc trong nước

Các việc xảy ra trong nước từ 15 Février đến 15 Mars 1931

Cuộc đấu-xảo các thứ hoa quả bánh mứt ở Thanh-hóa. — Ngày 13 Février 1931, tại Thanh-hóa có mở cuộc đấu-xảo các thứ hoa-quả, bánh, mứt lần thứ nhất, có quan Công-sử DUPUY và quan Tông-dốc Tôn-Thất Quảng đến chủ-tọa, các quan Tây-Nam ở trong tỉnh-hạt đến đông-cá.

Việc trừ bệnh phong tại Đông-duong. — Báo Paris-midi có hỏi cố MAHEU là

quản-ly trại phong Quí-hoa (Trung-kỳ). Cố có dãi tò việc mờ-mang nhâ thương úy và cách hành-dộng thế nào cùng là kết-quả phải tồn-công nhiều lâm. Nhâ thương Quí-hoa hiện dung được 200 người bệnh phong, nếu mờ-mang ra thêm thì có thể giúp được 2.000 người trong cai số 25.000 người mắc bệnh phong ở Đông-duong, nghĩa là hơn 10 phần 1000. Những việc tò-chức chưa xong, cố mắc bệnh phải về Tây-nghi. — Mới đây được tin cố tạ-thể, thật đáng tiếc.

Quan Toàn-quyền di kinh-lý. — Ngày 23 Février quan Toàn-quyền ROBIN đáp xe hỏa riêng vào tới Phủ-diễn thì dùng xe ô-tô, bắt đầu di kinh-lý miền này, đoạn rời vào Huế. Ở Huế ngài có chủ tọa hội-dồng Viện Cơ-mật. Ngày 27 vào Quảng-ngãi thăm các đồn khố-xanh mới đặt ra ở tỉnh này từ sau khi xảy ra cuộc biếu-tinh cộng-sản vừa rồi, và thăm các đồn khác ở quanh hạt ấy nữa. Ngày 28 vào tới Nha-trang thì đáp xe hỏa vào Sài-gòn để sửa-soạn việc đón tiếp quan Toàn-quyền Philo-luat-tân sang Đông-duong, và di kinh-lý miền Nam-kỳ. Ngày 10 Mars di Nam-vang, thăm vua Cao-miên, rồi đến xem nhà Bảo-tàng Cao-miên. Ngày 12, biệt Nam-vang di kinh-lý những nơi Siem-reap, Paksé, Viên-sai, Pleiku và Ban-méthuot. Ngày 17 về thăm công việc dẫn-thủy nhập-diễn ở Phan-rang, xong rời tới Dalat. Ngày 20 từ biệt Dalat về Hà-nội.

Tại tòa xã-trưởng Sài-gòn phái De Lachevrotière và bốn ông hội-viên An-nam tống-bát-tín-nhiệm hai ông Béziat và Ardin. — Kỷ hội-dồng hôm 27 Février tại tòa xã-trưởng Sài-gòn, rất náo-dộng, đến nỗi linh cảnh-sát phải can thiệp vào mới yên được.

Nguyên lúc hội-dồng thành-phố đầu-phiếu ưng-chuẩn ngân-sách của thành-phố Sài-gòn năm 1931 thì các ông về phái ông De LACHEVROTIÈRE không có mặt, vì các ông này phản-dối bản ngân-sách đó. Thành-thủ chỉ có các ông về phái ông Béziat và Ardin đầu-phiếu mà thôi.

Sau khi đầu-phiếu ưng-chuẩn ngân-sách thành-phố, phái De LACHEVROTIÈRE lại phản-kháng. Ông xã-trưởng đem đệ bản ngân-sách lên quan Thống-dốc Nam-kỳ xét

Cũng vì xảy việc ngân-sách này, lại nhân vừa có các việc biên-thủ tiền

thành-phố mà ký hội-dồng tối hôm 27 Février vừa rồi, về phái ông De LACHEVROTIÈRE có những ông này : De LACHEVROTIÈRE, QUINTRE LAMOTHE, GUILLMET, DARRIGADE, ALINOT, GUÉRINI và bốn ông hội-viên An-nam là Nhượng, Hựu, Bá và Ninh để một bản đơn tố lời bất-tín-nhiệm hai ông chánh phó xã-trưởng Béziat và Ardin. Trong bản đơn này các ông hội-viên phản-dối có kê rõ các khoản biên-thủ xảy ra vừa rồi, cho rằng hai ông chánh phó xã-trưởng không thể làm được việc thành-phố, dung-tùng bọn thủ-hà làm tồn-hại đến công-quỹ, không bênh-vực được các người làm việc tại tòa xã, v. v..

Ông xã-trưởng tuyên đọc bản đơn này, nhưng không đem đầu-phiếu ngay ở hội-dồng, cho nên các ông hội-viên ký đơn lập-tức bỏ, đứng dậy ra về. Các người đều xem hôm ấy đồng lâm, kể về cảnh này, người về bè kia, nhân lúc ấy mà làm ầm-ý lên, nên linh cảnh-sát phải can-thiệp vào mời yên được.

Sáng hôm sau, hồi 11 giờ, cả các ông hội-viên về cảnh phản-dối lên yết-kiến quan Thống-dốc Nam-kỳ bày tỏ các việc.

Các báo về phái De LACHEVROTIÈRE, sau khi xảy việc này đều đồng-thanh công-kích phái ông Béziat và Ardin và yêu-cầu ông xã-trưởng phải từ-chức ngay.

Máy bay rơi, người không việc gì. — Ngày 28 février một chiếc máy bay của nhà binh bay từ Bạch-mai vào Sài-gòn, viên-tội OSMANT cầm máy, bay tới gần Phan-thiết máy hỏng rơi xuống giữa rừng gãy tan cả ra, hai người trên máy bay không việc gì cả.

Bọn lính tuần bị bọn cộng-sản vây. — Hồi 9 giờ đêm 28 Février một bọn lính đi tuần qua làng Long-mĩ quận Bảo-thanh (Bến-tre), gặp một bọn biếu-tinh độ 200 người đương họp

ở giữa đồng, chúng thấy linh tuân đến tòi xô nhau đến kháng-cự, có người nhảy vào cướp khi-giới của linh, bên linh bắn ra thì bọn biều-tinh chết ba người và ba người bị bắt.

Cũng đêm ấy một bọn biều-tinh kéo nhau đến phá một nhà việc ở làng Lương-quới, nhưng bị lính cảnh-sát đến đuổi và bắt được 2 tên.

Lại một bọn biều-tinh ở làng Bình-thanh, gần làng Lương-quới, lính cảnh-sát đến dẹp thì chúng chạy, bỏ lại một người chết và một lá cờ đỏ.

Việc dân-thủy nhập-diễn ở Quảng-nam. — Độ trước đây nhân lúc nhân-dân nhao-nhao về nạn cộng-sản, quan Khâm-sứ Trung-kỳ có di hiếu-đụy nhân-dân yên phản làn ăn, và tỏ cho biết nhà-nước cố ý mờ-mang việc dân-thủy-nhập-diễn. Mấy tháng nay, nhà-nước đã bắt đầu làm việc, mở ở Hòn một sở chính, còn như Cầm-lệ, Vĩnh-diệu, Ái-nga-bia đều có các viên Lục-lộ đi ngầm công-việc, chắc chẳng bao lâu mà công-việc hoàn-thành. Nhà-nước định sau cho các nhà máy điện lĩnh-trung để đồ nước lên đồng, các diễn-chủ sẽ tùy theo sức mình mà thuê tưới lấy ruộng.

Kỷ-niệm một vị nữ-tướng của đức Trung-vương. — Vị nữ-tướng Hoàng Thiệu-Hoa xưa là một tay đã giúp bà Trung được nhiều việc, khi mất dân lòng Hiền-quan (huyện Tam-nông tỉnh Phú-thọ) có lập đền thờ. Độ-niên cứ ngày 13 tháng giêng thi dân lang Hiền-quan mở hội to lâm đền kỷ-niệm vị nữ-tướng ấy. Lạ nhất có trò « đánh phết », trai lành gai tốt trong làng đánh phết với nhau rất vui, có nhà chớp bóng dã dem máy đến để chiếu ảnh làm « phim ».

Nhà thám-hiểm Bosshar tới Sài-gòn. — Nhà thám-hiểm Thụy-sĩ BOSSHAR

sang thăm Đông-dương tới Sài-gòn ngày mồng 3 Mars.

Quan Công-chinh giám-đốc về Pháp. — Ngày 5 Mars quan Công-chinh giám đốc POUYANNE di chuyển xe hỏa riêng vào Sài-gòn rồi xuống tàu *Che-nonceaux* về Pháp để trình bày với bộ Thuộc-dịa cái chương-trình công-tác bên Đông-dương.

Quan Toàn-quyền Phi-luật-tân sang Đông-dương. — Quan Toàn-quyền Sir DAWIS xir Phi-luật-tân sang chơi Đông-dương di chiếc chiến-hạm *Pittsburg* tới bến Sài-gòn ngày mồng 3 Mars.

Khi tới nơi, có quan thống-đốc Nam-kỳ, quan nguyên-soái coi đạo binh Nam-kỳ và Cao-miên, quan thủy-quân nguyên-soái, ông xã-trưởng Sài-gòn cùng hội đồng thành-phố ra nghênh-tiếp.

Các hàng quân đứng bồng súng chào.

Quan Toàn-quyền Phi-luật-tân di ô-tô tới thẳng phủ Toàn-quyền, có quan Toàn-quán Robin nghênh-tiếp.

Khi tới phủ Toàn-quyền, quan Thống-đốc Nam-kỳ đưa các ông Hội-dồng Quản-hạt vào chào ngài.

Ngày 4 Mars, quan Toàn-quyền Phi-luật-tân đến thăm dài kỷ-niệm trân-vọng tướng-sĩ ở Sài-gòn, thăm các trường kỹ-nghệ Biên-hòa và Thủ-dầu-một.

Ngày 5 Mars, quan Toàn-quyền Phi-luật-tân di thăm thành-phố Chợ lớn, viện bảo-tàng *Blanchard de la Brosse*, viện Pasteur và trường Trung-học *Petrus Ký*.

Ngày 6 Mars, quan Toàn-quyền Phi-luật-tân biệt thành-phố Sài-gòn, sang Phnom Penh, có quan Khâm-sứ Cao-miên nghênh-tiếp.

Ngày hôm ấy, ngài vào yết-kiến Cao-miên quốc-vương và di thăm thành-phố Phnom-Penh.

Ngày 7 Mars, quan Toàn-quyền Phì-luật-tân di xem cảnh Đề-thiên Đề-thích ở đấy cho hết ngày 8 Mars.

Ngày 9 Mars, quan Toàn-quyền Phì-luật-tân từ biệt Đông-dương để sang Xiêm.

Bắt được người in truyền đơn cộng-sản. — Mồng 6 Mars quan Công-sứ Dalat đem quân lính đến khám một hàng thợ may ở Dalat thì bắt được hai người đương in truyền-singlet cộng-sản, lại bắt được cờ đỏ và các giấy-má quan-trọng nữa, những người ở nhà ấy đều bị bắt cả.

Chức đồng-lý phủ Thống-sứ. — Quan Cai-trị DOUGUET nguyên đồng-lý phủ Thống-sứ trước về Pháp nghỉ, nay lại sang tĩnh chức cũ thay quan cai-trị DELSALLE bồ chức thanh-tra chính-trị.

Việc quan châu Phúc. — Quan tri-châu Nguyễn Trần-Phúc can tội ăn hối-lộ của dân, bị tòa Thượng-thẩm Hà-nội kết án một năm tù. Quan châu Phúc xin án-xá, nhưng mới đây quan Toàn-quyền đã bác đơn xin án-xá ấy.

Một đám cướp to. — Một toán cướp chừng mươi trâm người cò khi-giời xông vào cướp một nhà phú-hộ ở làng Yên-pháp, phủ Hưng-nguyên (thuộc tỉnh Nghệ). Dân làng nghe tin đến cứu, dồn bén đánh nhau, bắt được mười người bị thương của bên cướp.

Hiếu-thị và phát bài qui-thuận. — Ngày 10 Mars, quan Tuần-vụ, quan Lãnh-binh, quan Thương-tà và quan Huyện về dồn Lai-trach, nhân ngày ấy là ngày Chợ-tòng, nhân-dân và các thân-sắc kỵ-hào đến rất đông, quan Tuần-vụ và quan Thương-tà hiếu-thị xong thì cấp phát bài qui-thuận, nhân-dân tĩnh đồng lâm.

Ngạch cai-trị. — Quan BOUCHET quan cai-trị hạng nhất hết hạn nghỉ, nay bồ làm Giám-dốc các việc hành-chính và chính-trị thay quan Giám-dốc BRIDE dời đi Quảng-châu-loan.

Hội Nữ-công đã khai giảng. — Ngày rằm tháng giêng ta hội Nữ-công ở Huế đã khai giảng, ngày ấy có nhiều học trò đến học. Hiện có dạy học chữ và học thêu kiều Tàu.

Xử việc vượt ngục ở Hòa-binh. — Ngày 10 Mars, tòa Nam-án tỉnh Phú-thọ xử việc người cai khổ xanh là Nguyễn Văn-Đệ rủ bạn tù vượt ngục làm loạn ngày 20 Décembre 1930. Khi xét xử xong thi kết án là :

3 người phải xử-tử,
4 người khổ-sai chung-thân,
12 người khổ-sai 20 năm,
1 người khổ-sai 15 năm,
6 người được trăng án.

Hành-hình sáu người tội-nhân. — Sáu người có chân trong hội Việt-Nam Quốc-dân-dâng, đã bị hội-dồng Đề-hình ở Hà-nội tháng Août 1930 kết vào tử-tội. Đến mồng 10 Mars này thi đem hành-hình bốn người ở cửa Hòa-lò Hà-nội là : Ký Con-tic là Đoàn Trần-Nghiệp, Nguyễn Văn-Nho, Lương Ngọc-Tôn và Nguyễn Quang-Chiêu. Hành-hình hai người ở trước cửa đền-lao Hải-phòng là : Nguyễn Sĩ-Chử và Phạm Văn-Tịnh.

Đạo Cao-dài dựng chùa. — Bạo Cao-dài dựng một cái chùa tại Tây-ninh (Nam-kỳ) trên một khu đất rộng năm mẫu tây. Người vẽ kiêu chùa này là ông Phạm Hữu-Kinh, chùa bè dài 146 thước, bè ngang 27 thước, bè cao 36 thước ; tiền phi-tôn dựng chùa định là 800.000 đồng. Ngày 24 Février có đến một vạn người đến lễ. Chủ-trương việc này là

ông Lê Văn-Trung cựu nghị-viên Hội đồng chính-phủ.

Ở Gia-dịnh có biếu-tinh. — Đầu tháng Mars, ở Gia-dịnh và Chi-hòa có mấy dám biếu-tinh, linh sen-dầm dẹp yên cả và bắt được 33 người.

Số lính khổ xanh ở Trung-kỳ. — Quan Toàn-quyền chiêu tờ tư của quan Khâm-sứ Trung-kỳ, định ngạch khổ-xanh ở Trung-kỳ về năm 1931 là 4.035 người.

Bắt được người Nhật và Hoa-kiều có thuốc phiện lâu. — Mới đây nhà Thương-chinh Chợ-lớn có khám nhà một người Nhật tên là Kan-ran-Sheku bắt được một số thuốc phiện lâu là 28 cân tay. Lại khám một chiếc thuyền của Hoa-kiều tên là Ma-phiêu, bắt được nhiều thuốc phiện lâu đã đóng hộp 100 phân tay cà.

Sách mới xuất-bản

— *Lịch quốc-sử.* — Soạn-giả là Nguyễn Văn-Minh. Sách dày 68 trang, in tại Đông-tây ấn-quán, 193, phố Hàng-Bông Hà-nội, giá bán 0\$20.

— *Vị-xuyên thi-văn-lập.* — Là bộ Quốc-học tùng-san của Sở-cuồng văn-khổ, Nam-kỳ thư-quán xuất-bản, giá bán 0\$30.

— *Y-thoại tung-biển.* — Vũ Thượng-Chi soạn Sách dày 48 trang, in tại nhà in Xưa-nay Nguyễn Hảo-Vĩnh, 60, 64 Bd Bonnard Sài-gòn, giá bán 0 \$ 40.

— *Kim-Vân-Kiểu diễn-giải.* — Dương Mạnh-Huy soạn. Cuốn thứ I dày 154 trang, cuốn thứ II (có phu-trương và phu-lục: Dịch múa bài thi-ca từ-khúc ra quốc-âm và thơ vịnh Kiều) dày 278 trang, in và xuất-bản tại nhà in Tin-đức thư-xã, 37, Rue Sabourain, Sài-gòn.

Nam-Phong tung-thư

(Bán ở Đông-kinh ấn-quán, mỗi quyển giá 4 hảo, ở xa tiền cước ngoài).

Dã xuất-bản :

- | | |
|---------------------------|--------|
| 1. — Văn-minh luân | 4 hảo. |
| 2. — Ba tháng ở Paris | 4 hảo. |
| 3. — Văn-học nước Pháp | 4 hảo. |
| 4. — L'idéal du Sage | 4 hảo. |
| 5. — Chính-trị nước Pháp, | |

Quyển thứ I 4 hảo.

Quyển thứ II 5 hảo.

- | | |
|--------------------------|--------|
| 6. — Khảo về tiêu-thuyết | 4 hảo. |
|--------------------------|--------|

7. — Lịch-sử thế-giới 4 hảo.

8. — Le Paysan Tonkinois 4 hảo.

Mới xuất-bản :

- | | |
|----------------------------------|--------|
| 9.—Lịch-sử và học-huyết VOLTAIRE | 4 hảo. |
|----------------------------------|--------|

Sắp xuất-bản :

- | | |
|-------------------------|--|
| 10.—Phật-giáo đại-quan. | |
|-------------------------|--|

(In lần thứ hai).

